

DC960
NG558C

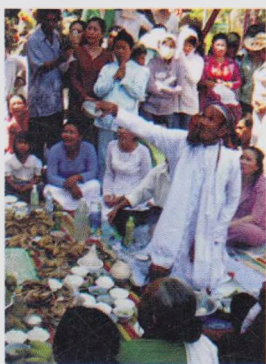
VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT NAM
TS. Hoàng Sơn (chủ biên)

Người Chu-ru Ở Lâm Đồng



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

Người Chu-ru Ở Lâm Đồng



Sách Nhà nước đặt hàng

Đ. 960
NG 558C

VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT VIỆT NAM

TS. HOÀNG SƠN (Chủ biên)

NGƯỜI CHU-RU Ở LÂM ĐỒNG

Thư viện tỉnh Lâm Đồng

DC. 640



SỞ VĂN HÓA - THỂ THAO VÀ DU LỊCH
THƯ VIỆN TỈNH LÂM ĐỒNG

PHÒNG ĐỊA CHÍ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
Hà Nội - 2009

Nhóm tác giả:

TS. Hoàng Sơn (chủ biên)

Ths. Vũ Tú Quyên

Ngọc Lý Hiền

Chu Thị Hiền

Nguyễn Trung Dũng

Đỗ Danh Huân

Phạm Cao Quý

Phạm Thị Mùi

Ảnh:

Nguyễn Anh Tuấn

Ngọc Lý Hiền

Minh họa:

Đinh Đức Tiến

Nguyễn Thiên Sơn

Phiên âm và dịch:

Jor Long Ngôn

Ngọc Lý Hiền

LỜI GIỚI THIỆU

Chu-ru là một trong năm tộc người nói ngôn ngữ Malayô-Pôlynêxia (Nam đảo) ở nước ta. Dân số Chu-ru với gần một vạn năm ngàn người đứng thứ 36/54 dân tộc ở nước ta. Đồng bào sinh sống tại các tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận (huyện Đức Linh). Ngoài tộc danh chính thức Chu-ru, cộng đồng này còn có tên gọi khác là Chơ-ru, (Chru), Kru...

Văn hoá các tộc người nhóm ngôn ngữ Malayô-Pôlynêxia nói chung và Chu-ru nói riêng mang đậm sắc thái đặc trưng với yếu tố mẫu hệ, yếu tố văn hoá biển và nhiều giá trị khác... ẩn tàng trong các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể. Văn hoá của các tộc người nhóm ngôn ngữ này đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều học giả trong và ngoài nước.

Những năm qua, trong các công trình nghiên cứu dưới góc độ văn hoá học, dân tộc học, địa chí, kinh tế - xã hội..., văn hoá Chu-ru được đề cập trên nhiều khía cạnh. Song đến nay có thể nói chưa có công trình nào mang tính chuyên khảo, dù giới thiệu sơ lược về người Chu-ru. Trong bối cảnh đó, cuốn sách *Người Chu-ru ở Lâm Đồng* của nhóm tác giả thuộc

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam do TS. Hoàng Sơn chủ biên là công trình rất đáng quan tâm.

Chúng ta biết rằng trong mấy năm qua *Chương trình mục tiêu quốc gia về Văn hoá*, Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam ra mắt một số công trình giới thiệu về các dân tộc trên các điểm nghiên cứu cụ thể (*Người Lự ở Sìn Hồ, Lai Châu - 2006, Người Mảng ở Chăn Nưa huyện Sìn Hồ, Lai Châu - 2007, Người Phù Lá ở Châu Quế Thượng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái - 2007, Người Hà Nhì ở Huổi Luông, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu - 2008...*). Đây là cách làm cần thiết, có ý nghĩa quan trọng góp phần vào nghiên cứu, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá các dân tộc thiểu số trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay.

Cuốn *Người Chu-ru ở Lâm Đồng* lần này được trình bày trên diện rộng hơn (một số huyện thuộc tỉnh Lâm Đồng, tỉnh có số đông người Chu-ru sinh sống ở nước ta). Qua ba phần của cuốn sách, chúng ta được tiếp cận *Môi trường cư trú, xã hội, kinh tế truyền thống*; các giá trị *Văn hóa vật thể và Văn hóa phi vật thể* của người Chu-ru.

Môi trường, địa bàn cư trú với điều kiện tự nhiên, các vấn đề dân cư, dân số, tổ chức xã hội cộng đồng, dòng họ gia đình cũng như hoạt động kinh tế truyền thống được phác hoạ tương đối hệ thống trong *Phần một* của cuốn sách. Người Chu ru cư trú cùng nhiều dân tộc anh em khác (Cơ ho, Mạ, Mnông, Xtiêng, Raglay...) ở vùng đất phía nam cao nguyên miền Trung đất nước, cùng gắn bó trong đấu tranh

bảo vệ độc lập dân tộc, sáng tạo và giao thoa văn hoá. Sự tổ chức và vận hành của các *ploi* (làng), các dòng họ (“quý tộc” và binh dân), các hình thái gia đình mang đậm tính mẫu hệ... được hệ thống trình bày cho thấy sức sống tiềm ẩn và mạnh mẽ của cộng đồng Chu-ru dù phải trải qua nhiều biến cố lịch sử. Có lẽ đây cũng là lần đầu tiên các hoạt động kinh tế của cộng đồng Chu-ru được trình bày tương đối toàn diện và hệ thống với các hoạt động của các loại hình kinh tế sản xuất (làm ruộng, nương rẫy, chăn nuôi...) và kinh tế chiếm đoạt (săn bắt, hái lượm). Đặc biệt người đọc cũng không khỏi ngạc nhiên khi thấy được nghề thủ công khá phong phú của cộng đồng có dân số không đông và cư trú phân tán như nghề rèn, gốm, kim hoàn, đan lát.

Các giá trị văn hoá vật thể của cộng đồng Chu-ru được trình bày trong *Phần hai* với các nội dung về ẩm thực (ăn, uống, hút...), trang phục (y phục, trang sức), nhà cửa. Trải qua thời gian và biến đổi của không gian trong quá trình di trú, cộng đồng Chu-ru vẫn giữ được những sắc thái riêng của tộc người trong lao động, sáng tạo, ứng xử xã hội, trong việc tạo ra và sử dụng các giá trị văn hoá ẩm thực, trang phục và nhà cửa. Nhóm tác giả đã cho người đọc thấy được sự nhận thức và sáng tạo của bản sắc Chu-ru qua văn hoá vật thể gắn bó mật thiết với điều kiện tự nhiên, môi trường vùng cao nguyên; gắn bó với các hoạt động kinh tế tự cung, tự cấp trong xã hội tiền công nghiệp.

Có lẽ, lần đầu chúng ta được chứng kiến một số giá trị văn hoá phi vật thể được trình bày hệ thống, khá phong phú với

các quan niệm và loại hình tín ngưỡng, luật lệ và tập quán vòng đời của một con người với tư cách là thành viên của cộng đồng, đặc biệt là những nghi lễ nông nghiệp, các biểu hiện và giá trị của văn học nghệ thuật dân gian. Các giá trị trên cho thấy Chu-ru là cư dân canh tác nông nghiệp lâu đời, có quan niệm và triết lý tâm linh đến các loại cây trồng vật nuôi nhất là cây lúa...; cộng đồng có tâm thức nhân văn sâu sắc đến thân phận đời người trong vũ trụ và cộng đồng; cư dân có nhiều sáng tạo, tâm hồn phong phú trong đời sống văn học, âm nhạc dân gian...

Khép lại những trang cuối cùng của cuốn sách, một chân dung văn hoá cơ bản của người Chu-ru được khắc hoạ đối với người đọc. **Người Chu-ru ở Lâm Đồng** qua tài liệu và suy ngẫm cùng nhóm tác giả đã cung cấp cho người đọc những thông tin, giá trị văn hoá, giá trị nhân bản. Và hơn thế nữa đây là tài liệu bổ ích không chỉ cho những ai muốn tìm hiểu về văn hoá Chu-ru mà còn là tài liệu cần thiết cho các nhà nghiên cứu, quản lý, hoạch định chính sách... trong dòng chảy của lịch sử phát triển của đất nước hôm nay.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Hà Nội, tháng 8-2008
PGS,TS. Lê Ngọc Thắng
Tổng thư ký Hội Dân tộc học
và Nhân học Việt Nam

PHẦN I

MÔI TRƯỜNG CƯ TRÚ, XÃ HỘI VÀ KINH TẾ TRUYỀN THỐNG

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

Là một tỉnh miền núi ở phía Nam Tây Nguyên, Lâm Đồng có diện tích 9.764,8km², phía đông giáp các tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận, phía tây giáp tỉnh Bình Phước, phía tây nam giáp tỉnh Đồng Nai, phía nam - đông nam giáp tỉnh Bình Thuận, phía bắc giáp tỉnh Đắk Nông và Đắk Lắk.

Lâm Đồng có địa hình phân bậc khá rõ ràng từ bắc xuống nam. Phía bắc tỉnh là vùng núi cao, vùng cao nguyên Lang Biang với những đỉnh cao từ 1.300m đến hơn 2.000m như Bi Đúp (2.287m), Lang Biang (2.167m). Phía đông và tây có dạng địa hình núi thấp (độ cao 500-1.000m). Phía nam là vùng chuyển tiếp giữa cao nguyên Di Linh - Bảo Lộc và bán bình nguyên.

Theo phân loại khí hậu, tỉnh Lâm Đồng thuộc vùng 4 của khí hậu Tây Nguyên với khí hậu nhiệt đới gió mùa. Do

địa hình phức tạp nên có sự khác nhau về độ cao và độ che phủ của thảm thực vật. Thời tiết ở Lâm Đồng ôn hoà, dịu mát quanh năm, thường ít có những biến động lớn trong năm, tuy nhiên nhiệt độ thay đổi rõ rệt giữa các khu vực, càng lên cao nhiệt độ càng giảm. Sự chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa các tháng trong năm ở từng khu vực là không nhiều, mặc dù nhiệt độ trong ngày biến đổi nhanh chóng. Với khí hậu như vậy, từ lâu Lâm Đồng đã trở thành nơi nghỉ mát và du lịch lý tưởng, đây cũng là nơi trồng và cung cấp nhiều loại hoa, rau quả cho thị trường trong và ngoài nước.

Do đặc điểm về vị trí địa lý và địa hình mà độ ẩm không khí ở các vùng trong tỉnh cũng khác nhau. Độ ẩm không khí trong các tháng mùa mưa tương đối cao. Mùa mưa ở Lâm Đồng cũng kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10, thời gian mưa chủ yếu là vào buổi chiều, thường là những trận mưa dông. Hai tháng đầu mùa mưa đôi khi có mưa đá.

Đất Lâm Đồng chủ yếu là đất xám và đất đỏ bazan phù hợp với việc trồng các loại cây công nghiệp như cà phê, chè, điều...

Lâm Đồng có ba con sông chính là sông Đa Dâng (Đa Đồng), sông Đa Nhim và sông La Ngà, các sông này thuộc hệ thống sông Đồng Nai. Phần lớn sông suối ở Lâm Đồng chảy từ hướng đông bắc xuống tây nam. Do đặc điểm địa hình đồi núi và bị chia cắt mà phần lớn các sông suối ở đây

đều có lưu vực khá nhỏ và có nhiều ghềnh thác ở thượng nguồn. Địa bàn tỉnh Lâm Đồng còn có nhiều hồ nước, phần lớn là hồ nước nhân tạo được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau.

Rừng ở Lâm Đồng được chia thành hai loại: rừng tự nhiên và rừng trồng. Theo kết quả kiểm kê năm 1999, Lâm Đồng có 618.536,82ha đất có rừng. Với diện tích rừng như vậy, Lâm Đồng còn là nơi có hệ động vật phong phú với 128 họ động vật thuộc 31 bộ gồm các nhóm côn trùng, lưỡng thê, bò sát, chim và thú, trong đó có 52 loài côn trùng thuộc 7 bộ. Nơi đây có một số loài đặc biệt quý hiếm và là một trong số rất ít địa phương ở Việt Nam được coi là còn những cá thể cuối cùng của tê giác Java (tê giác một sừng), bò xám, nai cà tong.

Lâm Đồng là nơi cư trú của nhiều dân tộc anh em:

1. Cơ-ho	112.737 người
2. Mạ	25.289 người
3. Tày	18.927 người
4. Hoa	15.229 người
5. Chu-ru	14.585 người
6. Nùng	12.000 người
7. M'nông	9.679 người
8. Thái	4.178 người
9. Mường	2.067 người

10. Raglây	989 người
11. Thổ	726 người
12. Xtiêng	256 người ⁽¹⁾

...

Ngoài các cư dân bản địa Mạ, Cơ-ho, Chu-ru và người Việt, Lâm Đồng còn là nơi cư trú của nhiều dân tộc khác (chiếm khoảng 15% tổng số dân toàn tỉnh). Trong đó, nhóm các dân tộc miền núi phía Bắc như người Thổ, Tày, Nùng, Thái, Mường, Dao... di cư đến Lâm Đồng vào hai đợt chính: đợt thứ nhất trước và sau năm 1954; đợt thứ hai di dân tự do sau năm 1975. Nhóm các dân tộc Tây Nguyên như: M'ông, Êđê, H'rê, Raglay, Xtiêng... di dân tự do vào Lâm Đồng. Người Hoa, người Khơme cũng góp mặt vào bức tranh tộc người nơi đây. Riêng người Việt có mặt ở Lâm Đồng vào những năm đầu của thế kỷ XX. Người Chu-ru cư trú chủ yếu ở tỉnh Lâm Đồng và một bộ phận ở Ninh Thuận, Bình Thuận.

II. DÂN CƯ, ĐỊA BÀN CƯ TRÚ

Người Chu-ru được xếp vào nhóm các dân tộc sử dụng ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Malayô-Polynesian (Mã Lai - Đa đảo), thứ ngôn ngữ được sử dụng trong một khu vực địa lý rộng lớn (trải dài từ đảo Poques thuộc Thái Bình Dương đến

⁽¹⁾ Số liệu thống kê năm 1999.

Madagasca và cả Đài Loan). Riêng nhóm Chu-ru cư trú ở xã Lạc Xuân, huyện Đơn Dương sống gần gũi với người Cơ-ho và có những quan hệ tộc người chặt chẽ nên nói theo tiếng Cơ-ho thuộc ngữ hệ Môn - Khơme⁽¹⁾.

So với người Mạ và người Cơ-ho, Chu-ru là tộc người bản địa ở Lâm Đồng có số dân ít nhất, khoảng 14.585 người (Tổng điều tra dân số năm 1999, tổng số người Chu-ru cả nước có 14.978). Người Chu-ru sống chủ yếu tại huyện Đơn Dương (thị trấn Thanh Mỹ, Lạc Xuân, Tu Tra, Ka Đô, Ka Đơn, Proh, Lạc Lâm) và huyện Đức Trọng (Tà Hine, Tà Năng, Đa Loan, một số ít tại Phú Hội).

Người Chu-ru cư trú trong những ngôi làng (*ploi*) nhỏ, trải dọc theo những thung lũng phì nhiêu dọc dòng Đa Nhim; hoặc các thung lũng nhỏ hẹp nhưng khá bằng phẳng của các phụ lưu dòng sông này. Làng truyền thống chỉ gồm từ 3 - 7 nóc nhà truyền thống toạ lạc trên những ngọn đồi thấp gần kề ruộng lúa. Bên trên làng là rừng, nơi mà người Chu-ru có thể canh tác thêm rẫy nhằm bổ sung nguồn lương thực, thực phẩm nhất là trong những năm đói kém, mất mùa. Địa bàn của người Chu-ru tương đối ổn định; những thay đổi về nơi cư trú hầu như không xảy ra trong lãnh địa chừng vài km²; làng truyền thống chỉ được di dời khi có những sự biến ảnh hưởng đến toàn cộng đồng (thiên tai, các

⁽¹⁾ Mạc Đường (chủ biên), *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, Sở Văn hoá tỉnh Lâm Đồng, 1983, tr.33.

nạn dịch...). Cũng giống như người Mạ và người Cơ-ho, tính địa phương ở các làng Chu-ru rất cao. Tuy vậy, các làng Chu-ru truyền thống có quan hệ bình đẳng và thân thiện (điều này có vai trò của hôn nhân và những quan hệ kinh tế). Một khu vực cư trú truyền thống trước đây chỉ gồm 2 - 5 làng, tên gọi của từng làng do cư dân Chu-ru tự gọi dựa vào đặc điểm địa hình cư trú hoặc một huyền thoại, huyền tích nào đó. Chẳng hạn, ở Proh có các làng: *Proh jú* (làng ở phía dưới, gần nguồn nước), *Proh ngó* (làng ở trên đồi), *Proh trong* (làng cà - làng này trước đây có người chết do ném trái cà trúng vào chỗ hiểm trên người); hay như ở Lạc Xuân có các làng: Dom (*Diom* - làng ở vùng cây cối um tùm), B Canh (*Kanh*, làng ở chỗ có nhiều loại cây *kanh* mọc);... Vùng cư trú của người Chu-ru (bao gồm nhiều làng) cũng có thể được người Cơ-ho - có địa vực cư trú cận kề hay đan cài - đặt tên cho họ. Trường hợp làng Proh là một ví dụ điển hình; tiếng Cơ-ho *Proh* dịch ra tiếng Việt có nghĩa là *lau sậy vùng đầm lầy*.

Căn cứ vào những khảo sát thực tế dựa vào ngôn ngữ, nhân chủng cũng như tín ngưỡng cổ truyền, Nguyễn Văn Diệu cho rằng từ thời rất xa xưa, người Chu-ru và người Chăm rất có thể có chung một nguồn gốc.

Theo số đông các cụ già (*tha plơi*) người Chu-ru ở Lâm Đồng, thì trước đây người Chu-ru vốn là một nhóm con cháu thân thuộc của người Chăm đã từng sinh sống ở vùng

đuyên hải Trung Bộ nước ta hiện nay. Nhưng khi các vua chúa Chăm gây chiến tranh với người Khome và người Việt, để phục vụ cho các cuộc chiến tranh liên miên đó, tầng lớp quý tộc Chăm đã tiến hành bóc lột những người nông dân lao động đồng tộc của mình hết sức thậm tệ. Chúng buộc họ phải vào rừng sâu tìm ngà voi (*bla*), sừng tê giác (*b'san*) và các lâm sản quý nộp cho chúng hoặc bắt họ xuống sông dãi cát tìm vàng v.v... Lại thêm nạn bắt phu, bắt lính liên miên làm cho đời sống của người nông dân lao động Chăm hết sức cực khổ. Để có thể tránh được sự áp bức bóc lột nặng nề đó, một số người buộc lòng phải rời bỏ quê hương để tìm nơi đất mới. Và chính những người di dân đầu tiên đó đã tự đặt cho mình tên gọi Chu-ru (*Cru*: những người “xâm đất”) như ngày nay ⁽¹⁾.

Người Cơ-ho nhóm Cil ở Kipranholha gọi người Chu-ru là *Ntu* (nghĩa là “chạy”) có phần liên quan đến nguồn gốc của nhóm cư dân này. Ngoài ra, họ còn được các dân tộc lân cận gọi bằng những tên gọi khác nhau như: Ca do, Kơdu, P'ôngg chàm v.v... ⁽²⁾ Người Chu-ru khi nói về mình thường dùng từ “*Chrao*” để chỉ một cộng đồng hoặc vài cộng đồng có quan hệ huyết thống, quan hệ kinh tế cùng ngôn ngữ với địa phương họ. Ở vùng An Sơn, tỉnh Thuận Hải (thuộc tỉnh

⁽¹⁾ Mạc Đường (chủ biên), Sdd, tr.272.

⁽²⁾ Mạc Đường (chủ biên), Sdd, tr.272.

Ninh Thuận ngày nay), người Chu-ru còn có tên gọi là người Chu. Đặc biệt, nhóm người Chu-ru ở vùng tiếp giáp giữa huyện Đức Trọng với huyện Đơn Dương thường được gọi là Noang hay Loang có trình độ xã hội phát triển hơn những nhóm Chu-ru khác⁽¹⁾. Trong xã hội cũ, người Chu-ru còn có tên là Mọi, Thượng. Đây là cách gọi có tính chất miệt thị của tầng lớp thống trị để chỉ các tộc người cư trú ở vùng Tây Nguyên trong xã hội cũ.

Sự biến động về địa bàn cư trú của người Chu-ru diễn ra hai lần lớn: lần thứ nhất vào khoảng những thập kỷ 60-70 của thế kỷ XX. Đây là thời điểm Mỹ - Ngụy dồn dân lập ấp; chúng buộc người Chu-ru di chuyển đến một số vùng cư trú mới hoặc dồn người Cơ-ho, người Mạ đến sống cận kề, xen kẽ với người Chu-ru (ở Pré, xã Tân Hội, Đức Trọng; Ka Đô, Đơn Dương; Tu Tra, Đơn Dương,...); lần biến động thứ hai là từ sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước: một số làng Chu-ru quay về nơi cư trú cũ hoặc được tập hợp lại theo địa bàn hành chính mới.

Sống ở khu vực tiếp giáp với người Chăm - vùng đồng bằng ven biển; người Mạ, người Cơ-ho - vùng đồi núi phía tây nên quan hệ kinh tế - văn hoá của người Chu-ru với các tộc người này đã được xác lập từ lâu và mang lại hiệu quả khá rõ đối với đời sống vật chất và tinh thần của họ. Những mặt

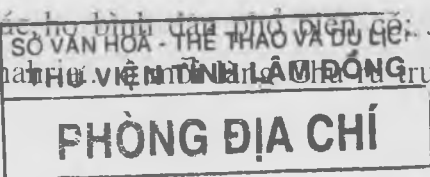
⁽¹⁾ Mạc Đường (chủ biên), Sđđ, tr.33.

trao đổi giữa người Chu-ru và các nhóm cộng đồng khác gồm: lúa gạo, các sản phẩm gốm, các tài sản chiêng, trâu bò... Ngoài quan hệ kinh tế - văn hoá, người Chu-ru còn có quan hệ hôn nhân với các cư dân bản địa Lâm Đồng khác mà chủ yếu là người Cơ-ho; chính vì vậy, ngoài khả năng nói ngôn ngữ của dân tộc mình, không ít người Chu-ru còn có thể nói thông thạo tiếng Cơ-ho, Mạ.

III. TỔ CHỨC XÃ HỘI

Làng (*ploi*), là đơn vị tổ chức xã hội cao nhất mà người Chu-ru đạt đến trong quá khứ. Mỗi làng đều có một đội ngũ những người đứng ra tổ chức, dẫn dắt người dân trong sản xuất; điều hành và điều hòa các mối quan hệ trong đời sống. Tuy nhiên, xã hội truyền thống Chu-ru chưa đạt đến sự loại biệt hoàn hảo thành các tầng lớp trong xã hội. Những người điều hành cộng đồng, hoặc nắm giữ một công việc nào đó luôn dung hòa với các thành viên còn lại trên cơ sở của tính cộng đồng và cộng cảm rất cao. Điều đó càng được củng cố bởi mối quan hệ huyết thống giữa các đại gia đình mẫu hệ.

Người Chu-ru có rất nhiều dòng họ, có những họ được cho là *quý tộc* (chức sắc trong làng truyền thống ngày xưa) và những họ thuộc diện bình dân. Những dòng họ quý tộc ngày nay chiếm dân số rất ít như các họ: Chu-ru Yang, Tu Prông.... Các họ bình dân phổ biến có: Jorlong, Bonhong, Touneh, Bnat Hơ.



ĐC 215/15

ĐC. 640/15

có từ 2-3 họ tộc sinh sống. Quan hệ giữa các tộc họ thường là quan hệ hôn nhân và đó cũng là cơ sở để xác lập quan hệ giữa làng này và làng khác (cộng đồng theo khu vực cư trú). Mặc dù mối quan hệ giữa các làng là tương đối mật thiết, được tạo lập từ cả hai phía nhằm sẻ chia những quyền lợi về sản vật, môi trường chăn thả gia súc,... Nhưng tính địa phương trong ý thức của cộng đồng dân cư làng này và cộng đồng dân cư làng khác không mấy thân thiện. Người của một làng bao giờ cũng đề cao vai trò, vị trí và phẩm chất của người làng mình, đối sánh và loại biệt với người làng khác. Điều này cũng xảy ra ngay cả với các tộc khác họ trong cùng một làng của người Chu-ru. Trong quá khứ đã có rất nhiều trường hợp hai dòng họ bất hòa, không dẫn đến chiến tranh nhưng những mâu thuẫn nảy sinh buộc một dòng họ phải tách ra cư trú độc lập. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự mâu thuẫn này thường xuất phát từ lợi ích không được giải quyết thỏa đáng giữa hai tộc họ trong quan hệ hôn nhân hoặc tang ma. Thông thường phải mất một khoảng thời gian khá dài (10-15 năm), những bất hòa mới được giải quyết thông qua vai trò của *pùla ploi*.

Mặc dù chế độ mẫu hệ được duy trì cho đến tận ngày nay nhưng điều hành mọi việc trong làng đều do người đàn ông nắm giữ ngoại trừ bà đỡ và người mai mối có vai trò nhất định trong sinh hoạt duy trì phong tục tập quán truyền thống. Những người này được gọi bằng một từ chung là *pùla*

plor (tương tự như *pàng bòn* ở người Cơ-ho và Mạ). Họ là những người gần như nắm giữ toàn bộ bí quyết liên quan đến mọi hoạt động sinh tồn của cư dân trong làng: kinh nghiệm đi rừng, săn thú, bắt chim, kinh nghiệm làm lúa ruộng, sản xuất gia cụ, nông cụ,... Uy tín và phẩm chất của họ còn được tạo lập, củng cố thông qua khả năng điều hành xã hội truyền thống Chu-ru. Họ là những người thuộc nằm lòng và có khả năng vận dụng khéo léo những chế tài, án định đã dân gian khái quát bằng những câu văn vần hàm ngôn trong việc điều hành xã hội. Dĩ nhiên, ngoài khả năng hoạt bát đó, quyền lực và sự ảnh hưởng của họ đến cộng đồng dân cư còn phụ thuộc vào một số yếu tố tâm linh khác do tín ngưỡng đa thần dân gian và quan niệm vạn vật hữu linh chi phối.

Thông thường hệ thống *pùla plor* ở một số làng Chu-ru truyền thống bao gồm: *Tha plor* - người đàn ông lớn tuổi, uy tín nhất của một tộc họ lớn; *Gonoar* - người cai quản nguồn nước; *Mé (ana lokoI lăm botiàn)* - người cậu lớn nhất của dòng họ và cả đội ngũ thầy cúng - *Bodou*... Đa phần *pùla plor* ở các làng đều được duy trì bằng hình thức cha truyền con nối; hoặc có thể được bình chọn nếu làng mới lập hoặc dòng tộc của *pùla plor* không có con trai nối dõi⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Chức vụ chủ làng không mang tính chất thế tập cha truyền con nối. Tuy vậy, nếu con của vị chủ làng có tuổi tác và tài năng, đạo đức thì người đó cũng có thể được dân làng tín nhiệm bầu làm chủ làng. Nếu một làng bao gồm

Trong các nghi thức duy trì phong tục tập quán hay thực hành tín ngưỡng truyền thống, vai trò của thầy cúng (*bodou*) là đặc biệt quan trọng. Thầy cúng vừa là người đại diện cho cả cộng đồng dân cư, vừa là người đại diện cho dòng tộc, gia đình, cá nhân khi đối diện với các thần linh. Ông ta là cầu nối nhằm tạo nên giao tiếp giữa thế giới thần linh và xã hội con người. Chính vì thế, quyền lực thần bí của thầy cúng đi liền với quyền lợi mà ông ta được hưởng thụ.

Thầy cúng là một “nghề” và người muốn làm thầy cúng phải có một số tố chất bẩm sinh và phải học những thầy cúng cao niên khác. Đối với một làng Chu-ru truyền thống, thầy cúng gần như là một tầng lớp riêng biệt mặc dù họ vẫn phải lao động để nuôi sống gia đình và bản thân. “Đội ngũ” của họ gồm: một thầy đứng đầu (tạm gọi là thầy *trưởng*), 1-2 thầy phó và vài người phụ lễ. Họ phải thực hành một chế độ “kiêng cử” không giống với người bình thường (kiêng không ăn thịt mỡ, không ăn một số vật lễ cúng tế,...). Trong những nghi lễ cúng tế, thầy cúng là những người được chia nhiều quyền lợi vật chất hơn cả. Thực hiện xong một *cuộc giao tiếp với thần linh*, họ thường được *trả công* bằng những vật lễ truyền thống rất có giá trị như: chuối cườm, nhãn bạc,... kèm theo một đôi trâu, một đôi heo hay chí ít là nửa con gà.

nhiều dòng họ cùng cư trú thì chức vụ chủ làng thường thuộc về dòng họ lớn nhất trong làng. (Mạc Đường (chủ biên), Sdd, tr. 279).

ít trường hợp người làm mối thiên vị nhằm đạt được quyền lợi cá nhân.

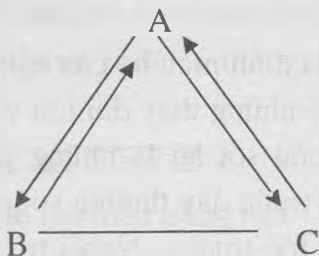
Gonoar - người cai quản nguồn nước, ở một số nơi gọi là trưởng thủy (*pôea*), thường do dân làng bầu chọn có độ tuổi từ 50 đến 70, có nhiều kinh nghiệm trong việc dẫn nước vào đồng ruộng, và trên hết là người công bằng trong việc phân chia nước từ các mương nước công cộng đến từng thửa ruộng của mọi gia đình trong làng. Ông cũng là người có trách nhiệm trong việc báo cáo và đề nghị với chủ làng huy động nhân lực để tu bổ, sửa chữa các công trình thủy lợi chung của cả làng trước vụ mùa mới. Cũng như thầy cúng, *gonoar* vẫn phải lao động như mọi thành viên khác trong cộng đồng, tuy nhiên số ruộng đất của ông ít hơn mọi người do phải trông coi việc cung cấp nước cho ruộng đất của cả làng. Như một sự đền đáp cho công sức của *gonoar*, hàng năm mỗi hộ trong làng phải đóng góp cho ông một lượng lương thực nhất định⁽¹⁾.

Ở mỗi làng đều có những người phụ nữ trông nom việc sinh đẻ của cộng đồng, đó là những người có kinh nghiệm giúp đỡ cho sản phụ trong những ngày sinh nở và được dân làng tin tưởng, trông cậy.

Người Chu-ru theo chế độ mẫu hệ. Dòng tộc được xác lập trên cơ sở quan hệ hôn nhân, một gia đình truyền thống

⁽¹⁾ Mạc Đường (chủ biên), Sdd, tr.280.

thường tương ứng với một dòng họ - đại gia đình mẫu hệ (con cái mang họ mẹ). Có thể sơ đồ hoá đại gia đình mẫu hệ của người Chu-ru như sau:



Trong đó:

Biểu hiện quan hệ hôn nhân.



Biểu hiện quan hệ trong gia đình.

A gọi C là *Ana goh* (nhóm nữ)

B và C gọi A là *dăm dei* (anh em trai của nhóm nữ)

A gọi B là *ung rông* (những người rể của gia đình)

Địa vị người phụ nữ trong đại gia đình mẫu hệ được coi trọng hơn hẳn nam giới. Mặc dù người đàn ông giữ vai trò chính trong các hoạt động xã hội, sản xuất và chiến đấu nhưng mọi sinh hoạt của gia đình đều tập trung dưới sự điều khiển của bà chủ nhà - người đứng đầu nhóm nữ, là người thuộc thế hệ cao tuổi nhất và có uy tín nhất. Khi bà qua đời hay đã già yếu không quán xuyến nổi công việc gia đình,

chức vị chủ gia đình sẽ được truyền lại cho cô con gái út (minorat). Nếu người con gái út còn nhỏ không đảm đương được trọng trách cai quản gia đình thì người con gái cả sẽ thay em cho đến khi cô em út có thể làm chủ gia đình ⁽¹⁾.

Đến nay, đại gia đình mẫu hệ của người Chu-ru đã hoàn toàn tan rã cùng với những thay đổi lớn về kinh tế - xã hội - văn hoá. Dấu vết còn sót lại là những gia đình nhỏ trong cùng một dòng tộc trước đây thường sống quây quần quanh gia đình của người tộc trưởng. Ngoại trừ cách thức tổ chức cư trú đã bị biến đổi này, mối quan hệ giữa các gia đình nhỏ với nhau và với gia đình tộc trưởng gần như không có gì thay đổi. Họ vẫn tập hợp tại một khu vực cư trú, tuy đã tách biệt về kinh tế nhưng những mọi việc từ lớn đến nhỏ trong gia đình, dòng tộc đều có sự tham gia tổ chức, điều tiết của các thành viên có vai vế truyền thống.

IV. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ

1. Nông nghiệp

Chu-ru là cư dân trồng lúa nước, không như các nhóm cư dân bản địa Lâm Đồng canh tác nương rẫy. Người Chu-ru coi cây lúa nước (*bođai*) là cây lương thực chính. Trong một vụ canh tác, lúa tẻ (*bođai*) bao giờ cũng chiếm diện tích nhiều hơn so với lúa nếp (*bođai diou*); nhưng không được phép thiếu lúa nếp vì gần như lúa nếp là thứ cây

⁽¹⁾ Vũ Đình Lợi, *Gia đình và hôn nhân truyền thống ở các dân tộc Malayô - Polynexia Trường Sơn - Tây Nguyên*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr.31.

cung cấp gạo - cơm phục vụ các hoạt động duy trì tín ngưỡng đa thần truyền thống của họ. Dựa vào đặc điểm và chất lượng hạt gạo mà người Chu-ru lại chia lúa tẻ ra nhiều giống khác nhau. Có hai giống lúa được gieo trồng trong một mùa vụ: lúa 3 tháng và lúa 6 tháng. Các giống lúa tẻ 6 tháng gồm:

- *Bodai kothum*: lúa tẻ hạt đỏ
- *Bodaikó*: lúa tẻ hạt màu trắng ngà
- *Bodai ana*: lúa tẻ bị pha tạp nhiều giống khác nhau

Các giống lúa 3 tháng gồm: *bodai bring* và *bodai joác*.

Từ lâu người Chu-ru đã biết biến chăn nuôi thành một hoạt động hỗ trợ tích cực cho hoạt động canh tác nông nghiệp. Các loại gia súc lớn như trâu, bò, ngựa ngoài dùng vào việc hiến sinh còn mang lại nguồn lợi về sức kéo, phân bón. Họ đã biết chế tác các dụng cụ sản xuất như cày (*longar*), bừa (*sokām*) bằng chất liệu gỗ hay kim loại. Mùa lúa thường được bắt đầu khi tháng *Blan pus* kết thúc (khoảng tháng 2-3 dương lịch). Ruộng cày xong, bừa qua hai hay ba lần, ngâm nước khoảng một tháng thì xạ lúa. Một vụ lúa người Chu-ru phải làm cỏ 2-3 lần. Khi lúa chín, họ dùng liềm cắt, gom thành những đống lớn, cho trâu giẫm và gùi lúa về nhà trong những chiếc gùi lớn. Thời gian này, mọi sinh hoạt hầu như diễn ra ngoài đồng, trong những chiếc lều làm bằng rơm mới; có những năm trúng mùa, họ phải mất 2-3 tháng mới mang hết lúa về nhà.

Cư dân Chu-ru chia ruộng theo mảnh (*ló homa*). Một gia đình mỗi vụ có thể canh tác từ 10 mảnh trở lên. Do bị chia cắt bởi địa hình nhiều đồi núi, một mảnh thường có diện tích khoảng 1.000km² nhưng không liền khoảnh mà phải ở hai - ba nơi cách xa nhau một vài km. Những mảnh ruộng ở cùng một nơi của một gia đình - dòng tộc gọi là *bí homa*. *Bí homa* tập hợp từ 10 - 30 *ló homa*, mỗi *ló homa* được phân tách nhau bởi các *aroló* (tương tự như *bờ thửa* của người Kinh). Căn cứ vào địa hình canh tác, người Chu-ru chia ruộng ra làm ba loại:

- *Homa polúng*: đây là những mảnh ruộng nằm ở vùng đất sinh lầy, thấp nước nhất và cho năng suất lúa ổn định nhất.

- *Homa kochó*: ruộng cao, gần chân núi (*chó* trong tiếng Chu-ru là *núi*). Diện tích ruộng *kochó* được thu hẹp hoặc mở rộng tùy thuộc vào lượng mưa hàng năm vì hệ thống thủy lợi sơ khai của người Chu-ru chưa cho phép họ duy trì việc cung cấp nước ổn định cho những chân ruộng cao.

- *Homa rơngong*: ruộng bậc thang dọc theo những dòng suối nhỏ (*rơngong* trong tiếng Chu-ru nghĩa là *lưng chừng*).

Người Chu-ru rất chú trọng công tác thủy lợi. Hệ thống: đập nước, mương lớn, mương phụ dẫn nước vào ruộng của từng gia đình, dòng tộc và của cả làng thường xuyên được tu sửa, cải tạo, nâng cấp. Họ thường đắp đập bằng cách

dòng đất, đá, gỗ chặn một đoạn suối, một nhánh sông để dự trữ và chủ động nguồn nước tưới. Người Chu-ru chia đập nước ra làm ba loại:

- *Bonuth ia*: đập lớn được đắp ngay phía trên khu vực canh tác nhằm dự trữ và cung cấp nước cho toàn bộ diện tích ruộng tại khu vực đó.

- *Bonuth tam*: loại đập này có quy mô nhỏ hơn *bonuth ia* và nằm phía dưới dòng chảy từ *bonuth ia* nhằm cung cấp nước cho diện tích ruộng của một làng (nếu nhiều làng cùng canh tác tại một khu vực), hoặc một tộc họ (nếu khu vực canh tác chỉ thuộc quyền sở hữu của một tộc họ).

- *Chăn*: đây là những đập nước nhỏ, dẫn nước vào ruộng của từng gia đình.

Để dẫn nước từ các đập vào ruộng, người Chu-ru tạo ra hệ thống mương nước theo ba cấp độ:

- *Robong*: mương dẫn nước từ đập chính ra ngoài.

- *Robong ana*: mương lớn dẫn nước từ *bonuth tam* đến các đập nhỏ (*chăn*).

- *Robong bojoa*: mương dẫn nước từ *chăn* vào từng mảnh ruộng.

Việc chia công trình thủy lợi ra ba cấp độ như trên rất thuận tiện cho việc quản lý và khai thác nguồn nước trong một khu vực canh tác. Quyền lợi và trách nhiệm của từng cá

nhân, gia đình, dòng tộc và cả làng đối với công tác thủy lợi vì vậy mà được phân định một cách tương đối rõ ràng. Theo đó, đối với *bonuth ia*, mọi người trong cộng đồng cùng có trách nhiệm chăm lo công tác thủy lợi và cùng nhau chia sẻ lợi ích do công trình mang lại; *bonuth tam* và *chăn* thuộc quyền quản lý và khai thác của dòng tộc, gia đình.

Mặc dù đã rất cố gắng trong việc tạo ra những thuận lợi để canh tác lúa nước nhưng, phương thức canh tác truyền thống của người Chu-ru vẫn chủ yếu phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên năng suất lúa không ổn định. Tình trạng thiếu ăn vào những tháng giáp hạt không đến nỗi trầm trọng như ở các tộc người Mạ, Cơ-ho nhưng cũng không phải không xảy ra. Và khi ấy rẫy và rừng có một vai trò hết sức quan trọng.

Không *chuyên nghiệp* như người Mạ, người Cơ-ho nhưng phát rừng làm nương là một hoạt động quan trọng của người Chu-ru. Diện tích rẫy của từng gia đình phụ thuộc vào lượng lúa ruộng ước định sẽ thu hoạch được trong một mùa vụ. Rẫy thường cách không xa nơi cư trú và người Chu-ru không chỉ phát rừng thứ sinh, họ còn phát cả rừng cây lớn nếu có nhu cầu mở rộng diện tích canh tác. Họ chia rẫy ra làm hai loại:

- *Apuh*: rẫy phát và canh tác năm đầu tiên
- *Kosor*: rẫy canh tác từ năm thứ hai trở đi.

Rất có thể do thu nhận được kỹ thuật canh tác rẫy của

các nhóm cư dân Môn Khơ me lặn cư mà người Chu-ru cũng theo quy trình *phát - đốt - chọc - trỉa* và trồng lúa cùng với rất nhiều loại hoa màu khác như: bắp, bầu, bí, mướp, ớt, rau, đậu, khoai, sắn... Thông thường, người Chu-ru canh tác rẫy trong 2-3 năm liên tiếp. Khi nhận thấy đất đã bạc màu, các loại cây trồng kém phát triển, năng suất thấp, họ lại tiến hành phát rẫy ở khu vực khác. Như vậy, đối với người Chu-ru, rẫy là một hình thái kinh tế phụ quan trọng bên cạnh canh tác ruộng - một hoạt động mang tính thời vụ cao.

2. Săn bắt, hái lượm

Mùa lúa, công việc đồng áng nặng nhọc do người đàn ông đảm nhận là chính; đêm xuống họ còn tranh thủ đặt *lờ* bắt lươn, bắt cá. Người Chu-ru bắt cá theo nhiều cách khác nhau, một trong số đó là dùng một loại rễ cây giã nhỏ, hoà vào nước suối, cá trên một đoạn suối bị ngấm nhựa từ rễ cây bắt tỉnh nổi lên, người ta chỉ việc nhặt chúng để chế biến thức ăn. Phụ nữ và trẻ nhỏ thì dùng rỏ xúc tôm, cá hoặc tát cá...

Những tháng nông nhàn, đàn ông Chu-ru lên rừng săn bắt thú. Họ là những người có nhiều kinh nghiệm trong việc làm tên thuốc độc và các loại bẫy thú rừng. Các con vật được săn bắt bằng cách dùng bẫy hoặc nã gồm: heo, nai, đò, khỉ, chồn và các con vật nhỏ khác. Hình thức đi săn tập thể thường được tổ chức ở nhiều làng, ngày nay đi săn không còn phổ biến nữa.

Hái lượm, công việc dành cho những người phụ nữ. Rau rừng và rau ruộng chiếm một phần lớn trong số các món ăn gồm các loại: *grăn, t'roglai, nam biê*, (rau rừng); *toduh choré, adoh kul*, (rau ruộng). Măng và một số hoa quả dại cũng là loại thức ăn thường dùng. Các loại củ rừng như củ chup, củ mài được sử dụng như nguồn lương thực chính cho những khi mất mùa, những năm đói kém. Người Chu-ru còn thu hái các loại lâm sản như: mộc nhĩ, nấm hương, mật ong, sa nhân v.v... Nhìn chung kinh tế săn bắt và hái lượm là một hoạt động giữ một vị trí quan trọng trong đời sống truyền thống của cư dân Chu-ru cung cấp một lượng lớn lương thực, thực phẩm bổ sung cho bữa ăn của mỗi gia đình.

3. Chăn nuôi

Chăn nuôi là một hoạt động hỗ trợ đắc lực cho trồng trọt và các hoạt động văn hoá phi vật thể khác. Giống như người Mạ và người Cơ-ho, người Chu-ru ít dùng vật chăn nuôi vào ẩm thực thường nhật mà chỉ sử dụng chúng trong những nghi lễ của cộng đồng, nghi lễ vòng đời và nhất là nghi lễ nông nghiệp. Gia súc được nuôi nhiều nhất là trâu, heo, ngựa, dê. Trâu thường được dùng làm sức kéo trong canh tác nông nghiệp, ngựa dùng để chuyên chở hàng hoá. Người Chu-ru nuôi trâu theo phương thức thả rông nhưng khác người Mạ và người Cơ-ho, họ thả rông theo mùa, nghĩa là một năm trâu tự lên rừng kiếm ăn trong 6 tháng (mùa lúa),

những thánag còn lại chúng được lùa về chẵn thả trên những cánh đồng, tối đến được lùa về chuồng trại; làm như vậy, người Chu-ru đã không những tận dụng được sức kéo của gia súc mà còn lấy phân bón ruộng... Đại gia súc là tài sản có giá trị nhất của gia tộc, đồng thời là vật ngang giá trong trao đổi mua bán đất đai và các tài sản khác như chiêng, ché,...

Ngoài các con vật lớn, họ còn nuôi các loại gia cầm như gà, vịt,... Các loại gia cầm chủ yếu để thết đãi khách và hiến sinh trong các nghi lễ cúng tế nhỏ.

4. Nghề thủ công truyền thống

a. Nghề rèn sắt (tĩa tuh)

Tuy có nghề rèn sắt nhưng các dụng cụ sản xuất của người Chu-ru lại chủ yếu được làm bằng gỗ như cày gỗ, bừa gỗ,... Nếu như ở người Mạ và người Cơ-ho (không phân biệt nhóm tộc) nghề rèn sắt thường chịu những quy định liên quan đến phong tục tập quán thì, ở người Chu-ru, nghề rèn chỉ là một hoạt động sản xuất bình thường nhằm chế tạo ra những sản phẩm sinh hoạt như các loại dao, xà gạc,... Các loại dụng cụ gắn với sinh hoạt lễ hội như lao ăn trâu, xà gạc nghi lễ không quy định một quy trình sản xuất riêng biệt với những kiêng cử nghiêm ngặt. Trong các nghi lễ hiến tế trâu của họ, lao hoặc xà gạc chỉ mang tính chất tượng trưng, không trở thành một dụng cụ thao tác hành lễ như ở người Mạ và người Cơ-ho.

Phương thức chế tác các gia cụ bằng sắt của người Chu-ru không khác mấy so với người Cơ-ho và người Mạ. Đầu tiên là nung chảy quặng nguyên liệu, tạo phối với nhiều kích cỡ khác nhau; sau cùng là sử dụng các loại công cụ như đe, búa, kìm,... để rèn phối nguyên liệu thành các dụng cụ, gia cụ. Nghề rèn sắt ở người Chu-ru hiện nay đã mai một.

b. Nghề làm đồ gốm (krangoh hay pāk goh)

Trong các tư liệu về văn hóa Chu-ru từ trước đến nay, làng Krangoh vẫn được biết đến với tư cách là chủ nhân của nghề gốm Chu-ru nhưng tư liệu điền dã của chúng tôi cho thấy một khía cạnh nhạy cảm khác liên quan đến thành phần dân tộc của cộng đồng cư dân ở Krangoh. Hiện nay, làng Krangoh có khảng 150 hộ (trên 1000 khẩu) là cư dân bản địa sinh sống. Chiếm đa phần trong tổng số đó tự nhận mình là người Cơ-ho. Thực tế trong hộ khẩu và chứng minh nhân dân của họ, mục *dân tộc* đều ghi là “Dân tộc: Cơ-ho”. Các khía cạnh văn hóa tộc người khác lại càng cho thấy sự hỗn giao rất phức tạp giữa văn hóa Chu-ru và văn hóa Cơ-ho ở Krangoh. Các cộng đồng tự nhận mình là người Chu-ru trong vùng cư trú này cũng không thừa nhận người ở Krangoh là người đồng tộc. Dĩ nhiên, mục đích của công trình này không nhằm giải quyết vấn đề vừa nêu mặc dù, đây là một thực tế không thể phủ nhận. Và, vì những hạn chế đó, chúng tôi khảo tả về nghề gốm tại Krangoh với tất

cả những gì đã thu nhận được trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình đi trước.

Trong khoảng gần 30 thôn có cư dân Chu-ru sinh sống trên đất Lâm Đồng, nghề làm đồ gốm chỉ được duy trì và phát triển ở Krangoh (Pró - Đơn Dương). Từ “goh” trong tiếng Chu-ru nghĩa là *xoong nồi* nói chung.

Nghề gốm ở đây không phát triển cao như nhiều nơi khác trong nước, nhưng nó “có mặt ở hầu hết mọi nơi”⁽¹⁾. Trong những buôn làng của các dân tộc Chu-ru, Ê đê, Giẻ triêng, Xơ đăng, Ba na là nơi nghề thủ công truyền thống này phát triển tới trình độ khá cao, sản phẩm đã được ưa thích và trở thành hàng hoá tiêu thụ trong một thị trường trên diện rộng⁽²⁾. Tiêu biểu nhất trong số đó, dân tộc Giẻ - Triêng ở làng Giẻ, Đăk Pét (Đăk Glêi - Kon Tum) và dân tộc Chu-ru ở làng Krangoh, xã Próh (Đơn Dương - Lâm Đồng), là những làng nổi tiếng về nghề gốm cổ truyền, từng là một trung tâm sản xuất gốm của Tây Nguyên, nơi “đã cung cấp sản phẩm cho hầu như toàn bộ cư dân Bắc Gia Lai - Kon Tum”⁽³⁾.

Krangoh có diện tích khoảng 120 ha, là làng chuyên

⁽¹⁾ Viện Dân tộc học - *Các dân tộc ít người ở Việt Nam* (các tỉnh phía Nam), Nxb. KHXH, II. 1984, tr.49.

⁽²⁾ Đặng Nghiêm Vạn, *Đặc điểm những hoạt động sản xuất cổ truyền của những cư dân Tây Nguyên*, Dân tộc học, số 4/1979, tr. 16 - 17.

⁽³⁾ Viện Dân tộc học - *Các dân tộc ít người...*, tập II, Sdd, tr. 278.

nghề gốm khá điển hình của người Chu-ru ở Prók. Ngay tên làng cũng phản ánh điều đó (tiếng Chu-ru Krangoh có nghĩa là nôi gốm). Không biết cái tên có từ bao giờ, chỉ biết rằng ở đây đồng bào làm một số loại hình gốm đất nung như nôi, lu, bát, đĩa... nhưng chủ yếu vẫn là nôi đất các loại.

Trước năm 1975, trong làng ai cũng biết làm gốm, nhưng hiện nay chỉ còn khoảng hơn chục nhà làm thường xuyên. Đối với người Chu-ru, công việc làm gốm không phải diễn ra quanh năm như các cơ sở sản xuất hay làng gốm của người Việt. Việc làm gốm ở Krangoh chủ yếu diễn ra vào những tháng mùa nắng khi công việc đồng áng đã bớt bận rộn. Hơn nữa, điều kiện thời tiết, khí hậu vào mùa mưa không cho phép người thợ tiến hành một số công đoạn của nghề này.

Với sự khéo léo, sự tinh tế, phụ nữ luôn giữ vai trò đặc biệt trong nghề gốm ở bất cứ làng gốm nào của người Việt cũng như của các dân tộc khác, song vai trò ấy, tùy từng nơi có mức độ khác nhau. Ở Krangoh, phụ nữ Chu-ru đảm nhiệm chính tất cả các công đoạn phức tạp của nghề gốm, đàn ông chỉ giúp việc chuẩn bị nguyên nhiên liệu, tức là lấy đất và củi về.

Về cơ bản, quy trình làm gốm cổ truyền của đồng bào Chu-ru ở đây, từ khâu chuẩn bị nguyên liệu đến tạo hình, tu sửa sản phẩm và nung chín khá giống với quy trình chế tạo gốm của người Chăm ở Trung Bộ và người Khơ Me ở Nam Bộ.

* Công cụ làm gốm

Chưa biết sử dụng bàn xoay là một trong những đặc điểm nổi bật của nghề gốm ở dân tộc Chu-ru. Để tạo ra sản phẩm, người làm gốm Chu-ru có những công cụ lao động cần thiết, đó chỉ là những công cụ thô sơ, đơn giản, phần lớn chưa chuyên dụng, nhưng qua nhiều thế hệ, họ đã tạo nên bộ công cụ tương đối hoàn chỉnh, từ công cụ lấy đất, giã đất, sàng đất, công cụ tạo dáng, xử lý bề mặt đến những công cụ tạo hoa văn trang trí.

+ Bộ công cụ làm đất:

- Công cụ lấy đất:

Phal tit, trông giống như chiếc thuổng của người Việt, cán dài 70cm, lưỡi làm bằng sắt, dài 20cm, một đầu mài sắc tạo lưỡi, đầu kia được bóp nhỏ thành hai cạnh để lắp cán vào giữa.

Đet, là một thanh sắt tròn, một đầu được dũa nhọn, dài 80cm, tương tự như xà beng của người Việt, dùng để thăm dò luồng đất.

- Công cụ giã đất:

Chày (*tơơ nang*) được làm bằng một số loại gỗ cứng, dài khoảng 120 - 150cm, đường kính chừng 4 - 5cm, hai đầu được đẽo tròn.

Cối giã đất (*sung* - Chu-ru; *mơpal* - Cơ-ho), là một khúc gỗ tròn, đường kính 60cm, cao 70cm, một nửa được khoét

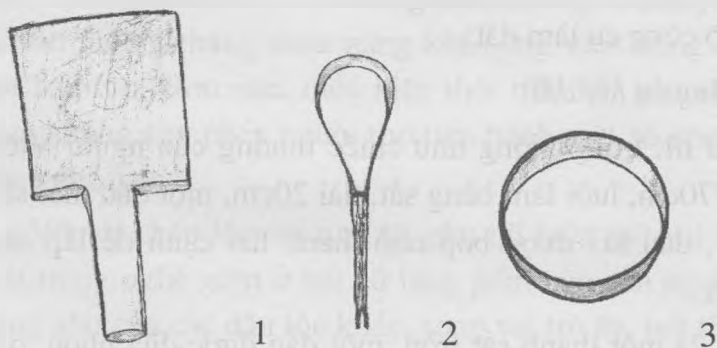
rỗng, giã đất cũng tương tự như giã thóc, một đến hai người có thể giã chung một cối.

- *Công cụ sàng đất và nhào trộn nguyên liệu:*

Conel, trông như một chiếc rổ, có mắt lưới nhỏ (0,4 - 0,6cm), dùng để lọc hết các tạp chất có trong đất.

Kdông - dụng cụ nhào đất, được đan bằng lồ ô, là một cái nia cỡ nhỏ hình lá đề, dài 70 - 78cm, rộng 65 - 67cm.

+ Bộ công cụ tu chỉnh sản phẩm:



1. Bàn đập

2-3. Bàn nạo

Công cụ tạo dáng và tu sửa, trang trí của người Chu-ru gồm có:

Bàn đập (*toronap*), đó là một mảnh gỗ rộng 10 cm, dài 20cm, dày 1cm, có tay cầm ngắn và mặt rộng hình chữ nhật.

Bàn nạo (*conul*), làm bằng cật tre hoặc bằng tôn, uốn tròn, giống như chiếc vòng, bản mỏng và rộng 2 - 2,5cm, đường kính khoảng 5 - 10cm.

Quả tràm (*play canh*), hơi tròn, màu nâu tím, có kích thước 5-6 x 2-3cm.

Mảnh vải nhỏ (*suté*) dùng để miết cho bề mặt sản phẩm được nhẵn.

Thanh tre vót nhọn một đầu hoặc thanh tre có nhiều rãnh kiểu răng lược (*rèng*), để tạo ra những đường khắc vạch hoặc in chấm.

*** Kỹ thuật làm gốm:**

Quá trình làm gốm diễn ra trong nhiều ngày và qua nhiều công đoạn khá nặng nhọc. Đầu tiên, những người thợ giỏi nghề cùng vài người trong gia đình đi lấy đất sét. Đối với các dân tộc cư trú ở Trường Sơn - Tây Nguyên, nguồn đất sét để làm gốm rất hiếm, nếu có thì lượng cát trong đất khá cao. Do vậy sản phẩm của họ thường thô, dày, vì vậy nghề gốm cũng kém phát triển. Người Chu-ru thường khai thác nguồn đất ở những chân núi thấp, gần cánh đồng hoặc đầm hồ. Đất làm gốm của người Chu-ru là loại đất sét xốp, có màu nâu vàng tự nhiên (*ucolé*), tuy nhiên hàm lượng cát trong đất khá cao, độ dẻo thấp, hạt không được mịn, dễ tan trong nước, do vậy sản phẩm rất dễ bị vỡ. Điều đặc biệt ở Krangoh là người dân nơi đây phải xin đất làm gốm của chủ đất ở buôn Krăng Chớ (bên cạnh làng Krangoh) và mỗi năm họ phải trả cho chủ đất từ 1 đến 3 sản phẩm gốm đẹp nhất. Nếu gia đình người chủ đất có người chết thì người thợ gốm

Krangoh phải làm lễ mang đến nhà chủ đất, làm lễ xin đất, rồi mới được ra khu vực lấy đất. Lễ vật thường có: 1 con gà trống và 1 con gà mái, 4 quả trứng, 1 ché rượu, trâu cau. Sau khi chủ đất đọc lời khấn và bài kinh cầu nguyện (gia đình chủ đất theo đạo Thiên chúa), một người cắt tiết gà và đặt bát tiết lên ban thờ. Sau buổi lễ, gà được mang đi luộc, chủ đất sẽ mang sang nhà mả. Cuối buổi lễ, người đến xin đất rót rượu cần ra bát và mời tất cả thành viên trong nhà chủ đất. Người Krangoh cho rằng nếu không làm như vậy sản phẩm gốm của họ sẽ không bao giờ được lành lặn, sản phẩm không đẹp, thợ làm gốm sẽ bị ốm yếu.

Với kinh nghiệm đã được tích lũy, họ chọn được nguyên liệu *ung ý* mang về nhà phơi từ 2-3 nắng cho đất khô đều. Người ta gom đất nguyên liệu thành từng đồng nhỏ rồi dùng một gậy dài đập nhuyễn. Đập đất là công việc khá nặng nhọc đối với phụ nữ. Vì vậy, công đoạn này về sau được "cải tiến" bằng cách cho đất vào cối, hoặc một vật bền chắc nào đó và dùng chày giã đất. Đất nguyên liệu sau khi giã xong dùng sàng, sàng lấy bột mịn. Bột đất mịn có thể được cất giữ sử dụng dần hoặc chuyển ngay sang công đoạn tiếp theo: trộn nước, đập, nhào qua nhiều lần và tạo tác sản phẩm⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Với người Chăm ở Bầu Trúc (Ninh Phước, Ninh Thuận), đất làm gốm được chuẩn bị như sau: đất sét được đập thành những cục nhỏ, phơi khô, loại bỏ các tạp chất sỏi đá rồi cho vào hố đất ngâm với nước trong khoảng 12 giờ. Cát

Cách thức tạo sản phẩm gốm ở Krangoh là không dùng bàn xoay (tương tự như người Chăm và cả người Kinh ở Bình Dương khi chế tác các loại lu đựng nước có đường kính lớn). Người thợ đặt phôi gốm trên một vật cố định (gốc cây hoặc tấm ván) dùng hai tay và những bước di chuyển đều đặn vòng quanh phôi gốm tạo tác sản phẩm. Bất kì một sản phẩm gốm nào ở Krangoh, phần thân trên của sản phẩm cũng được làm trước⁽¹⁾. Khi thân trên của sản phẩm đã hong khô qua vài nắng và đạt độ bền chắc nhất định, người thợ mới tạo thân dưới của sản phẩm bằng cách: chấp/nối phần thân dưới (được làm riêng rẽ, nếu là những sản phẩm có đường kính lớn); thêm đất nguyên liệu trực tiếp vào thân

được sàng lọc kỹ và lượng cát pha cũng tùy thuộc vào hình dáng kích thước của sản phẩm gốm.

Ở người Giê - Triêng, đất sét sau khi lấy về được xới toi, nhặt hết sỏi đá... rồi cho vào cối giã, vừa giã vừa chế thêm nước.

Cách xử lý đất của người Chu-ru, hay người Giê - Triêng, người Chăm hoàn toàn khác với các cơ sở hay làng nghề gốm truyền thống của người Việt. Chẳng hạn ở làng gốm Bát Tràng, để xử lý đất, người ta phải dùng *hệ thống bể chứa*, bể thứ nhất là *bể đánh*, dùng để ngâm sét khô trong nước từ 3 - 4 tháng, đất sét dưới tác động của nước sẽ bị phá vỡ kết cấu hạt nguyên thủy và bắt đầu quá trình phân rã. Đất đã chín trong bể này được đánh thật toi, nhuyễn, thành thứ dung dịch lỏng và được tháo xuống bể thứ hai - *bể lắng*, tại đây đất sét lắng dần xuống, tạp chất nổi lên được loại bỏ đi, người ta múc thứ dung dịch như hồ loãng sang *bể phơi*, tại đây đất được phơi ba ngày, sau đó đất được đưa sang *bể ủ*, ôxít sắt, tạp chất và chất sắt cùng bị khử triệt nhiều hơn, giữ đất trong bể ủ càng lâu càng tốt.

⁽¹⁾ Người Chăm ở Bầu Trúc cũng như người Thái ở Mường Chanh thường làm gốm từ phần đáy của sản phẩm lên. Nhưng người Chăm không làm đáy sản phẩm trước như người Thái mà làm đáy sản phẩm sau khi đã hoàn thiện thân sản phẩm.

trên và tạo đáy sản phẩm (đối với những sản phẩm có kích cỡ nhỏ).

Người thợ dùng mảnh vải nhỏ thấm nước vuốt nhẹ nhàng vòng quanh miệng và thân tạo nên độ nhẵn ban đầu cho mặt ngoài sản phẩm, rồi một tay đỡ bên ngoài, một tay cầm bàn nạo (*conul*) nạo bớt những chỗ dày bên trong nổi để thành gốm có độ dày mỏng tương đối đều, nhẵn (khoảng 0,4 cm). Để cho sản phẩm nhẵn, bóng, đẹp, tay trái đỡ phía trong nổi, tay phải cầm *play căn* miết nhẹ lên mặt ngoài của nổi cho tới khi nhẵn bóng và tạo thành những rãnh mờ đều đặn.

Sau khi tạo tác hoàn chỉnh, các sản phẩm thô phải phơi qua 2-3 nắng. Những sản phẩm nào đạt tiêu chuẩn (không bị nứt, cong, vênh) sẽ chuyển sang công đoạn cuối cùng: nung gốm.

Người Chu-ru không nung gốm bằng lò cố định hay đúng hơn họ chưa phát triển tới kỹ thuật lò nung như của người Việt mà sản phẩm gốm thường được nung bằng phương pháp nung cổ truyền - nung lộ thiên, một phương pháp được coi là cổ xưa của loài người. Sản phẩm mộc khi nung được tiếp xúc trực tiếp với lửa không cần bao nung như ta thường thấy ở các lò gốm hay cơ sở sản xuất gốm của người Việt như: Bát Tràng, Phù Lãng, Mạo Khê... Nơi được chọn để nung gốm thường là những mảnh đất bằng, rộng ở trên sân nhà hay góc vườn, thường là những nơi

khuất gió, xa mái tranh, xa rừng cây vừa tập trung nhiệt độ nung cho sản phẩm, vừa đề phòng hoả hoạn.

Củ nung gốm được chọn cẩn thận, đó là những loại củ vừa dễ cháy nhưng cháy chắc và đượm than toả ra nhiều nhiệt để nung gốm.

Mọi công việc đã chuẩn bị hoàn tất, đốt củ để nung gốm trở thành khâu quan trọng nhất, quyết định sự thành công hay thất bại của sản phẩm. Ở khâu nung người phụ nữ vẫn giữ vai trò chủ đạo. Họ rất có kinh nghiệm cân đối định lượng củ và hàng mộc, cũng như cách xếp củ và điều chỉnh nhiệt sao cho sản phẩm chín đều không bị khuyết. Họ chống chất các sản phẩm thô lại gọn gàng và dùng củ chất chung quanh, xen vào khoảng trống giữa các sản phẩm thô rồi đốt. Nếu nền đất khô thì gốm được xếp trực tiếp trên mặt đất, nếu nền đất ẩm thì trước tiên họ trải một lớp trấu hoặc lớp tro khô rồi mới xếp gốm. Sản phẩm gốm không xếp lên trên các lớp củ khi nung vì nếu xếp củ ở dưới, khi cháy củ sẽ gây ra những rung động làm nghiêng đổ, nứt vỡ gốm. Ở Bầu Trúc thì: "người ta chất gốm để nung bằng cách xếp một lớp củ dày (có cả phân trâu, bò khô...) trên mặt đất (khoảng 30 cm), sau đó mới xếp úp miệng gốm chồng lên nhau..."⁽¹⁾. Tuy nhiên, trong cách làm này phân trâu, phân bò không chỉ là một loại chất đốt mà khi được xếp lẫn với

⁽¹⁾ Phan Xuân Biên (chủ biên), *Người Chăm ở Thuận Hải*, Sở Văn hoá Thông tin Thuận Hải, 1989, tr. 54 - 55.

củ nó còn có tác dụng hạn chế những rung động do củ cháy gây ra, giữ cho đồ gốm không bị nghiêng đổ, nứt vỡ.

Trong quá trình nung căn cứ vào ngọn lửa được quan sát bằng mắt, bằng kinh nghiệm bản thân họ có thể điều chỉnh cho thêm củ vào hoặc rút bớt ra. Việc làm chủ ngọn lửa theo nguyên tắc nâng dần nhiệt độ nung để đạt tới nhiệt độ cao nhất, và khi gốm chín thì hạ nhiệt độ từ từ, làm như vậy không xảy ra biến đổi đột ngột trong suốt quá trình nung, do đó sản phẩm không bị biến dạng méo hoặc nứt, ngược lại sẽ chín đều và đẹp. Nhìn chung nhiệt độ nung tối đa của sản phẩm gốm Chu-ru cũng chỉ đạt tới 500 - 600°C. Nếu tăng thêm nhiệt độ sản phẩm có thể bị ròn và vỡ. Điểm hạn chế này chủ yếu do đất sét trong vùng có kết cấu hạt nguyên thủy lớn cộng hàm lượng silic trong đất quá cao.

Thời gian để nung gốm khoảng từ 2-3 tiếng (tùy theo số lượng sản phẩm). Khi củ cháy hết, sản phẩm hoàn chỉnh ngועi đi có màu đỏ gạch, không ít sản phẩm còn loang lổ vết đen do lửa nung cháy không đều hay than củi bám vào. Mặt ngoài gốm Krangoh chỉ sau nung mới hiện lên những khoáng vật màu ánh vàng.

Theo người thợ gốm ở địa phương, nếu đốt bằng củ khô lúc gốm gần chín trong khoảng 10 - 15 phút gốm sẽ nhuộm đen đều hơn, hoặc lẫn sản phẩm qua trấu ngay khi nung chín sẽ tạo được màu đen bóng trông rất đẹp. Tỷ lệ thành phẩm đạt cao hay thấp tùy thuộc vào loại đất và công việc xử lý đất. Nếu được làm từ đất tốt, đất đã loại bỏ hết tạp

chất và già kỹ, sản phẩm ra lò có thể sử dụng tới gần 100%. Đùi xấu, già và sàng không kỹ khi nung gốm hay bị nổ gây vỡ sản phẩm. Các loại sản phẩm này có thể dùng làm vật dụng ngay hoặc được cất giữ để trao đổi mua bán với các làng khác.

* Một số sản phẩm gốm Chu-ru

Sản phẩm gốm cổ truyền phổ biến nhất là nôi (*goh*) để đun và đun nấu. Nôi đất của người Chu-ru thường có miệng loe đơn giản, mép tròn hoặc nhọn, cổ thắt, bụng nở, đáy tròn, nắp nôi giống như cái bát úp ngược. Nôi đất của người Chu-ru có 5 loại, rất tiện lợi cho các công việc trong đời sống sinh hoạt hằng ngày.

Chủng loại sản phẩm gốm truyền thống được phân chia theo đặc tính sử dụng, gồm một số loại chính sau:

- *Goh abuh*: loại có kích cỡ trung bình (dung tích khoảng 10 lít nước) cao 27cm, rộng ngang 29cm, miệng rộng 19cm. Loại này dùng để chứa nước và lấy nước từ suối về nhà phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày hoặc dùng để nấu cháo.

- *Goh glăh*: nhỏ hơn *abuh* một chút và có miệng rộng cao 14cm, rộng 16cm, miệng rộng 12cm. Loại này được dùng để kho cá, nấu cháo, nấu canh hay chứa thức ăn thay bát to.

- *Goh dăm*: dùng để nấu cơm, canh (dung tích khoảng 7-8 lít nước), cao 16 cm, rộng ngang 17cm, miệng rộng 9cm.

- *Goh rung*: loại sản phẩm lớn nhất cao 36cm, rộng

ngang 40cm, miệng rộng 23cm. Loại này thường chỉ được dùng để làm rượu cần hoặc nấu nướng trong các lễ hội như: đám cưới, đám tang, lễ hội, lễ cúng...

- *Krơ*: dùng làm nắp để đậy các loại sản phẩm khác và dùng làm bát ăn cơm.

- *Chơđă* (hoặc *chodeh*): loại có hình dáng như thau chậu, dùng đựng lửa than cho sản phụ ở cữ hoặc người già trong những ngày lạnh giá.

- *Bló*: loại sản phẩm có kích cỡ nhỏ nhất, dùng để đựng trầu cau hoặc thuốc lá.

- *Goh krét*: cao 10cm, rộng ngang 12cm, miệng rộng 8cm, đáy bằng, thân hình trụ tròn, vành miệng thẳng và có con trạch nổi như dải đai vòng quanh ở thân, loại nồi này chuyên dùng để nấu bồ kết gội đầu nên đen kịt cả trong và ngoài gốm.

Ngoài sản phẩm nồi đất còn có các loại vật dụng như: lọ hoa (*lõvơngă*), bình rượu (*nơhung tơơơ*), lu, vò, chén, đĩa, kiềng bếp (ông đầu rau)... nhưng các loại này ít được sản xuất.

Khi bán sản phẩm dùng để đun nấu, chủ hàng gốm người Chu-ru không quên dặn khách một điều đấy là cách làm cho đồ gốm bền và không còn mùi đất nữa. Muốn vậy, đổ lung nồi nước rồi cho một nắm gạo hoặc tấm vào nấu cháo khoảng vài lần, nhằm “tôi” nồi trước khi sử dụng lâu dài.

- *Hoa vắn*: trên đồ gốm của người Chu-ru ở Prób được

tạo bởi các kỹ thuật khắc vạch, in chấm và đắp nổi. Thợ làm gốm ở đây chỉ chú ý tạo hoa văn trang trí trên các đồ đựng loại lớn, riêng các sản phẩm chậu, bát thường được để trơn. Ngay cả những vật dụng lớn hoa văn cũng không được trải đều trên toàn thân mà tập trung quanh cổ, gần miệng và kéo một ít xuống vai sản phẩm. Nhìn chung các mô típ hoa văn còn đơn giản, hoa văn thường gặp là các đường chạy song song, được vạch khắc chìm sâu khoảng 0,1cm, người dân còn dùng đầu của thanh tre ấn liên tiếp vào thân gốm, tạo nên các nét hoa văn chìm, đều đặn.

Sản phẩm gốm của người Chu-ru được mang đi trao đổi mua bán với nhiều nhóm cư dân Chu-ru ở những địa phương khác (không có nghề này) và với các tộc Mạ, Cơ-ho. Những năm 1970 trở về trước, trong một vùng cư trú rộng lớn từ cao nguyên Njêrêng (Di Linh ngày nay) đến cao nguyên Langbiang, cư dân các tộc người bản địa hầu như ai cũng biết đến người Krangoh thông qua sản phẩm gốm. Hàng năm, cứ vài ba tháng một lần, những người có nhu cầu về sản phẩm gốm cùng nhau tập trung về *Trôm ù* (tạm dịch là Chợ gốm). Địa điểm này nằm cách làng Krangoh khoảng 5km, trên con đường mòn từ Đon Dương xuống Đức Trọng. Trong ngày này, những gia đình làm gốm ở Krangoh mang các sản phẩm do mình chế tác đến bày bán. Gọi là bán, nhưng thực chất là dùng vật đổi vật. Người mua gốm dùng heo gà, lúa, bắp,... để “tra” cho người “bán”. Hoạt động

mua - bán gốm diễn ra trong một ngày kèm theo những sinh hoạt văn hóa khác. Người ta mang đến *chợ gốm* không chỉ những hàng hóa cần trao đổi mà còn mang đến đây cả những sinh hoạt văn hóa của tộc họ mình, làng mình. Cả *người bán lẫn người mua* khi đến chợ gốm đều mang theo rất nhiều rượu cần. Nếu bên bán không đáp ứng đủ số lượng mà bên mua cần thì họ phải chịu *phạt* và ngược lại. Bên thắng sẽ được phép dùng dây trói chân bên thua lại và buộc họ phải uống hết chỗ rượu cần mà mình mang theo; uống xong, họ lại phải giao cho bên thắng vài con gà hoặc vài tay heo. Số heo gà này bên thắng nhận nhưng không mang về làng mình mà giết thịt ngay tại chỗ để tiếp tục duy trì cuộc vui.

Khoảng từ những năm 1975 trở lại đây, quan hệ kinh tế giữa các tộc người bản địa Lâm Đồng và các dân tộc khác (nhất là người Kinh) không ngừng được mở rộng. Những loại hàng hóa gia dụng hiện đại dần chiếm ưu thế cả về giá cả lẫn sự tiện ích. Nghề gốm ở Krangoh chủ yếu là sản xuất ra các loại vật dụng dùng trong sinh hoạt và ẩm thực cũng chịu sức ép lớn từ các loại đồ gia dụng hiện đại. Hiện nay, ở Krangoh chỉ còn khoảng 7-8 gia đình còn sản xuất gốm truyền thống nhưng số lượng và chủng loại cũng hạn chế rất nhiều. Năm 2005, một vài gia đình ở Krangoh được Phòng Công thương huyện Đơn Dương đầu tư cho đi “học nghề” tại Bầu Trúc (Ninh Thuận) với mong muốn sẽ đa dạng hóa

được chủng loại sản phẩm, chuyển dịch và nâng gổm Krangoh lên thành một thứ sản phẩm văn hóa phục vụ du lịch và các nhu cầu thẩm mỹ khác. Tuy nhiên, đa phần những người thợ được gửi xuống Bầu Trúc học tập đã vô tình đem về địa phương những sản phẩm là phiên bản của gổm Bầu Trúc (loại gổm mỹ nghệ được sản xuất từ sau năm 1990). Dù rằng, gổm Bầu Trúc truyền thống và gổm Krangoh truyền thống có nhiều tương đồng về kĩ thuật nhưng đặc trưng loại biệt về chủng loại và các thuộc tính văn hóa khác của nghề gổm lại không giống nhau. Đó là điều không mấy khó hiểu bởi người ở Krangoh gắn bó với hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nhân văn hoàn toàn khác biệt với người Chăm ở Bầu Trúc. Chính vì vậy, các sản phẩm gổm được làm mới này gần như chịu cùng một “số phận” với các sản phẩm truyền thống: không tìm được đầu ra ổn định. Hiện trạng về sự mai một và cả khả năng bảo tồn, khôi phục - phát triển nghề gổm Krangoh vẫn đang là một vấn đề nan giải tại địa phương.

c. Nghề kim hoàn

Ở cộng đồng người Chu-ru, nghề kim hoàn được duy trì tại thôn Ma Đanh, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương. Những người lớn tuổi nhất trong cộng đồng cư dân Ma Đanh hiện nay cũng không dẫn giải được nguồn gốc của nghề kim hoàn tại địa phương. Tuy nhiên, chi tiết về xuất xứ nguyên liệu phần nào gợi ý được một số thông tin có liên quan đến

nghề này. Chẳng hạn, bạc, nguyên liệu chính để làm ra các loại sản phẩm kim hoàn tại Ma Đanh từ trước năm 1960 được mua ở vùng của người Chăm. Người Chu-ru tại đây không tự tìm và chế tác được bạc nguyên liệu. Sau năm 1960, khi một số đô thị tại tỉnh Tuyên Đức cũ (gồm các huyện Đơn Dương, Đức Trọng và Lạc Dương thuộc tỉnh Lâm Đồng ngày nay) đã tương đối phát triển, người làm nghề kim hoàn tại Ma Đanh không phải lặn lội mấy ngày đường xuống vùng của người Chăm để mua bạc nữa; họ mua tại các chợ ở Đrân, Đức Trọng hay xa hơn một chút là Đà Lạt. Từ thời điểm này, nguồn nguyên liệu tương đối dễ mua nên ngoài hai loại sản phẩm truyền thống là *srih* và *krah*, người thợ kim hoàn Ma Đanh còn chế tác thêm nhiều loại sản phẩm mới như: vòng đeo tay, vòng cổ,...

Trong những năm gần đây, trước sự phát triển của nền kinh tế thị trường, thị hiếu của người tiêu dùng có nhiều thay đổi, nguồn vốn của mỗi gia đình lại hạn hẹp, nghề kim hoàn ở đây đã và đang có nguy cơ mai một. Thôn Ma Đanh, trước đây có khoảng trên chục nóc nhà làm nghề, đến nay chỉ còn hai gia đình duy trì được nghề cổ truyền nhưng chỉ có một hộ gia đình sản xuất có tính chất thương xuyên. Sản phẩm về kim hoàn chất lượng tốt song nghèo về chủng loại, hiện nay nhấn là sản phẩm được sản xuất phổ biến nhất.

Làm nhấn gồm nhiều khâu, mỗi khâu lại có các thao tác kỹ thuật khác nhau và đều có liên quan đến chất lượng sản

phẩm. Từ việc chuẩn bị nguyên liệu, công cụ sản xuất, đến khi hoàn thành sản phẩm, người thợ không tuân theo một công thức, thiết kế nào có sẵn, mà chủ yếu dựa vào kinh nghiệm nghề nghiệp truyền từ đời này qua đời khác.

* Nguyên và nhiên liệu

Nguyên liệu chính của nghề kim hoàn của người Chu-ru ở thôn Ma Đanh là bạc (*poriã*). Theo những người già trong làng cho biết, chỉ cách đây vài chục năm bạc còn rất hiếm, những người thợ kim hoàn phải xuống Đà Lạt để mua bạc. Cũng có khi họ phải mua lại của những thương gia buôn bán bạc từ Lào, Miến Điện, Thái Lan về với giá rất cao. Vì vậy, trước đây các sản phẩm bằng bạc rất đắt, phải đổi bằng ché, bằng trâu bò. Hiện nay, việc mua bạc có phần thuận tiện hơn, người thợ kim hoàn Chu-ru thường mua tại tiệm vàng bạc Tùng Nghĩa (huyện Đức Trọng). Giá một “cây bạc” (giống như cách gọi của người Việt) tại thời điểm năm 2002 khoảng 120.000 - 150.000 đồng và mỗi một cây bạc như vậy có thể làm được từ 10-15 chiếc nhẫn. Bên cạnh nguyên liệu chính là bạc, để chế tác sản phẩm người thợ cần phải chuẩn bị một số nguyên liệu làm khuôn sản phẩm như:

- Sáp ong (*rolin*): là nguyên liệu quan trọng thứ hai đối với nghề kim hoàn của người Chu-ru, được sử dụng như một nguyên liệu để làm mẫu sản phẩm trong qui trình sản xuất. Loại sáp ong tốt nhất trong nghề kim hoàn phải là loại sáp ong rừng (*hani*) có độ dẻo cao. Người thợ có thể tự vào rừng

kiếm hay mua của người Chăm (Bình Thuận) đem bán, hoặc đặt mua của những người hay đi rừng. Giá bán 1kg sáp ong là 100.000 đồng. Với đặc điểm có thể để được lâu lại tương đối khó kiếm nên việc tích trữ sáp ong phục vụ cho việc sản xuất được người thợ kim hoàn khá quan tâm. Sáp ong sau khi mang về thường được nấu chảy ra, đổ vào một cái bát to, đến khi nguội được đổ ra, gói lại cất đi. Khi sử dụng, người thợ dùng dao cắt ra từng phần vừa đủ.

- Lá dứa: nguyên liệu không thể thiếu trong việc làm khuôn. Việc lấy lá dứa cũng có những yêu cầu khắt khe, đó phải là loại lá dứa rừng, không được non quá cũng không được già quá. Tốt nhất là chọn lá dứa bánh tẻ, loại này vừa có độ dẻo dai vừa có độ cứng nhưng không giòn, lại dày phù hợp với việc định hình miệng khuôn. Lá dứa lấy về được lau sạch, phơi khô, bỏ hết gai, cắt thành từng miếng nhỏ dài 6cm, rộng 5cm và gấp lại như miếng phễu. Khi phơi lá dứa cần chú ý không phơi những lúc nắng to, vì lá sẽ bị giòn, dễ gãy khi sử dụng.

- Đất sét (*Lon klĩa*): dùng làm nồi nấu bạc hoặc làm khuôn. Theo người thợ kim hoàn Ma đánh, đất sét tốt nhất để làm khuôn phải là đất sét “tổ mối” lấy ở ruộng, đào ở những nơi bị nước đánh sập. Đất sét lấy về sẽ được phơi khô và giã nhỏ.

- Phân trâu (*eb kovào*): sử dụng trong việc làm khuôn nhấn, khuôn vòng. Kinh nghiệm của người thợ lâu năm cho

biết, việc chọn đất và phân trâu thích hợp là một trong những yếu tố quan trọng bậc nhất để có được những sản phẩm tốt. Phân của con trâu độ 2 tuổi là tốt nhất. Vì đây là thời kì trâu sung sức nhất nên phân của nó mềm đều, không đặc, cũng không loãng. Phân trâu làm khuôn phải được sử dụng khi còn tươi.

- Bô kết và tro bếp: là hai loại nguyên liệu phục vụ cho khâu đánh bóng hoàn thiện sản phẩm.

- Củi: Với kinh nghiệm cổ truyền, người thợ dùng củi từ loại cây *yuh sùi* để nung bạc. Củi từ cây này có đặc điểm dễ cháy, ít khói, cháy đượm, lâu tàn. Các loại củi khác không dùng được vì có thể sẽ làm nổ khuôn. Nhiên liệu dùng trong nghề kim hoàn không lớn lắm, củi được lấy trong rừng, đem phơi khô và sử dụng dần.

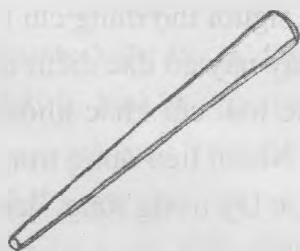
- Than củi: Than củi cũng là nhiên liệu không thể thiếu trong nghề kim hoàn, nó là nguồn nhiệt được người thợ kim hoàn Chu-ru dùng để nung chảy bạc. Trước đây than củi được lấy trên rừng, ngày nay người ta có thể dễ dàng mua ở chợ gần nhà.

*** Các loại công cụ trong nghề kim hoàn**

Với những dụng cụ khá đơn giản gồm: *gailong* (cây tạo kích cỡ sản phẩm), *ơgai chú* (đũa trang trí), *chană* (kẹp gấp khuôn), *tó bôlú* (ống thổi),... việc làm nhẵn không nặng nhọc nhưng lại đòi hỏi sự kiên trì bền bỉ. Có thể chia các dụng cụ này thành ba nhóm:

+ Nhóm dụng cụ làm khuôn đúc

- Ống tre (*To om*): dùng để nấu sáp ong. Loại ống này yêu cầu phải được làm từ tre già và vẫn còn tươi, dài khoảng 20 cm, đường kính khoảng 4-5 cm. Ống có một đầu kín một đầu hở, có một thanh tre nhỏ có tác dụng khuấy cho sáp ong tan đều, không bị vón cục. Phần chân ống dài 5cm, được vót thành hình tam giác nhọn có thể cắm xuống đất, giữ sáp không bị đổ trong thời gian chờ sáp nguội.



1. Dùi gỗ



2. Vô (*doliên*)

- Dùi gỗ (còn gọi là khuôn cỡ nhấn - *gailong*): dùng đúc khuôn sáp ong các loại cỡ nhấn, có hình trụ, được bào nhẵn thuôn nhỏ dần, dài khoảng 20cm, một đầu có đường kính chừng 2cm, đầu nhỏ 1,2cm.

- Dao cắt sáp ong (*thong ko rolin*): là một loại dao nhỏ bằng thép trắng, đầu dao nhọn, một mép mài sắc tạo lưỡi, mép kia để nguyên tạo sống dao, có cán cầm bằng gỗ, dài 15cm, bản rộng 3cm. Dao dùng cắt sáp ong thành từng miếng nhỏ để làm khuôn nhấn.

- Dao chặt bạc (*thong koh priă*): dài 25cm, rộng 6cm. Dao chặt bạc ra thành từng miếng tùy theo sản phẩm định làm là nhân, vòng tay hoặc vòng cổ.

- Vô (*dơ liên*): làm bằng gỗ hoặc tre, dùng để lăn sáp thành những sợi nhỏ. Vô dày 1cm, hình chữ nhật: rộng 2.5cm - 3cm, dài 18-20 cm, có một cán tròn nhỏ khoảng 10cm, đường kính khoảng 1.5cm.

- Xô, chậu, nồi đất để đựng nước, hoà dung dịch đất và phân trâu.

- Dụng cụ phơi khuôn: là một ống tre dài hơn 40cm, trên có đục nhiều lỗ nhỏ cách đều nhau. Ống tre này được cắm vào một thanh tre dài khoảng 1,5m theo hình chữ T. Khi phơi sản phẩm, người ta đặt dụng cụ phơi trên vách đầu hồi nhà, nơi có nhiều nắng.

+ Dụng cụ dùng để nung chảy bạc

Lò rèn: bao gồm hai ống bễ, hai chổi quạt gió (*tọ jua*), một lò than.

- Ống bễ (*Lotai*) dùng để thổi lửa, gồm hai ống tròn, chiều cao 1-1,2m, đường kính khoảng 20cm. Trước kia ống bễ được làm bằng lồ ô thẳng thông ruột nhưng hiện nay người Chu-ru đã thay bằng ống sắt hoặc hai đoạn gỗ tròn khoét rỗng ruột. Ống được cắm vào một giá gỗ dày chừng 10cm, trên mỗi ống đục một lỗ tròn ở gần sát giá bễ để cắm ống *tọ jua* dẫn hơi vào lò. Hai tay ống bễ được làm bằng đoạn tre già, nhỏ và thẳng, dài chừng 1,6m, đầu phía dưới

cắm vào một gương sen bằng gỗ tròn, đường kính vừa khít với đường kính trong lòng ống bể. Người ta kết một lớp lông gà lên mặt gương sen để giữ kín hơi cũng như tạo ra hơi khi kéo lên đẩy xuống, hơi này thông qua hai ống *tọ jua* để vào lò.

- Chổi quạt gió là hai ống nửa dài khoảng 40cm, có đường kính khoảng 4cm, khoét thủng mắt, một đầu cắm vào ống bể, đầu kia cắm vào bếp.

- Lò được làm thành hình tròn với đường kính ngoài khoảng 60cm, đường kính trong 40cm. Phần miệng nổi lên trên cao 5-6cm, phần chìm xuống dưới đất khoảng 10cm. Lò than có nhiệm vụ đốt than để nung bạc chảy.

Để thổi bể, người thợ phải đứng hoặc ngồi trên ghế cao, tác động lực vào chổi quạt. Ngọn lửa có thể dễ dàng được điều chỉnh to nhỏ, đảm bảo độ nóng đều theo ý muốn của người thợ.

Kìm sắt:

- Loại kìm có mỏ ngắn, hai tay được bọc nhựa giống như những chiếc kìm thông dụng của người Việt. Loại kìm này dùng vào việc kẹp, bẻ những vật không có nhiệt như bẻ cuống nhãn (*Atong Sri*) hay còn gọi là chân nhãn, cuống bạc.

- Loại kìm rèn (*chơ năh*) có tay cầm dài và tay cầm ngắn đều dùng trong các trường hợp nhiệt cao như kẹp nồi nấu bạc, bới than, vun than hồng... Kìm dài có thể tới 50cm.

Nồi nấu bạc (gọ stụ) trông giống như chiếc chén mất

trâu, được làm bằng hợp chất đất sét và phân trâu với tỉ lệ 50-50. Đất sét phơi khô, nhặt hết sỏi đá, giã nhỏ, mịn đem trộn với phân tươi, đổ thêm nước sao cho dung dịch có đủ độ dẻo, rồi đắp thành nôi. Phơi nắng khoảng hai ngày là nôi khô. Nôi nấu bạc to hay nhỏ tùy theo khối lượng bạc cần nấu mỗi mẻ, mỗi nôi nấu bạc của người Chu-ru có kích thước trung bình: cao 4cm, đường kính 4-5cm. *Gọ stu* dùng lâu ngày sẽ cứng vì bạc bám vào thành nôi.

Ổng thổi bụi (to voluh): làm bằng tôn, hình tròn, dài 30cm, đường kính 2cm, dùng để thổi những tạp chất lẫn trong bạc.

+ Dụng cụ trang trí và hoàn thiện sản phẩm:

- Đũa trang trí (*ơgai chú*): có rất nhiều loại, dùng để tạo hoa văn và đánh hoa văn vào khuôn chính. Dụng cụ này được làm bằng tre, có hình tròn, mỗi chiếc dài 6-10cm. Đầu *ơgai chú* rất đa dạng, có thể là to hoặc nhỏ, tròn hoặc nhọn, thẳng hoặc cong nhằm đạt hiệu quả tối đa khi chạm bất kì hoa văn nào cho sản phẩm.

- Bật lửa hoặc đèn: dùng để hơ sáp ong mềm trong lúc tiến hành tạo hoa văn và để đánh khuôn.

Dụng cụ hoàn thiện sản phẩm của người Chu-ru rất đơn giản chỉ bao gồm: rũa, đá mài, búa nhỏ có tác dụng để nhẵn và chỉnh sửa sản phẩm.

*** Quy trình sản xuất và hoàn thiện sản phẩm**

Khuôn nhẵn, khuôn để đúc sản phẩm được chế tác từ

nguyên liệu là hỗn hợp: phân trâu, tro bếp và đất ụ mối. Để làm được khuôn sản phẩm, trước hết người thợ phải làm *sản phẩm mẫu* hoàn chỉnh bằng sáp ong rừng.

- Hơ sáp ong: Trước hết, ống nấu sáp được đưa vào gần bếp lửa khoảng 10 phút. Sau đó, người thợ dùng dao gọt hết bụi bẩn bám trên sáp ong, cắt sáp ong thành những miếng nhỏ và bỏ vào ống nấu. Mỗi lần đun khoảng nửa lạng sáp ong. Trong thời gian đun sáp người thợ phải chú ý điều chỉnh ngọn lửa tránh không cho lửa cháy to làm tràn sáp ra ngoài hoặc cháy ống nấu. Chính vì vậy mà ống nấu thường được để cách xa kiềng bếp khoảng 10cm. Do nhiệt độ nóng chảy của sáp thấp nên chỉ đun khoảng 10phút, sáp ong đã nóng chảy thành dung dịch hơi quánh. Sau đó, ống sáp được đưa ra chỗ thoáng để sáp ong nguội bớt, nếu làm lúc nóng sáp ong sẽ không bám được vào dùi gỗ nhưng cũng không được nguội quá, nếu không sáp ong sẽ lại bị đông cứng lại.

- Làm khuôn nhẵn: Sau 10 phút, người thợ nhúng *gailong* vào nước để làm ướt ống và không cho sáp bám chặt vào dùi, khi tháo ra sẽ rất khó. Tiếp đó nhúng ống vào sáp đã được làm nóng chảy để làm khuôn nhẵn, khoảng 15-20 giây ống gỗ được nhấc ra, để nguội lớp sáp thứ nhất rồi lại được nhúng vào sáp lần thứ hai, cứ như thế, ống khuôn nhẵn được nhúng vào sáp ba lần sao cho lượng sáp bám vào ống có độ dày vừa phải, không cứng quá hay mềm quá. Nhúng vào sáp xong, ống *gailong* được thả ngay vào chậu

nước, chỉ cần rút nhẹ là sáp rời khỏi ống. Nếu sáp lẫn nhiều tạp chất bẩn thì các ống sáp sẽ có màu đen và không làm khuôn nhẵn được, chỗ sáp đó sẽ bị loại bỏ.

- Trang trí mẫu nhẵn: khâu này có ý nghĩa quyết định đối với thành phẩm, thể hiện giá trị thẩm mỹ, tài năng, sự sáng tạo và tay nghề của người thợ. Thợ kim hoàn dùng dao cắt ống sáp thành từng vòng tròn có bề mặt khoảng 5mm. Nếu làm nhẵn dần ống thì cắt ở đầu to của ống sáp, nếu làm nhẵn cho phụ nữ và trẻ em thì lấy ở phía ống nhỏ hơn. Sau đó, người thợ dùng dao gọt tỉ mỉ, chỉnh đi chỉnh lại sao cho từng vòng tròn được tròn trịa, nhẵn bóng mới thôi. Phần sáp ong thừa ra được dùng làm hoa văn trang trí. Đối với những sản phẩm có hoa văn, người thợ dân gian phải mất khá nhiều thời gian để “lắp ghép” các chi tiết kết cấu (hoa văn) lên sản phẩm mẫu bằng sáp ong. Vì vậy, các sản phẩm kim hoàn tại Ma Đanห์ với kĩ thuật đơn giản không cho phép người thợ dân gian thực hiện được những sản phẩm có những đồ án trang trí phức tạp như kĩ thuật chạm khắc ở các tộc người khác. Người thợ dùng *dơ liên* lăn sáp ong thành từng sợi nhỏ, dài để tạo các họa tiết trang trí nhỏ bé. Lăn sáp ong thành sợi là công việc đòi hỏi phải tỉ mỉ, nhẹ nhàng, chỉ cần không cẩn thận một chút là có thể làm đứt sợi sáp. Khi các họa tiết được làm xong, người thợ tiến hành ghép chúng lại với nhau để tạo hoa văn trang trí trên chiếc nhẫn trơn. Công việc này đòi hỏi sự khéo léo của bàn tay người phụ nữ.

Việc trang trí, làm mẫu các loại nhẫn hay lẫn sáp ong thành sợi của người thợ kim hoàn Chu-ru phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết, hầu như chỉ được làm vào những ngày nắng và từ 11 giờ trưa - 4 giờ chiều vì đó là khoảng thời gian nhiệt độ ngoài trời ấm, sáp dẻo nên việc tạo hoa văn được dễ dàng, không bị gãy. Vào mùa đông, sáp cứng, người thợ thỉnh thoảng phải hơ sáp qua lửa để tạo độ mềm dẻo.

Khi sợi sáp, mắt sâu và các hoa văn trang trí đã được làm xong thì người thợ tiến hành ghép các chi tiết lại với nhau. Ví dụ: để làm một cái nhẫn xoắn thùng, người thợ gập hai đầu sợi sáp xoắn lại, mỗi nhẫn bên mắt 12 sợi sáp ong, mỗi sợi dài khoảng 10cm (tùy theo cỡ nhẫn) và to bằng ba sợi chỉ chập lại. Để làm nhẫn mắt sâu, người thợ dùng *ơgai chú* chấm nhẹ nhàng lên mắt sâu và để mắt sâu dính vào khuôn sáp, động tác này phải hết sức nhẹ nhàng và khéo léo nếu không mắt sâu sẽ bị rơi khỏi khuôn sáp, một chiếc nhẫn loại này có khoảng 8-10 mắt sâu.

- Làm khuôn:

Phễu để đổ bạc vào khuôn được làm từ một miếng lá dừa khô, có chiều ngang 2,5-3cm, dài 8cm và dùng một que tre nhỏ vót tròn khoảng 20cm, gài hai đầu lá với nhau tạo thành. Que tre này ngoài việc cố định hai đầu của lá dừa còn phải có một đầu nhọn ăn sâu quá phần cuống phễu 0,5cm, có nhiệm vụ giữ chân chùm mẫu nhẫn bằng sáp ong.

Sau khi trang trí mẫu nhẫn bằng sáp ong, người thợ vẽ sáp ong thừa thành từng sợi nhỏ dài 2cm để làm chân nhẫn có công dụng làm đường cho bạc chảy vào khuôn. Chân nhẫn được gắn vào mẫu nhẫn bằng sáp ong, hai đến ba mẫu nhẫn được kết lại với nhau thành chùm và được gắn vào phễu. Đến đây phần mẫu sản phẩm bằng sáp ong được hoàn thành nhưng để có một khuôn đúc hoàn chỉnh, người thợ còn phải tạo một lớp vỏ bọc bên ngoài cho những mẫu sản phẩm đó.

Dùng hỗn hợp *phân trâu - tro bếp - đất ụ mối* (hỗn hợp này được pha với một ít nước, bóp nhuyễn đến khi dẻo sánh là được) “đắp” lên sản phẩm mẫu từng lớp mỏng (dùng lông gà để quét) và tạo một miệng hình phễu nhỏ để rót bạc nguyên liệu vào khuôn sau này. Sau mỗi lần quét hỗn hợp đó, khuôn nhẫn được mang ra nắng phơi khô và lại gia cố thêm một lớp khác đến khi nào hỗn hợp nguyên liệu khuôn che kín đều đặn toàn bộ sản phẩm mẫu, nếu chỗ dày chỗ mỏng khi khô khuôn sẽ rất dễ bị vỡ. Khuôn được đặt cắm trên ống tre có đục nhiều lỗ nhỏ, phơi ngoài trời khoảng hai ngày (nếu nắng to) là được. Như vậy, một sản phẩm mẫu tương ứng với một khuôn và sản phẩm mẫu bằng sáp ong cũng chính là sản phẩm hoàn chỉnh bằng bạc.

- Nung bạc - đúc nhẫn:

Sau công đoạn tạo khuôn mẫu, nung khuôn và nấu bạc là hai công đoạn được tiến hành đồng thời. Người thợ phải chọn

củ bằng cây *kasiu*, dùng *hánl dăi* (bể thổi) để làm tan chảy sáp ong ra ngoài, tạo khuôn rỗng bên trong để rót bạc vào.

Bạc nguyên chất được cho vào một cái nồi nhỏ để đun chảy. Trong quá trình nấu bạc, khuôn đúc nhẵn đã phơi khô được đặt gần lò nấu để khuôn được khô, rắn chắc hơn, tránh bị nứt vỡ do nóng lạnh đột ngột khi rót bạc vào khuôn, hơi nóng khuôn còn có tác dụng làm cho bạc chảy đều, làm tan sáp ong bên trong. Theo kinh nghiệm, khi nào ngọn lửa xanh bốc lên trên mặt khuôn là sáp ong đã tan hết, người thợ dùng que gấp khuôn để đổ nước sáp tan chảy bên trong ra và đặt ngay khuôn vào bếp, vun củi sát chân khuôn để khuôn đứng vững. Việc vùi khuôn vào lò cần phải có kinh nghiệm nhất định vì trong thành phần của khuôn đúc có phân trâu khi gặp nhiệt độ cao sẽ rất dễ bốc cháy, do đó khuôn thường được nung nóng khi bạc trong nồi nấu đã tan chảy.

Khi cất bạc cho vào nồi nấu, người thợ phải tính sao cho lượng bạc vừa đủ để đúc nhẵn không thừa cũng không thiếu. Khi nấu, người thợ phải dùng ống thổi hết các bụi bẩn rơi vào nồi nấu bạc. Bạc được đổ vào khuôn, theo kinh nghiệm: khi rót bạc vào khuôn phải giữ được “ngọn” cho đều, nếu ngọn nước bạc “đầu to - đuôi vừa” là được, còn “đổ tiến”, “đổ lùi” hoặc chệch sang trái hay phải đều hỏng sản phẩm. Cùng lúc người thợ phụ cầm hai cán bể kéo lên xuống liên tục để ngọn lửa cháy to hơn cho bạc chảy đều trong khuôn. Khi khuôn bạc được gấp ra khỏi lò, người thợ phải vẩy vãi

đốt nước vào khuôn trước khi thả khuôn vào bát nước tránh bị lạnh đột ngột có thể làm hỏng sản phẩm. Tất cả công đoạn từ nấu bạc cho đến khi hoàn thành công đoạn nung chỉ diễn ra trong khoảng 5 phút. Mỗi lần đốt lò, người thợ thường làm từ 20 - 30 chiếc nhẫn.

- Hoàn thiện sản phẩm

Nhân khi lấy từ khuôn ra được gọt giũa và đánh bóng bằng cách dùng tro - cát chà sát lên bề mặt sản phẩm. Để loại bỏ hết lớp phân trâu hoặc vết khói ám trên nhẫn cho nhẫn được trắng, bóng người thợ dùng một số nguyên liệu: bồ kết phơi khô, chanh, cam. Có thể sử dụng một trong số nguyên liệu trên hoặc mỗi loại một ít, những nguyên liệu này được bóp nhỏ cho vào nồi đất, đổ nước, cho sản phẩm vào (sản phẩm được buộc thành từng chùm để khi vớt ra không bị bỏ sót và dễ lấy) đun trên bếp khoảng 20 phút. Sau khi đun, nhẫn được vớt ra lồng vào một que sắt vừa khít với nhẫn, dùng giẻ ướt nhúng vào hỗn hợp tro bếp và xà phòng chà sát bề mặt nhẫn thật kỹ rồi thả nhẫn vào nước sạch rửa và lau khô. Theo kinh nghiệm, nước bồ kết có lượng axit nhất định nên sau khi tẩy mà không làm sạch thì sản phẩm sẽ bị ố. Sau cùng là công đoạn mài nhẫn và lắp mặt nhẫn.

* Loại hình sản phẩm

Sản phẩm chủ yếu của nghề kim hoàn là các loại nhẫn, vòng tay, vòng đeo cổ, khuyên tai, trâm cài đầu. Nếu có

khác là khác ở loại hoa văn trang trí trên từng loại nhẫn, loại vòng đó. Điều quan trọng là những sản phẩm kim hoàn của người Chu-ru có mặt và là vật không thể thiếu được trong các hoạt động văn hoá xã hội không chỉ của dân tộc mình mà còn được các tộc người anh em trong vùng ưa chuộng như người Kinh, Cơ-ho, Cil, Raglai...

Có nhiều loại trang sức:

- Nhẫn mắt sâu (*sri mota hơlă*)
- Nhẫn bện (*sri char*)
- *Sri lokoi* là loại nhẫn có mặt vuông hoặc hình chữ nhật.
- *Sri komoi*, loại nhẫn mặt tròn có gắn hạt *konja* màu đỏ trang trí hoa văn khắc hình bông hoa.
- Vòng tay (*kòng vuh tơ ngàn*), vòng cổ (*kòng vuh tơ koai*)...

Cũng như nhiều nghề thủ công khác, nghề kim hoàn chỉ chiếm một phần khiêm tốn trong kinh tế gia đình. Nghề kim hoàn chưa được chuyên môn hoá cao, trình độ sản xuất còn thấp, công cụ thô sơ đơn giản, chất lượng hạn chế, sản phẩm ít sáng tạo, hoa văn đơn giản. Tuy nhiên sản phẩm kim hoàn của họ đã phần nào đáp ứng được nhu cầu sử dụng cho gia đình, cộng đồng và đã trở thành hàng hoá trao đổi với các dân tộc láng giềng.

Do sự cạnh tranh mạnh mẽ của hàng hoá công nghiệp, hiện nay, nghề kim hoàn của người Chu-ru ở Tutra đã có

nhiều giảm sút. Tính đến năm 2002 chỉ còn vài nghệ nhân làm nghề này. Đó là nghệ nhân *Ya Wân* ở Ma Đanh - Tu tra - Đon Dương, người cháu nối nghiệp *Ya Din* và vợ chồng anh Ya Tuất cũng là người trong làng nhưng mới học nghề từ khoảng năm 2000. Các nghệ nhân này vẫn duy trì tương đối nguyên vẹn chủng loại và kỹ thuật chế tác sản phẩm truyền thống. Họ sản xuất nhẫn bạc hoặc theo đơn đặt hàng, hoặc tự đem đi bán ở những vùng khác (như Tà In, Tà Năng, Proh...). Ngoài chức năng là một vật trang sức thuần túy, sản phẩm kim hoàn bằng bạc của những người thợ ở Ma Đanh chủ yếu được sử dụng làm tín vật trong các sinh hoạt duy trì phong tục tập quán của cư dân Chu-ru. Ngày nay, phong tục - tập quán của cộng đồng người này đã có rất nhiều thay đổi theo chiều hướng giản lược dần các nghi thức, lễ thức truyền thống; vì vậy, nghề kim hoàn của một số nghệ nhân tại Ma Đanh - Tu Tra đang đứng trước hiện trạng mai một lớn.

d. Nghề đan lát (mnhàm)

Sinh hoạt kinh tế truyền thống của người Chu-ru ở Lâm Đồng dựa chủ yếu vào việc canh tác ruộng nước và rẫy. Những hoạt động này đã thúc đẩy nghề đan lát phát triển nhằm chế tác ra nhiều loại dụng cụ thích hợp bằng tre nứa - loại vật liệu sẵn có trong tự nhiên. Sản phẩm đan lát của người Chu-ru gồm nhiều loại phục vụ sản xuất nông nghiệp

và sinh hoạt như: các loại gùi để mang, đong lúa (*jó, mơān ýot, kơjơ...*), sàng gạo (*choa*), nia sấy lúa (*lơsùk*), các loại rổ rá, rổ xúc cá (*grang*), chụp bắt mối (*sonrút*)...

* Nguyên liệu

Lồ ô và mây là những nguyên liệu được sử dụng để đan lát. Tùy theo đặc điểm chất liệu mà người thợ Chu-ru sử dụng loại nguyên liệu nào với từng loại sản phẩm. Đây là những nguyên liệu sẵn có tại địa phương.

- Lồ ô (*Bvoo*): đa số các sản phẩm đan lát của người Chu-ru đều được làm từ lồ ô. Lồ ô trông giống như tre nhưng thân to hơn, vỏ dày và có màu xanh đậm hơn tre. Trong rừng, lồ ô có thể mọc lẫn với các loại cây rừng khác. Người đi chặt lồ ô phải lựa những cây mọc thẳng. Đây là loại cây có độ dẻo mà lại cứng vừa phải, dóng dài, dễ khai thác, dễ chế biến, số lượng nhiều.

- Mây (*hyoi*): có mặt trong mọi đồ đan của người Chu-ru. Cây mây cong queo, lấm gai nhưng có đặc tính mềm dẻo, bền dai, khi đã qua chế biến trở nên óng chuốt, bóng như ngà. Cây mây lớn chậm, mỗi năm chỉ dài ra thêm được 1m, khi mây dài 5m khai thác là tốt nhất (nghĩa là mây 5 tuổi). Mây thường được khai thác vào dịp cuối năm, lúc này thời tiết hanh khô, mây ít bị mối mọt. Người Chu-ru chỉ lấy đoạn giữa của cây mây để dùng làm dây gùi và buộc miệng gùi vì đoạn ngọn thì mềm quá còn đoạn gốc thì cứng và khó uốn,

không làm được vì cứng hơn, không đảm bảo kĩ thuật ở một số khâu của sản phẩm.

- Cây xốp (*bằng kajou drui*): màu trắng, có ưu điểm là nhẹ, dùng làm đế gùi.

- Dây đuôi rắn (*taloi acu ala*): dùng làm miệng gùi. Đồng bào thường sử dụng đoạn giữa, đoạn đầu và đoạn cuối thường bỏ, vì đoạn đầu thì mềm, đoạn cuối thì cứng.

* Công cụ

Nghề đan lát ngoài việc dùng đôi tay khéo léo, óc thẩm mỹ và kinh nghiệm của người thợ để tạo nên sản phẩm còn có các loại công cụ thường dùng như:

- Xà gạc (*togac*): là loại dao cán dài, to bản, phần lưỡi bằng thép dày khoảng 3mm, dài khoảng 30-40cm, đầu lưỡi dao hơi cong lên phía trên thường dùng để chặt lồ ô thành lóng, chẻ lóng thành từng thanh.

- *Thong*: là loại dao nhỏ dài khoảng 15-20cm, rộng khoảng 4cm, lưỡi dao sắc, mỏng. Thân dao làm bằng thép, nước thép tôi phải “chuẩn”, nếu già quá thì lưỡi dao giòn, dễ gãy, lại khó mài; nếu non thì lưỡi dao chóng cùn. mẻ, phải mài liên tục. Người thợ thường mua ở chợ hoặc đặt làm ở các lò rèn. *Thong* thường được dùng để chẻ nan.

- *Solo*: được cấu tạo từ một miếng tôn hình tròn, đường kính 9cm, bề mặt có các lỗ to nhỏ khác nhau. *Solo* được dùng để chuốt bóng những sợi nan.

- *Torprang*: có công dụng tạo dáng cho những sản phẩm có miệng hình tròn, được làm bằng dây leo *horewar* uốn tròn, có thể nới rộng hoặc thu hẹp lại. Ví dụ: khi đan gùi, càng đan lên đến gần miệng gùi thì phải nới rộng *Torprang* ra, tạo cho chiếc gùi hơi loe về phía miệng.

*** Kỹ thuật khai thác và chế biến**

Mỗi năm lồ ô cao được một dóng, cây lồ ô 2 năm tuổi có lá màu xanh mượt, cây 3 năm tuổi lá bắt đầu chuyển sang màu xanh đậm. Thân lồ ô gồm ba lớp: lớp ngoài cùng gọi là cật, cứng có vỏ màu xanh; lớp giữa có màu trắng ngà, thớ đàn, nhỏ, mịn dẻo, chắc bền, dai, không co dãn lại ít cong vênh do tác động của thời tiết, ít bị mối mọt; lớp trong cùng là ruột, có màu trắng đục, xốp, dễ bị mọt, ẩm mốc. Để đan lát, người thợ thường dùng lớp giữa, đôi khi dùng lớp cật.

Khi khai thác lồ ô người ta thường chọn loại lồ ô bánh tẻ khoảng 1 đến 2 năm tuổi theo kinh nghiệm, đây là cây lồ ô có thân dày, dẻo quánh tốt nhất để đan lát. Lồ ô non khó chẻ, dễ bị lẹm, dễ bị mọt; lồ ô già khó đan, nan hay bị gãy. Ngoài ra, cây được chọn phải là loại lồ ô mất thừa, độ dài của lóng (*awăn*) (từ đốt này đến đốt kia) phải được khoảng 40-50cm. Thân lồ ô càng to càng tốt vì loại này nhiều “nạc”, ít cật và bọng, dễ chẻ. Mùa khai thác lồ ô thường vào khoảng từ tháng 9 đến cuối năm âm lịch, đây là lúc có được lồ ô như ý mà không ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của cây

nan. Lồ ô đốn về, phát sạch cành lá, chặt thành từng đoạn khoảng từ 3 - 5 lóng để dễ mang vác về nhà. Lồ ô được mang về bỏ hết đầu, mắt rồi được pha, bóc (lột) ngay thành nan hoặc chẻ ra thành nhiều thanh mỏng. Lồ ô lúc mới mang về còn tươi, dẻo dễ làm, đỡ bị gãy. Mây cũng được sơ chế khi còn tươi.

Trước khi chẻ lồ ô, mây người thợ phải cạo lớp vỏ xanh bên ngoài. Làm nan là khâu kỹ thuật quan trọng quyết định độ bóng đẹp của bề mặt sản phẩm. Khi chẻ nan, để nan đẹp người thợ dùng dao tách khoảng 2-3mm rồi dùng tay tách đều ra hoặc dùng dao dóc lên nan sẽ đều, không bị chỗ dày, chỗ mỏng.

Khi pha, cắt trên mỗi loại nguyên liệu, người thợ phải có kỹ thuật và kinh nghiệm ước lượng được loại hình và yêu cầu của thành phẩm mà làm. Người thợ Chu-ru thường dùng lồ ô làm nguyên liệu chính, khi pha cắt lồ ô thường phân theo chủng loại: ngắn, dài, dày, mỏng, đoạn gốc, đoạn ngọn, nan cật, nan giữa, nan bụng để lúc sử dụng được hợp lý, vừa tiết kiệm vừa đảm bảo chất lượng của sản phẩm. Tùy theo từng loại sản phẩm mà người thợ dùng nan để đan.

- Nan đan nong, nia thường là nan lớp giữa, chẻ to bản, hơi dày và cứng.

- Nan đan những đồ dùng có kích cỡ nhỏ, tinh xảo như loại gùi nhỏ (dành cho các cô gái trẻ đi chơi) rất nhỏ, mỏng được vót tỉ mỉ cho nhẵn bóng.

- Những sản phẩm phải dầm trong nước như nơm, đó. gầu tát cá... thường dùng toàn nan cật để đan.

- Gùi, rổ, rá... thường được đan bằng nan giữa, có độ mềm dẻo, bản rộng vừa phải.

Nan lồ ô và mây sau khi chế xong được vót nhẵn. Để có được những sợi nan nhỏ, mỏng đều, bóng người thợ dùng chiếc *solo* để chuốt nan. Sau đó nan được đem phơi nắng để chống mốc. Nan lồ ô vừa chế xong cũng có thể dùng ngay sau khi nhúng qua nước cho mềm, dẻo. Nhưng nếu nan còn tươi, khi khô sẽ làm sản phẩm bị “ngót”, “doãng” không còn vẻ đẹp lúc ban đầu. Nếu phơi nắng già quá cũng làm nan dễ gãy, cứng, khó đan. Trước khi đan nan mây đem ngâm trong nước mưa khoảng 30 phút để nan mềm, dẻo và chắc. Nếu làm khô nan mây cũng cứng và dễ gãy.

Nhuộm nan: để tạo màu sắc cho sản phẩm, người thợ thường giữ nguyên màu xanh vỏ lồ ô cho nan cật để đan lẫn với nan giữa có màu trắng hoặc dùng một số loài thực vật để nhuộm nan: vỏ cây *blang* nhuộm màu xanh, màu đỏ từ vỏ cây *tơnung*, vỏ cây *măngiêng* cho màu nâu, vỏ cây *ponăng* nhuộm nan màu vàng... Vỏ cây lấy về được giã giập, vắt lấy nước, pha thêm với nước ấm rồi ngâm nan đã vót vào dung dịch đó khoảng một ngày rồi bỏ ra phơi dưới bóng râm. Ngày nay cách làm này không còn thông dụng vì tốn thời gian mà hiệu quả không cao. Các màu tự nhiên được thay bằng cách: màu vàng làm từ nghệ, bồ hóng hoặc than ở

gỗ đã dùng làm màu đen, hoặc dùng sơn và phẩm màu. Cách tạo màu sắc thông dụng nhất vẫn là để các sản phẩm hoặc nan lên trên gác bếp, hun khói trong một khoảng thời gian nhất định để có màu vàng hoặc nâu bóng vừa đẹp vừa có tác dụng chống mối mọt.

- Kỹ thuật đan: quan sát trên các sản phẩm đan lát của người Chu-ru, chúng tôi thấy họ chủ yếu sử dụng kỹ thuật đan lồng một và đan lồng đôi. Cùng cách đan lồng một, lồng đôi, nhưng tính sáng tạo ở chỗ người thợ Chu-ru đã liên kết các loại nan có cùng hoặc không cùng kích cỡ với nhau, và giữa các nan lại có độ thưa - khít khác nhau. Với việc sử dụng kết hợp nan có kích cỡ giống nhau như: mỏng với mỏng, dày với dày, nhỏ với nhỏ, to với to; hoặc liên kết các nan có kích cỡ khác nhau như: dày với mỏng, to với nhỏ... trên một sản phẩm sẽ tạo nên sự phong phú về hoa văn cũng như phù hợp với công dụng của nó.

*** Các loại hình sản phẩm**

Sự phong phú về chủng loại, trình độ kỹ thuật trong cách tạo hoa văn mang tính mỹ thuật độc đáo của nghệ thuật đan lát đã phần nào cho thấy nét đặc trưng văn hoá của người Chu-ru. Một điều đáng lưu ý là người Cơ-ho ở các huyện lân cận như Đức Trọng, từ xưa đã rất ưa chuộng sản phẩm đan lát của người Chu-ru. Theo thống kê khảo sát bước đầu, chúng tôi xin trình bày một số sản phẩm tiêu biểu theo chủng loại.

- Sản phẩm dùng trong vận chuyển:

Gùi (*Giọ*): là điển hình cho nét văn hoá đặc sắc sinh động, gây ấn tượng thẩm mỹ cao. Nó là phương tiện vận chuyển bằng sức người thông dụng nhất. Gùi thường đeo trên vai, không đeo qua trán như nhiều dân tộc người thiểu số ở miền núi phía bắc. Gùi được làm bằng lồ ô và mây. Thân (*lok*) đan lóng đôi tạo hoa văn hình xương cá dọc theo thân sản phẩm,loe dần từ đáy lên. Đan gùi phải theo đôi, số nan thường chẵn tùy theo to nhỏ mà các cặp nan nhiều hay ít. Chiều cao của gùi thường được đo từ khuỷu tay tới đầu ngón tay út, gùi cao hơn là đến đầu ngón áp út, hay cao hơn nữa là tới đầu ngón tay giữa. Đáy gùi vuông, được cạp chéo bằng hai thanh lồ ô già. Miệng (*bobăp*) tròn, làm từ dây đuôi rắn và quần nan mây nhỏ xung quanh, cách đoạn, đầu các nan mây được giấu đi rất tài tình. Phần đế (*tocai*) cao khoảng 6cm, bằng gỗ xộp nhẹ, được uốn theo hình khối vuông cách điệu, lõm ở giữa. Quai (*taloi*) được đan theo kiểu lóng mốt, hết một hàng lại vắn nan chéo xuống tạo viền, đồng thời tạo hoa văn hình quả trám. Đoạn quai cuối đan lóng mốt kiểu xoắn tròn, rồi khéo léo dính chặt lại với phần thân gùi. Đồng bào thường dùng mây để đan quai gùi, vừa dẻo vừa mềm, tránh cảm giác đau nhức khi mang vác, quai thường dài 70-80cm, bề rộng khoảng 3cm. Có ba loại gùi thông dụng:

+ Loại thứ nhất là *Giyyol*: dùng để gùi lúa, ngô, rau,

quả. Đây là vật dụng chính để mang các thứ từ nhà ra nương, từ nương về nhà, dùng khi đi chợ. Mỗi chiếc gùi như vậy cao khoảng 40cm, miệng rộng 35cm, có thể chứa 25-30kg ngô hoặc thóc.

+ Loại thứ hai là *Giòbày*: nan thưa, đan theo kiểu mắt cáo, dùng để gùi củi khi đi rừng.

+ Loại thứ ba là *Giòsoba*: đây là loại gùi nhỏ, là sản phẩm độc đáo khó đan, đòi hỏi kĩ thuật cao so với các sản phẩm khác của người Chu-ru. Từ khâu vót nan, chẻ nan, đan cặp phải công phu tỉ mỉ, nan càng nhỏ thì giá trị thẩm mỹ càng cao. Để hoàn thành một chiếc gùi này phải mất 8 ngày. Cho nên, loại này thường do những người có kinh nghiệm đan. Người ta đan những chiếc gùi này dùng để đi chơi, làm quà cưới hay để tặng thông gia, được coi như một tặng phẩm quý thể hiện tình cảm.

Theo ông Ka Leng (nghệ nhân đan lát người Chu-ru - xã Proh - Đơn Dương) thì gùi là sản phẩm ít bị lai tạp về kĩ thuật, kiểu dáng. Hầu như nó còn giữ được nguyên vẹn những yếu tố truyền thống từ xưa của cộng đồng người Chu-ru.

- Sản phẩm dùng trong sinh hoạt hàng ngày:

+ *Grang*: như cái rổ của người Việt, *grang* được đan thưa dùng để rửa rau để thoát nước.

+ Rá dùng để vo gạo hay đãi đậu, đan khít, khe hở rất

nhỏ và đều, nan đan bằng lồ ô, cạp bằng mây, miệng tròn. các góc tròn căng.

+ Các loại mẹt, dầm, sàng (*grang aring*), nong, nia (*chonhoa*) đan giống của người Kinh theo kiểu lồng ở vuông với tâm điểm là chính giữa.

Trong nhà người Chu-ru còn có các loại bồ (đan như gùi loại to) dùng để chứa ngô, thóc; hộp đựng đồ kim chỉ... đan bằng lồ ô rất kỳ công.

- Các sản phẩm dùng trong các hoạt động kinh tế phụ của người Chu-ru gồm:

+ Các dụng cụ để đánh bắt cá: đó (*pàm*) để đơm cá, tôm, cua ở suối

+ Vào mùa mưa (khoảng tháng.6, 7) người Chu-ru dùng (*srọ*) có cấu tạo như chiếc đó của người Việt, dài 70cm, miệng to và có hom.

Các dụng cụ đánh bắt cá thường đan lồng mốt, thưa và thoáng để thoát nước nhanh. Ngoài ra, người Chu-ru còn đan dụng cụ để bắt mối (*sorút*) có hai lớp, trông như chiếc loa.

Ngoài vật dụng đan lát được làm bằng tre nứa, người Chu-ru ở hầu hết các làng đều biết dùng các loại lá cọ, cói mọc ở đầm lầy để đan túi đựng cơm (*bih*), các loại chiếu nghi lễ nhỏ (*jău skó* và *cheo skó*). Tuy nhiên họ không đan được chiếu để nằm (*bil*) mà sử dụng chiếu mua của người Lạch (một tộc bản địa cư trú ở chân núi Langbiang).

Cùng với nghề nông, các nghề thủ công của người Chu-ru là một hoạt động kinh tế có tính chất bổ trợ quan trọng. Xét về cơ cấu kinh tế, trong mối quan hệ với nông nghiệp có thể thấy đó là loại hình kinh tế phụ gia đình. Thu nhập và nguồn sống chính của người dân vẫn dựa chủ yếu vào nông nghiệp. Hiện nay, sản phẩm nghề đan lát hầu như chỉ phục vụ cho sinh hoạt thường ngày của gia đình. Chính vì vậy, đan lát chỉ diễn ra vào lúc nông nhàn, không bận mùa vụ, khoảng vào tháng 9-10 âm lịch, không có tổ chức mà là hoạt động tự giác.

Nếu như làm gốm là công việc của phụ nữ Chu-ru thì đan lát hoàn toàn dựa vào đôi bàn tay khoẻ mạnh và khéo léo của người đàn ông. Người đàn ông Chu-ru cao tuổi thường có nhiều kinh nghiệm trong đan lát. Thanh niên hay tham gia chuẩn bị nguyên liệu hơn là thực hiện các khâu kĩ thuật. Việc học và truyền lại kĩ thuật đan lát ở đây cũng hoàn toàn mang tính tự phát. Những chú bé người Chu-ru học nghề đan từ nhỏ, trong quá trình phụ giúp người lớn, ông Ka Leng nói: “Xem người khác làm rồi mình bắt chước làm theo, học đến đâu thực hành đến đó, làm từ sản phẩm đơn giản rồi tiến đến các mặt hàng phức tạp”. Nhìn chung, từ xưa đến nay, nghề đan lát của dân tộc Chu-ru vẫn bó hẹp trong phạm vi gia đình, sử dụng lực lượng lao động nhàn rỗi, chưa phát triển thành một ngành đem lại nguồn lợi đáng kể về mặt kinh tế.

Nghề đan lát ở cộng đồng cư dân Chu-ru ngày càng bị thu hẹp dần do tác động của các sản phẩm công nghiệp cùng chức năng bày bán trên thị trường; vì, phần lớn người Chu-ru đều sống ở những địa bàn có điều kiện giao thương tương đối thuận lợi hơn so với người Mạ và người Cơ-ho. Hiện nay, ở mỗi làng của cư dân Chu-ru chỉ còn một vài nghệ nhân lành nghề đan lát. Họ vừa chế tác các dụng cụ dùng trong gia tộc của mình vừa nhận làm sản phẩm theo đơn đặt hàng của những người ngoại tộc, cộng đồng láng giềng và cả người Kinh có nhu cầu.

PHẦN II

VĂN HOÁ VẬT THỂ

I. ẨM THỰC

1. Ăn

Chu-ru là cư dân trồng lúa nước, do có nhiều tiến bộ trong kỹ thuật canh tác lúa so với các nhóm trồng lúa nước bản địa khác ở Lâm Đồng vì vậy, nguồn lương thực của người Chu-ru tương đối ổn định. Trong một bữa ăn của người Chu-ru, cơm (*losây*) thường được xối ra bát (*kơ*) cho các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên, cũng giống như người Mạ và người Cơ-ho, phần lớn các bữa ăn đều diễn ra bên ngoài ngôi nhà truyền thống (ngoài ruộng, trên rẫy); vì thế, người Chu-ru thường sử dụng các túi đan bằng cỏ (*jobí*) để đựng cơm ăn mà không cần dùng đến *kơ*.

Trước đây, cơm được người Chu-ru nấu trong những nồi đất (*goh dăm*). Khoảng từ những năm 1975 trở lại đây, nồi đất ít được sử dụng. Thay thế vào vị trí đó là các loại nồi

bằng các loại chất liệu hiện đại như nhôm, inox... mà họ có thể mua được rất dễ dàng từ các chợ của người Kinh quanh vùng cư trú.

Xuất phát từ nền kinh tế tự cung - tự cấp với hai hoạt động chủ yếu là làm ruộng, rẫy và săn bắt - hái lượm, do đó thức ăn được người Chu-ru sử dụng chủ yếu là các loại rau hái ở ruộng (*tơ dũh chor; adớh kul*) hay trên rừng (*kơ tũt, nam lơ yoh, nam biờ, do glai, grăn,...*). Ngoài thành phần cơ bản của món ăn có nguồn gốc thực vật; người Chu-ru còn lên rừng săn, bẫy thú; bắt tôm cá dưới sông suối; vì vậy, thực phẩm có giá trị dinh dưỡng như cá, tôm... thường xuyên có mặt trong bữa ăn.

Người Chu-ru là cư dân rất ưa chuộng cháo (vu). Có hai loại cháo:

- *Vu*: Loại cháo thông thường nấu bằng gạo trong những *goh dăm*, cháo này dùng ăn ngay trong ngày.

- *Vu msáp*: Cháo chua, cách thức chế biến món cháo này khá đặc biệt. Cơm được bỏ vào ché, đậy kín và ủ trong thời gian từ một tuần lễ trở lên. Cơm sẽ tự lên men tạo nên vị chua tự nhiên mà không dùng thêm bất cứ một loại men nào khác.

Vào những dịp lễ hội, người Chu-ru còn sử dụng thực phẩm từ vật chăn nuôi (gà, vịt, dê, trâu) làm những món ăn theo *phương thức chế biến giản đơn như: luộc chín, nướng trên than lửa...* Đối với những loại thức ăn dự trữ, họ thường phơi khô, hong khô trên lửa than hoặc muối chua. Một

những món ăn vừa để dự trữ, vừa đặc trưng của người Chu-ru là món cá muối chua (?). Món ăn này được chế biến từ nguyên liệu là các loại cá suối nhỏ xúc ở suối, rửa sạch sau đó trộn muối - ớt và ngâm trong những lọ đất; khi cá đã ngấu (có mùi thơm) là lúc có thể dùng chế biến món ăn. Cách thức chế biến như sau: rang bắp - giã nhỏ - trộn đều vào cá đã muối, có thể sử dụng thêm hạt tiêu rừng nhằm làm tăng hương vị cho món ăn.

Cùng với các món ăn được chế biến từ rau và các loại thực phẩm khác, người Chu ru còn có các món ăn được chế biến từ lúa, cây lương thực chính của họ. Ngoài cơm, cháo, người Chu ru còn dùng gạo để chế biến các loại bánh dùng trong các dịp như lễ, tết, hội hè... Có thể kể đến bánh *loxayanung*, một loại bánh khá điển hình của họ. Nguyên liệu chính để làm bánh là gạo nếp (*pra diếu*). Sau khi, ngâm vừa đủ thời gian, gạo được vớt ra để ráo nước và đem trộn với hạt đậu *tã éh tókúh*. Cây chuối được phát huy công dụng của nó. Thân cây chuối sau khi luộc được tước thành dây buộc. Mỗi cái bánh có một vốc tay gạo, được gói bằng lá chuối thành hình chữ nhật, úp hai cái bánh vào nhau, lấy dây chuối buộc lại hai đầu thành từng cặp. Bánh đem luộc khoảng 4 tiếng là chín.

Bên cạnh những món ăn và phương thức chế biến món ăn của dân tộc mình, trong giai đoạn hiện nay, người Chu-ru còn học được cách làm nhiều món ăn của các cư dân khác như Chăm, Cơ-ho, Mạ và nhất là người Kinh.

2. Uống

Cũng như nhiều tộc người khác, thức uống đặc sắc của người Chu-ru là rượu cần (*tơ pai*). Người Chu-ru có cách thức chế biến rượu cần không khác biệt mấy so với các dân tộc bản địa Lâm Đồng khác đó là dùng men trộn chung với cơm (để nguội) ủ trong nong nia vài tiếng đồng hồ sau đó trộn với trấu và dôn vào các ché, bịt kín miệng ché bằng đất ụm trộn chung với tro bếp, mang ché đã ủ rượu vào để trong những chỗ mát. Hỗn hợp này lên men sau 1-2 tuần là có thể uống được nhưng nếu muốn rượu ngon thì phải mất 1-2 tháng. Men truyền thống được chế tác từ các loại lá, vỏ của một số loại cây rừng. Ngày nay, loại men này đã mai một.

Người Chu-ru thường uống rượu cần (*nhum tơ pai*) trực tiếp từ ché hoặc chiết rượu ra bầu và rót vào từng bát lớn để uống. Người được mời uống rượu cần trong những dịp lễ hội là người được cộng đồng quý mến. Người mời hai tay nâng bát rượu đầy, quỳ trước mặt người được mời, khi nào khách uống cạn hết bát rượu người đó mới đứng dậy.

Giống như người Cơ-ho, Mạ, rượu cần là thức uống không thể thiếu trong một số hoạt động duy trì luật tục, tín ngưỡng (hôn tục, tang tục, các lễ cúng lúa, cúng Yàng). Yếu tố thiêng, tính thiêng trong văn hóa ẩm thực của người Chu-ru biểu hiện rõ nét nhất qua phương thức chế tác và sử dụng rượu cần. Cộng đồng Chu-ru quan niệm, rượu cần ngon phải được làm trong những ché quý - những chiếc ché có linh thần bên trong (loại *jrô* hay *chẻh*); đồng thời, người nấu

...rượu cũng phải có đôi bàn tay khéo léo và tư chất do thần linh đã ấn định. Ở một số địa phương, rượu đang ủ phải được cất trong những góc khuất không cho người lạ vào... Chính những yếu tố thiêng vừa nêu lại có tác dụng hạn chế những tiêu cực nảy sinh khi rượu được sử dụng trong những sinh hoạt cộng đồng. Rượu cần, trước hết là thức uống dành cho thần, con người chỉ được thưởng thức sau khi thần đã cho phép. Sự hiện diện của thần linh gắn liền với trật tự cộng đồng được đảm bảo, hòa khí giữa con người với nhau được khuyến khích; và, rượu trở thành một phương tiện để bày tỏ lòng thành kính, sự chan hòa cởi mở. Rượu cần được khai đồng nghĩa với không gian đã được thiêng hóa, mọi hiểm khích trong cộng đồng đã tìm được lời giải.

Văn hoá rượu cần của người Chu-ru đang đứng trước nguy cơ mai một dần mà biểu hiện rõ nét nhất chính là sự vắng bóng ngày càng nhiều của những chiếc ché đựng rượu cần. Ngày nay, bên cạnh rượu cần, người Chu-ru cũng như nhiều dân tộc khác còn uống rượu trắng nấu bán ngoài hàng.

3. Hút thuốc, ăn trâu

Người Chu-ru hút thuốc từ xa xưa nhưng phổ biến ở nam giới. Cây thuốc lá truyền thống (*pòkào*) được người Chu-ru trồng quanh nhà ở. Trước đây, mỗi gia đình hàng năm đều dành một diện tích khoảng 10-20m² để trồng thuốc lá. Thuốc lá được thu hái, phơi khô, xếp lại thành từng xấp dự trữ trong các nôi đất. Khi sử dụng, họ dùng dao thái lá thuốc thành các sợi mỏng, hút bằng tẩu tự chế hoặc dùng

một loại lá rừng để quấn thành điếu. Khi tiền tệ chưa thâm nhập vào cộng đồng cư dân bản địa Lâm Đồng, thuốc lá còn được dùng làm vật ngang giá để đổi lấy trâu, heo, gà, ...

Nữ giới Chu-ru hầu như không hút thuốc lá, họ ăn trâu. Tục ăn trâu không biết có tự bao giờ nhưng tại hầu hết các địa vực cư trú truyền thống của người Chu-ru tại Đơn Dương và Đức Trọng đều tìm thấy trâu cau. Dĩ nhiên, ngày nay hầu hết những phụ nữ Chu-ru ở độ tuổi trung niên đã không còn ăn trâu nữa nhưng gia đình nào có người già còn duy trì tục này thì ngay sau nhà ở đều có một giàn trâu cau (*sola ponai*). Ngoài ra, trâu cau còn là lễ vật không thể thiếu trong các lễ cúng của tộc người.

II. TRANG PHỤC

1. Y phục

Người Chu-ru không có nghề dệt vải, trang phục truyền thống của họ sử dụng vải nguyên liệu do người Chăm cung cấp hoặc người Cil Buól Ja, Cil Kòn Đố (hai buôn Cil có nghề dệt khá phát triển tại cao nguyên Langbiang). Trước khi người Pháp mở đường từ Phan Rang lên Đà Lạt qua đèo Song Pha, cư dân Chu-ru và người Chăm trao đổi hai mặt hàng chủ yếu là vải và muối qua ngã Ma Nới - Hama Tanung huyện Đơn Dương, đường này nay chỉ còn là một lối đi rừng hoặc qua ngã Tà Năng - Bắc Bình huyện Đức Trọng, nay được mở rộng, nâng cấp thành tuyến Đà Lạt -

~~Đức Trọng~~ Trọng - Phan Thiết . Thông thường, cứ vào khoảng thời ~~giao~~ người Chu-ru thu hoạch mùa màng, người Chăm lại ~~mang~~ vải đến tận làng cư trú để đổi lấy các thứ hàng hóa ~~thực~~. Nếu cộng đồng Chu-ru nào đó có nhu cầu bất thường ~~nhằm~~ trang bị vật lễ cho cưới xin, tang ma,... thì họ phải ~~mang~~ gạo, vật nuôi,... xuống tận vùng của người Chăm để ~~đổi~~ vải vóc.

Y phục của người Chu-ru chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các tộc người sinh sống lân cận. Thông tin hồi cố tại nhiều địa bàn cho thấy, trước đây người Chu-ru có hai cách mặc. *Thứ nhất*, họ sử dụng vải nguyên liệu của người Chăm, người Cơ-ho và người Mạ choàng quấn quanh cơ thể; cả đàn ông và phụ nữ đều mặc váy quấn (*kơ ít pơ pai*); thân trên của cơ thể để trần (ngày thường) hoặc dùng một loại vải như *lì* của người Cơ-ho - Mạ để quấn quanh thân thể (dịp hội lễ); sự phân biệt về giới tính thể hiện ở màu sắc trang phục - đàn ông mặc váy màu trắng, phụ nữ mặc váy xanh đen hoặc đen, nam giới và nữ giới đều sử dụng tấm khoác có hai màu trắng hoặc đen, xanh đen. *Thứ hai*, kiểu y phục phân biệt với cách thứ nhất nhờ kĩ thuật cắt may nhưng chỉ áp dụng cho phần thân trên của cơ thể; loại dành cho nam giới là *áo káp*, loại dành cho nữ giới là *áo là*: áo tay dài, cài khuy một bên (giống với áo của người Chăm). Tuy nhiên, dù là cách vận y phục thứ nhất hay thứ hai, người Chu-ru vẫn phân biệt với người Mạ và người Cơ-ho bằng chiếc khăn (*lôk* hay *lù*)

quấn quanh đầu. Không phân biệt độ tuổi, hai kiểu trang phục trên áp dụng cho cả nam giới và nữ giới dù già hay trẻ.

Đối với người Chu-ru, y phục truyền thống đã không còn được cộng đồng duy trì từ những năm 1950-1960. Dấu vết duy nhất của y phục truyền thống chỉ còn lại trong sinh hoạt đời thường là họ sử dụng chiếc khăn lớn để khoác trong những ngày giá rét hoặc để địu con. Tuy nhiên, hiện nay trong một số phong tục mà nhất là hôn tục, lễ vật là các loại khăn truyền thống vẫn được coi là những vật vô cùng quý giá và thiết yếu. Như vậy, truyền thống y phục của người Chu-ru cho thấy họ đã tạo cho mình một sắc thái văn hoá riêng biệt dù họ sử dụng sản phẩm dệt của các cư dân khác.

2. Trang sức

Từ lâu, chiếc nhẫn, chiếc vòng đã trở thành một vật phẩm biểu hiện cho tình yêu nam nữ. Trai gái yêu nhau trao cho nhau chiếc vòng, chiếc nhẫn làm tin. Vòng tròn đầy đặn, tựa vành trăng của chiếc nhẫn như một biểu tượng bền vững, khép kín, đầy căng, chan chứa tình cảm lứa đôi chung thủy. Từ ý nghĩa ấy, trong ngày ăn hỏi, ngày cưới của người Chu-ru thường dùng nhẫn làm vật đính ước. Con cái đi lấy chồng, lấy vợ, ngoài của hồi môn là ruộng, trâu bò... thì không thể thiếu chiếc nhẫn; mừng cháu mới chào đời, ông bà và họ hàng thường tặng vòng bạc để mong cháu khoẻ mạnh, đuổi trừ tà ma... Nhẫn bạc còn là tặng phẩm dành cho

Nhẫn bạc quý. Có hai loại nhẫn bạc: loại *srih* dành cho nữ giới và *trah* dành cho nam giới. Nhẫn bạc được cung cấp từ **siêng** nghệ nhân Chu-ru ở Ma Đanh - Tu Tra. Vòng cổ **trah vuh tơ koai**), thông thường để trơn, không trạm trổ. Tuy theo lứa tuổi và khả năng kinh tế, nhu cầu thẩm mỹ của mỗi người mà lựa chọn loại trang sức phù hợp. Thiêu nữ chưa chồng đeo kiềng hoặc loại dây chuyền vặn xoắn, phụ nữ lớn tuổi đeo kiềng có trang trí hoa văn đơn giản. Dây **trah** (ơ *nhuh*) cũng được nữ giới rất ưa dùng. Người Chu-ru còn đeo vòng (*kok*) bằng đồng hay bạc ở chân. Khuyên tai (*blo*) to tròn, có trang trí hoa văn. Trâm cài đầu: dài khoảng 6-7cm, một đầu thuôn nhỏ, có trang trí hoa văn dây..Đối với phụ nữ, lược (*tosidô*) còn là một vật dụng luôn được họ mang theo để làm đẹp. Tục cà răng - căng tai không tìm thấy ở người Chu-ru.

Bên cạnh những loại trang sức truyền thống mà ngày nay chủ yếu được sử dụng làm lễ vật bắt buộc trong hôn nhân, trang sức hiện đại đang được đông đảo cư dân Chu-ru sử dụng nhất là giới trẻ.

III. NHÀ CỬA

1. Nhà ở

a. Chọn đất làm nhà

Cũng như bao tộc người khác, trước khi bắt tay vào làm một ngôi nhà, bao giờ người Chu-ru cũng phải lựa chọn xem khu đất dự định dựng nhà có tốt không, sinh sống ở

đấy con người có được mạnh khoẻ không, công việc làm ăn có được thuận lợi không. Tuy nhiên họ cũng có cách thức chọn đất riêng. Trước tiên đó phải là miếng đất có địa thế bằng phẳng, thuận tiện khi đi lại và hơn cả là phải gần nguồn nước tiện cho việc lấy nước phục vụ sinh hoạt hàng ngày. Sau khi chọn được miếng đất ưng ý, họ san phẳng bốn góc, đào mỗi góc một hố. Bên cạnh mỗi miệng hố ở bốn góc, người ta đóng một cái đỉnh, mỗi cái đỉnh có buộc một sợi chỉ. Trong mỗi cái hố, người ta đặt một chén nước đầy, rắc 8 hạt gạo xung quanh mỗi cái chén rồi dùng cái chụp mới (*sorút*) đập lên trên miệng hố. Sau khi hoàn thành xong mọi thủ tục, họ làm một lễ cúng nhỏ, lễ vật chỉ có một con gà luộc và rượu. Cúng xong, mọi người ra về đợi đến sáng hôm sau quay lại khu đất để xem kết quả. Nếu sáng hôm sau ở một trong bốn cái hố mất đi một số hạt gạo, chén nước bị vơi đi, cái đỉnh buộc sợi chỉ bị trôi lên trên mặt đất thì đó là miếng đất không tốt cho việc dựng nhà ở. Còn nếu những thứ đó vẫn còn nguyên vẹn thì công việc dựng nhà mới sẽ được tiến hành khi đã chọn được ngày tốt, nguyên vật liệu đã sẵn sàng, lương thực thực phẩm và nhân lực đã đầy đủ.

b. Kiến trúc nhà ở

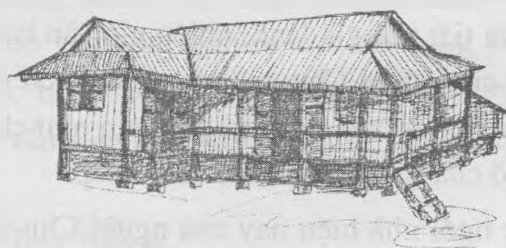
Hình thức cư trú đại gia đình ở người Chu-ru hiện nay không còn được duy trì nữa; vì vậy *nhà truyền thống không còn tồn tại*. Trước đây nhà cửa của người Chu-ru được kiến

điều kiện kinh tế của gia đình. Những người giàu có (nhiều đất, nhiều trâu, nhiều chiêng ché,...) làm nhà *sang* hoặc *sàk doài*; người nghèo sống trong những *sang gró* hay *sang toño*. Về mặt kết cấu, chất liệu nhà của người giàu và người nghèo không mấy khác biệt; nhưng nhà của người giàu thì thường lớn hơn về kích cỡ. Điều này cũng dễ hiểu bởi lẽ, xã hội truyền thống Chu-ru dựa trên nền tảng là những đại gia đình mẫu hệ; gia đình nào có của cải đồng nghĩa với gia đình đó có nhiều năng lực lao động, nhiều người; ngôi nhà phải đảm bảo dung chứa hết các thành viên chưa kể đến đối ngũ những người làm thuê, ở mướn.

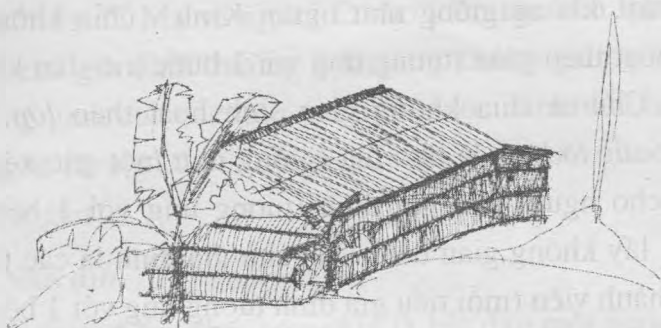
Vật liệu dùng để kiến tạo nhà ở truyền thống của người Chu-ru chủ yếu là những loại vật liệu dễ tìm như tre, nứa, dây mây, lau sậy, cỏ tranh,... Các loại vật liệu là gỗ bên chắc sẵn có trong vùng cư trú nhưng hầu như người Chu-ru ít được sử dụng để làm nhà ngoại trừ một vài cây cột chính. Mặt bằng sinh hoạt trong *sàkdoài* hay *sangtodruk* thường chỉ được làm sàn một phần, phần còn lại là nền đất. Để chống chọi với tiết trời giá lạnh, nhiều gió vào ban đêm, nhà truyền thống của người Chu-ru thường có vách rất thấp; bộ mái vì thế mà buông xuống trùm phủ gần như che kín vách nhà; không có cửa sổ và cửa ra vào nhỏ thấp.

Kiến trúc ngôi nhà hiện nay của người Chu-ru phổ biến là nhà sàn với kết cấu học tập được từ các tộc người khác, vách nhà và mặt sàn được làm bằng gỗ, mái lợp tôn bốn mái, kỹ thuật lợp khá tinh vi. Cầu thang lên xuống được đặt

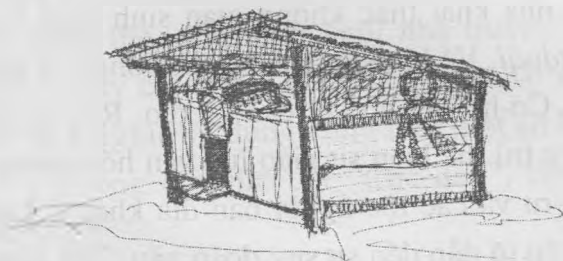
ở đầu hồi nhà. Bước lên cầu thang là sàn hiên, bao quanh nhà là một hàng lan can gỗ. Đôi khi hành lang chỉ được làm phía hông trái và đằng trước ngôi nhà. Bên cạnh nhà sàn, người Chu-ru còn ở trong những ngôi nhà trệt (ở Próh, Đon Dương), vách cũng được làm bằng gỗ, mái lợp tôn, có nơi nhà được đổ mái bằng, sàn nhà bằng đất hoặc lát xi măng. Không như ngôi nhà truyền thống, nhà ở của người Chu-ru hiện nay thường có làm cửa sổ lấy ánh sáng cho ngôi nhà. Bếp để nấu nướng được xây cất ở phía sau bên ngoài ngôi nhà. Phòng khách là nơi để bàn thờ (hầu hết các gia đình đều theo đạo Tin Lành, Thiên Chúa giáo nên đây thường là bàn thờ Chúa). Người Chu-ru đã sử dụng nhiều đồ gỗ giống của người Kinh như bàn ghế, giường, tủ. Tuy vậy, một số yếu tố truyền thống vẫn còn được duy trì như: *sàn nhà, cách khai thác không gian sinh hoạt* (chia phòng trong nhà).



Ngôi nhà sàn của người Chu-ru



Ngôi nhà đất



Chuồng gà (và mơnú) được làm ở cạnh nhà

Dựa vào phương thức khai thác không gian sinh hoạt có thể chia nhà truyền thống của người Chu-ru ra hai loại:

- Loại nhà khai thác không gian sinh hoạt theo “lớp”. Tiêu biểu cho kiến trúc này là *sang todruk*. Nhà này có mặt bằng không gian sinh hoạt hình vuông. Thông thường, chu vi của *sang todruk* khoảng 40m, mỗi cạnh nhà dài 10m. *Sang todruk* đảm bảo độ bền chắc bằng kết cấu vì kèo như nhà của người Kinh, gồm vài gian và hai chái ở hai đầu hồi. Tuy vậy, không giống như người Kinh - chia không gian sinh hoạt theo *gian* (tương ứng với 1 bước mô-đun kết cấu), người Chu-ru chia không gian sinh hoạt theo *lớp*. Chính giữa *Sang todruk* là kho lúa (giống như một gác xép), chỗ dành cho người chủ gia đình (tương ứng với 1 bếp); bao quanh lấy không gian dành cho chủ gia đình là các tiểu gia đình thành viên (mỗi tiểu gia đình tương ứng với 1 bếp) theo thứ tự gia tộc: con, cháu, chắt,... ngoài cùng là chỗ dành cho người làm thuê (ở tạm) hay người ở.

- Loại nhà khai thác không gian sinh hoạt “dọc”, tiêu biểu là *sàkdoài*. Về hình thái, *sàkdoài* giống với nhà dài của người Mạ, Cơ-ho tuy có kết cấu vì kèo. Rất có thể đây là kiến trúc cư trú thể hiện sự giao lưu văn hóa mạnh mẽ giữa người Chu-ru và các tộc người bản địa khác ở Lâm Đồng. Có nhiều yếu tố dẫn đến sự suy đoán này. Thứ nhất, về mặt chữ nghĩa, các loại nhà truyền thống của người Chu-ru tại các địa phương trong tỉnh Lâm Đồng đều được họ gọi là

nhà cửa nói chung) và, từ *sàkdoài* trong tiếng Chu-ru về khía cạnh độ dài vật lý của ngôi nhà (họ cũng gọi *nhà dài* - nhà dài - của người Mạ, Cơ-ho là *sàkdoài*). Thứ hai, *sàkdoài* chỉ xuất hiện nhiều ở những làng Chu-ru sống xen cư hoặc đã hòa huyết nhiều đời với người Cơ-ho như ở Ma Đanh - Tu Tra, Pré - Phú Hội,... Tuy vậy, dù là *sàkdoài* hay *sangtodruk*, người Chu-ru vẫn có cách khai thác không gian sinh hoạt như nhau: kho lúa trong nhà (khác với người Mạ và người Cơ-ho kiến tạo kho lúa riêng biệt⁽¹⁾); chủ gia đình thường ở khoảng không gian giữa nhà và không gian của các tiểu gia đình được đánh dấu bởi các vách ngăn (trong *hìuròt* của người Mạ, người Cơ-ho không có vách ngăn).

2. Nhà mồ

Với quan điểm chết có nghĩa là bắt đầu một cuộc sống mới ở một thế giới khác do đó người chết cũng phải có nhà cửa như người sống. Dáng dấp ngôi nhà mồ cổ truyền được xây dựng theo mô hình ngôi nhà truyền thống của người Chu-ru tuy có những điểm khác biệt về kích thước, mục đích và ý nghĩa sử dụng cũng như một số kết cấu mà ngôi nhà ở không có như: cột “trọc đầu”, cột rom, dây “chống sét”,...

⁽¹⁾ Riêng nhóm Cơ-ho Cil, kho lúa (*dăm koé*) thường được làm ngay trong nhà ở.



Nhà mồ - ngôi nhà dành cho những người chết trong cùng dòng họ
sau lễ bỏ mả

Ngày nay nhà mồ của người Chu-ru được xây dựng bằng nguyên vật liệu (nhà gỗ, mái rơm) cũng như kiến trúc truyền thống không còn nhiều mà dần được thay thế bằng những nguyên vật liệu hiện đại với xi măng, gạch, cát...

Ngoài những đặc trưng riêng về kết cấu của nhà ở truyền thống, kiến trúc Chu-ru còn loại biệt so với kiến trúc của các tộc người bản địa Lâm Đồng khác bởi *sang bomung* (một loại kiến trúc tín ngưỡng) và *sang atou* (nhà dành cho người chết). Thực ra, hai loại kiến trúc vừa nêu mô phỏng tương đối nguyên vẹn *sangtodruk* nhưng nhỏ hơn về kích thước nhằm phục vụ chuyên biệt cho các hoạt động tín ngưỡng và phong tục, góp phần thể hiện trình độ tổ chức xã hội và thế giới tâm linh của cộng đồng cư dân này. Ở nhiều

~~Sang~~ Chu-ru hiện nay, *sang bomung* đã không còn được chú trọng do tín ngưỡng thay đổi nên kết cấu truyền thống không còn được duy trì nguyên vẹn (như ở tại Đà Loan - Đà Trọng), hoặc đã hoàn toàn mai một (tại Diom - Lạc Xuân, Phó. Tu Tra huyện Đơn Dương; Pré, Tà Năng huyện Đức Trọng): dấu vết hiện hữu của *sang bomung* ở những làng này cách xa nơi cư trú một vài km, phần nền móng được đắp cao vuông vức (4m x 6m) vẫn còn ngổn ngang dấu vết của các ngày lễ tế truyền thống mà phần còn lại rõ nét nhất là những mảnh vỡ của bát đĩa...

Như vậy, khái lược về kiến trúc của người Chu-ru qua thông tin hồi cố cho thấy: cư dân tộc người này đã tạo ra được những sắc thái riêng trong kiến trúc, đặc biệt là phương thức khai thác không gian sinh hoạt trong mối quan hệ đan cài chặt chẽ với những khía cạnh phi vật thể khác sẽ được nói rõ ở những đề mục tiếp theo.

IV. PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

Cũng như nhiều tộc người anh em, trước đây, người Chu-ru sử dụng ngựa để vận chuyển hàng hoá nặng và công kênh cũng như di chuyển trên địa bàn. Ngày nay, ngựa chỉ còn được sử dụng ở một vài làng còn chủ yếu là dùng sức người.

Gùi được sử dụng như một phương tiện tối ưu trong những trường hợp như gùi ngô, lúa, củi, nước... Đối với từng loại hàng hoá đồng bào lại sử dụng những loại gùi khác nhau để vận chuyển. Ví dụ đối với củi, bầu nước người

ta dùng những cái gùi (*Giòbày*) có nan thưa đan kiểu mắt cáo; dùng *Giòyol* để gùi lúa, ngô, rau, quả. Đây là vật dụng chính để mang các thứ từ nhà ra nương, từ nương về nhà, dùng khi đi chợ. Mỗi chiếc gùi như vậy cao khoảng 40cm, miệng rộng 35cm, có thể chứa 25-30kg ngô hoặc thóc. *Giòsoba* nhỏ xinh đựng những vật dụng cần thiết dùng khi đi chơi. Ngay từ khi mới sinh, các bé trai, bé gái cũng đã được bố mẹ đan cho những cái gùi nhỏ để làm quà trong lễ cúng. Lớn lên chút nữa, các em đã mang gùi trên lưng giúp bố mẹ hái rau, lấy nước, kiếm củi.

Ngày nay, với điều kiện kinh tế cũng như điều kiện đường sá đi lại dễ dàng hơn, người Chu-ru cũng như nhiều dân tộc khác đều đã biết sử dụng các phương tiện hiện đại như ô tô, xe công nông, xe máy để chuyên chở và vận chuyển hàng hoá.

Tuy có sự thay đổi rõ rệt về phương tiện vận chuyển, nhưng bên cạnh sự hiện diện ngày càng nhiều của phương tiện hiện đại, những phương tiện vận chuyển truyền thống như dùng sức ngựa hay sức người với chiếc gùi trên lưng vẫn được người dân nơi đây ưa dùng.

PHẦN III

VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ

I. TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN

1. Quan niệm tín ngưỡng

Người Chu-ru chia thế giới thần linh ra hai ngôi: **Yang** gồm những vị thần ở dưới đất (Thần rừng, Thần sông, Thần lúa, Thần núi, Thần đập nước...); và **Pô**, những vị thần ở trên trời (Thần sét, Thần sấm, Thần gió,...). Đặc biệt hơn cả có *Yang Bomung* bao gồm nhiên thần và nhân thần được cúng tế theo chu kỳ nhất định do cộng đồng quy định. Nhiên thần đối với người Chu-ru ở một số địa phương là hai vị thần *K' Yút*, *K' Du* có tầm vóc to lớn và những khả năng phi thường đã tạo dựng đất đai, ban phát của cải, lúa gạo cho dân chúng. Hai vị phúc thần này đối lập với những ác thần chỉ được cúng tế trong những trường hợp có chuyện xấu như đau ốm, bệnh tật, tai nạn,... Tuy vậy, thiện thần hay các thần đều nhận được sự tôn kính và nỗi khiếp sợ như nhau của cộng đồng dân cư. Ác thần dĩ nhiên là mang đến cho con người

toàn chuyện chẳng lành nhưng phúc thần trong rất nhiều trường hợp mà con người trái ý - làm những điều luật tục không cho phép - cũng sẽ trừng phạt con người bằng cách gây ra những tai vạ khôn lường như: lụt lội, hạn hán, bệnh tật, cái chết... Nhân thần bao gồm những người đã có công xây dựng, bảo vệ buôn làng mà cho đến ngày nay tên riêng của họ đã không còn được nhắc tới. Cúng *Yàng Bomung* có những lễ nghi đặc biệt nghiêm ngặt và là dịp vui lớn nhất của cả cộng đồng. *Bomung* tạm dịch là *dinh*, được xây dựng chuyên biệt để thờ những vị thần này, chỉ trong ngày lễ hội *Bok Bomung* mọi người mới được đến đây cúng tế.

Các *Yàng*: *Vdai* (*Thần lúa*), *Asang* (*Thần nhà*), *Yang Asurrosang* (*Thần tổ tiên*) và một số vị thần nông nghiệp khác có thể cúng trong nhà hay ngoài trời tùy theo từng lễ thức nhất định.

Khi ông bà, cha mẹ mất đi, đồng bào Chu-ru gọi những người có công sinh thành đó là thần tổ tiên. Tuy nhiên, do thực tế theo đạo Thiên chúa, đồng bào nơi đây không thờ những người đã chết. Chỉ khi xây mộ hay có vấn đề gì liên quan đến người chết, họ mới làm lễ cúng. Lễ vật to, phải giết cả trâu. Nếu không có hiện tượng bất thường, trung bình 3 đến 4 năm họ mới cúng tổ tiên của mình để cầu xin sự an bình đối với những người đang sống. Hoặc giả vào vụ thu hoạch, nếu gia đình nào gặp khó khăn chưa cất lúa được, họ làm một con gà rồi thưa với ông bà của mình.

Người Chu-ru quan niệm ma quỷ cũng tồn tại cùng con

2. Một số nghi lễ cộng đồng

Ngoài những lễ nghi nông nghiệp, người Chu-ru còn có các *lễ hội phục vụ tín ngưỡng và phong tục*:

a. Cúng đình (*Bok Bomung*):

(*Bomung* - có thể hiểu như đình của người Kinh - gồm hai kiến trúc biệt lập cách xa nhau từ 15 - 30m).

Đảm nhiệm việc thờ cúng tại *Bomung* có hai thầy cúng chuyên biệt: *Chom nây* và *Polát*. Thời gian tổ chức lễ vào khoảng tháng 1 - 2 hàng năm. Hai thầy cúng cùng với các vị có vai vế trong bon họp bàn, chọn ngày làm lễ. *Chomnây* và *Polát* cùng vài người đi đến từng nhà trong bon thông báo cho gia đình về ngày làm lễ, mời gia đình đến dự, quyên góp lễ vật (tuỳ theo lòng hảo tâm của chủ nhà).

Khi đến trước cửa một nhà, hai thầy cúng và tuỳ tùng đứng ngoài, nếu chủ nhà đặt một chén nước, một trứng gà trên sàn họ mới được vào trong nhà; chủ nhà làm một con gà, khui một ché rượu làm lễ *Năwar*; thầy cúng cầu điều tốt cho gia đình, chủ nhà trao đồ góp làm lễ *Bomung* (gà, vịt, trứng gà, gạo,... đặc biệt không được dùng vật hiến sinh là heo), sau đó tiễn họ sang nhà khác.

Ngày lễ, dân bon tập trung lên *Bomung* từ sáng sớm, đứng thành hai phía: một bên nam giới, một bên nữ giới. *Chomnây* mang cho mỗi bên một cặp gà. Mọi người làm thịt gà, thầy cúng đặt gà trên mâm gỗ đưa vào bên trong *bomung*. *Chomnây* và *Polát* tay cầm lục lạc, gậy tre, quạt

múa, khăn vái. Dân chúng từng người một sau đó mới vào *bomung* hành lễ, hiến tế vật lễ riêng của gia đình mình. Đối với những người chưa có gia đình khi vào trong *bomung* làm lễ, thầy cúng lấy vôi bôi lên trán họ. Làm lễ xong mọi người cùng quây quần bên nhau trò chuyện, ăn uống, múa hát hết đêm hôm đó.

Buổi sáng ngày thứ hai, thầy cúng chuẩn bị một con gà, một quả trứng gà, một ché rượu cần đưa vào trong *bomung* để làm lễ. Trưa ngày hôm đó, *Chomnây* dùng dao cắt cổ dê, hứng máu vào một cái tô bằng đồng dâng lên Yàng.

Ngày thứ ba, cũng là ngày cuối cùng của lễ hội Bok Bomung, từng gia đình mang lễ vật riêng vào cúng. Vật lễ sau khi cúng xong được chia đều cho mọi người dùng. Buổi chiều, một lần nữa hai thầy cúng khăn vái làm lễ, lần cúng này không được nhảy múa và không sử dụng bất kỳ một nhạc cụ nào. Sau cùng, mọi người dọn dẹp vệ sinh chung quanh và trong *bomung* rồi kéo nhau ra về.

Người đi tham dự lễ Bok Bomung về không được bước ngay vào nhà mình mà họ phải ra suối tắm rửa sạch sẽ trước. Mọi chuyện chẳng lành xảy ra trong bon làng sau lễ hội Bok Bomung coi như đã được giải quyết - kể cả thù hận - mọi người không được nhắc đến nữa.

Bok Bomung một mặt là sự thực hành tín ngưỡng nguyên thủy của cư dân Chu-ru, mặt khác còn là dịp để các cư dân trong bon làng sinh hoạt và thể hiện tính cộng đồng,

không lâu hơn nữa, các sinh hoạt văn hoá truyền thống của người Chu-ru, đặc biệt là lễ hội nông nghiệp sẽ được khôi phục lại để góp phần gìn giữ bản sắc văn hoá tộc người.

Việc cúng lễ trong các nghi lễ trên không thể thiếu các thầy cúng. Thầy cúng (tiếng Chu-ru gọi là *boyou*) cũng có thể coi là một nghề trong xã hội Chu-ru. Có điều, đây là nghề đặc biệt và không phải ai muốn làm cũng có thể được.

Để được nhận học làm thầy cúng, người đó phải xa vợ một năm, kiêng ăn thịt chuột, thịt lợn suốt đời, đồng thời làm một lễ xin ông bà và xin thầy dạy nhận mình. Lễ vật chỉ gồm 2 chân gà, 1 trứng sống, 1 trứng chín, một ít tiền để trong chén gạo và vòng tay. Chiếc vòng có ý nghĩa là trao vòng tay cho thần, cũng như con cháu trước khi trao đổi công việc gì cũng thường trao tặng vòng tay.

Tuy vậy, việc chọn người làm thầy cúng là do tự nhiên. Theo lời kể của nhiều người già, thần sẽ chọn người theo dòng họ; và sẽ chỉ người của dòng họ đó mới có thể học làm thầy cúng. Thần ở đây là thần đình trên núi (cũng theo lời kể của người dân, trước kia, trên núi trong khu vực họ ở có rất nhiều đình; đến nay họ đã bỏ bớt (?) không rõ vì lý do gì. Có câu chuyện kể về việc đình dưới chân núi mo Pliang (*Chư mợ' pliang*) - với núi Langbiang là chị em họ: *Có hai bà họ đều là thần. Xưa hai bà lấy con người làm thịt, bà Langbiang không cho nên hai bà đã giận nhau. Đồi Chư*

sinh hoạt văn hoá truyền thống của
là lễ hội nông nghiệp sẽ được khôi
giữ bản sắc văn hoá tộc người.

tác nghi lễ trên không thể thiếu các
tiếng Chu-ru gọi là *boyau*) cũng có
ng xã hội Chu-ru. Có điều, đây là
phải ai muốn làm cũng có thể được.

làm thầy cúng, người đó phải xa vợ
chuột, thịt lợn suốt đời, đồng thời
xin thầy dạy nhận mình. Lễ vật chỉ
sống. 1 trứng chín, một ít tiền để
tay. Chiếc vòng có ý nghĩa là trao
như con cháu trước khi trao đổi
trao tặng vòng tay.

người làm thầy cúng là do tự nhiên.
người già, thần sẽ chọn người theo
của dòng họ đó mới có thể học làm
là thần đình trên núi (cũng theo lời
kia, trên núi trong khu vực họ ở có
họ đã bỏ bớt (?) không rõ vì lý do
việc đình dưới chân núi mo Pliang
úi Langbiang là chị em họ: Có hai
hỏi bà lấy con người làm thịt, bà
ên hai bà đã giận nhau. Đồi Chự

Chự xưa là nơi đổ bã rượu, nên đặt tên là Chự Chọa (đồi
bã rượu) do bà mo¹ pliang làm rượu để uống với thịt người,
xả đổ bã rượu ra đó. Xưa núi đó còn có đường lên đồi.
Trên đồi có nhà, cây cối và đình. Đình núi đó giờ thành
rừng. Người được chọn thường không biết lúc nào thần
chọn, nhiều khi đang đi nương ruộng lại được thần đưa đi.
Đen đêm, thần thả giữa rừng tự đi về, đến nhà là gà gáy.
Tiếp đó, người được chọn phải ở trong núi không mang cơm
gạo. Thần sẽ dẫn người này đi khắp nơi và nhiều khi không
biết là đi đâu, đúng 1 tuần lễ thì về. Hai tháng đất đi liên tục
như thế mới thành thầy. Theo lời một số thầy cúng, đi như
thế nhằm mục đích để biết về các đình.

Học lời cúng cũng là một phần quan trọng trong quá
trình học làm thầy cúng. Người được chọn phải làm một lễ
vật gồm 1 con gà, 1 con lợn, 1 con dê để cúng thần trước
khi học lời cúng. Thần sẽ dạy người được chọn lời cúng
trong 8 ngày 8 đêm. Lời cúng được truyền dạy bằng miệng
chứ không bằng giấy vở nên chỉ thầy cúng thuộc và không
thể dịch ra ngôn ngữ sinh hoạt bình thường. Sau khi học làm
thầy cúng, thầy cúng sẽ được thần cho dụng cụ cúng là 1 sợi
dây, 1 roi, 1 bát đồng, 1 quạt và nến sáp ong. Sợi dây lục lạc
(tiếng Chu-ru gọi là *tơ lây grung*) là sợi dây nói với thần
linh. Sợi dây có 3 quả chuông. Trước khi buộc chuông vào
dây mới, ông thầy phải cúng 1 con dê, 10 con gà để nhận
dây và cột chuông trước sự cho phép của thần đình. Việc đi
cúng về sau không thể thiếu sợi dây đó.

Việc truyền nghề thầy cúng cũng phải được sự cho phép của thần. Nếu thần không cho truyền nghề thì dù có cố mấy chẳng nữa, thần cũng không chấp nhận người được truyền. Người thầy cúng cũ buộc phải để thất truyền, thay vào đó là một thầy cúng khác được chính thần chọn lựa, đồng thời đưa dụng cụ cúng của ông thầy cũ này về đình.

Nghi lễ của thầy cúng (Ngãh Yang bớđơu)

Thầy cúng là một trong những người chiếm giữ vị trí quan trọng trong đời sống của người Chu-ru thông qua những cuộc giao tiếp với thần linh. Bản thân thầy cúng là một năng lực thần bí cùng với những dụng cụ hành lễ đầy tính thiêng như: *grung-lào* (lục lạc to), *grung-tết* (lục lạc nhỏ), *toléi ajuôn* (dây lục lạc cúng), *torodí gonhou* (quạt cúng), *khăl búi* (khăn cúng), *boh mônú* (trứng gà cúng),... Để củng cố tính thiêng, nâng cao vai trò và vị trí cũng như khẳng định quyền năng về tâm linh, người thầy cúng Chu-ru thường phải làm những lễ *ngăh Yang bodou* (dịch sát nghĩa là *cúng Thần thầy cúng*). Lễ này thường được thầy cúng tổ chức khi nhận thấy lòng tin của cộng đồng vào thần linh thông qua ông bị suy giảm do đó, không tuân theo một chu kì nghiêm ngặt về thời gian. Có những thầy cúng cứ 5-7 năm tổ chức nghi lễ một lần nhưng cũng có *bodou* 10-15 năm mới *ngăh Yang bodou*.

Ngãh Yang bôdou được ân định kể từ ngày thần cúng thông báo đến các trưởng tộc, chủ làng và những người có

Lễ thức trải qua nhiều nghi lễ khác của người (

... cũng phải được sự cho phép
... cho truyền nghề thì dù có cố mấy
... chấp nhận người được truyền.
... phải để thất truyền, thay vào đó là
... chính thần chọn lựa, đồng thời
... thầy cũ này về đình.

(Ngãh Yang bodou)

... những người chiếm giữ vị trí
... của người Chu-ru thông qua
... thần linh. Bản thân thầy cúng là
... với những dụng cụ hành lễ đầy
... (lục lạc to), grung-tết (lục lạc
... lạc cúng), torodí gonhou (quạt
... boh monú (trứng gà cúng),...
... cao vai trò và vị trí cũng như
... tâm linh, người thầy cúng Chu-ru
... Ngãh Yang bodou (dịch sát nghĩa
... Lễ này thường được thầy cúng tổ
... của cộng đồng vào thần linh
... do đó, không tuân theo một chu
... gian. Có những thầy cúng cứ 5-7
... lần nhưng cũng có bodou 10-15
...

... ấn định kể từ ngày thần cúng
... tộc, chủ làng và những người có

... khác ngày đến dự lễ qua một cuộc hội họp nhỏ. Đây
... là thời điểm những người đứng đầu cộng đồng bàn bạc
... công việc mà họ có thể chia sẻ, giúp đỡ thầy cúng. Dĩ
... nhiên, những con vật hiến sinh lớn, những món lễ vật chính
... do thầy cúng chuẩn bị. Vật hiến sinh thông thường bao
... gồm: dê (1-2 con), heo (1-2 con), gà - vịt (nhiều ít tùy điều
... kiện), rượu cần (5-7 ché). Lễ cúng nhằm duy trì tính thiêng,
... và vậy các con vật hiến sinh trên chỉ đóng vai trò thứ yếu.
... Vật lễ chính do thầy cúng, các thầy phụ và những người uy
... tín đảm trách gồm các mô hình được làm công phu tỉ mỉ
... (như các sản phẩm vàng mã cúng tế trong các nghi lễ tín
... ngưỡng của người Việt):

- + Du (đọc là đu): cây nêu (cao khoảng 50cm);
- + Aseh (ngựa - để thần đi lại): làm bằng tre;
- + Kodou (người phụ giúp): hình nộm bằng bột gạo;
- + Tó ch'rài: ché uống rượu cho thần hồ;
- + ...

Khi tiến hành cúng tế, các thứ vật lễ được bố trí thành
hai phần:

- + R'jia: phần dành cho các linh thần nói chung;
- + Prò: phần dành cho những vị thần có liên quan trực
tiếp đến thần cúng. Những vị thần này thường ở ngọn núi
thiêng liêng nhất trong một vùng cư trú.

Lễ thức trải qua nhiều tiểu lễ. Giống như phần lớn các
nghi lễ khác của người Chu-ru, Ngãh Yang bodou chia ra

hai lần cúng chủ yếu: cúng sống và cúng chín. Sau những lần dâng vật lễ đến thần linh, gọi mời thần linh về ăn uống. nghi thức *Ch'nò bongă* (thổi hồn) được tiến hành. Thầy cúng gọi từng thành viên tham dự lễ cúng đến gần mình, tay thần cúng vuốt qua chùm dây lục lạc, áp vòng lục lạc vào đầu người nhận lễ và khấn - thổi một hơi ngắn vào đầu người này với mong muốn (thực chất đó là mệnh lệnh): đưa hồn người nào về đúng xác thân người ấy.

Hoạt động hành lễ quan trọng cuối cùng của lễ cúng là *puăl akó* (bói chân gà) và mang tất cả những thứ vật lễ mô hình ra bìa rừng. Cộng đồng Chu-ru quan niệm, một số thứ vật lễ mô hình mà thầy cúng cần thiết để thực hành các nghi lễ khác trong cộng đồng sẽ tự động quay về sau 1 tuần. Cái thiêng, vai trò của thầy cúng và tín ngưỡng đa thần được củng cố thông qua sự việc đó. Suy cho cùng *Ngăh Yang bodou* là một hình thức thắt chặt cái thiêng liêng thần bí và củng cố vị trí của thầy cúng theo một chu kì thời gian không hạn định.

Ngoài những lễ thức đặc trưng của tín ngưỡng đa thần truyền thống, *Ngăh Yang bodou* còn là môi trường diễn ra khá nhiều hoạt động văn hóa văn nghệ dân gian như: đánh cồng chiêng, múa hát, kể truyền lại những câu chuyện về nguồn gốc thần linh, tổ tiên mở đất,...

Ngày nay, thầy cúng chỉ còn tồn tại ở vài địa phương người Chu-ru trong tỉnh Lâm Đồng như: Ma Bó (Tà Năng), Preh (Phú Hội), Pró T'rong (Pró). Tín ngưỡng đa thần ngày

thu hẹp dần mức độ còn thắng hoặc diễn ra thường ứng đồng thuận cũ lại đây, trong tất cả các nhân được duy nhất một B'năhroia Ya Bá sống hành lễ vào ngày 17 tháng

II. LUẬT TỤC VÀ TẬP QU

1. Luật tục

Được thể hiện bằng hi ở cộng đồng người Chu- một chính thể có tính *ơgăppring* (bắt tay giảng thường một lần *xét xit* - (pua ploi) nghe hai bên công vận dụng những câu hòa, hoặc phạt vạ. Tính cũng giống như luật tục chế tài linh động. Mặc định cụ thể và chi tiết từng trường hợp cụ thể. tế của người bị hại và ng hình thức phạt vạ tương ứ

Luật tục của người C bền chặt thông qua những

ing sống và cúng chín. Sau những
linh. gọi mời thần linh về ăn uống.
(thời hồn) được tiến hành. Thầy
tham dự lễ cúng đến gần mình, tay
đây lục lạc, áp vòng lục lạc vào
ấn - thổi một hơi ngắn vào đầu
(thực chất đó là mệnh lệnh): đưa
thần người ấy.

ấn trọng cuối cùng của lễ cúng là
mang tất cả những thứ vật lễ mô
Chu-ru quan niệm, một số thứ
ng cần thiết để thực hành các nghi
tư động quay về sau 1 tuần. Cái
cúng và tín ngưỡng đa thần được
đó. Suy cho cùng *Ngãh Yang*
chặt cái thiêng liêng thần bí và
cúng theo một chu kì thời gian

Đặc trưng của tín ngưỡng đa thần
bodou còn là môi trường diễn ra
hóa văn nghệ dân gian như: đánh
truyền lại những câu chuyện về
mở đất....

chỉ còn tồn tại ở vài địa phương
Đông như: Ma Bó (Tà Năng),
g (Pró). Tín ngưỡng đa thần ngày

thu hẹp dần mức độ ảnh hưởng, *Ngãh Yang bodou* chỉ
còn thỉnh thoảng diễn ra và gần như không nhận được sự
hàng ủng hộ đồng thuận của cả cộng đồng. Hơn 15 năm trở
đây, trong tất cả các làng Chu-ru ở Lâm Đồng chỉ ghi
nhận được duy nhất một lễ *Ngãh Yang bodou* do thầy cúng
B'nahroia Ya Bá sống tại Ma Bó (Tà Năng, Đức Trọng)
hành lễ vào ngày 17 tháng 7 năm 2005.

II. LUẬT TỤC VÀ TẬP QUÁN VÒNG ĐỜI

1. Luật tục

Được thể hiện bằng hình thức nói vắn - nói điệu, luật tục
ở cộng đồng người Chu-ru bao gồm ba khái niệm tại nên
một chỉnh thể có tính pháp lý: *brjai gơu* (tranh luận),
ơgăppring (bắt tay giảng hòa) và *căhrona* (bắt tội). Thông
thường một lần *xét xử - giải quyết bằng luật tục* - chủ làng
(*pùla ploi*) nghe hai bên có tranh chấp *brjai* với nhau, sau đó
ông vận dụng những câu adat adia phù hợp để hoặc giảng
hòa, hoặc phạt vạ. Tính chất chế tài của luật tục Chu-ru
cũng giống như luật tục của người Mạ hay người Cơ-ho là
chế tài linh động. Mặc dù vẫn có những câu luật tục quy
định cụ thể và chi tiết hình thức phạt vạ; nhưng tùy theo
từng trường hợp cụ thể, tùy theo gia cảnh và điều kiện kinh
tế của người bị hại và người hại mà chủ làng đưa ra những
hình thức phạt vạ tương ứng

Luật tục của người Chu-ru duy trì sự cố kết cộng đồng
bền chặt thông qua những điều luật (thực chất là những câu,

bài) rất cụ thể. Những tội nhẹ như: làm mất an ninh cộng đồng, nói xằng nói bậy, ức hiếp người đơn lẻ, trộm vật... thì thường được nói đến một cách trực tiếp. Chẳng hạn:

Sung tongăn duah thàn kobă

Sung tokai duah gai mōjra

Sung sãp duah đrăp biār

Dịch:

Trượt tay kiếm cànch mà vịn

Trượt chân kiếm cànch mà chống

Lỡ mồm kiếm vật mà đền

Hoặc:

Buh aràng buh hú anà lōkoi

Adoi tơ lí buh hú gōu găn

Ame buh găm tơ dōda

Ame buh găm tơ rōng

Thong buh găm tơ kơ-iăng

Dịch:

Thấy người khác không có con trai

Em út không có họ hàng

Mẹ không ôm trước ngực

Cha không cõng trên lưng

Vật nộp phạt trong những trường hợp tội nhẹ thường là những con vật nhỏ: gà, vịt, heo, ... kèm theo 1-2 chén rượu; mọi người cùng uống, cùng ăn để giảng hòa với nhau.

Tuy nhiên, sự việc được
lối nói phiếm chỉ, nói b
cũng có thể hiểu và vận dụng

Yoh ih logal ba

Yoh rokăn sơm

Dịch:

Gây ách cày mạ

Gây lười cày mạ

Đây là trường hợp luật
vợ phải quay về nhà cha m
trách nhiệm đến mấy, ngư
lo lắng cho con cái của
những người chồng góa v
chịu phạt rất nặng.

Trong cộng đồng của
hệ bất chính, loạn luân
Những người vi phạm ph
gồm: *tăkbào* (chém trâu),
toblàng (mở trước sân - b
chính và loạn luân mà để
cái) thì những người vi p
ché họ còn bị đuổi khỏi c

Dĩ nhiên trong xã hội
linh ở khắp chốn, mọi hi
đều chịu sự kiểm soát, c

nhẹ như: làm mất an ninh cộng
hiếp người đơn lẻ, trộm vật...
một cách trực tiếp. Chẳng hạn:

ah thàn koba

gai mớira

dráp biar

cành mà vịn

cành mà chống

ai mà đèn

hủ anà lokoi

gou găn

doda

rông

ơ kơ-iăng

không có con trai

họ hàng

rước ngực

trên lưng

trường hợp tội nhẹ thường là

heo. ... kèm theo 1-2 chén rượu;

ăn để giảng hòa với nhau.

Tuy nhiên, sự việc được đề cập trong nhiều trường hợp
nói phiếm chỉ, nói bóng, nói gió mà không phải ai ai
cũng có thể hiểu và vận dụng được ngay.

Yoh ih logal ba wớ

Yoh rokăn sornĩa ba wớ

Dịch:

Gãy ách cày mang về

Gãy lưỡi cày mang về

Đây là trường hợp luật tục quy định người đàn ông chết
vợ phải quay về nhà cha mẹ đẻ. Dù thương con đến mấy, có
trách nhiệm đến mấy, người goá vợ cũng không thể ở lại để
lo lắng cho con cái của mình. Vi phạm điều này không
những người chồng goá vợ mà cả gia đình anh ta cũng phải
chịu phạt rất nặng.

Trong cộng đồng của người Chu-ru ở Lâm Đồng, quan
hệ bất chính, loạn luân là những tội nghiêm trọng nhất.
Những người vi phạm phải trải qua ba hình thức phạt vạ,
gồm: *tăkbào* (chém trâu), *rào amara* (tẩy rửa tội lỗi) và *pớ
to-blàng* (mở trước sân - bêu ra giữa làng). Nếu quan hệ bất
chính và loạn luân mà để lại hậu quả nghiêm trọng (có con
cái) thì những người vi phạm ngoài bị phạt trả trâu, chiêng,
ché họ còn bị đuổi khỏi cộng đồng.

Dĩ nhiên trong xã hội Chu-ru truyền thống, nơi mà thần
linh ở khắp chốn, mọi hành động, nghĩ suy của con người
đều chịu sự kiểm soát, chi phối của các đấng siêu nhiên thì

luật tục càng là một minh chứng cho sức mạnh thần bí đó. Người Chu-ru quan niệm: những điều luật không chỉ là trật tự mà thế hệ trước đã truyền lại mà đó còn là việc thuận theo lẽ của thần linh. Vi phạm luật tục là đồng nghĩa với làm mất lòng thần; và vì vậy, nộp phạt vừa là một nghĩa vụ của con người với nhau nhưng cũng đồng thời là làm vui lòng thần, vãn hồi lại cái trật tự mà thần đã sắp xếp. Phạt vạ là một hình thức làm hài hòa mối quan hệ cộng đồng, là để sự cố kết cộng đồng về sau càng bền chặt hơn:

Yơ akhàn tơ dolou

Klà gou toléi yơ pé blàng

Prah bung sàng tơ biă tơ blàng

Aràng klau porlơi rơnăm gơu drêi

Klé akhàn song drêi

Mă tung phì kotó tiên rơu

Anàng sêi sothơu tiên drêi úp dơ múp

Cih jomàn tơ jung tơ buai

Mơrai lăm dolăm tung tiên

Phì yơ akăm anit gơu

Dịch:

Này nhé kể để sắp xếp

Sa nhau cùng một làng như hái cà

Khỏi nóc nhà là đã ra ngoài

Người cười, người chê, người thương mình đâu!

Thậm kể với nh
Lấy họ hàng m
Tự dung lòng m
Ngọt là ngọt trê
Phải từ trong l
Đắng như trái a

Ngoài những điều luật tục trong hôn nhân và tang còn có vai trò điều tiết cá nhân, thừa kế tài sản, đất sản như lấn chiếm đất, khác,... Như vậy, mọi trai sinh trong cộng đồng đều qua vai trò của luật tục. luật tục Chu-ru cũng không những trường hợp được khả năng chế tài linh diệu cộng cảm, vừa giúp cho l và gần như tồn tại song trong giai đoạn hiện nay.

2. Vòng đời và nhữn

Mỗi con người từ khi sau khi chết (đối với nh giai đoạn phát triển khác đó được đánh dấu bởi n

h chúng cho sức mạnh thần bí đó.
những điều luật không chỉ là trắ
uyên lại mà đó còn là việc thuận
phạm luật tục là đồng nghĩa với
vậy. nộp phạt vừa là một nghĩa vụ
nhưng cũng đồng thời là làm vui
trật tự mà thần đã sắp xếp. Phạt và
hòa mối quan hệ cộng đồng, là để
càng bền chặt hơn:

lou
pé blàng
tơ biã tơ blàng
rơ nãm gou drêi
drêi
rơ nãm rơu
tiên drêi úp dơ múp
tơ buai
m tung tiên
ait gou

áp xếp
làng như hái cà
đã ra ngoài
chê, người thương mình đâu!

Thâm kể với nhau
Lấy họ hàng mà đê bụng nhau
Tự dung lòng mình ai biết vậy
Ngọt là ngọt trên đầu môi vậy
Phải từ trong lòng mình nói ra
Đáng như trái akām mà vẫn thương nhau.

Ngoài những điều luật có quan hệ mật thiết đến phong
tục trong hôn nhân và tang ma, *adat adia* của người Chu-ru
còn có vai trò điều tiết các quan hệ về kinh tế như: chuyển
nhượng, thừa kế tài sản, đất đai hay những tranh chấp về tài
sản như lấn chiếm đất, chiếm cây con vật nuôi của người
khác,... Như vậy, mọi tranh chấp, khúc mắc, mâu thuẫn nảy
sinh trong cộng đồng đều được xem xét và giải quyết thông
qua vai trò của luật tục. Lấy sự hòa hợp làm trọng nhưng
luật tục Chu-ru cũng không kém phần nghiêm khắc đối với
những trường hợp được cộng đồng quy định là trọng tội.
Khả năng *chế tài linh động* vừa thể hiện tính cộng đồng,
cộng cảm, vừa giúp cho luật tục Chu-ru vẫn duy trì tác dụng
và gần như tồn tại song song với luật pháp của nhà nước
trong giai đoạn hiện nay.

2. Vòng đời và những nghi lễ

Mỗi con người từ khi sinh ra đến khi chết đi và ngay cả
sau khi chết (đối với nhiều dân tộc) đều phải trải qua các
giai đoạn phát triển khác nhau của cuộc đời. Mỗi giai đoạn
đó được đánh dấu bởi một hay nhiều những nghi lễ nhất

định do cộng đồng người sinh sống quy định. Nghi lễ vòng đời người theo GS.TS. Ngô Đức Thịnh là “những nghi lễ liên quan đến cá nhân, từ khi sinh ra đến khi chết”⁽¹⁾. Nghi lễ vòng đời người là nghi lễ mà gia đình và cộng đồng thực hiện cho mỗi con người. Do đó, nghi lễ vòng đời người không chỉ liên quan đến một con người mà liên quan đến cả cộng đồng, đó là cách ứng xử của cộng đồng người đối với mỗi cá nhân và ngược lại. A.V. Gennep, tác giả cuốn *Các nghi thức chuyển tiếp*⁽²⁾, đã khái quát một cách đầy đủ và khoa học về nghi lễ vòng đời người, trong đó ông chia đời người thành 3 giai đoạn: 1. *Sinh*: chữa, đẻ và tuổi sơ sinh, tuổi thiếu niên; 2. *Trưởng thành*: tuổi thiếu niên, lễ trưởng thành và hôn nhân, tuổi con người cộng đồng; 3. *Tử*: lên lão, sự chết đi đối với tang ma và cuộc sống ở thế giới bên kia.

Mỗi dân tộc, mỗi tôn giáo có những nghi thức đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp của đời người khác nhau. Người Chu ru ở Đơn Dương chịu ảnh hưởng của đạo Thiên Chúa giáo và Tin Lành không còn giữ nguyên vẹn những tập tục, những nghi lễ truyền thống của dân tộc. Những nghi lễ còn sót lại mà chúng tôi sưu tầm được chỉ còn tồn tại trong ký ức của những người lớn tuổi trong cộng đồng. Những nghi

⁽¹⁾ Ngô Đức Thịnh (chủ biên), (2001). *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.23.

⁽²⁾ Gennep. A.V. (2002), *Các nghi thức chuyển tiếp (Rites de passage)*, Picard, Paris, 1981, bản dịch đánh máy vi tính chưa xuất bản của Viện Nghiên cứu Văn hoá dân gian, Hà Nội.

lễ này phần nào thể hiện vòng đời con người.

a. Sinh đẻ

Đối với người Chu ru chúng (Sri soroai), quan sinh con đẻ cháu là một thần linh đã mang cho nhiều tộc người khác, ng là cả một quá trình “mai yếu đuối nhất không còn như bình thường do đó kiêng không làm những bước qua hố (sợ đẻ rơi)... gần đến ngày sinh, gia hàng khoẻ mạnh tới nhà thuốc những khi chống thai hầu như không kiên như người bình thường, gần ngày sinh nở, những đều không được lại gần vào người không tốt ch các tộc người ở miền n

⁽¹⁾ Ở người Chăm việc kiêng cử còn đối với cả người chồng. Kh cắt tiết gà, vịt và các súc vật ngược, đun củi ngược (vì sợ đẻ

sinh sống quy định. Nghi lễ vòng
Ngô Đức Thịnh là “những nghi lễ
từ khi sinh ra đến khi chết”⁽¹⁾. Nghi
lễ mà gia đình và cộng đồng thực
hiện. Do đó, nghi lễ vòng đời người
của một con người mà liên quan đến cả
đời sống của cộng đồng người đối với
đời sống. A.V. Genep, tác giả cuốn *Các*
đã khái quát một cách đầy đủ và
đời người, trong đó ông chia đời
1. *Sinh*: chữa, đẻ và tuổi sơ sinh.
2. *Thành*: tuổi thiếu niên, lễ trưởng
thành của người cộng đồng; 3. *Tử*: lên lão,
và cuộc sống ở thế giới bên kia.

giáo có những nghi thức đánh dấu
đời người khác nhau. Người Chu
hưởng của đạo Thiên Chúa giáo
giữ nguyên vẹn những tập tục,
của dân tộc. Những nghi lễ còn
được chỉ còn tồn tại trong ký
uẩn trong cộng đồng. Những nghi

⁽¹⁾ Ngô Đức Thịnh, *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở*
Hà Nội, tr.23.

⁽²⁾ *Thực chuyển tiếp (Rites de passage)*, Picard,
tính chưa xuất bản của Viện Nghiên cứu

ở đây phân nào thể hiện được các giai đoạn phát triển của
đời con người.

a. Sinh đẻ

Đối với người Chu-ru, sau ngày đôi trai gái đeo nhẫn
chúng (*Srí sonoai*), quan hệ hôn nhân được tác thành thì
sinh con đẻ cháu là một dịp vui lớn, là bằng chứng cho việc
thần linh đã mang cho con người hạnh phúc. Cũng như
nhiều tộc người khác, người phụ nữ khi có thai rồi sinh nở
là cả một quá trình “mang nặng đẻ đau”, đó là lúc cơ thể
yếu đuối nhất không còn nhanh nhẹn, hoạt bát và chủ động
như bình thường do đó khi phụ nữ Chu ru có thai họ thường
kiêng không làm những việc quá nặng nhọc, kiêng không
bước qua hố (sợ đẻ rơi)... Khi người phụ nữ có thai nhất là
gần đến ngày sinh, gia đình thường nhờ những người họ
hàng khoẻ mạnh tới nhà chăm sóc, giúp cô nấu nước, nấu
thuốc những khi chồng đi vắng. Người phụ nữ khi mang
thai hầu như không kiêng gì, chế độ ăn uống của họ giống
như người bình thường, trừ trường hợp nghén khó ăn⁽¹⁾. Đến
gần ngày sinh nở, những người họ hen, ốm yếu hay khách lạ
đều không được lại gần tránh trường hợp vía người lạ sẽ ám
vào người không tốt cho đứa trẻ và người mẹ. Không như
các tộc người ở miền núi phía Bắc, người Chu ru không có

⁽¹⁾ Ở người Chăm việc kiêng cử không chỉ được thực hiện đối với người vợ mà
còn đối với cả người chồng. Khi vợ có thai, chồng không được sát sinh, không
cắt tiết gà, vịt và các súc vật khác; không làm những gì ngược như ăn đồ
ngược, đun củi ngược (vì sợ đẻ ngược) v.v...

dấu hiệu báo cho khách biết trong nhà có sản phụ, do vậy khi khách đến nhà, họ thường chỉ được tiếp ở buồng khách đã được ngăn cách kín đáo với nơi sản phụ nằm.

Phụ nữ Chu-ru khi sinh nở đều được ở trong nhà. Mọi chuyện ốm đau, bệnh tật, khó sinh con,... trước đây phải nhờ đến *Podou* cúng *Yang*. Ngày nay điều đó đã được loại bỏ. Khi đứa trẻ ra đời, dòng tộc hai bên nội ngoại đều được loan tin. Họ đến ngoài thăm hỏi sản phụ còn mang quà dành cho đôi vợ chồng vừa có con mới. Quà tuy không nhiều nhưng thể hiện tình cảm giữa họ với nhau như: cho 1 con gà, vài kg gạo, ít quần áo cho đứa trẻ,... Tùy theo từng làng mà bà đỡ được cảm ơn bằng những hiện vật cụ thể: 01 chuỗi cườm, vài tấm khăn áo, sau này là ít tiền (xem như tiền công). Đứa trẻ ra đời được vài hôm hay ngay sau khi mẹ tròn con vuông (tùy theo làng), gia đình có thành viên mới khui một ché rượu, giết gà, vịt để làm lễ *clọ ham*; vài người thân thích được mời đến cùng chia vui. Sau vài câu cầu khẩn cho sức khỏe của đứa bé và bà mẹ, mọi người cùng ăn uống múa hát trong một ngày (hay một buổi). Sau khi sinh con một vài tuần, người mẹ lại lao vào những công việc thường nhật; mọi thành viên trong gia đình đều phải có nhiệm vụ chăm sóc, dưỡng dục đứa bé mà gần nhất là chuẩn bị cho lễ *Kló ham di apui* (gần giống với lễ đầy tháng ở người Việt). Lễ thức này được tiến hành trong khoảng thời gian từ 1 đến 9 tháng sau khi đứa trẻ ra đời, tùy theo điều kiện từng gia đình mà lễ thức được tổ chức. Trong lễ thức,

mẹ đứa trẻ phải chuẩn bị... nếu đó là bé trai: ... gái. Họ hàng, bà con xúm... mừng gia đình có thêm... trong tương lai...

b. Cưới hỏi

Quan hệ hôn nhân giữ thể xảy ra theo hai hướng:

- Hứa hôn - do cha mẹ
- Tự do lựa chọn - trên

Kết hôn do hứa hôn họ *anhú sanoai* (tạm dịch là... ngày người mai mối cùng gia đình bên nữ chọn một trai. Thường thì cô gái kh... vào nhà người quen gần... mẹ, người cậu nhà gái tr... duyên của cô gái với chàng... mặt để tiến hành lễ đeo nh... nhẫn, nữ trao cho nam trư... chàng trai sẽ mang rượu u... khi lễ đeo nhẫn kết thúc.

Ngày dạm hỏi là ngày... yêu cầu về vật lễ. Gần nh... ứng đầy đủ các yêu cầu c...

biết trong nhà có sản phụ, do vậy
thường chỉ được tiếp ở buồng khách
với nơi sản phụ nằm.

anh nờ đều được ở trong nhà. Mọi
đ. khó sinh con,... trước đây phải
g. Ngày nay điều đó đã được loại
g. Tộc hai bên nội ngoại đều được
m hỏi sản phụ còn mang quà dành
con mới. Quà tuy không nhiều
giữa họ với nhau như: cho 1 con
cho đứa trẻ,... Tùy theo từng làng
g. những hiện vật cụ thể: 01 chuỗi
sau này là ít tiền (xem như tiền
vài hôm hay ngay sau khi mẹ
làng), gia đình có thành viên mới
vật để làm lễ *clọ ham*; vài người
cùng chia vui. Sau vài câu câu
a bé và bà mẹ, mọi người cùng ăn
ngày (hay một buổi). Sau khi sinh
mẹ lại lao vào những công việc
viên trong gia đình đều phải có
đ. đứa bé mà gần nhất là chuẩn
g. gần giống với lễ đầy tháng ở
được tiến hành trong khoảng thời
khi đứa trẻ ra đời, tùy theo điều
hức được tổ chức. Trong lễ thức,

bé mẹ đứa trẻ phải chuẩn bị các vật dụng nhỏ xinh như ná,
t. gat... nếu đó là bé trai; gùi, rổ xúc tôm, cá... nếu đó là
bé gái. Họ hàng, bà con xóm giềng tụ họp quanh ché rượu
c. mừng gia đình có thêm thành viên mới, có thêm sức lao
đ. trong tương lai...

b. Cưới hỏi

Quan hệ hôn nhân giữa nam giới và nữ giới Chu-ru có
thể xảy ra theo hai hướng:

- *Hứa hôn - do cha mẹ định đoạt.*
- *Tự do lựa chọn - trên cơ sở tìm hiểu trước.*

Kết hôn do hứa hôn hoặc tự do lựa chọn đều phải qua lễ
anhú sanoai (tạm dịch là *dạm hỏi - Ngọc Lý Hiển*). Đó là
ngày người mai mối cùng cô gái và vài người vai vế thuộc
gia đình bên nữ chọn một ngày phù hợp sang nhà chàng
traai. Thường thì cô gái không xuất hiện ngay mà lánh tạm
vào nhà người quen gần nhà chàng trai nhất. Sau khi cha
mẹ, người cậu nhà gái trình bày nguyện vọng muốn kết
duyên của cô gái với chàng trai, nếu anh ta đồng ý cô sẽ có
mặt để tiến hành lễ đeo nhẫn (nhẫn bạc hoặc vàng). Khi đeo
nhẫn, nữ trao cho nam trước, nam trao cho nữ sau. Gia đình
chàng trai sẽ mang rượu uống với gia đình bên gái ngay sau
khi lễ đeo nhẫn kết thúc.

Ngày *dạm hỏi* là ngày gia đình nhà trai đưa ra rất nhiều
yêu cầu về vật lễ. Gần như là một tiên lệ, nhà gái phải đáp
ứng đầy đủ các yêu cầu của nhà trai đưa ra. Lúc này người

mối và hai ông cậu của hai gia đình có vai trò quan trọng nhằm dung hòa yêu cầu của nhà trai và khả năng đáp ứng của nhà gái. Nếu việc dung hòa chưa mang lại kết quả tích cực, cô gái không thể nào xuất hiện được và gia đình nhà gái phải quay về chờ một dịp khác. Khoảng trống về thời gian ấy người mỗi có nhiệm vụ *qua lại* giữa hai gia đình để trao đổi tìm cách giải quyết. Không ít những trường hợp nhà gái đến nhà chàng trai vài ba lần sự việc mới đạt kết quả.

Khác hẳn với *dạm hỏi* của người Kinh, *dạm hỏi* ở người Chu-ru là ngày đôi nam - nữ chính thức bước vào cuộc sống vợ chồng. Ngay trong chiều ngày *dạm hỏi* đạt kết quả mong muốn ấy, gia đình chàng trai đưa con mình về nhà vợ. Muốn rước rể về nhà mình, gia đình người vợ phải đem theo đầy đủ các sính lễ cưới nọp cho cha mẹ chàng rể. Và để đáp lại, nhà trai mở tiệc khoản đãi đại diện nhà gái trong suốt một ngày đêm. Thành phần trong gia đình nhà gái đến rước rể gồm có ông cậu (*miăh*) và các anh em trai của cô gái (*go rơkoi*). Ngày hôm sau, đại diện nhà gái rước rể về nhà. Cha mẹ và bạn bè chàng rể cũng tham gia đưa tiễn. Dẫn đầu đoàn rước rể là ông mối, tiếp đến là chàng rể, cha mẹ, anh em và bạn bè trong làng đi sau cùng. Trên đường đi, để phản đối việc người bạn trai rời bỏ quê hương, các bạn của chàng thường chặn đường té nước vào người chú rể. Để tránh phiền hà, nhà gái phải biếu tặng họ những món quà nhỏ như vòng, gà, hay rượu. Vì thế có lệ, khi bước chân ra khỏi nhà trai là phải tặng bạn bè của chàng rể một cái vòng

được phép ra cửa, xuống
Đi qua các sông, suối, đó
được phép qua. Tối nhà v
được phép lên thang vào
phòng riêng đã được chuẩn
rượu cần, một chiếc liềm
đắp màu trắng lớn; hai ng
họ vào phòng; khi đi vào
chiếc liềm; trên giường (sa
gà, hai bát rượu cần; họ c
trùm tấm đắp, cầu xin th
trong cuộc sống vợ chồng;
tấm đắp mở ra họ chính
trong đại gia đình mẫu h
trai - nhà gái cùng ăn uống
đôi vợ chồng trẻ nhưng q
bàn bạc để chọn *ngày làm*
năng và quyết định của n
một tháng sau lễ đeo nh
gái phải hoàn thành các
thường gồm có: *quần áo*
heo,... Về khía cạnh thu
gái Chu-ru là dịp vui của
làm ra của hai vợ chồng.

(1) Vũ Đình Lợi, *Gia đình và hôn nhân*

hai gia đình có vai trò quan trọng của nhà trai và khả năng đáp ứng nhu cầu chưa mang lại kết quả tích cực xuất hiện được và gia đình nhà trai dịp khác. Khoảng trống về thời gian vụ *qua lại* giữa hai gia đình để kết. Không ít những trường hợp nhà trai ba lần sự việc mới đạt kết quả.

của người Kinh, *dạm hỏi* ở người M'Nông chính thức bước vào cuộc sống. Sau ngày *dạm hỏi* đạt kết quả mong đợi, nhà trai đưa con mình về nhà vợ. Muốn gia đình người vợ phải đem theo đây *hàng* cha mẹ chàng rể. Và để đáp lại, đại diện nhà gái trong suốt một ngày trong gia đình nhà gái đến rước rể và các anh em trai của cô gái (gọi là đại diện nhà gái rước rể về nhà. Cha mẹ cũng tham gia đưa tiễn. Dẫn đầu tiếp đến là chàng rể, cha mẹ, anh em trai đi sau cùng. Trên đường đi, để trai rời bỏ quê hương, các bạn của trai té nước vào người chú rể. Để trai phải biếu tặng họ những món quà. Vì thế có lệ, khi bước chân ra khỏi ban thờ của chàng rể một cái vòng

được phép ra cửa, xuống thang phải nộp một vòng nữa. Sau khi qua các sông, suối, đồi, núi đều phải có tặng phẩm để được phép qua. Tới nhà vợ cũng phải có vòng hay rượu để được phép lên thang vào nhà⁽¹⁾. Đến nhà cô gái, một gian phòng riêng đã được chuẩn bị sẵn các đồ lễ gồm: vài ché rượu cần, một chiếc liềm gặt lúa, một con gà trống, một tấm đắp màu trắng lớn; hai người mẹ và người mối đưa con của họ vào phòng; khi đi vào, đôi nam - nữ phải cần chung chiếc liềm; trên giường (sạp để nằm) để sẵn một mâm đựng gà, hai bát rượu cần; họ được hai người mẹ và người mối trùm tấm đắp, cầu xin thần linh và dặn dò điều hay lẽ phải trong cuộc sống vợ chồng; khi đã uống chung một bát rượu, tấm đắp mở ra họ chính thức trở thành một tiểu gia đình trong đại gia đình mẫu hệ. Sau nghi thức này, hai bên nhà trai - nhà gái cùng ăn uống chúc tụng lẫn nhau hoặc dặn dò đôi vợ chồng trẻ nhưng quan trọng nhất họ phải tiến hành bàn bạc để chọn ngày làm lễ cưới. Ngày này tùy vào khả năng và quyết định của nhà gái (thường từ nửa tháng hay một tháng sau lễ đeo nhẫn). Ngày cưới chính là ngày nhà gái phải hoàn thành các vật lễ đã hứa với nhà trai thông thường gồm có: quần áo, chuỗi hạt cườm, khăn, rượu, gà, heo,... Về khía cạnh thuần vật chất, ngày cưới của đôi trai gái Chu-ru là dịp vui của cả cộng đồng đánh dấu sự ăn nên làm ra của hai vợ chồng.

⁽¹⁾ Vũ Đình Lợi, *Gia đình và hôn nhân truyền thống...*, Sdd, tr. 127.

Cũng như người Cơ-ho, người Chu-ru quan niệm *thách cưới* là một việc cần thiết đối với gia đình chàng trai khi họ bị *mất đi* một lao động. Thân tộc chàng trai có bao nhiêu người (bên mẹ chàng trai quan trọng hơn) thì cô gái cần lo đủ bấy nhiêu món lễ vật. Thách cưới cao nhất ở người Chu-ru là trâu (từ một con trở lên). Thông thường mẹ và người cậu lớn nhất nhận được một bộ quần áo. Lễ vật dành cho những người cậu còn lại giảm dần từ chuỗi cườm, khăn đến nhẫn bạc. Chuỗi hạt cườm là vật thiết yếu nhất cô gái phải chuẩn bị để trao cho cha mẹ và những người cậu của chàng trai⁽¹⁾. Vật lễ vừa có tác dụng thỏa mãn yêu cầu về vật chất vì người con trai đã hoàn toàn thuộc về dòng họ vợ; mặt khác, vật lễ tạo ra sự ràng buộc nhằm củng cố sự bền vững trong hôn nhân một vợ - một chồng. Nếu hôn nhân đổ vỡ do một phía vợ hoặc chồng gây ra, phương án giải quyết là người có lỗi phải nộp lại toàn bộ (hoặc gấp 2-3 lần) số lượng vật lễ mà nhà gái phải nộp cho nhà trai

Trường hợp gia đình nhà gái không lo đủ lễ vật mà đòi

⁽¹⁾ Đồ sính lễ được người Chu-ru gọi là *ngăn độ pơ ptian* (đồ dâng cho họ hàng chàng rể) hay gọi đầy đủ là *do pò anù kông xri kana* (đồ dâng biếu bằng các chuỗi hạt (xrí), vòng (kông), nhẫn (kana)).

Không kể các phí tổn trong hôn lễ, sính lễ cưới cụ thể của người Chu-ru gồm có: 1 cái khăn (*avăn*) cho người mẹ để trả công nuôi dưỡng gọi là *pô éa ksào ame* (bú sữa mẹ), 1 cái áo cho người cha, 1 cái khăn *xa tanh* cho mỗi người chị, em gái được 1 cái khăn *lú* (đó đều là những chiếc khăn mua của người Chăm). Anh em trai mỗi người được tặng 1 chuỗi vòng hạt, nhẫn hoặc tiền bạc. (Vũ Đình Lợi, *Gia đình và Hôn nhân truyền thống...*, Sdd, tr. 123).

nữ quyết tâm lấy nhau
chồng sau ngày cưới.
(không có con gái) là bất đắc
bất cứ món lễ vật nào.
gái trả dần lễ vật thách cưới
một lần. Trường hợp này
gian cụ thể do hai người cắt

Đối với trường hợp hủ
bằng việc hai cặp vợ chồng
thiện ước định sẽ thành hôn
trai - gái. Trong quá khứ, p
êm ấm được tạo ra thông
việc hứa hôn cũng để lại k
những cô gái. Đó là trường
đã ước định thông gia như
con khác giới có độ tuổi từ
một vài tuổi). Thường thì
hôn phải “chờ” đến khi gi
chênh lệch tuổi tác lúc này
những người vợ phải trở t
phải chịu nộp rất nhiều của
muốn tái giá.

Nhà dài - *sak doai* - cũ
thái cư trú đại gia đình kh
cưới vẫn phải ở bên gái ch
cho ra ở riêng. Hôn nhân

o, người Chu-ru quan niệm *thách* đối với gia đình chàng trai khi họ Thân tộc chàng trai có bao nhiêu (quan trọng hơn) thì cô gái cần lo Thách cưới cao nhất ở người Chu-lên). Thông thường mẹ và người một bộ quần áo. Lễ vật dành cho giảm dần từ chuỗi cườm, khăn đến là vật thiết yếu nhất cô gái phải mẹ và những người cậu của chàng ưng thỏa mãn yêu cầu về vật chất toàn thuộc về dòng họ vợ; mặt buộc nhằm củng cố sự bền vững họ chồng. Nếu hôn nhân đổ vỡ do gây ra, phương án giải quyết là toàn bộ (hoặc gấp 2-3 lần) số nộp cho nhà trai

nhà gái không lo đủ lễ vật mà đôi

là *ngân đồ pơ ptian* (đồ dâng cho họ hàng) và *ngân đồ xri kana* (đồ dân biểu bằng các *kana*).

lễ, sinh lễ cưới cụ thể của người Chu-ru mẹ để trả công nuôi dưỡng gọi là *pô éa* cho người cha. 1 cái khăn *xa tanh* cho mỗi (đó đều là những chiếc khăn mua của được tặng 1 chuỗi vòng hạt, nhẫn hoặc nhân truyền thống..., Sdd, tr. 123).

mữ quyết tâm lấy nhau thì cô gái phải về ở hẳn bên gia đình chồng sau ngày cưới. Có khi vì mục đích của nhà trai (không có con gái) là bắt dâu thì gia đình nhà gái không phải bắt cứ món lễ vật nào. Nhà trai cũng chấp nhận để bên trả dần lễ vật thách cưới nếu họ không đủ khả năng lo một lần. Trường hợp này phải có sự thoả thuận về mặt thời gian cụ thể do hai người cậu của hai bên bàn bạc, ấn định.

Đối với trường hợp hứa hôn, hôn nhân được đánh dấu bằng việc hai cặp vợ chồng có quan hệ láng giềng, thân thiện ước định sẽ thành thông gia nếu họ sinh được một đôi trai - gái. Trong quá khứ, phần lớn các gia đình hạnh phúc, êm ấm được tạo ra thông qua sự ước định này. Tuy nhiên, việc hứa hôn cũng để lại khá nhiều bất hạnh, chủ yếu cho những cô gái. Đó là trường hợp một trong hai cặp vợ chồng đã ước định thông gia nhưng lại không sinh được những đứa con khác giới có độ tuổi tương ứng với nhau (hơn kém nhau một vài tuổi). Thường thì chàng trai đã được cha mẹ hứa hôn phải “chờ” đến khi gia đình kia sinh được con gái. Sự chênh lệch tuổi tác lúc này khá xa (15-20 tuổi) và không ít những người vợ phải trở thành góa phụ khi còn rất trẻ. Họ phải chịu nết rất nhiều của cải để làm ma cho chồng và nếu muốn tái giá.

Nhà dài - *sak doai* - của người Chu-ru không còn, hình thái cư trú đại gia đình không tồn tại nữa, đôi vợ chồng mới cưới vẫn phải ở bên gái cho đến khi nào gia đình quyết định cho ra ở riêng. Hôn nhân thuỷ chung một vợ, một chồng

được người Chu-ru rất coi trọng. Bội hôn, ly hôn bị xem là một trọng tội chịu phạt nặng. Người có tội phải đền cho người bị thiệt hại từ một trâu trở lên.

c. Tang ma

* Tang lễ

Khi có người thân qua đời, gia đình người chết loan tin cho cộng đồng bằng cách đánh trống (ba hồi trống liên tiếp), hoặc đánh chiêng bằng (hai hồi chiêng liên tiếp nhau). Tiếng trống và tiếng chiêng *bất thường* theo một khúc thức đặc trưng *sardót* vừa là tín hiệu để những người trong làng đến chia buồn cùng tang chủ, vừa đánh dấu thời điểm những kiêng cử có liên quan đến người chết được áp dụng cho cả cộng đồng trong một thời gian nhất định (thường là 7 ngày). Cư dân Chu-ru không quan niệm chết xấu hay chết tốt. Mọi người qua đời dù trẻ hay già, bệnh tật hay tai nạn, tang lễ đều được tổ chức với lễ thức như nhau.

Ngày hôm sau, gia tộc có người chết chọn và cử một nhóm người (3-5 người) vào rừng chặt cây để làm quan tài (*vọc atâu*). Quan tài truyền thống dành cho người chết của người Chu-ru được làm bằng cách dùng rìu khoét rỗng một thân cây to (như kiểu làm thuyền độc mộc), nắp quan tài được làm riêng căn cứ vào kích thước của phần chính đã được làm trước đó. Việc làm quan tài phải tuân theo dung lượng thời gian đã được cộng đồng quy định: 01 ngày; nếu trong ngày hôm ấy, những người được cất cử không hoàn

thành công việc thì ngày s...
mới. Huyệt mộ được đào...
huyệt mộ mới, hoặc *chuán*...
mặc vẫn còn mộ chưa *potl*...
chôn chung người chết ở...
khoảng những năm 1968-...
chỉ có một huyệt mộ, m...
người chết; quan tài ngư...
những người chết trước...
phương. Huyệt mộ đó khôn...
đã làm lễ *potl* nhằm đưa...
của tổ tiên (nơi thần *Asuhr*...

Thông thường người Ch...
ngày. Người chết được "b...
của gia đình, đặt nằm ngay...
lúc nào cũng có người t...
quyển, bè bạn nhưng bao...
người có trách nhiệm than...
khúc mắc mà người chết c...
gợi gấm tâm sự, lòng y...
đến người đã chết. Nhữn...
trong buổi sáng ngày đưa...

Những người đến d...
trong các thứ sau: gà, vịt...
đình có tang. Những thức...

trọng. Bội hôn, ly hôn bị xem là
nặng. Người có tội phải đền cho
trầu trở lên.

gia đình người chết lo an táng
ch đánh trống (ba hồi trống liên
tiếp (hai hồi chiêng liên tiếp nhau).
tiếng bất thường theo một khúc thức
đặc biệt để những người trong làng
biết chủ, vừa đánh dấu thời điểm những
người chết được áp dụng cho cả
gia đình nhất định (thường là 7 ngày).
niệm chết xấu hay chết tốt. Mọi
gia, bệnh tật hay tai nạn, tang lễ
tức như nhau.

người chết chọn và cử một
người vào rừng chặt cây để làm quan tài
thông dành cho người chết của
gia đình dùng rìu khoét rỗng một
thuyền độc mộc), nắp quan tài
kích thước của phần chính đã
làm quan tài phải tuân theo dung
đồng quy định: 01 ngày; nếu
người được cất cử không hoàn

công việc thì ngày sau họ phải làm lại một quan tài
mới. Huyệt mộ được đào trước khi chôn 01 ngày nếu là
huyệt mộ mới, hoặc chuẩn bị chỗ tại huyệt mộ cũ nếu dòng
tộc vẫn còn mộ chưa *pothi kút* (chưa làm lễ bỏ mả). Tục
chôn chung người chết ở người Chu-ru được duy trì đến
khoảng những năm 1968-1970. Khi ấy, mỗi gia tộc thường
chỉ có một huyệt mộ, mỗi huyệt mộ chôn khoảng 15-20
người chết; quan tài người chết sau đặt chồng lên trên
những người chết trước hoặc là đặt dưới tùy theo địa
phương. Huyệt mộ đó không được chôn thêm chỉ khi gia tộc
đã làm lễ *pothi* nhằm đưa những người đã chết về đến nơi
của tổ tiên (nơi thần *Asuhrosang* cai quản).

Thông thường người Chu-ru lưu người chết trong nhà 2-3
ngày. Người chết được “bọc” trong những tấm đắp mới nhất
của gia đình, đặt nằm ngay ngắn trên một sạp ở giữa nhà và
lúc nào cũng có người túc trực hai bên. Họ có thể là thân
quyến, bè bạn nhưng bao giờ cũng phải kèm thêm một vài
người có trách nhiệm than khóc, kể lễ nhằm giải bày những
khúc mắc mà người chết chưa có điều kiện hoàn thành hoặc
gợi gấm tâm sự, lòng yêu thương của gia đình, cộng đồng
đến người đã chết. Những lần điệu ai oán này chỉ kết thúc
trong buổi sáng ngày đưa người chết đi chôn.

Những người đến đám tang chia buồn mang theo một
trong các thứ sau: gà, vịt, tấm đắp, quần áo,... trao cho gia
đình có tang. Những thức ăn được dùng phục vụ mọi người

trong thời gian lo tang, những thứ không ăn được sẽ chôn theo người chết.

Trong những ngày tổ chức tang lễ, gia đình có tang dựng một căn chòi gần huyết mộ, chòi này chỉ sử dụng vào thời điểm mang người chết đi chôn. Quan tài được làm xong cũng không liệm người chết ngay, người chết chỉ được liệm trong buổi sáng ngày đưa đi chôn cất. Quan tài được mang ra đặt xuống huyết mộ (không lấp đất). Những người đi đưa ma trước khi trở về làng phải qua suối rửa mặt mũi, tay chân vì người Chu-ru sợ hồn ma sẽ “bám” lấy họ. Đối với những người không quay về nhà mình mà quay về gia đình tang quyến thì họ phải trải qua một hình thức “gột rửa” tiếp theo: vài người đứng chờ sẵn trước cổng vào nhà, dùng nước và tro bếp hắt lên mình những người vừa đi chôn về sau đó họ mới được vào nhà. Hàng ngày (thường là 7 ngày liên tiếp sau khi chôn) hoặc một ngày trong năm, gia đình mang vịt, gà, cơm,... lên huyết mộ *cho người vừa chết ăn*. Sau lời khấn, thức ăn được đổ xuống huyết mộ. Việc cúng cơm này chấm dứt khi có lễ *pothi kút*.

Những gia đình giàu có khi người chết vừa tắt thở giết một trâu, khi khâm liệm giết con thứ hai. Cũng như nhiều tộc người khác, người Chu-ru quan niệm: người chết khi còn sống đã làm ra của cải, vì vậy tục chia của cho người chết vẫn còn được duy trì với những thứ như: khăn, áo, chiêng, vòng, nhẫn bạc,...

Trong thời gian tổ chức lễ tang, mọi người múa hát theo

Arĩa chớhia (chớ hĩa n) đặt giữa nhà hoặc xung mộ khi đưa đi chôn. Nhạc của phương nhưng phổ biến (áo dọc), *cing* (chiêng nư sáu), *songgor* hoặc *polgon* nghi thức cúng tế trong tang

Phong tục tang ma của đến phong tục hôn nhân. nh gia đình. Vợ chết chồng đ trước khi lấy chồng mới ng phải lên mộ cúng vái xin *vật mang theo gồm một gùi khăn choàng, một con lợn* một năm bị làng phạt một t đi bước nữa phải trở về nh mang theo bất cứ một tài s hành nghi lễ tương tự goá p con trâu.

* Lễ bỏ mả (*Pothi kút*)

Thời gian làm lễ *Pothi* của gia đình hay dòng tộc qua đời từ 2 đến 3 năm trở Nếu là huyết mộ truyền t chỗ” thì tiến hành lễ *Pothi* trường hợp này tùy thuộc v

những thứ không ăn được sẽ chôn

ở chức tang lễ, gia đình có tang
huyệt mộ. Chòi này chỉ sử dụng vào
để đi chôn. Quan tài được làm xong
hết ngay, người chết chỉ được liệm
đi chôn cất. Quan tài được mang
không lấp đất). Những người đi đưa
thải qua suối rửa mặt mũi, tay chân
sẽ "bám" lấy họ. Đối với những
à mình mà quay về gia đình tang
một hình thức "gột rửa" tiếp theo:
rước cổng vào nhà, dùng nước và
ng người vừa đi chôn về sau đó họ
ngày (thường là 7 ngày liên tiếp)
gày trong năm, gia đình mang vịt,
cho người vừa chết ăn. Sau lời
ong huyệt mộ. Việc cúng cơm này

Có khi người chết vừa tắt thở giết
giết con thứ hai. Cũng như nhiều
hu-ru quan niệm: người chết khi
đi, vì vậy tục chia của cho người
trị với những thứ như: khăn, áo,

ở lễ tang, mọi người múa hát theo

Ariia chớhia (chớ hĩa nghĩa là khóc) chung quanh quan
tài đặt giữa nhà hoặc xung quanh nhà, xung quanh huyệt
mộ khi đưa đi chôn. Nhạc cụ dùng trong tang ma tùy theo
địa phương nhưng phổ biến là: *lokel* (kèn bầu 6 ống), *tolia*
(sáo dọc), *cing* (chiêng nôm bộ ba), *sar* (chiêng bằng bộ
sáu), *songgor* hoặc *pohgonăng* (hai loại trống). Đảm nhiệm
nghĩ thức cúng tế trong tang lễ là thầy *Bosih*.

Phong tục tang ma của người Chu-ru liên quan nhiều
đến phong tục hôn nhân, nhất là đối với những người đã có
gia đình. Vợ chết chồng được tái giá sau một năm nhưng
trước khi lấy chồng mới người goá phụ và chồng tương lai
phải lên mộ cúng vái xin người chết cho được lấy nhau, lễ
vật mang theo gồm một gói bánh gói bằng lá cây dầu, một
khăn choàng, một con lợn/heo hay gà. Tái giá trước thời hạn
một năm bị làng phạt một trâu. Người chồng chết vợ muốn
đi bước nữa phải trở về nhà cha mẹ mình và không được
mang theo bất cứ một tài sản nào; khi lấy vợ cũng phải tiến
hành nghi lễ tương tự goá phụ, vi phạm cũng chịu phạt một
con trâu.

* Lễ bỏ mả (*Pothi kút*)

Thời gian làm lễ *Pothi kút* phụ thuộc vào sự chuẩn bị
của gia đình hay dòng tộc. Thông thường khi người thân
qua đời từ 2 đến 3 năm trở lên, mới được tổ chức lễ bỏ mả.
Nếu là huyệt mộ truyền thống (chôn chung), khi đã "hết
chỗ" thì tiến hành lễ *Pothi kút*. Số lượng vật hiến sinh trong
trường hợp này tùy thuộc vào số người chết trong huyệt mộ

đó. Ngày nay, tục chôn chung đã bị loại bỏ, Pothi kút được làm cho một người duy nhất, vì thế vật hiến sinh không trở thành gánh nặng cho gia đình, dòng họ.

Trong lễ bỏ mả truyền thống, người ta dùng tre, nứa làm một hàng rào chung quanh ngôi mộ. Khi đã đắp đất lên trên huyết mộ, nhà mồ che mộ lợp mái tranh và không có bất kỳ hình thức trang trí nào. Hình thức làm nhà mồ với các thứ vật liệu hiện đại (ximăng, gạch, tôn, ngói,...) đã khiến cho từ *Pothi kút* biến nghĩa thành: *Lễ xây mộ*. Tuy vậy, phần nghi lễ của Pothi Kút vẫn còn mang đậm nét truyền thống: người chị cả trong gia đình, dòng tộc có trách nhiệm và quyền hạn lớn nhất trong thời gian chuẩn bị và diễn ra lễ. Người chị phân công việc chuẩn bị cho từng người em, nhất là những vật hiến sinh có tính bắt buộc như: trâu, heo, dê, rượu, gà, vịt. Lễ thức được kéo dài trong nhiều ngày bên cạnh công việc chính là tu sửa lại ngôi mộ được pothi. Trình tự các nghi thức lễ như sau:

- Cúng mở mả (Puh kút)

Chủ gia đình mời thầy cúng và chuẩn bị đầy đủ các thứ vật lễ gồm: 01 heo + 01 gà trống + 01 ché rượu. Thầy cúng dùng các thứ vật lễ dâng lên cho thần linh (dâng làm hai lần: một lần cúng sống và một lần cúng chín). Ché rượu sau khi cúng mọi người tham dự có thể uống cạn nhưng trước đó phải hút rượu ra một bầu nhỏ để tại không gian thiêng trong nhà. Trong lễ cúng này không được phép dùng bất kỳ một nhạc cụ nào để múa hát.

Sáng hôm sau thầy cúng ra mộ. Ông đổ hết l...
khấn nhằm báo cho n...
cháu tiến hành pothi kút c...
người trong gia tộc bắt tay
làm cộng hiến sinh,... tr...
nhà mồ đã hoàn tất, nghi t...

- Đem nhập đám (Di)

Vật hiến tế trong nghi...
lượng vật hiến tế tương ứ...
trong mộ. Ngoài vật hiến...
có thể kèm theo những m...
lươn, hoa quả, các món c...
này là thầy cúng báo ch...
người đã chết biết việc l...
được tiến hành vào sáng l...
sinh (vào buổi chiều). l...
người tham dự cùng ăn u...
của thần linh qua lời thi...
được giống lên kèm theo

- Ngày ăn lớn và hạ t

Từ sáng sớm, trâu hi...
thầy cúng và những ngư...
cúng thứ nhất diễn ra. T...
người đã khuất bằng cách...
và những con vật nhỏ k...

chung đã bị loại bỏ, Pothi kút được nhất, vì thế vật hiến sinh không thể đình, dòng họ.

thống, người ta dùng tre, nứa làm ngôi mộ. Khi đã đắp đất lên trên mộ lợp mái tranh và không có bất kỳ hình thức làm nhà mồ với các thứ gạch, tôn, ngói,...) đã khiến cho *lễ xây mộ*. Tuy vậy, phần còn mang đậm nét truyền thống: đình, dòng tộc có trách nhiệm và thời gian chuẩn bị và diễn ra lễ. chuẩn bị cho từng người em, nhất tính bắt buộc như: trâu, heo, dê, kéo dài trong nhiều ngày bên lại ngôi mộ được pothi. Trình

kút)

cung và chuẩn bị đầy đủ các thứ trong + 01 ché rượu. Thầy cúng lên cho thần linh (dâng làm hai một lần cúng chín). Ché rượu sau dư có thể uống cạn nhưng trước bầu nhỏ để tại không gian thiêng này không được phép dùng bất kỳ ai.

Sáng hôm sau thầy cúng cầm bầu rượu đã để dành từ tối ra mộ. Ông đổ hết bầu rượu lên mộ kèm theo những khăn nhằm báo cho những người đã khuất biết việc con cháu tiến hành pothi kút cho họ. Tính từ thời điểm này mọi người trong gia tộc bắt tay vào làm nhà mồ, đắp lại nấm mộ, làm cộng hiến sinh,... trong thời gian một tuần. Khi ngôi nhà mồ đã hoàn tất, nghi thức thứ hai được tiến hành.

- Đêm nhập đám (Diou toma)

Vật hiến tế trong nghi lễ này bao gồm: trâu, heo, gà; số lượng vật hiến tế tương ứng với số lượng người chết đã chôn trong mộ. Ngoài vật hiến sinh bắt buộc vừa nêu, lễ cúng còn có thể kèm theo những món ăn gia đình kiếm được như: cá, lươn, hoa quả, các món canh rau,... Mục đích của lễ cúng này là thầy cúng báo cho thần linh khắp chốn và những người đã chết biết việc lấy máu những con vật hiến tế sẽ được tiến hành vào sáng hôm sau. Sau khi dựng các cột hiến sinh (vào buổi chiều), lễ thức kéo dài khoảng 30 phút, mọi người tham dự cùng ăn uống và lúc này, được sự cho phép của thần linh qua lời thỉnh cầu của thầy cúng, công chiêng được gióng lên kèm theo những điệu múa truyền thống.

- Ngày ăn lớn và hạ trâu (Hrêi bong prong jră k'bào)

Từ sáng sớm, trâu hiến sinh được cột vào cọc hiến sinh, thầy cúng và những người dự cúng khui một ché rượu. Lần cúng thứ nhất diễn ra. Thầy cúng báo tin hiến tế cho những người đã khuất bằng cách dùng một bát rượu đổ lên đầu trâu và những con vật nhỏ khác đọc lời khấn với mong muốn:

những người đã khuất nhận được đầy đủ các con vật hiến sinh phù giúp cho con cháu trong gia tộc từ nay về sau được khỏe mạnh làm ra nhiều lúa gạo, nuôi được nhiều trâu, heo,...

Kết thúc lời khấn, người đàn ông trưởng tộc và những người giúp lễ hạ trâu, hiến sinh những con vật hiến tế nhỏ kèm theo lấy máu, xẻ thịt và lấy mỗi bộ phận của con vật hiến sinh một ít nấu chín, đặt lên mâm cúng. Thầy cúng gọi thần linh, người đã khuất về ăn thịt uống rượu. Sau nghi thức lấy máu trâu - *bok kvào* - chủ nhà và một số người vai vế trong gia tộc mang 01 gùi vật lễ (các món thịt con vật hiến sinh đã nấu chín) + 01 bầu rượu cần ra mộ đưa cho người chết. Xong việc, mọi người dọn dẹp chung quanh nhà mồ và ra về. Nghi thức kết thúc, thời gian còn lại trong ngày và kể cả đêm hôm đó mọi người cùng nhau vui say, thưởng thức và hòa nhịp vào các điệu kèn, công chiêng rộn rã.

- Ngày ăn đầu trâu (Hrèi bong akó)

Đây là ngày không diễn ra bất kì một nghi thức cúng tế nào nữa; ngày này, gia tộc tổ chức lễ có trách nhiệm mở tiệc nhằm cảm ơn những người thân tộc, bạn bè xa gần, thầy cúng,... đã hỗ trợ gia đình mình trong những ngày diễn ra *pothi*.

Đầu tiên là cảm ơn thầy cúng: chủ nhà khui một ché mời thầy cúng, trao tặng cho thầy cúng một chuỗi cườm hoặc một vật có giá trị tương đương và một vai trâu hay đùi heo. Việc cảm ơn thầy cúng kết thúc, gia tộc lại chuẩn bị

3 ché rượu lớn, cắm cần
giúp đỡ mình lo lắng công việc

- Mời nhóm người là con t

+ Mời nhóm người là con g

+ Mời nhóm người là con r

Khi chủ nhà mời xong, ba
rượu thưởng, cùng múa hát vớ
chia rượu cho các thành viên t
nhặt, mọi người cùng chia tay

Gia đình tổ chức lễ phải
đảm nhận việc cúng tang ma.
Sar Atâu (chiêng ma), *Sar R*
sáu), trống *Păh gi năng*; hoà v
ia chớhĩa, *Păh gi năng*.

Khách mời là thành phần
nhà làm lễ. Những người này
quan niệm "trả nợ miệng".

Làm xong lễ *Pothi kút*.
còn được đưa cơm và thăm v
tại, có nơi vẫn duy trì việc cúng
như: *Fú Ao II* - *Tà Hine* - *Đ*
Ka Đô Cũ - *Ka Đô* - *Pró huyệ*

III. NGHI LỄ NÔNG NGHIỆP

Xuất phát từ nguồn gốc
bàn cư trú, người Chu-ru biế

được đầy đủ các con vật hiến tế. Ông gia tộc từ nay về sau được khỏe mạnh, nuôi được nhiều trâu, heo,...

Người đàn ông trưởng tộc và những người khác sinh những con vật hiến tế nhỏ và lấy mỗi bộ phận của con vật đặt lên mâm cúng. Thấy cúng gọi về ăn thịt uống rượu. Sau nghi thức - chủ nhà và một số người vai gùi vật lễ (các món thịt con vật) 01 bầu rượu cần ra mộ đưa cho người dọn dẹp chung quanh nhà thức. thời gian còn lại trong ngày người cùng nhau vui say, thưởng hiệu kèn, cồng chiêng rộn rã.

Hrêi bong akó)

En ra bất kì một nghi thức cúng tế tổ chức lễ có trách nhiệm mở người thân tộc, bạn bè xa gần, gia đình mình trong những ngày

ấy cúng: chủ nhà khui một ché cho thấy cúng một chuỗi cườm ng đương và một vai trâu hay đùi ng kết thúc, gia tộc lại chuẩn bị

3 ché rượu lớn, cầm cần mời đại diện những người đã giúp đỡ mình lo lắng công việc. Trình tự mời rượu như sau:

- Mời nhóm người là con trai trong tộc họ
- Mời nhóm người là con gái trong tộc họ
- + Mời nhóm người là con rể trong tộc họ

Khi chủ nhà mời xong, ba nhóm này phải uống nhạt *ché rượu thưởng*, cùng múa hát với mọi người và chỉ được phép chia rượu cho các thành viên trong ba nhóm nói trên. Rượu nhạt, mọi người cùng chia tay. Lễ *pothi kút* kết thúc.

Gia đình tổ chức lễ phải mời một thầy *Bosih* - chuyên đảm nhận việc cúng tang ma. Nhạc cụ dùng trong lễ gồm: *Sar Atâu* (chiêng ma), *Sar Rnăh* (chiêng thông thường bộ sáu), trống *Păh gi năh*; hoà với vũ điệu *Poh sar atâu*, *Tom ia chóhia*, *Păh gi năh*.

Khách mời là thành phần không thể thiếu đối với chủ nhà làm lễ. Những người này chủ yếu được mời đến theo quan niệm "trả nợ miệng".

Làm xong lễ *Pothi kút*, ngôi mộ đó hàng năm không còn được đưa cơm và thăm viếng của thân nhân nữa. Hiện tại, có nơi vẫn duy trì việc cúng hàng năm khi đã làm lễ này như: *Fú Ao II* - *Tà Hine* - *Đức Trọng*, *Ma Đanh* - *Tu Tra*, *Ka Đô Cũ* - *Ka Đô* - *Pró huyện Đơn Dương*.

III. NGHI LỄ NÔNG NGHIỆP

Xuất phát từ nguồn gốc lịch sử và ảnh hưởng của địa bàn cư trú, người Chu-ru biết làm ruộng từ rất lâu đời. Lúa

là nguồn lương thực chủ yếu. Ngoài ra, họ còn biết trồng thêm ngô, sắn... Thủ công nghiệp ở đây tuy có bề dày lịch sử nhưng chưa được chuyên môn hoá cao, công cụ thô sơ dẫn đến sản phẩm ít sáng tạo, hoa văn đơn giản và chất lượng hạn chế. Cho tới ngày nay, thủ công nghiệp Chu-ru vẫn chỉ là một ngành sản xuất nhỏ, sản phẩm làm ra chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng cho gia đình, cộng đồng và trao đổi với các dân tộc láng giềng.

Sinh sống trên khu vực cao nguyên cách xa sông biển, từ lâu, cây lúa đã trở thành cây lương thực chủ yếu trong đời sống đồng bào Chu-ru nơi đây. Thời vụ trồng lúa diễn ra theo mùa, cùng với đó là các lễ nghi nông nghiệp được tổ chức gắn liền với mỗi công đoạn trồng tỉa hay thu hoạch.

Người Chu-ru là cư dân trồng lúa nước, lễ hội hàng năm chủ yếu là nghi lễ nông nghiệp trải dài suốt chu trình canh tác ruộng. Mỗi một làng Chu-ru lại có những khác biệt nhất định trong tên gọi và những vật lễ nhằm thực hiện các nghi lễ nông nghiệp. Các lễ hội được trình bày dưới đây được hồi cố từ các nghệ nhân cao tuổi thuộc các xã: Tà Hine, Tà Năng và Đà Loan (huyện Đức Trọng).

1. Cúng đầu mùa (*Mơ nhum ngã war*)

Vào đầu mùa mưa, khi chủ nhà đã chọn được ngày cày ruộng, gia đình tổ chức lễ cúng đầu mùa tại nhà của mình, người cúng là chủ nhà hoặc gia đình có thể mời thầy cúng - *Bodâu* - nhằm chuyển tải những mong muốn của gia đình

đền thần linh. Người cúng c
mưa thuận, gió hoà. Lễ
cần, một con gà, cơm và một

2. Cúng gieo giống (*Mơ*

Khoảng một tháng sau
đoạn làm đất đã thực hiện x
ngày, chủ nhà mang các th
gồm: một choé rượu cần, m
cây. Chủ nhà cầu xin Yang
không bị côn trùng phá hoại

3. Lễ rửa chân trâu (*M*

Lễ này có nhiều điểm g
rào *jong rpu*) của người C
Chu-ru không sử dụng trâu
mùa vụ năm sau mà tập trun
không nuôi trâu theo phươn
Mạ). Chủ nhà chuẩn bị: m
chuối chín, một bát xôi và
Trong ngày làm lễ trâu đ
chuồng vào chiều tối. Khi t
nhà mang lễ vật ra sân khán
khoẻ mạnh hơn trong năm t

4. Lễ mừng lúa trở bờ

Khi lúa bắt đầu lên đôn
cây có vị chua, rượu cần, 4

yếu. Ngoài ra, họ còn biết trồng
ng nghiệp ở đây tuy có bề dày lịch
yên môn hoá cao, công cụ thô sơ
g tạo, hoa văn đơn giản và chất
gày nay, thủ công nghiệp Chu-ru
xuất nhỏ, sản phẩm làm ra chỉ đáp
gia đình, cộng đồng và trao đổi

cao nguyên cách xa sông biển.
cây lương thực chủ yếu trong đời
đây. Thời vụ trồng lúa diễn ra
các lễ nghi nông nghiệp được tổ
g đoạn trồng tủa hay thu hoạch.

trồng lúa nước, lễ hội hàng năm
ghiệp trải dài suốt chu trình canh
Chu-ru lại có những khác biệt nhất
g vật lễ nhằm thực hiện các nghi
được trình bày dưới đây được hồi
tươi thuộc các xã: Tà Hine, Tà
Đức Trọng).

(Mơ nhum ngã war)

chủ nhà đã chọn được ngày cày
cúng đầu mùa tại nhà của mình,
gia đình có thể mời thầy cúng -
những mong muốn của gia đình

thần linh. Người cúng đọc lời cầu xin Yàng cho một
mưa thuận, gió hoà. Lễ vật cúng gồm: một ché rượu
một con gà, cơm và một số loại hoa quả.

2. Cúng gieo giống (Mơ nhum poleh dra)

Khoảng một tháng sau khi đã làm lễ thứ nhất, công
đoạn làm đất đã thực hiện xong, trước ngày gieo giống một
ngày, chủ nhà mang các thứ lễ vật ra ruộng cúng. Vật lễ
gồm: một ché rượu cần, một gà (vịt), một chén cơm và trái
cây. Chủ nhà cầu xin Yàng cho lúa lên đều, xanh tốt và
không bị côn trùng phá hoại.

3. Lễ rửa chân trâu (Mơ nhum rao tơ kai kvào):

Lễ này có nhiều điểm giống với lễ rửa chân trâu (Nhó
rào jong rpu) của người Cơ-ho Srê. Từ thời điểm này người
Chu-ru không sử dụng trâu vào công việc đồng áng cho đến
mùa vụ năm sau mà tập trung vào vỗ béo trâu (người Chu-ru
không nuôi trâu theo phương thức thả rông như dân Cơ-ho -
Mạ). Chủ nhà chuẩn bị: một ché rượu cần, hai gà, một nải
chuối chín, một bát xôi và đặc biệt phải có một con rùa.
Trong ngày làm lễ trâu được tắm rửa sạch sẽ, lừa vào
chuồng vào chiều tối. Khi trâu đã vào hết trong chuồng, chủ
nhà mang lễ vật ra sân khấn xin Yàng cho trâu được béo tốt,
khỏe mạnh hơn trong năm tới.

4. Lễ mừng lúa trở bông (Mơ nhum uở tơ jam bôdai)

Khi lúa bắt đầu lên đồng, gia đình chuẩn bị các thứ trái
cây có vị chua, rượu cần, gà (vịt),... mang ra cúng ở ruộng

hoặc tại nhà. Thời gian làm lễ phải vào ngày trăng sáng. Mục đích mong cho lúa trở đều, nhiều bông, chắc hạt, không bị chim thú phá hại.

5. Lễ mừng lúa chín (*Mơ nhum vok kôh*):

Lễ vật cúng mừng lúa chín gồm: gà (vịt), rượu cần, chuối,... Lễ thức được tiến hành trước khi gặt lúa từ 02 - 05 ngày. Tùy thuộc vào khả năng vật chất của từng gia đình mà vật hiến sinh có thể là: dê, heo, ngựa,... lớn nhất là trâu. Lễ cúng được làm ngay tại chân ruộng lúa.

6. Cúng mừng gặt lúa (*Mơ nhum homa*)

Đây là lễ cúng lớn nhất khép lại chuỗi nghi lễ nông nghiệp một năm của người Chu-ru.

Lúa được gặt, rồi gom lại thành đồng hình nón giữa ruộng, mọi người cùng tụ tập quanh đồng lúa với vật lễ đã chuẩn bị sẵn gồm: vài ché rượu, hai con gà, heo; nếu gia đình làm lễ này đang có người bị ốm đau thì vật hiến sinh là trâu hoặc bò. Đảm nhiệm nghi lễ trong lễ cúng này phải có thầy cúng. Sau nghi thức mời gọi và dâng vật lễ cho thần linh, thầy cúng lấy nước đầu của từng ché rượu để trong một chòi làm cạnh đồng lúa, chia cho từng thành viên - bắt đầu từ những người có vai vế: già làng, chủ nhà, sau đó mới đến những người khác trong dòng tộc. Thầy cúng cắt cổ gà lấy huyết trộn chung với bột nghệ và nước cháo (đựng trong bầu), dùng que vấy thứ nước đó lên đồng lúa, lên trời, xuống ruộng đồng thời đọc bài khấn tạ ơn Yàng đã ban cho

mùa lúa. Nam, nữ xếp thành hàng, kèn, trống nổi lên thâu đêm chia rượu cho từng người. Mọi người hát và những người

Lễ *Mơ nhum homa* còn đây là một số sinh hoạt với hai hình thức: *pơ pơ* tham gia và họ nhận được người. Đó vật thắng cuộc nhận một xâu thịt nướng đồng ban thưởng nhiều rượu thầy cúng và già làng đọc nê thua người thắng sức khỏe vụ mùa năm sau.

Cuối buổi lễ, người ta trong kho lúa. Thầy cúng đã cháo, bột nghệ) lên đỉnh hết trong kho, chủ nhà đón thu hoạch, họ phải làm lễ lúa, có nơi phương ngữ là hai con gà, hai quả trứng gà

Ở Ma Đanh, xã Tu Trại xuất nông nghiệp lại gần *bơ dai* - lễ mở bờ thóc. là tiến hành trước khi lấy thóc

làm lễ phải vào ngày trăng sáng
ta trở đều, nhiều bông, chắc hạt
m.

(Mơ nhum vok kôh):

lúa chín gồm: gà (vịt), rượu cần.
hành trước khi gặt lúa từ 02 - 05
năng vật chất của từng gia đình mà
heo, ngựa,... lớn nhất là trâu. Lễ
hân ruộng lúa.

(Mơ nhum homa)

nhất khép lại chuỗi nghi lễ nông
Chu-ru.

lại thành đồng hình nón giữa
tập quanh đồng lúa với vật lễ đã
rượu, hai con gà, heo; nếu gia
người bị ốm đau thì vật hiến sinh là
nghi lễ trong lễ cúng này phải có
mời gọi và dâng vật lễ cho thần
đầu của từng ché rượu để trong một
chia cho từng thành viên - bắt đầu
già làng, chủ nhà, sau đó mới đến
ông tộc. Thầy cúng cắt cổ gà lấy
nghệ và nước cháo (đựng trong
nước đó lên đồng lúa, lên trời,
c bài khấn tạ ơn Yàng đã ban cho

một mùa lúa. Nam, nữ xếp thành vòng tròn quanh đồng lúa;
chàng, kèn, trống nổi lên theo điệu *Arija*. Già làng và thầy
cúng chia rượu cho từng thành viên trong lúc họ đang say
múa hát và những người khác.

Lễ *Mơ nhum homa* còn là dịp để gia đình, cộng đồng
đây trì một số sinh hoạt có tính chất thể thao như: đấu vật
với hai hình thức: *pơ pơh* và *kơ túkgai* - đô vật tự nguyện
tham gia và họ nhận được sự cổ vũ nhiệt tình của mọi
người. Đô vật thắng cuộc được thưởng rượu, người thua
cuộc nhận một xâu thịt nướng. Người thắng cuộc được cộng
đồng ban thưởng nhiều rượu và thức ăn nhất. Khi thưởng,
thầy cúng và già làng đọc những lời khấn xin Yàng ban cho
kẻ thua người thắng sức khỏe và tinh thần hăng hái hơn vào
vụ mùa năm sau.

Cuối buổi lễ, người ta mang lúa về nhà đổ đầy từng bồ
trong kho lúa. Thầy cúng đặt bầu đựng nước (*huyết gà, nước
cháo, bột nghệ*) lên đỉnh bồ lúa. Lúc lúa đã được mang về
hết trong kho, chủ nhà đóng kho lại, nếu muốn ăn lúa mới
thu hoạch, họ phải làm lễ *Mơ nhum pơh vúc bodai* (mở kho
lúa, có nơi phương ngữ là *pưh akó bodai*); lễ vật gồm có:
hai con gà, hai quả trứng gà, một nải chuối.

Ở Ma Đanh, xã Tu Tra, huyện Đơn Dương, chu kỳ sản
xuất nông nghiệp lại gắn liền với các lễ thức như: *Pok ako
bodai* - lễ mở bồ thóc, là lễ thức đầu tiên của vụ mùa được
tiến hành trước khi lấy thóc ra để gieo trồng. *Klou đồng*, lễ

cúng sau khi sạ lúa xong và cắm nêu ngoài đồng được tiến hành cả ngoài ruộng và ở nhà. Lễ vật trong lễ thức gồm gà, rượu, ché rượu cần và 1 cây nêu. *Ơ wơ tian bodai* là lễ thức thứ ba, được tổ chức tại ruộng khi lúa trở đồng với mục đích cầu mong cho cây lúa ra đều, đẹp. Lễ cúng chỉ đơn giản có 2 quả trứng gà, 2 nải chuối. Lễ ăn cơm - *Bong piang bodai* - được tổ chức trước khi gặt lúa, người Chu-ru ở Ma Đanh quan niệm nếu không tổ chức lễ thức này gia đình sẽ gặp những điều xui xẻo. Lễ vật trong lễ thức chỉ có cơm gói trong lá, gà, rượu và gạo mới rang lên giã thành cơm. *Dao bù bodai* - Chặt đồng lúa, được tiến hành sau khi gặt xong, lễ vật là 1 ché rượu cần và 1 con gà. *Pole Vorjoa* - hạ đồng đập lúa, đây là lễ thức lớn nhất trong chu trình nghi lễ nông nghiệp. Để làm lễ này, người ta phải dựng một cái chòi ở ngoài ruộng với các lễ vật gồm: trâu, lợn, gà, cơm gói trong lá dầu, cá lóc nướng, lươn nướng, rượu cần... *Srak ia vu* - Lễ cúng nước cháo, là lễ thức cuối cùng để cúng thần lúa sau khi đã đập lúa xong và chất đầy bồ. Lễ thức này tương tự như lễ *Togudolan* của người Chu-ru ở Próh.

Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu những nghi lễ nông nghiệp trong một vụ sản xuất của người Chu-ru ở Próh, huyện Đơn Dương, Lâm Đồng.

Đối với một số nghi lễ nông nghiệp, thời gian tiến hành nghi lễ được ấn định thông qua một lễ cúng nhỏ tại nhà của

người thầy cúng. Trong lễ cúng này chủ gia đình định tổ chức một ché rượu hoặc một lễ thức linh trước nhất là cho mình và cho gia đình người đến xin lễ thức sau một bài khấn và thành công (roi không đổ ngã) lễ thức đã được chấp thuận, thời gian hành.

Lễ hội mừng mưa đầu năm (akó bodai)

Người Chu-ru làm nông nghiệp vào thiên nhiên, chính vì thế những cơn mưa đầu mùa là rất quan trọng cho một mùa vụ mới. Cho cái này thóc nảy mầm đều. Tháng cổ tiên trong nhịp thời gian của thời điểm người Chu-ru tổ chức mừng mưa đầu năm, lễ thức hội về nông nghiệp. Lễ *Bong* một gia đình đại diện cho cộng gian 1 đêm 1 ngày.

(1) Người Chu-ru tính lịch theo mặt trời mưa đầu mùa (khoảng tháng 4, 5 theo

g và cắm nêu ngoài đồng được ~~đến~~
ở nhà. Lễ vật trong lễ thức gồm ~~gà~~
cây nêu. Ở *wor tian bodai* là lễ thức
trông khi lúa trở đồng với mục đích
đều, đẹp. Lễ cúng chỉ đơn giản có
mồi. Lễ ăn cơm - *Bong piang bodai*.
gặt lúa, người Chu-ru ở Ma Đanh
chức lễ thức này gia đình sẽ gặp
vật trong lễ thức chỉ có cơm gói
mới rang lên giã thành cốm. *Dao*
được tiến hành sau khi gặt xong.
1 con gà. *Pole Vorjoa* - hạ đồng
nhất trong chu trình nghi lễ nông
người ta phải dựng một cái chòi ở
gồm: trâu, lợn, gà, cơm gói trong
nướng, rượu cần... *Srak ia vu* -
thức cuối cùng để cúng thần lúa
và chất đầy bồ. Lễ thức này tương
người Chu-ru ở Prók.

xin giới thiệu những nghi lễ nông
xuất của người Chu-ru ở Prók,
Đồng.

ề nông nghiệp, thời gian tiến hành
qua một lễ cúng nhỏ tại nhà của

người thầy cúng. Trong lễ cúng này, thường thì trưởng họ
chủ gia đình định tổ chức nghi lễ mang đến nhà thầy
một ché rượu hoặc một con gà, thầy cúng sẽ xin phép
linh trước nhất là cho mình được phép rời khỏi nhà, sau
cho gia đình người đến xin được tổ chức lễ cúng. Lễ cúng
thức sau một bài khấn và việc dựng roi cúng trên bát gạo
thành công (roi không đổ ngã) và như vậy là việc tổ chức lễ
thức đã được chấp thuận, thời gian tổ chức lễ thức sẽ được
án hành.

Lễ hội mừng mưa đầu năm (Bông akó bodai - Bông akó bodai)

Người Chu-ru làm nông nghiệp phần lớn vẫn phụ thuộc
vào thiên nhiên, chính vì thế vào tháng 4, tháng 5 khi có
những cơn mưa đầu mùa là lúc có điều kiện tốt để bắt đầu
cho một mùa vụ mới, cho cái cày cái bừa đi thoáng, cho hạt
thóc nảy mầm đều. Tháng có mưa xuống cũng là tháng đầu
tiên trong nhịp thời gian của người Chu-ru⁽¹⁾, đây cũng là
thời điểm người Chu-ru tổ chức lễ *Bông akó bodai* - lễ
mừng mưa đầu năm, lễ thức mở đầu cho một chuỗi các lễ
hội về nông nghiệp. Lễ *Bông akó bodai* được diễn ra tại nhà
một gia đình đại diện cho cả dòng họ trong khoảng thời
gian 1 đêm 1 ngày.

⁽¹⁾ Người Chu-ru tính lịch theo mặt trăng, tháng 1 được tính từ tháng có cơn
mưa đầu mùa (khoảng tháng 4, 5 theo dương lịch).

Để tiến hành lễ thức người Chu-ru cần phải chuẩn bị lễ vật dâng cúng gồm: 1 con lợn, 1 con gà, 1 ché rượu, 1 trâu, 2 quả trứng (1 chín 1 sống) và 1 cây nêu làm bằng gỗ rừng dùng để cột lợn.

Buổi tối, khi mọi thứ đã được chuẩn bị xong, lễ cúng được bắt đầu. Trước tiên, thầy cúng tiến hành nghi thức dâng lễ vật lên các vị thần linh. Lễ vật được dâng lên là một con gà và một con lợn sống như một hình thức “báo cáo” với thần linh để lực lượng siêu nhiên này biết về việc tổ chức lễ thức. Mặt khác đây còn là nghi lễ để các vị thần biết được rằng đó là những lễ vật được con người dâng cúng và quan trọng hơn đó là những con vật còn tươi sống do họ chăn nuôi được. Sau nghi thức này, con gà được cho uống một ít nước rồi mới đem cắt tiết. Lợn được đem buộc ở cây nêu⁽¹⁾, trước khi giết lợn, họ lấy một ít bã rượu trong ché đổ lên mình lợn, vừa đổ vừa cúng. Cùng lúc đó ở trong nhà, thầy cúng vẫn tiếp tục cúng. Lễ *Bông akó bōdai* được tổ chức nhằm cầu mong thần mưa cho đủ nước để có nước cày bừa làm ruộng, khi đã đủ nước thì cầu mong sao cho trâu đi cày không bị gãy ách, cặp trâu đi không va vào nhau, có đủ sức để làm một vụ dài.

Thịt gà, thịt lợn đã được nấu chín. Lễ vật lúc này, ngoài

⁽¹⁾ Lễ hội của người Chu-ru có thể được chia thành ba loại: 1, Loại nhỏ: lễ vật chỉ có gà, rượu...; 2, Lễ lớn hơn: lễ vật có lợn và cây nêu nhỏ để cột lợn; 3, Lễ lớn là lễ có trâu và cây nêu cột trâu. Do đó, chỉ nhìn vào lễ vật và cây nêu trong lễ thức là có thể biết được đó là một lễ lớn hay nhỏ.

để nguyên con, lợn, người t
lợn thái nhỏ, một bát cơm
Nghi lễ tiếp tục, thầy cúng th
chuyển tới các vị thần linh lờ
lên các vị những lễ vật mà cả c
bi với tấm lòng thành kính. Lễ
được đem ra cho toàn thể dân b
nhau nhảy múa vui vẻ với niề
nghe thấy lời khẩn cầu của họ
trọng hơn cả là họ sẽ đạt được
gắm tới các vị thần.

Sáng hôm sau, lễ thức lại
được sắp đầy đủ như tối hôm
sống, sau đó mang đi làm th
trước, gà và lợn sau khi làm c
Trong toàn bộ tiến trình của
đóng vai trò chính, người trư
linh, bên cạnh thầy cúng. tron
già làng, những người đại di
ngôi xung quanh mâm cúng v
lễ. Lễ thức được kết thúc bằ
cánh, đôi chân và cái đầu của
các già làng người Chu-ru sử
Vừa khấn thầy cúng vừa tun
xuống, làm như vậy người C
điều hay điều dở của vụ sản x

người Chu-ru cần phải chuẩn bị 1 con lợn, 1 con gà, 1 ché rượu, 1 cây nêu (1 sòng) và 1 cây nêu làm bằng gỗ

đã được chuẩn bị xong, lễ cúng thần, thầy cúng tiến hành nghi thức thần linh. Lễ vật được dâng lên là một sòng như một hình thức "báo cáo" cho siêu nhiên này biết về việc tổ chức còn là nghi lễ để các vị thần biết lễ vật được con người dâng cúng và những con vật còn tươi sống do họ biết thức này, con gà được cho uống cất tiết. Lợn được đem buộc ở cây họ lấy một ít bã rượu trong ché đổ ra cúng. Cùng lúc đó ở trong nhà, cúng. Lễ *Bóng akó bodai* được tổ chức mưa cho đủ nước để có nước cày nước thì cầu mong sao cho trâu đi p trâu đi không va vào nhau, có đủ

được nấu chín. Lễ vật lúc này, ngoài

được chia thành ba loại: 1, Loại nhỏ: lễ vật lễ vật có lợn và cây nêu nhỏ để cột lợn; 3, Lễ vật. Do đó, chỉ nhìn vào lễ vật và cây nêu là một lễ lớn hay nhỏ.

giải nguyên con, lợn, người ta còn chuẩn bị thêm một bát lợn thái nhỏ, một bát cơm đầy và một bát nước luộc gà. Nghi lễ tiếp tục, thầy cúng thay mặt cho toàn thể dân bản chuyển tới các vị thần linh lời cầu khẩn của mình và dâng lên các vị những lễ vật mà cả cộng đồng đã dày công chuẩn bị với tấm lòng thành kính. Lễ cúng kết thúc, các đồ cúng tế được đem ra cho toàn thể dân bản hưởng lễ, mọi người cùng nhau nhảy múa vui vẻ với niềm tin rằng các vị thần linh đã nghe thấy lời khẩn cầu của họ, họ sẽ được chở che và quan trọng hơn cả là họ sẽ đạt được nguyện vọng mà họ đã gửi gắm tới các vị thần.

Sáng hôm sau, lễ thức lại được tiếp diễn, lễ vật cũng được sắp đầy đủ như tối hôm trước, gà và lợn được cúng sống, sau đó mang đi làm thịt. Cũng như buổi tối hôm trước, gà và lợn sau khi làm chín được mang lên cúng tiếp. Trong toàn bộ tiến trình của lễ thức, thầy cúng là người đóng vai trò chính, người trực tiếp liên hệ với các vị thần linh, bên cạnh thầy cúng, trong suốt quá trình lễ còn có các già làng, những người đại diện cho toàn thể dân bản cũng ngồi xung quanh mâm cúng và tham gia vào tiến trình buổi lễ. Lễ thức được kết thúc bằng nghi lễ xin âm dương, đôi cánh, đôi chân và cái đầu của con gà được thầy cúng hoặc các già làng người Chu-ru sử dụng để tiến hành nghi lễ này. Vừa khấn thầy cúng vừa tung chân, cánh và đầu gà rơi xuống, làm như vậy người Chu-ru cho rằng để biết được điều hay điều dở của vụ sản xuất hay cả đối với cuộc sống

ngày thường. Lúc này các đồ lễ được mang đi để dùng vào bữa cơm trưa của dân làng.

Sau khi làm xong lễ *Bông akó bodai* toàn thể dân bản chuẩn bị công cụ lao động xuống đồng cày bừa bắt đầu một mùa vụ mới.

Lễ lấy thóc ở bờ ra để ngâm ủ (*Puth akó bodai*)

Tuy không phải là lễ lớn nhưng *Puth akó bodai* là lễ mở đầu cho một vụ mùa sản xuất mới, được tiến hành sau khi làm đất và chuẩn bị gieo sạ. Vào cuối tháng 5 âm lịch của người Việt (tương đương với tháng 3 lịch Chu-ru), sau khi đã làm đất xong khoảng 10-15 hôm, lúc này đất đã ngấu, đã được bừa nhuyễn, người Chu-ru bắt đầu bước vào một mùa vụ mới. Lúa giống được dâng cúng thần linh trước khi đem ngâm ủ và gieo sạ. Địa điểm hành lễ được tổ chức ngay tại các gia đình như một nghi thức bắt buộc của mùa vụ, do chủ nhà hoặc thầy cúng chủ trì lễ.

Không có một lễ cúng nào mà không có đồ dâng cúng dù cho lễ đó lớn hay nhỏ. Lễ vật trong *Puth akó bodai* rất đơn giản nhưng được chuẩn bị rất chu đáo, gồm: gà, trâu cau, trứng, rượu cần, nải chuối.

Không những vậy, các lễ vật dùng để cầu cúng thần linh phải tuân theo đúng qui định, chẳng hạn gà dâng cúng trong nghi lễ *Puth akó bodai* cũng như các nghi lễ khác của người Chu-ru phải là gà trống có bộ lông màu đỏ, do gia đình tự nuôi là tốt nhất cũng có thể là do anh em họ hàng tương trợ nhau.

Trâu cau - một lễ vật
nào của người Chu-ru
cách tằm trâu của người
hành phần như: với nhu
một miếng cau và lá trâu.

Cũng như trâu cau, tr
các lễ thức của người Ch
cũng có một quả trứng s
bào cho rằng trứng sống
thầy cúng đi làm lễ vào b
vệ, còn trứng chín là để d

Chuối là thứ quả linh
các lễ cúng tế của người
khác. Cũng như đối với n
cúng lên thần linh luôn
ngày lễ, tết.

Rượu cần (*tơ pai*), thứ
thiếu trong những dịp h
thức uống được dùng l
giữa người với người, c
linh. Rượu cần được ủ t
nước và dùng cần để hút.

(1) Tương truyền, thần lúa là vị đ
giao cho thần cọp, thần sấm sét
nghi lễ nông nghiệp, nếu ai làm
rắn trừng phạt.

ic đó lễ được mang đi để dùng

Bông akó bodai toàn thể dân

ngâm ủ (Puh akó bodai)

lớn nhưng *Puh akó bodai* là lễ mở
xuất mới, được tiến hành sau khi
sa. Vào cuối tháng 5 âm lịch của
với tháng 3 lịch Chu-ru), sau khi
10-15 hôm, lúc này đất đã ngấu, đã
Chu-ru bắt đầu bước vào một mùa
dâng cúng thần linh trước khi đem
tiến hành lễ được tổ chức ngay tại
thức bắt buộc của mùa vụ, do chủ
lễ.

g nào mà không có đồ dâng cúng
b. Lễ vật trong *Puh akó bodai* rất
nhanh bị rất chu đáo, gồm: gà, trâu
chuối.

các lễ vật dùng để cầu cúng thần
quy định, chẳng hạn gà dâng cúng
đó cũng như các nghi lễ khác của
trông có bộ lông màu đỏ, do gia
cũng có thể là do anh em họ hàng

Trầu cau - một lễ vật không thể thiếu trong bất kỳ lễ
nào của người Chu-ru. Trầu được tẽm (tương tự như
cách tẽm trầu của người Việt) thành năm miếng với các
phần như: vôi nhuộm đỏ, một ít thuốc Lào, vỏ đắng,
một miếng cau và lá trầu.

Cũng như trầu cau, trứng là lễ vật có mặt trong tất cả
các lễ thức của người Chu-ru. Trong các nghi lễ bao giờ
cũng có một quả trứng sống và một quả trứng chín, đồng
bào cho rằng trứng sống là để cúng thần cạp⁽¹⁾ vì xưa kia
thầy cúng đi làm lễ vào ban đêm thường được thần cạp bảo
vệ, còn trứng chín là để dâng lên thần đình.

Chuối là thứ quả linh thiêng thường được dùng trong
các lễ cúng tế của người Chu-ru cũng như nhiều dân tộc
khác. Cũng như đối với người Việt, nải chuối - lễ vật dâng
cúng lên thần linh luôn được đặt trên bàn thờ vào những
ngày lễ, tết.

Rượu cần (*tơ pai*), thứ đồ uống thông dụng và không thể
thiếu trong những dịp hội hè, những khi có khách. Đó là
thức uống được dùng làm phương tiện giao tiếp đặc dụng
giữa người với người, cũng là lễ vật để dâng cúng lên thần
linh. Rượu cần được ủ trong ché, khi uống mới khui nắp, đổ
nước và dùng cần để hút. Xưa, người ta chỉ uống rượu trực

⁽¹⁾ Tương truyền, thần lúa là vị thần vô hình, không ai nhìn thấy được, thần
giao cho thần cạp, thần sấm sét và thần rắn cai quản mùa màng cũng như các
nghi lễ nông nghiệp, nếu ai làm trái thì sẽ bị thần cạp, thần sấm sét và thần
rắn trừng phạt.

tiếp từ ché bằng cần hút, ngày nay người Chu-ru hút rượu ché ra những bầu lớn rồi rót vào bát để uống.

Lễ *Puth akó bodai* được tiến hành vào buổi sáng, người Chu-ru quan niệm: một ngày mới bao giờ cũng đem lại những điều tốt lành. Lễ thức được tổ chức với mong muốn thần linh sẽ phù hộ cho họ, những cây cỏ dại trong ruộng sẽ bị chết nhưng những hạt thóc khi sạ xuống sẽ nảy đều, cây lúa sẽ lên nhanh và tốt hơn.

Người Chu-ru không có bàn thờ trong nhà, họ chỉ lập bàn thờ vào dịp tiến hành một nghi lễ nào đó. Lễ vật thường được bày ra ngay trên nền nhà theo hướng đông. Người Chu-ru, Ê đê... đều quan niệm hướng đông là hướng mặt trời mọc nên đó là hướng của sự sống, của sự phát sinh, phát triển do đó, lễ vật và vị trí ngôi cúng lễ thường theo hướng này để thuận tiện cho việc cúng và dâng lễ lên các thần linh, mong các vị thần linh chứng giám và phù hộ cho vạn vật được sinh sôi, trù phú và mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu. Thầy cúng đốt cây nến sáp ong được gắn trên đĩa trầu, bỏ một ít nến sáp ong vào bát than báo hiệu buổi lễ được bắt đầu. Bát than hồng được coi là tín hiệu báo tin cho các thần về dự lễ. Người Chu-ru thường dùng nến sáp ong trong các nghi lễ, họ cho rằng phải có khói thơm của loại nến này thì họ mới có thể liên hệ và chuyển tới các vị thần linh những lời cầu xin của họ. Hướng về hướng đông, thầy cúng và những người già trong cộng đồng làm lễ xin thần lúa cho khui bồ lấy thóc. Lúc này không gian tiến hành lễ thức phải

toàn yên lặng, không ai nói chuyện, cúng sẽ không "đi" được.

Sau lễ cúng, khi đã đi ra ngoài, người đàn bà khoẻ mạnh vào bồ lấy thóc. Bát cháo lúc này được nhắc ra⁽¹⁾, người đàn bà lấy dây thóc vào gùi⁽²⁾ và đi xuống ruộng đứng dưới. Người Chu-ru làm nông nghiệp đều qua đời một vị nữ thần. Do đó, người đàn bà phải là một người đàn bà khoẻ mạnh và cây lúa mới có thể sinh sôi. Còn bậc thang cho hồn lúa, người đàn bà lấy thóc phải đi lên cầu thang theo bậc thang đi xuống.

Thóc giống vừa lấy ra, các ché rượu đặt dưới chân, được khui nắp, cắm cần, tay phải cầm con gà (còn sống), một chiếc khăn trắng lên kén, có thể giao cảm được với

(1) Bát cháo này được đặt vào bồ thóc.

(2) Khi lấy thóc trong bồ ra người đàn bà lấy dây thóc vào gùi, nếu trời mưa thì số thóc được để trong bồ, nếu trời nắng thì chúng tôi chỉ được lấy thóc, lại chứ không biết là tại sao lại thế.

ngày nay người Chu-ru hút nước
rót vào bát để uống.

tiến hành vào buổi sáng. ngày mới bao giờ cũng đem
hức được tổ chức với mong muốn
những cây cỏ dại trong ruộng sẽ
thóc khi sạ xuống sẽ nảy đều, cây

bàn thờ trong nhà, họ chỉ lập
một nghi lễ nào đó. Lễ vật thường
nhà theo hướng đông. Người
niềm hướng đông là hướng mặt
của sự sống, của sự phát sinh, phát
ngôi cúng lễ thường theo hướng
cúng và dâng lễ lên các thần linh,
giám và phù hộ cho vạn vật
thuận gió hoà, mùa màng bội
sáp ong được gắn trên đĩa trầu,
bát than báo hiệu buổi lễ được bắt
là tín hiệu báo tin cho các thần
dùng nên sáp ong trong các
khói thơm của loại nến này thì
chuyển tới các vị thần linh những
về hướng đông, thầy cúng và
đồng làm lễ xin thần lúa cho
không gian tiến hành lễ thức phải

toàn yên lặng, không có một tiếng động, nếu không
cúng sẽ không "đi" được.

Sau lễ cúng, khi đã được sự chấp thuận của các thần,
một người đàn bà khoẻ mạnh thay mặt gia đình mang gùi
vào bồ lấy thóc. Bát cháo có cắm lông gà đặt trên bồ thóc
lúc này được nhắc ra⁽¹⁾, người phụ nữ nhanh nhẹn dùng tay
lấy đầy thóc vào gùi⁽²⁾ và chuyển xuống cho một người đàn
ông đứng dưới. Người Chu-ru cũng như nhiều dân tộc khác
làm nông nghiệp đều quan niệm lúa có hồn và thần lúa là
một vị nữ thần. Do đó, người lấy thóc ra khỏi bồ nhất thiết
phải là một người đàn bà thì khi gieo hạt xuống mới nảy
mầm đều và cây lúa mới cho nhiều hạt. Ở bồ thóc người ta
còn bắc thang cho hồn lúa lên xuống, người phụ nữ khi lấy
thóc phải đi lên cầu thang để xúc thóc trong bồ ra và từ từ
theo bậc thang đi xuống.

Thóc giống vừa lấy ra được chuyển đến trước bàn thờ.
Các ché rượu đặt dưới chân cây cột dựng ở giữa nhà cũng đã
được khai nắp, cắm cần, nước suối đổ đầy ché. Thầy cúng,
tay phải cầm con gà (còn sống), tay trái cầm cần rượu, trùm
một chiếc khăn trắng lên kín người, lúc này thầy là người đã
có thể giao cảm được với thế giới thần linh. Người phụ lễ

⁽¹⁾ Bát cháo này được đặt vào bồ thóc lúc làm lễ thu hoạch mang thóc về bồ.

⁽²⁾ Khi lấy thóc trong bồ ra người phụ nữ Chu ru dùng gùi có 2 quai, nhưng khi
cúng thì số thóc được để trong một cái gùi không quai (?). Khi được hỏi về
điều này thì chúng tôi chỉ được lý giải rằng họ làm theo phong tục từ xưa để
lại chứ không biết là tại sao lại thế.

(*Gơ noar pơ ju*) ngồi kế bên tay cầm một bát nước. ~~Mà~~ khép hờ, thầy cúng vừa khấn vừa rung sợi dây có những chiếc chuông nhỏ (một đầu được buộc trên vách nhà), xin các thần cho phép đem lúa giống đi sạ và xin được ăn thóc gạo. Sợi dây có chức năng và nhiệm vụ dẫn đường cho thầy cúng đến chỗ các vị thần. Sau khi dâng lễ vật lên các thần linh và chuyển tới các vị thần linh lời cầu xin của con người, thầy cúng dùng tay lau mặt, xoa mắt để “thông ngũ quan”, đây là hành động có ý nghĩa tượng trưng thể hiện việc thầy cúng đã đến gặp các thần và từ xứ sở của các vị thần trở về với cuộc sống hiện thực. Lúc này, người phụ lễ cho gà uống rượu trong bát và cắt tiết gà ngay trong sân nhà phía trước bàn thờ. Rượu được rót ra bát, người lớn tuổi nhất được mời uống trước sau đó rượu được chuyển mời mọi người cùng uống.

Có thể thấy yếu tố văn hoá dân gian truyền thống trong các lễ vật dâng cúng là rất rõ rệt, tất cả các lễ vật này đều là sản phẩm do chính bản thân họ những cư dân nông nghiệp trồng lúa nước làm ra và dâng cúng lên các vị thần linh cũng như tổ tiên của họ. Trong lễ thức, người Chu-ru cúng nguyên cả con gà đang sống. Họ cho rằng làm như vậy để các thần thấy đồ cúng tế là những vật phẩm tươi ngon, mong các thần thương cảm mà ban phúc lành cho⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Lễ hiến sinh không chỉ có ở người Chu-ru, người Chăm mà ở một số tộc người thiểu số khác cũng có nghi lễ này, ví như trong Lễ cúng tổ tiên của

Lễ cúng chín được tiến ra bát, gà sau khi luộc chặt thành hình một con gà ~~mâm~~ gỗ có chân, các bộ phận nhét trong bụng gà. Trên luộc gà, bầu rượu và bát nước người phụ cúng bưng mâm khấn mời các vị thần linh của con người. Ông lần lượt các địa bàn từ Gia Lai trở của dân tộc cũng được mời thần linh hưởng lễ vật bằ (mỗi thứ một ít) vào bát rung sợi dây có những chi người như đang cười đùa đường đi gặp ghềnh khiến phải đi chậm. Mời các thần thực hiện “thông ngũ quan”

Trong suốt buổi lễ, nếu đầy đủ hoặc có điều gì sai

người Lô Lô ở miền núi phía Bắc thoát cho linh hồn con vật, cầu sống, những người đã làm thịt con vật hiến sinh. Tuy nhiên theo nhà dân tộc trên thế giới đều cúng tế c. Độ mới đẩy việc tế thần bằng tế s

lễ bên tay cầm một bát nước. Khăn vừa rung sợi dây có những đầu được buộc trên vách nhà). Xin giống đi sạ và xin được ăn thóc và nhiệm vụ dẫn đường cho thấy. Sau khi dâng lễ vật lên các thần vị thần linh lời cầu xin của con lau mặt, xoa mắt để “thông ngũ” có ý nghĩa tượng trưng thể hiện các thần và từ xứ sở của các vị hiện thực. Lúc này, người phụ lễ cắt và cắt tiết gà ngay trong sân nhà được rót ra bát, người lớn tuổi nhất đó rượu được chuyển mời mọi

hoá dân gian truyền thống trong rõ rệt, tất cả các lễ vật này đều là họ những cư dân nông nghiệp dâng cúng lên các vị thần linh. Trong lễ thức, người Chu-ru cúng họ cho rằng làm như vậy để là những vật phẩm tươi ngon, mà ban phúc lành cho⁽¹⁾.

Chu-ru, người Chăm mà ở một số tộc này, ví như trong Lễ cúng tổ tiên của

Lễ cúng chín được tiến hành ngay sau đó, rượu cần được ra bát, gà sau khi luộc chặt đầu cổ, hai cánh, hai chân rồi xếp thành hình một con gà nằm úp trên lá chuối của một cái mâm gỗ có chân, các bộ phận như tim gan, lòng mề,... được nhét trong bụng gà. Trên mâm còn có bát cơm, bát nước luộc gà, bầu rượu và bát nước. Thầy cúng tay cầm bát rượu, người phụ cúng bụng mâm lễ bên cạnh trong khi thầy cúng khăn mời các vị thần linh về hưởng các thành quả lao động của con người. Ông lần lượt khăn mời thần núi, thần rừng ở các địa bàn từ Gia Lai trở xuống, các vị thầy cúng đã mất của dân tộc cũng được mời về dự lễ. Thầy cúng mời các vị thần linh hưởng lễ vật bằng cách cho các vật dâng cúng (mỗi thứ một ít) vào bát nển sáp ong. Vừa khăn ông vừa rung sợi dây có những chiếc chuông nhỏ, thầy cúng lắc lư người như đang cưỡi ngựa trên đường đến chỗ thần linh, đường đi gặp ghềnh khiến có lúc thầy đi nhanh, có lúc lại phải đi chậm. Mời các thần linh về dự lễ xong, thầy cúng lại thực hiện “thông ngũ quan” để trở về dương thế.

Trong suốt buổi lễ, nếu các lễ vật được chuẩn bị không đầy đủ hoặc có điều gì sai sót, ví như trước khi làm lễ thầy

người Lô Lô ở miền núi phía Bắc... Những tộc người này đều cúng tế, giải thoát cho linh hồn con vật, cầu xin con vật đừng có oán những người đang sống, những người đã làm thịt con vật đó rồi mới cắt tiết và làm thịt các con vật hiến sinh. Tuy nhiên theo nhà nghiên cứu Ngô Văn Doanh, mặc dù nhiều dân tộc trên thế giới đều cúng tế các thần linh nhưng chỉ Bàlamôn giáo của Ấn Độ mới đẩy việc tế thần bằng tế sinh thành mục đích chính của tôn giáo mình.

cúng uống rượu thì trong khi cúng thầy sẽ bị các thần linh trừng phạt. Sự trừng phạt thể hiện bằng việc thầy cúng phải uống rượu, uống nước hoặc tự lấy roi đánh mình, uống nhiều hay uống ít, đánh nặng hay nhẹ đều do các thần định đoạt. Các phụ cúng có khi cũng bị phạt theo. Những lúc đó ông phụ cúng cầu xin các thần bỏ qua cho những sai sót và cầu mong các thần đem lại bình an hạnh phúc cho mọi người trong gia đình.

Trước khi buổi lễ kết thúc, người ta lấy hai cánh, hai chân tung lên, lấy lưỡi gà để đoán xem công việc làm ăn của cả năm. Người Chu-ru cho rằng trong những bộ phận đó của con gà có thần linh và ma quỷ trú ngụ. Khi xem lưỡi gà phải có hai sợi râu ở hai bên thẳng, sợi ở giữa hơi quặp vào thì việc trông Trot của gia đình mới tốt, nếu cong ra phía ngoài là không tốt. Chân gà nếu ba ngón chân gà cúp lại, một ngón ngắn nhất ở ngoài cùng đưa vào giữa là điềm lành, trong bốn ngón đó nếu có một ngón tách ra là gia đình sẽ gặp những điều xui xẻo. Khi tung chân gà lên, hai chân gà xoay vào nhau là tốt, hai cánh gà nếu có một sắp, một ngửa thì những điều mà họ cầu xin đã được thần linh chấp thuận, nếu úp hết thì không tốt vì trong buổi lễ có những việc còn thiếu sót do đó bị thần linh quở phạt. Nếu chân gà xoay úp vào nhau mà hai cánh đều sắp hoặc đều ngửa thì phải xin lại.

Kết thúc buổi lễ, bát cháo cẩm lông gà được bỏ thêm ít tiết gà sống lên trên và được đặt vào bồ thóc như cũ, quả

gà sống được giữ lại để lễ dâng cúng được đem chia c
được dùng những thứ
chau uống rượu cần và hươ
niềm hy vọng vào một vụ mùa

Ngay trong ngày hôm đó
hai ngày một đêm, tới khi th
cùng nhau gửi ra đồng sạ k
đất cần thận⁽¹⁾. Trước khi s
hành lễ *Monhum kăn dăk*.

Lễ sạ lúa (*Monhum kăn*

Lễ cúng lúa (*Monhum k*
lớn nhưng đó là một trong nh
mùa sản xuất mới. Lễ thức c
gia đình đại diện cho cả đôn
năm, sau khi đất đã được l
phần việc trong buổi lễ đều
con xóm giềng. Mặc dù đây
thức chỉ được diễn ra trong
chiêng hay vui chơi múa hát.

Lễ vật của buổi lễ được c
gà, rượu (rượu cần và rượu
(một sống, một chín), đĩa tr
ba quả trứng nhỏ và một chi

⁽¹⁾ Theo phong tục, chỉ có con trai
biết sạ lúa.

khí cúng thầy sẽ bị các thần linh
thể hiện bằng việc thầy cúng phải
hoặc tự lấy roi đánh mình, uống
rượu hay nhẹ đều do các thần định
này cũng bị phạt theo. Những lúc đó,
thầy bỏ qua cho những sai sót và
lại bình an hạnh phúc cho mọi

thức, người ta lấy hai cánh, hai
để đoán xem công việc làm ăn
cho rằng trong những bộ phận đó
ma quỷ trú ngụ. Khi xem lưỡi gà
thẳng, sợi ở giữa hơi quặp vào
đình mới tốt, nếu cong ra phía
gà nếu ba ngón chân gà cúp lại,
gà cùng đưa vào giữa là điềm
có một ngón tách ra là gia đình
a. Khi tung chân gà lên, hai chân
cánh gà nếu có một sắp, một
câu xin đã được thần linh chấp
ng tốt vì trong buổi lễ có những
thần linh quở phạt. Nếu chân gà
cánh đều sắp hoặc đều ngửa thì

báo cảm lòng gà được bỏ thêm ít
rượu đặt vào bồ thóc như cũ, quả

gà sông được giữ lại để đến lần cúng sau, còn các đồ
lễ cúng được đem chia cho mọi người, riêng thầy cúng
không được dùng những thứ này. Cả nhà quây quần bên
nhau uống rượu cần và hưởng “lộc” thần ban cho trong
niềm hy vọng vào một vụ mùa bội thu và no đủ.

Ngay trong ngày hôm đó, thóc giống được ngâm ủ trong
hai ngày một đêm, tới khi thóc nứt mọi người trong gia đình
cùng nhau gùi ra đồng sạ kín các thửa ruộng đã được làm
đất cẩn thận⁽¹⁾. Trước khi sạ lúa, người Chu-ru phải tiên
hành lễ *Monhum kăn dăk*.

Lễ sạ lúa (Monhum kăn dăk)

Lễ cúng lúa (*Monhum kăn dăk*) không phải là một lễ
lớn nhưng đó là một trong những nghi lễ mở đầu cho một vụ
mùa sản xuất mới. Lễ thức được tiên hành tại nhà của một
gia đình đại diện cho cả dòng họ, vào khoảng tháng 6 hàng
năm, sau khi đất đã được làm xong và chuẩn bị sạ lúa. Các
phần việc trong buổi lễ đều được góp sức bởi anh em và bà
con xóm giềng. Mặc dù đây là một nghi lễ khá lớn nhưng lễ
thức chỉ được diễn ra trong một ngày và không có công
chiêng hay vui chơi múa hát.

Lễ vật của buổi lễ được chuẩn bị rất công phu gồm: lợn,
gà, rượu (rượu cần và rượu trắng), nải chuối, hai quả trứng
(một sống, một chín), đĩa trầu cau, bát gạo (trên bát gạo để
ba quả trứng nhỏ và một chiếc vòng bạc).

⁽¹⁾ Theo phong tục, chỉ có con trai mới được đem thóc đi sạ, con gái không
biết sạ lúa.

Cũng như nhiều lễ thức của các dân tộc ở khu vực Trung Sơn - Tây Nguyên, khi tiến hành lễ thức, người Chu-ru phải chuẩn bị hai cây nêu làm bằng lồ ô rất công phu. Người ta chặt lồ ô phải lựa những cây mọc thẳng. Sau khi chọn được cây lồ ô ưng ý, người ta chặt bỏ lá, lấy thân lồ ô để làm thân cây nêu. Cây nêu thứ nhất, mang ý nghĩa là cây nêu cái - nêu bà (*dung tonăi*) cao khoảng hơn 2m. Thân nêu được trang trí bằng ba tầng hoa nêu, mỗi tầng có bốn cánh tay nêu (*tongan dung*). Mỗi cánh tay nêu dài khoảng 25-30cm được làm từ một thanh lồ ô vót tròn chia thành hai phần, một phần để nguyên cắm vào thân nêu, một phần được tước bông thành từng sợi nhỏ và tô điểm bằng các mẫu truyền thống như: màu trắng của ruột lồ ô; màu đen được lấy từ than bùn; màu vàng được lấy từ nghệ; và màu đỏ là máu của con vật được hiến sinh.

Cây nêu thứ hai mang ý nghĩa là cây nêu đực - nêu ông (*dung tono*) cao và dài khoảng 7m. Phần thân nêu được trang trí bởi chín tầng hoa nêu tương tự như cây nêu thứ nhất. Tiếp đến là hai dây hoa, một được kết hoa như tay nêu, các thanh lồ ô tước nhỏ thành sợi nhuộm màu kết lại thành từng bông hoa, ngọn là hình tượng của chim *Klang* - loài chim được coi là của chúa trời cử xuống để xua đuổi lũ quạ, bảo vệ mùa màng; sợi thứ hai được kết bằng những vòng tròn lồ ô tạo thành một sợi dài.

Để làm được hai cây nêu này, người ta phải chuẩn bị từ

một hôm trước đó, người ta đã lập gia đình.

Thầy cúng (*podou*) là n...
thần của người Chu-ru...
lễ của cộng đồng cũng...
và dòng họ. Không phải ai...
để trở thành thầy cúng ph...
trọng nhất đó phải là người

Để được chọn làm thầy cúng, ng...
thần và xin thầy cúng, người sẽ tr...
gồm: hai chân gà, hai quả trứng gà...
gạo, một chiếc vòng tay bằng bạc...
quan trọng, nó là vật có ý nghĩa...
được chọn, trong thời gian học n...
không được để cho bất kỳ ai biết...
lá cây được để sẵn, bản thân ngư...
tới. Học trong khoảng một năm...
thường, thầy cúng cũng phải đi l...
khi nào có việc cúng lễ thì ông m...
mỗi buổi tế lễ, thầy cúng thườ...
cường... với ngụ ý trả ơn. Khi thấy...
lên đình, dưới chân núi Mo Plem...
coi thầy cúng là người trung gian...
cho nên người ta rất tin tưởng nh...
lễ. Khi ngồi làm lễ, thầy cúng p...
trùm khăn trắng. Lễ khí của thầy...
(*tơ lây grung*), bát than, nén sáp...
trứng của gà trống), cần rượu m...
cần thiết giúp thần liên lạc được

của các dân tộc ở khu vực Trung
hành lễ thức. người Chu-ru
bằng lồ ô rất công phu. Người
ây mọc thẳng. Sau khi chọn được
r bỏ lá, lấy thân lồ ô để làm thân
L mang ý nghĩa là cây nêu cái -
khoảng hơn 2m. Thân nêu được
nêu, mỗi tầng có bốn cánh tay
nh tay nêu dài khoảng 25-30cm
ô vót tròn chia thành hai phần.
ao thân nêu, một phần được tước
à tô điểm bằng các mẫu truyền
ruột lồ ô; màu đen được lấy từ
y từ nghệ; và màu đỏ là máu của

nghĩa là cây nêu đực - nêu ông
oảng 7m. Phần thân nêu được
tu tương tự như cây nêu thứ nhất.
t được kết hoa như tay nêu, các
n nhuộm màu kết lại thành từng
ng của chim *Klang* - loài chim
xuống để xua đuổi lũ quạ, bảo
vết kết bằng những vòng tròn lồ
này. người ta phải chuẩn bị từ

hôm trước đó, người làm nêu phải là những người
đã lập gia đình.

Thầy cúng (*podou*) là người rất có uy tín trong đời sống
thần của người Chu-ru. Ông là linh hồn trong các buổi
lễ của cộng đồng cũng như các nghi lễ của các gia đình
và dòng họ. Không phải ai cũng có thể làm được thầy cúng,
để trở thành thầy cúng phải có nhiều điều kiện nhưng quan
trọng nhất đó phải là người được thần linh lựa chọn⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Để được chọn làm thầy cúng, người đó phải làm một lễ nhỏ xin ông bà, các
thần và xin thầy cúng, người sẽ truyền nghề cho. Lễ vật trong nghi thức này
gồm: hai chân gà, hai quả trứng gà (một sống, một chín), một ít tiền, một bát
gạo, một chiếc vòng tay bằng bạc (đối với người Chu-ru chiếc vòng này rất
quan trọng, nó là vật có ý nghĩa nhất khi gặp gỡ, trao đổi công việc). Nếu
được chọn, trong thời gian học nghề, người đó sẽ phải vào rừng sống mà
không được để cho bất kỳ ai biết. Mỗi ngày chỉ được ăn hai bát cơm và canh
lá cây được để sẵn, bản thân người đó cũng không biết ai đã mang cơm canh
tới. Học trong khoảng một năm thì được trở về làng để hành nghề. Ngày
thường, thầy cúng cũng phải đi làm ruộng, làm rẫy như mọi người khác chỉ
khi nào có việc cúng lễ thì ông mới được dân làng hoặc gia chủ mời đến. Sau
mỗi buổi tế lễ, thầy cúng thường được biếu con gà, ché rượu, chuối hạt
cườm... với ngụ ý trả ơn. Khi thầy cúng mất, tất cả đồ đạc của ông được mang
lên đình, dưới chân núi Mọ Pleng (một ngọn núi linh thiêng). Người Chu-ru
coi thầy cúng là người trung gian có thể nói chuyện được với thần linh, ma quỷ
cho nên người ta rất tin tưởng nhờ cậy ở các thầy cúng khi nhà có việc cúng
lễ. Khi ngồi làm lễ, thầy cúng phải mặc đúng trang phục, váy dài trắng và
trùm khăn trắng. Lễ khí của thầy cúng gồm có: cái vòng (*kong*), dây lục lạc
(*tor lay grung*), bát than, nến sáp ong, ba quả trứng khô nhỏ (được cho rằng
trứng của gà trống), cần rượu mây (*đinh topai*), cái quạt... Đây là những thứ
cần thiết giúp thần liên lạc được với thế giới thần linh.

Gùi thóc được chuyển đến trước bàn thờ. Các ché rượu đặt cạnh cột nhà cũng đã được khui nắp, cắm cần, nước suối ban mai được đổ vào đây ché. Lúc này, người phụ lễ (*gnoa podou*) ngồi kế bên thầy cúng tay phải cầm con gà (*còn sống*), tay trái cầm cần rượu.

Chiếc khăn trắng được trùm kín lên người thầy cúng. Lúc này, thầy đã là người thân có thể nói chuyện được với thế giới thần linh. Thầy cúng vừa khấn vừa rung sợi dây có những chiếc chuông nhỏ được gắn một đầu trên vách nhà. Xin các thần cho phép đem lúa giống ra xạ và xin được ăn thóc gạo. Chiếc dây có nhiệm vụ đưa đường cho thầy đi đến chỗ các thần. Thầy cúng sẽ phải khấn mời các vị thần như thần núi, thần sông, thần suối, thần ruộng, thần lúa... xuống dự lễ cúng để phù hộ cho những người trong gia đình được bình an, mùa vụ được tốt tươi.

Lời khấn có đoạn: *Lạy cậu Long ly dơ di mưh, lạy cậu Long dơ di pri, cầu xin 37 nơi, lạy xin tới cậu ông anh Rơ mưh. Ba mươi tên ra đi trước, nước dừng lại, cá sấu nổi lên, nước còn đó chàng trai nhé.*

Này, các bà đẹp dễ, tóc dài trắng như bạc. Ba mươi bảy nước, ba mươi bảy Pơ tao. Này nhé mang gùi cậu mới mẻ

Lạy mời tất cả các thần: thần rừng, thần núi, thần sông, thần Bơ mung, ... Oi các thần ở 37 Bơ mung khắp chốn.

Tới nơi cậu quan thần hổ, sai người đi vòng đến bà, đến cậu Ha ma Thút, tới cậu ha ma Dơ woăng, tới cậu Ha ma

Oi đừng có làm hại d...
tới ông Mưh, tới ông

Trong bầu không khí...
chuông từ sợi dây của...
lễ vật dâng cúng cùng mùi...
cho thấy sự thành kính...
các vị thần.

Trong khi đang khấn...
mình ba lần, người Chu-r...
mình khi đang trên đường...
người cho rằng, đó là do...
Chúa chặn thầy lại không...
thầy cúng đi tìm các thần...
rồi con người không dâng...
phải xin Chúa cũng như c...
cách dâng lễ vật là gà và...
vật nào là do yêu cầu của...
lên trước tiên là gà, tiếp...
lần lượt tới gặp các vị thần...
bắp (*Pô tongui*), thần đất...
thần, thầy cúng từ thế gi...
giới của con người bằng c

(1) Dịch lời cúng: *Jơ Long Ya Ngơ*

(2) Ở vùng này, phần lớn người Ch...
Lành, chỉ còn một số rất ít người

đến trước bàn thờ. Các chén
được khui nắp, cắm cần, nước
ché. Lúc này, người phụ lễ (gương)
cúng tay phải cầm con gà (cơ)
trụ.

Đến trùm kín lên người thầy cúng
thần có thể nói chuyện được với
thầy vừa khấn vừa rung sợi dây có
được gắn một đầu trên vách nhà.
Thầy lúa giống ra xạ và xin được ăn
liêm vụ đưa đường cho thầy đi đến
sẽ phải khấn mời các vị thần như
suối, thần ruộng, thần lúa... xuống
những người trong gia đình được
trời.

*Y cậu Long ly dơ di mưh, lạy cậu
7 nơi, lạy xin tới cậu ông anh Rơ
tóc, nước dìm lại, cá sấu nổi lên,
ế.*

*Đài trắng như bạc. Ba mươi bảy
Nay nhé mang giùi cậu mới mẽ*

*thần rừng, thần núi, thần sông,
vẫn ở 37 Bơ mung khắp chốn.*

ho. sai người đi vòng đến bà, đến
ma Dơ woang, tới cậu Ha ma

Oi đừng có làm hại đến dân làng nhé; một cây chẻ bảy
tới ông Mưh, tới ông Pơ tơ rai, tới thần Rơ jai...⁽¹⁾

Trong bầu không khí trang nghiêm của buổi lễ, tiếng
chuông từ sợi dây của thầy cúng, những lời khấn, các
lễ vật dâng cúng cùng mùi sáp ong trong bát than hồng... tất
cả cho thấy sự thành kính của những người dự lễ hướng về
các vị thần.

Trong khi đang khấn mời các thần, thầy cúng bị rừng
mình ba lần, người Chu-ru cho rằng đó là do thầy bị giật
mình khi đang trên đường đi tìm các thần. Ngoài ra, còn có
người cho rằng, đó là do thầy gặp Chúa trên đường đi và
Chúa chặn thầy lại không cho đi tiếp. Chúa bực mình vì
thầy cúng đi tìm các thần. Các thần cũng bực mình vì lâu
rồi con người không dâng cúng lễ vật cho họ. Thầy cúng
phải xin Chúa cũng như các thần để tiếp tục lên đường bằng
cách dâng lễ vật là gà và ché rượu cần⁽²⁾. Việc dâng cúng lễ
vật nào là do yêu cầu của các vị thần linh. Vật lễ được dâng
lên trước tiên là gà, tiếp đến là ché rượu cần... Thầy cúng
lần lượt tới gặp các vị thần: thần buôn làng (*Pô lơgar*), thần
bắp (*Pô tơngưi*), thần đất (*Pô tơnách*)... Sau khi gặp các
thần, thầy cúng từ thế giới của các vị thần linh trở về thế
giới của con người bằng cách lấy nước ở bát đồng bôi lên

⁽¹⁾ Dịch lời cúng: Jơ Long Ya Ngôn (Xã Prók, huyện Đơn Dương, Lâm Đồng)

⁽²⁾ Ở vùng này, phần lớn người Chu-ru đã theo đạo Thiên Chúa hoặc đạo Tin
Lành, chỉ còn một số rất ít người không theo đạo.

mắt (thông ngũ quan, với mục đích làm cho mắt sáng ~~trở lại~~ có thể nhìn thấy mọi việc đang diễn ra ở cõi trần). Gà và lợn được đem đi làm thịt chuẩn bị chò lễ cúng tiếp theo. Trong lúc này, ché rượu cần được khui ra, một bầu rượu được lấy ra chuẩn bị cho lễ thức, số rượu còn lại trong ché được các thành viên trong gia đình mời khách và những người đến dự lễ. Theo phong tục của người Chu-ru, người mời rượu cầm bát rượu quý xuống trước mặt người được mời, nhấp môi uống rồi mời khách, khách không được từ chối. Nếu từ chối hoặc uống không hết bát rượu, khách sẽ phải nộp phạt cho chủ nhà theo quy định của làng, thường là 1 con gà, 1 ché rượu cần.

Gà, lợn đã được làm chín mang lên. Gà để nguyên con trên mâm cúng (mâm cúng của người Chu-ru được làm bằng gỗ có ba chân gọi là *slau tơ kêi*) cùng 1 bát nước luộc gà, 1 bát rượu cần, 1 ly rượu. Lợn cúng chỉ có đầu, đuôi và thịt lợn được xẻ thành từng miếng to bằng bàn tay để trong một cái mẹt. Trong một cái mẹt khác có một bát nước luộc, 1 bát cơm, 1 bát thịt thái nhỏ, 1 đĩa muối, 1 bát tim cật và dạ dày thái nhỏ. Các mâm lễ được chuẩn bị xong, thầy cúng tiếp tục công việc của mình khẩn mời các vị thần linh.

Khẩn rằng: *Xin mời bà Pơ rơliang, ông Hăng tiu, cầu mời ông Chây Sack, cầu mời ông Chơ rlang, lạy các thần linh thiêng nhất ở vùng Proh.*

Ô.. ô, nay nấu nướng đã xong, lễ vật đã dâng lên, thần Gơn rul, thần Mơ trai dọn chén bát với chiêng nhé! dọn

*năm dựng chúng nhé! thác
nên, đem dây xuống mau n*

Lễ cúng này nhằm cầu ~~thần~~, cuối năm có lúa chỉ ~~mong~~ các Yàng che chở vì ~~quy~~ phá hoại, mọi người tr

Trong buổi lễ, nếu lễ vật ~~sốt~~ thì thầy cúng sẽ bị trừng ~~uống~~ nước hoặc tự lấy roi ~~phạt~~ roi nặng nhẹ là do các ~~cúng~~ bị phạt theo.

Trước khi kết thúc buổi ~~hai~~ cánh, hai chân tung lên ~~ăn~~ của cả năm.

Cuối buổi lễ hai cây nê ~~Ra~~ ngoài đồng, hai cây nê ~~cứ~~ để như vậy cho đến kh ~~đây~~, dân làng bắt đầu đi sạ

Lễ mừng lúa trở (Boda

Người Chu-ru cũng nh ~~niệm~~ vạn vật hữu linh, do ~~hồn~~ (Yàng bơdai - Thần l ~~được~~ vụ mùa tốt tươi. Chín ~~Chu-ru~~ làm một lễ nhỏ để ~~nhờ~~ có thần lúa mà dân l

mục đích làm cho mắt sáng (đang diễn ra ở cõi trần). Gà và lợn
tấn bị cho lễ cúng tiếp theo. Trong
lợn khui ra, một bầu rượu được
rượu còn lại trong ché được các
mời khách và những người đến
người Chu-ru, người mời rượu cầm
mặt người được mời, nhấp mời
không được từ chối. Nếu từ chối
rượu, khách sẽ phải nộp phạt cho
làng, thường là 1 con gà, 1 ché

chín mang lên. Gà để nguyên con
của người Chu-ru được làm
(slau tơ kúi) cùng 1 bát nước luộc
rượu. Lợn cúng chỉ có đầu, đuôi và
ng miếng to bằng bàn tay để trong
ai mẹt khác có một bát nước luộc,
nhỏ. 1 đĩa muối, 1 bát tim cật và
lễ được chuẩn bị xong, thầy cúng
khấn mời các vị thần linh.

Pơ rơliang, ông Hăng tiu, cầu
ông Chơ rlang, lạy các thần
ch.

đã xong, lễ vật đã dâng lên, thần
chén bát với chiêng nhé! dọn

đựng chúng nhé! tháo dây lục lạc xuống cho tôi mau
đem dây xuống mau mau, 37 thầy đang chờ...

Lễ cúng này nhằm cầu mong lúa đem sạ sẽ được tốt
mười, cuối năm có lúa chín đầy bồ. Đồng thời cũng cầu
mong các Yàng che chở và bảo vệ cho cây lúa khỏi bị ma
quy phá hoại, mọi người trong nhà sẽ không có bệnh tật.

Trong buổi lễ, nếu lễ vật nào bị thiếu hoặc có điều gì sai
sót thì thầy cúng sẽ bị trừng phạt bằng cách phải uống rượu,
uống nước hoặc tự lấy roi đánh mình, uống nhiều ít hay
phạt roi nặng nhẹ là do các thần quyết định. Các phụ cúng
cũng bị phạt theo.

Trước khi kết thúc buổi lễ, người ta lấy đầu gà, lườn gà,
hai cánh, hai chân tung lên để xem đoán biết công việc làm
ăn của cả năm.

Cuối buổi lễ hai cây nêu được mang cắm ở ngoài đồng.
Ra ngoài đồng, hai cây nêu được cắm cạnh nhau. Nêu này
cứ để như vậy cho đến khi lúa chín mới bỏ đi. Cũng kể từ
đây, dân làng bắt đầu đi sạ lúa.

Lễ mừng lúa trở (Bodoi sróh)

Người Chu-ru cũng như nhiều tộc người khác theo quan
niệm vạn vật hữu linh, do đó họ tin rằng cây lúa cũng có
hồn (Yàng bơ dai - Thần lúa) nên phải cúng thần lúa để có
được vụ mùa tốt tươi. Chính vì vậy, khi lúa đã chín rộ, người
Chu-ru làm một lễ nhỏ để cúng mừng một vụ mùa đã đến,
nhờ có thần lúa mà dân làng được ấm no, được đầy bồ thóc,

không bị ma quỷ làm đói. Lễ thức được tổ chức vào khoảng tháng 12, diễn ra trong một buổi, tại một gia đình đại diện cho cả một họ. Lễ này không phải dựng nêu, không giết heo.

Khi lúa ở ngoài đồng đã chín hết, người Chu-ru đi cắt những bông lúa chín về bỏ vào rang. Sau đó mang ra giã thành cốm, bỏ vào một cái bát và đem cúng thần. Đây cũng là để thông báo cho thần biết lúa đã chín, vụ mùa sắp được thu hoạch. Cũng từ đây, người Chu-ru bắt đầu thực hiện nghi lễ ăn kiêng trong một thời gian dài.

Cùng với cốm lúa mới lễ vật còn có 1 con gà, 1 ché rượu, 1 bát cháo, 1 bát than, 1 bát nước, 2 quả trứng và 2 nải chuối. Trong lễ thức này, người ta không đánh công chiêng và không nhảy múa. Ban đầu gà cũng được đem vào cúng sống để dâng lên thần lúa.

Khi gà đã được luộc chín, đặt cả con vào một chiếc mâm, thêm một bát cơm đầy và một bát nước luộc gà. Thầy cúng trong trang phục của mình, bên cạnh thầy là các già làng, vừa rung lục lạc vừa tiếp tục cúng. Một lúc sau, gà và rượu cũng được dâng lên các vị thần.

Khi lễ cúng kết thúc, già làng hoặc thầy cúng lấy đôi chân, cánh và đầu gà làm nghi thức gieo quẻ, giống như ở những lễ cúng trước đó. Cũng từ đây, dân làng bắt đầu đi cắt lúa mới.

Lễ hội mừng lúa chín (Monhum dung)

Đây là một lễ lớn của người Chu-ru. Khi lúa đã chín hết, người Chu-ru làm lễ mừng lúa chín. Lễ được làm ở nhà và

diễn ra trong vòng một ngày. Mục đích của lễ hội này là để tạ ơn thần lúa và cầu cho mùa màng bội thu. Lễ hội này được tổ chức một lần. Đứng ra tổ chức lễ hội là cả dòng họ.

Để chuẩn bị cho lễ thức, người ta chuẩn bị: 1 con trâu to (không phải trâu con), 1 ché rượu, 2 quả trứng, 1 đĩa gạo, 1 đĩa trâu, 1 bát than. Trong quá trình tổ chức lễ hội, người ta chơi kèn và múa arija (số người tham gia từ 12 người, cả nam và nữ đều có).

Buổi tối là lễ nhập đàn. Trước khi mang ra gà cắt tiết, người ta lấy bã rượu bôi lên đầu trâu. Tương tự như khi giết trâu, người ta lấy bã rượu bôi lên đầu trâu. Vừa làm vừa đọc lời cúng. Khi giết trâu, thầy cúng vẫn tiếp tục đọc lời cúng. Chiêng được treo trên giá. Mỗi chiếc chiêng đều có một vị thần. Trâu phải cắt một miếng thịt để dâng lên vị thần. Như lễ vật dâng lên vị thần, trâu được dùng trong lễ hội phải đi đầu đàn. Đứng ra tổ chức lễ phải biểu diễn.

Trong lúc cúng, thầy cúng đọc lời cầu nguyện. Thần lúa đã đem đến cho dân Chu-ru mùa màng bội thu, xua đuổi những

Lễ thức được tổ chức vào khoảng một buổi, tại một gia đình đại diện đồng phải dựng nêu, không giết heo. Lúa đã chín hết, người Chu-ru đi cắt lúa và bó vào rang. Sau đó mang ra giã gạo và đem cúng thần. Đây cũng là lần đầu tiên lúa đã chín, vụ mùa sắp được thu hoạch. Người Chu-ru bắt đầu thực hiện lễ hội trong thời gian dài.

Lễ vật còn có 1 con gà, 1 ché rượu, 1 bát nước, 2 quả trứng và 2 nải chuối. Người ta không đánh công chiêng và đầu gà cũng được đem vào cúng.

Lúa chín, đặt cả con vào một chiếc nồi luộc và một bát nước luộc gà. Thấy lúa chín, bên cạnh thầy là các già làng tiếp tục cúng. Một lúc sau, gà và rượu được đem cúng.

Già làng hoặc thầy cúng lấy đôi gà nghi thức gieo quẻ, giống như ở các làng khác. Dân làng bắt đầu đi

(Monhum dung)

Người Chu-ru. Khi lúa đã chín hết, lễ được làm ở nhà và

được diễn ra trong vòng một ngày một đêm. Do tính chất và quy mô của lễ hội nên 10 đến 12 năm dân làng mới tổ chức lễ hội một lần. Đứng ra tổ chức lễ này là một gia đình đại diện cho cả dòng họ.

Để chuẩn bị cho lễ thức người Chu-ru phải có các lễ vật gồm: 1 con trâu to (không kể đực cái), 1 con gà, 2 nải chuối, 1 ché rượu, 2 quả trứng gà (1 chín, 1 sống), 1 bát gạo, 1 đĩa trâu, 1 bát than và 1 cây nêu dùng để cột heo. Trong quá trình tổ chức lễ thức còn có đánh công chiêng, chơi kèn và múa arija (số người tham gia phải chẵn từ 8 đến 12 người, cả nam và nữ đều có thể múa điệu múa này).

Buổi tối là lễ nhập đám, gà được đem vào cúng sống. Trước khi mang ra gà cắt tiết, người ta cho nó uống một hớp nước. Tương tự như khi giết con vật hiến sinh là lợn, khi giết trâu, người ta lấy bã rượu trong ché và đổ lên mình trâu, vừa làm vừa đọc lời cúng. Trong lúc người nhà giết gà và giết trâu, thầy cúng vẫn tiếp tục cúng mời các vị thần linh. Chiêng được treo trên giá. Người Chu-ru tin rằng trong mỗi cái chiêng đều có một vị thần trú ngụ do đó, khi làm thịt trâu phải cắt một miếng thịt treo lên giá chiêng, họ coi đó như lễ vật dâng lên vị thần của cái chiêng. Nếu bộ chiêng sử dụng trong lễ hội phải đi mượn thì khi lễ hội kết thúc, gia đình tổ chức lễ phải biểu chủ chiêng rượu thịt.

Trong lúc cúng, thầy cúng thay mặt dân làng cảm ơn thần lúa đã đem đến cho dân làng một vụ lúa tốt, đã bảo vệ mùa màng, xua đuổi những điều không tốt lành đi để dân

làng có thóc đầy bồ. Khi thịt gà và thịt trâu được làm chín, gà được đặt vào chiếc mâm, còn thịt trâu, người ta lấy bó phân bên trong cùng 2 cái tai và cái lưỡi mang vào cúng thần. Lúc này lễ cúng có thêm một bát cơm đầy và bát nước gà luộc. Thầy cúng làm lễ cúng dâng lễ vật lên thần và báo cho thần được biết. Buổi tối, khi cúng xong dân làng cùng vui chơi, ăn uống, nhảy múa cùng với tiếng nhạc của khèn, của công chiêng.

Sáng hôm sau, lễ cúng lại được tiếp tục. Kết thúc lễ hội, bà chủ nhà lấy dây hạt cườm trao cho thầy cúng cảm ơn thầy đã tới giúp cho việc cúng lễ được suôn sẻ.

Lễ mừng lúa vào bồ (*Monhum dolan*)

Lễ mừng lúa vào bồ (*Monhum dolan*) là nghi lễ lớn nhất nằm trong hệ thống lễ hội cầu mùa truyền thống hàng năm.

Thời gian tổ chức *Monhum dolan* thường vào tháng 12 âm lịch của người Việt, tức tháng 10 lịch Chu-ru để mừng lúa vào bồ, vào kho. Vào những năm được mùa, lễ được tổ chức ba ngày ba đêm, có nghi thức dựng cột đâm trâu, còn thường thì cúng heo và tổ chức từ tối ngày hôm trước đến hết hôm sau.

Đối tượng thờ cúng trung tâm của lễ cầu mùa là hạt lúa. Lễ cầu mùa là tín ngưỡng dân gian liên quan đến các hình thái tôn giáo nguyên thủy, trước hết và chủ yếu là vạn vật hữu linh, quan niệm rằng lúa có hồn, và ma thuật sản xuất tác động đến hạt lúa để cầu sinh sôi nảy nở. Dân tộc Chu-ru

quan niệm thần lúa là một vị thần có lẽ hiện tượng n...
cho rằng có lẽ hiện tượng n...
chất với nữ giới là người phát

Đứng ra tổ chức lễ *Monhum dolan* là trưởng làng, chủ làng hay một người có uy tín mang tính chất cất cử nên người này phải là cả gia tộc mình với điều kiện là người ở trong nhà không có người qu

Mọi thành viên trong bộ tộc đều nghèo đều tham dự lễ hội. Trước lễ hội, trưởng làng báo cáo với thần linh thóc đã thu hoạch được và tổ chức lễ hội để cảm ơn thần

Công việc chuẩn bị cho lễ hội rất lâu, ngay từ tháng 9, trưởng làng của họ hàng, bà con buôn bán đều tham dự lễ *Monhum dolan* trong làng làm. Để được tham dự lễ hội, người trưởng thành, tức là đã lấy vợ, làm bằng gỗ cao khoảng 2 mét, trên đó nêu người ta khoét hình n...
Gắn ngọn nêu làm bốn tay nêu, mỗi tay nêu có chữ thập, đầu mỗi tay nêu có ngọn nêu, cuối mỗi dây hoa có ngọn nêu là chùm lỗ ở trước mắt. Ngọn nêu truyền thống đỏ, vàng và đen. Màu thường được dùng từ x

thịt gà và thịt trâu được làm chín. Còn thịt trâu, người ta lấy bỏ cái tai và cái lưỡi mang vào cùng thêm một bát com đầy và bát nước cúng dâng lễ vật lên thần và báo tới. Khi cúng xong dân làng cùng múa cùng với tiếng nhạc của khèn.

lại được tiếp tục. Kết thúc lễ hội, trao cho thầy cúng cảm ơn cúng lễ được suôn sẻ.

Monhum dolan)

Monhum dolan) là nghi lễ lớn nhất của mùa truyền thống hàng năm. *Monhum dolan* thường vào tháng 12 tức tháng 10 lịch Chu-ru để mừng những năm được mùa, lễ được tổ chức dựng cột đâm trâu, còn cúng từ tối ngày hôm trước đến

ng tâm của lễ cầu mùa là hạt lúa. dân gian liên quan đến các hình trước hết và chủ yếu là vạn vật lúa cỏ hôn, và ma thuật sản xuất sinh sôi nảy nở. Dân tộc Chu-ru

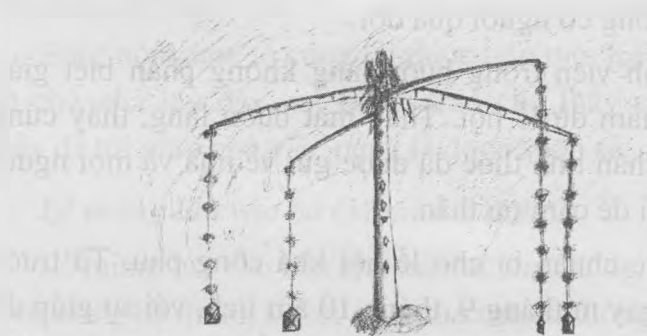
niệm thần lúa là một vị nữ thần. Nhiều nhà nghiên cứu rằng có lẽ hiện tượng này có nguồn gốc xa xưa, gắn với nữ giới là người phát minh ra nền kinh tế trồng trọt.

Đứng ra tổ chức lễ *Monhum dolan* thường là những vị trưởng làng, chủ làng hay một dòng họ giàu có. Lễ hội không mang tính chất cất cử nên một gia đình có thể đại diện cho cả gia tộc mình với điều kiện trong vòng một năm trở lại trong nhà không có người qua đời.

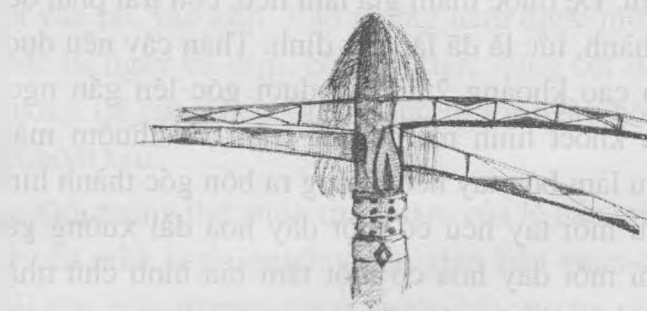
Mọi thành viên trong buôn làng không phân biệt giàu nghèo đều tham dự lễ hội. Thay mặt buôn làng, thầy cúng báo cáo với thần linh thóc đã được gửi về nhà và mọi người tổ chức lễ hội để cảm ơn thần.

Công việc chuẩn bị cho lễ hội khá công phu. Từ trước đó rất lâu, ngay từ tháng 9, tháng 10 âm lịch, với sự giúp đỡ của họ hàng, bà con buôn rẫy, gia chủ tổ chức làm nêu. Cây nêu trong lễ *Monhum dolan* (Cir) do những người đàn ông trong làng làm. Để được tham gia làm nêu, con trai phải đến tuổi trưởng thành, tức là đã lập gia đình. Thân cây nêu được làm bằng gỗ cao khoảng 2.5m, từ dưới gốc lên gần ngọn nêu người ta khoét hình những quả trám và nhuộm màu. Gần ngọn nêu làm bốn tay nêu hướng ra bốn góc thành hình chữ thập, đầu mỗi tay nêu có một dây hoa dài xuống gần gốc nêu, cuối mỗi dây hoa có một tấm bìa hình chữ nhật. Ngọn nêu là chùm lồ ô tước nhỏ thành sợi nhuộm các màu truyền thống đỏ, vàng và đen. Màu đỏ, vàng, đen là những màu thường được dùng từ xa xưa. Khi trang trí bao giờ màu

đỏ cũng được tô trước, rồi đến màu đen và cuối cùng là màu vàng. Theo quan niệm của người dân nơi đây, màu đỏ tượng trưng cho mồ hôi, máu, công sức mệt nhọc khi gieo trồng làm lúa; màu đen tượng trưng cho thiên tai có thể cướp thành quả lao động của người dân bất cứ lúc nào; màu vàng tượng trưng cho hạt lúa rủ nhau về nhà, bà con buôn rẫy đều mừng vui.



Cây nêu trong lễ Manhum dalan (Cir)



Ngọn nêu

Tất cả các hoạt động không gian thiêng của chúng tôi ta lấy rơm làm chướng theo trục chính đơn vách sau (vách phía nam)

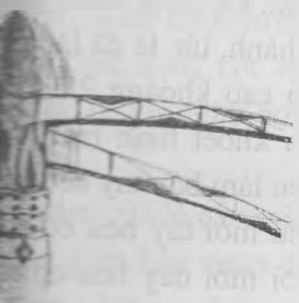
Cùng với việc làm ngọn để tạo hình nộm ng gọi là *Ổng Tha*. Đối với là loại cây gần gũi, thân dân nơi khác gọi dân vầu lấy có lau sậy. Tiếng Chu đồng bào quan niệm rơm *Asursang*, người trong h rớt mọi nơi, giữ con heo chính thức, người dân m nguyên con heo đem đư *Ổng Tha* mời linh hồn lữ

Là một lễ lớn, lễ vật bị rất cẩn thận, gồm: bánh trứng, rượu cần, bát cháo lễ vật dùng để cầu cúng định. Bánh *losêi among* có trong lễ *Monhum dơ* bánh này với mục đích những hạt gạo, hạt đỗ m

đến màu đen và cuối cùng là màu
người dân nơi đây, màu đỏ tượng
sức mệt nhọc khi gieo trồng
trung cho thiên tai có thể cướp
người dân bất cứ lúc nào; màu vàng
nhau về nhà, bà con buồn rầu để



lễ Monhum dolan (Cir)



gon rêu

Tất cả các hoạt động của lễ đều được diễn ra trong một không gian thiêng của chòi lễ. Sau khi đập lúa ngoài ruộng, người ta lấy rơm làm chòi (hay lều -toan). Chòi lễ được dựng theo trục chính đông - tây rồi lợp tranh lên và che kín vách sau (vách phía nam) của chòi.

Cùng với việc làm chòi lễ, người dân lấy sậy, bó quấn ngọn để tạo hình nộm người mặc váy trắng, đội khăn trắng, gọi là Ông Tha. Đối với đồng bào Chu-ru ở xã Próh, cây sậy là loại cây gần gũi, thân thương. Próh cũng là cách gọi của dân nơi khác gọi dân vùng này, người dân tộc ở vùng đầm lầy có lau sậy. Tiếng Chu-ru Ông Tha có nghĩa là “ông già”, đồng bào quan niệm rằng Ông Tha là người đại diện cho Asursang, người trong họ tộc giữ những linh hồn thóc rơi rớt mọi nơi, giữ con heo cúng cho thần lúa. Đến ngày lễ chính thức, người dân mổ heo, lấy một thứ một ít, còn lại nguyên con heo đem đốt vào trong đó. Dân bản muốn qua Ông Tha mời linh hồn lúa tập trung lại vào bồ lúa trong nhà.

Là một lễ lớn, lễ vật trong Monhum dolan được chuẩn bị rất cẩn thận, gồm: bánh losêi anung, gà, heo, trâu cau, trứng, rượu cần, bát cháo, chuối. Không những vậy, các lễ vật dùng để cầu cúng thần linh phải được theo đúng qui định. Bánh losêi anung là một trong những món bánh luôn có trong lễ Monhum dơ lan của người Chu-ru. Người ta làm bánh này với mục đích tạ ơn các thần, dâng lên các thần những hạt gạo, hạt đỗ mới cấy trồn của mùa vụ.

Cháo được nấu để cúng và cũng là để đãi khách tới dự. Bát cháo cúng được cắm lông gà xung quanh vì gà là con vật hiến sinh cho các vị thần linh. Dân ở đây thờ thần nông nghiệp, thần lúa nằm trong bồ. Hết lễ hội, bát cháo cúng được mang về nhà đặt vào bồ lúa. Khi lấy thóc ra ăn, họ đã bát cháo sang một bên, sau đó để lại như cũ. Đến đầu mùa sau, trước khi lấy thóc ra sạ phải cúng để bỏ bát cháo ra. Khi hết thóc, bát cháo vẫn được để ở đáy bồ, đến mùa gặt sau chén cháo đó được đổ xuống đáy bồ và thay bằng chén cháo khác.

Heo cúng trong lễ này là 2 heo lớn, phải là heo đực, màu lông đen tuyền. Đây là heo do đồng bào nuôi thả rông nên con to cũng chỉ nặng trên dưới ba chục cân. Trước khi đem ra cúng, heo được tắm rửa sạch sẽ và cột nằm dưới gốc cây nêu, dưới có lót rơm.

Tuy không phải lương thực, thực phẩm dâng hiến nhưng trống da, *lokel* và dàn chiêng cũng tham dự đắc lực vào nghi thức lễ hội *Monhum dolan*. Nó tạo hiệu ứng giao tiếp giữa người với thần linh, nó thông báo cho bà con xa gần về dự lễ *Monhum dolan* đang được tiến hành ở một địa điểm nhất định.

Cả vùng, chỉ có họ *Kotor* mới có một bộ chiêng. Họ nào tổ chức lễ này đều phải đến mượn. Cuối lễ hội, khi đem trả chiêng, người mượn tạ ơn bằng một miếng thịt lớn và bầu rượu.

Lokel là nhạc cụ thân thiện, dễ dàng, dễ dàng lên nương, lên rẫy, n...
bên tình trong những đêm...
bước chân của thanh niên

Đến giờ, đoàn người...
tiền là thầy cúng với chiếc...
người mang lễ vật, hai ngu...
những người khiêng rượu...
lễ phục truyền thống của c

Heo đã buộc giữa sân...
nơi, thầy cúng và người...
được bố trí theo hướng Đ...
phía Tây. Trống dựa vào...
đặt trước chòi cũng đã đư...
suối tinh khiết.

Buổi lễ bắt đầu, thầy...
bỏ một ít nến sáp ong vào...
báo tin cho các thần đền...
phía Đông làm lễ xin các...
ngôi phía sau. Lúc này, k...
được có tiếng động, nếu...
Đồng bào Chu-ru, Êđê...
hướng mặt trời mọc là h...
phát triển do đó, lễ vật đư

ng và cũng là để đãi khách ~~lên~~ ~~lên~~ ~~lên~~
lông gà xung quanh vì gà là ~~con~~
hồn linh. Dân ở đây thờ thần ~~nóng~~
ng bồ. Hết lễ hội, bát cháo cúng
bồ lúa. Khi lấy thóc ra ăn, họ ~~đặt~~
au đó để lại như cũ. Đến đầu mùa
sạ phải cúng để bỏ bát cháo ra.
được để ở đáy bồ, đến mùa gặt
xuống đáy bồ và thay bằng chén

ay là 2 heo lớn, phải là heo đực,
là heo do đồng bào nuôi thả rông
trên dưới ba chục cân. Trước khi
m rửa sạch sẽ và cột nằm dưới góc

ng thực, thực phẩm dâng hiến
dàn chiêng cũng tham dự đặc lực
thum *dolan*. Nó tạo hiệu ứng giao
linh. nó thông báo cho bà con xa
au đang được tiến hành ở một địa

mới có một bộ chiêng. Họ
phải đến mượn. Cuối lễ hội, khi
on ta on bằng một miếng thịt lớn

Lokel là nhạc cụ thân thiết với người Chu-ru, nó theo bà
con lên nương, lên rẫy, nó trên môi người con trai đi tìm
tình trong những đêm trăng sáng, nó hoà quyện cùng
bước chân của thanh niên nam nữ trong những dịp hội hè...

Đến giờ, đoàn người mang lễ vật ra chòi cúng. Đi đầu
tiên là thầy cúng với chiếc gùi chứa đồ nhạc khí, tiếp theo là
người mang lễ vật, hai người khiêng dàn chiêng, sau cùng là
những người khiêng rượu. Những người tham dự lễ đều mặc
lễ phục truyền thống của dân tộc mình.

Heo đã buộc giữa sân chòi cúng từ hôm trước. Ra đến
nơi, thầy cúng và người già sắp lễ bên trong chòi. Lễ vật
được bố trí theo hướng Đông. Chiêng dựng trên vách chòi
phía Tây. Trống dựa vào cột chòi cạnh đấy. Các ché rượu
đặt trước chòi cũng đã được khui nắp, cắm cần, đổ đầy nước
suối tinh khiết.

Buổi lễ bắt đầu, thầy cúng gắn nển sáp ong lên đĩa trầu,
bỏ một ít nển sáp ong vào bát than. Bát than hồng là tín hiệu
báo tin cho các thần đến dự lễ. Thầy cúng ngồi hướng về
phía Đông làm lễ xin các thần cho tổ chức lễ hội, người già
ngồi phía sau. Lúc này, không khí trở nên yên lặng, không
được có tiếng động, nếu không thầy sẽ không “đi” được.
Đồng bào Chu-ru, Êđê... đều quan niệm hướng Đông,
hướng mặt trời mọc là hướng của sự sống, của phát sinh,
phát triển do đó, lễ vật được bài trí theo hướng này để thuận

tiện việc dâng hiến cho các thần linh, mong chúng giám hộ mọi vật sinh nở, trù phú, mưa thuận gió hoà.

Thầy cúng trùm khăn trắng lên kín người, lúc này thầy đã là người có thể nói chuyện được với thế giới thần linh. Thầy cúng cầm cân rượu khấn rằng:

Oi, oi... ông thần Dong Gopah, ông ngồi dậy để chúng giám. Cậu Pơ tao Hồ về ở buôn làng hàng trăm hàng nghìn này nhé!

Này đây, dâng lễ vật cho các thần, 37 Bơ mung, 37 đình quanh vùng từ trên xuống dưới.

Này đây lên tới thần Asur- Aly mình nhé! Quyền hơn cả thần Potonah, mình nhé!...

Thần dựng nêu anh, thần dựng nêu em đứng chứng kiến khắp vùng này nhé!

Sau đó, thầy cầm cân rượu chỉ ra phía dàn chiêng, người phụ cúng gõ chiêng hai tiếng báo hiệu thần linh đã cho phép tổ chức lễ hội lần này.

Thầy cúng cầm dây lục lạc khấn dâng các vật phẩm của lễ hội cho các thần linh. Chiếc dây được gắn một đầu trên vách chòi, có nhiệm vụ đưa đường cho thầy đi đến chỗ các thần. Ông phụ cúng một tay cầm gà, một tay bưng bát rượu ngồi bên cạnh. Cúng xong, thầy cúng dùng tay lau mặt xoa mát, “thông ngũ quan” để trở về với đời thực. Đây là hành động có ý nghĩa tượng trưng thể hiện kết thúc việc đi gặp

các thần và đã trở về. Ng...
mưa và cho gà uống rượu

Lúc này, rượu cần dư
chồi cúng. Gà và lợn được
khí cắt tiết người phụ c
đầu lợn. Tiết lợn được ch

Người ta trải ra sân n
Lửa được đốt lên cùng v
lúa. Thầy cúng cầm hai
xin các vị thần linh, tổ t
dưới dàn chiêng, gia chủ
lót bằng lá chuối. Lợn l
vào chiếc dây buộc lên p
dân bản có thể mời thần c

Mở đầu, Lokel, trôn
một điệu nhạc du dương
gái mặc quần áo lễ hội t
chấn, có thể lên đến 10
Người con gái múa há
nhóm. Trang phục của n
những chùm len đỏ như
Những chiếc váy áo qu
bắp tay thật gọn gàng v
hiệu, điệu múa bắt đầu

c thần linh, mong chúng giám hộ
mưa thuận gió hoà.

trắng lên kín người, lúc này thấy
uyên được với thế giới thần linh
chấn rằng:

ng Gopah, ông ngồi dậy để chứng
buôn làng hàng trăm hàng nghìn

cho các thần, 37 Bơ mung, 37 đình
dưới.

Asur- Aly mình nhé! Quyền hơn cả

hấn dựng nêu em đứng chứng kiến

rượu chỉ ra phía dàn chiêng, người
lễng báo hiệu thần linh đã cho phép

ợc lạc khẩn dâng các vật phẩm của

Chiếc dây được gắn một đầu trên
đưa đường cho thầy đi đến chỗ các
tay cầm gà, một tay bung bát rượu
ng, thấy cúng dùng tay lau mặt xoa
để trở về với đời thực. Đây là hành
trung thể hiện kết thúc việc đi gặp

các thần và đã trở về. Người phụ cúng rửa chân gà vào bát
rượu và cho gà uống rượu.

Lúc này, rượu cần được rót ra. Nêu được dựng lên trước
chòi cúng. Gà và lợn được đem ra cột dưới gốc nêu. Trước
khi cất tiết người phụ cúng vừa khấn vừa đổ bát rượu lên
đầu lợn. Tiết lợn được chứa vào một cái chậu có sẵn ít muối.

Người ta trải ra sân những sợi rơm ngày mùa vàng óng ả.
Lửa được đốt lên cùng với ánh trăng 16 chiều sáng sân đập
lúa. Thấy cúng cầm hai chiếc dùi chiêng và trống dâng lên
xin các vị thần linh, tổ tiên được gõ chiêng và trống. Ngay
dưới dàn chiêng, gia chủ đặt một cốc rượu, một bát nước và
lót bằng lá chuối. Lợn làm xong cũng cắt một miếng, xâu
vào chiếc dây buộc lên phía trên dàn chiêng. Bằng cách này
dân bản có thể mời thần chiêng tham gia lễ hội.

Mở đầu, Lokel, trống và dàn chiêng nhất loạt hoà tấu
một điệu nhạc du dương. Điệu t'runpô (mời) bắt đầu. Trai
gái mặc quần áo lễ hội truyền thống đứng xen kẽ. Đội hình
chẵn, có thể lên đến 10 người, xếp theo hình vòng cung.
Người con gái múa hát giỏi nhất được bầu làm trưởng
nhóm. Trang phục của người trưởng nhóm được đính thêm
những chùm len đỏ như một dây hoa dọc theo viền váy.
Những chiếc váy áo quấn chặt lấy thân hình, để lộ những
bắp tay thật gọn gàng và rắn chắc. Người trưởng nhóm ra
hiệu, điệu múa bắt đầu. Động tác chủ đạo trong múa

t'runpô là sử dụng đôi tay mềm mại và di chuyển đôi cánh khéo léo như động tác mời chào, mời thần linh xuống mời khách tới tham dự. Người múa đứng quay mặt về phía chòi, nơi có tiếng chiêng trống, ánh lửa bập bùng. Theo điệu nhạc, các chàng trai cô gái đôi mắt long lanh di chuyển nhịp nhàng, đội hình dần khép lại tạo thành hình tròn, hai cánh tay luôn đưa vào phía trong kết hợp linh hoạt cùng với cổ tay và các ngón tay. Kết thúc điệu múa, rượu cần được bung ra mời mọi người cùng uống.

Đêm xuống, ánh trăng đã lên cao, người ta rút thêm rơm và lá rừng cho vào đồng lửa, lấy đủ ánh sáng cho điệu múa thứ hai, điệu *Hari (hori)*. Trai gái đứng xen kẽ nối nhau xếp thành hình tròn, di chuyển từ phải sang trái. Theo nhịp chiêng trống và tiếng *lokel*, những đôi tay khỏe mạnh nhưng không kém phần uyển chuyển đưa vào phía trong và hết một nhịp lại đổi đưa ra phía ngoài, thể hiện sự chào hỏi, đối đáp khi gặp gỡ.

Lúc này người ta đã chuẩn bị xong lễ cúng chín. Thịt lợn được bung lên - một mâm thịt thái miếng cùng tiết, lòng, gan, tim, và một mâm thịt lợn chặt tảng. Hai mâm này được để ngoài sân. Trong chòi, người ta cũng sắp xếp hai mâm dâng cúng. Một mâm gồm: bát cơm, rượu, nước chấm, bát cháo có cắm lông gà, gà luộc được chặt riêng đầu cổ, hai cánh, hai chân và được xếp thành nguyên con gà nằm úp, các bộ phận như tim gan, lòng mề, dạ dày được nhét lại

vào trong bụng; một mâm cơm và hai chiếc bát không, bát *losêi anung* đặt lên m

Thầy cúng cầm cần rượu cúng lễ vật do dân làng được thầy cầm lên khăn một lần nữa lại rung lên. Thầy cúng ngả về phía sau, việc thầy đang đi ngựa ghềnh, có lúc thầy đi nhanh, thầy khấn, người phụ cúng mời các đấng thần linh. K cúng ra hiệu cho người già

Ngoài sân, trong ánh thức giục, điệu múa *Aria* Đối với đồng bào Chu-rung uống với nhau một vài chén bày tỏ tấm lòng, để hiểu hình tròn, di chuyển đôi tay trái kết hợp với đôi cánh tay như lời mời mọc, vẫy gọi chung vui. Người thổi *lokel* vào nhịp nhảy cùng thanh nhạc nhau hò reo hoà vào điệu thoải mái hương rượu cần.

mềm mại và di chuyển đôi chân
đôi chào, mời thần linh xuống và
người múa đứng quay mặt về phía
trống, ánh lửa bập bùng. Theo điệu
đôi mắt long lanh di chuyển hoà
tạo thành hình tròn, hai cánh tay
t hợp linh hoạt cùng với cổ tay và
điệu múa, rượu cần được bung ra

đã lên cao, người ta rút thêm rơm
lấy đủ ánh sáng cho điệu múa
trai gái đứng xen kẽ nối nhau xếp
từ phải sang trái. Theo nhịp
kel, những đôi tay khỏe mạnh
chuyển đưa vào phía trong và
phía ngoài, thể hiện sự chào hỏi,

buôn bị xong lễ cúng chín. Thịt
mâm thịt thái miếng cùng tiết,
thịt lợn chặt tảng. Hai mâm này
thời, người ta cũng sắp xếp hai
gồm: bát com, rượu, nước chấm,
gà luộc được chặt riêng đầu cổ,
xếp thành nguyên con gà nằm
lòng mề, dạ dày được nhét lại

trong bụng; một mâm khác có thịt lợn thái miếng, bát
và hai chiếc bát không. Thầy cúng với chiếc gùi, gõ
ánh *loséi anung* đặt lên mâm cúng.

Thầy cúng cầm cần rượu khấn mời các thần linh dùng
những lễ vật do dân làng dâng tặng. Sau đó, bát rượu lại
được thầy cầm lên khấn mời các thần linh. Chiếc lục lạc
một lần nữa lại rung lên. Sợi dây có lúc được giật mạnh và
thầy cúng ngả về phía sau. Hành động này tượng trưng cho
việc thầy đang đi ngựa tới chỗ các thần, đường đi gấp
ghềnh, có lúc thầy đi nhanh, có lúc phải đi chậm. Trong lúc
thầy khấn, người phụ cúng có nhiệm vụ dâng từng mâm lên
mời các đấng thần linh. Khi được thần linh cho phép, thầy
cúng ra hiệu cho người già uống rượu trong bầu.

Ngoài sân, trong ánh lửa bập bùng, điệu nhạc rộn rã
thúc giục, điệu múa *Aria* cuốn hút những người tham dự.
Đối với đồng bào Chu-ru, khách đến nhà chơi, người ta
uống với nhau một vài chén rượu, cất lên tiếng hát *aria* để
bày tỏ tấm lòng, để hiểu nhau hơn. Đội hình vẫn xếp theo
hình tròn, di chuyển đôi chân theo tiếng nhạc từ phải qua
trái kết hợp với đôi cánh tay đưa sang hai bên cùng một lúc
như lời mời mọc, vậy gọi anh em, bà con có mặt cùng vào
chung vui. Người thổi *lokel* say sưa, lúc cao hứng cũng đi
vào nhịp nhảy cùng thanh niên nam nữ. Mọi người cùng
nhau hò reo hoà vào điệu múa. Dưới ánh trăng vàng vạc,
thoảng hương rượu cần, khách cũng hoà nhịp chân theo

tiếng *lokel*, tiếng chiêng, tiếng trống rộn ràng. Mọi người cùng nhau múa, cùng nhau bày tỏ nỗi niềm của mình. Mọi người giao cảm với thần linh, với dân tộc. Cuộc vui cứ thế kéo dài đến tận sáng hôm sau.

Sáng hôm sau, thầy cúng tiếp tục nhiệm vụ của mình. Trước mặt thầy đặt lễ vật gồm 2 nải chuối, trứng sống và chín, bát gạo trên có đặt tiền, rượu, trâu, bát than có sáp ong. Ché rượu đặt trước chòi lễ. Thầy cúng cầm con gà sống và cây cần rượu trong khi khấn. Được một lúc, thầy ngừng khấn, một người cầm con dao dài, lột lá chuối vào cổ heo rồi chọc tiết, tiết tuôn ra theo một dòng chảy vào chiếc âu để sẵn. Heo nhanh chóng được mang đi chế biến để dâng lễ. Khi heo được khiêng ra, người ta trải rơm, đặt hai tàu lá chuối lớn lên lót con heo đã làm, cạo lông và thui rơm. Hai miếng thịt lợn được cắt vuông vắn từ con heo hiến sinh đặt trên hai búi rơm (thịt cổ, thịt bụng). Người ta cũng chuẩn bị một bát cơm, bát nước, bát to đựng tim gan và đuôi heo, bát lòng, bát nước chấm và có rắc một chút muối lên trên mỗi món như khi dùng bữa. Trong hương khói thơm của bát than có sáp ong, phụ cúng khấn dâng thần linh ở mâm ngoài trời này. Chiêng trống vang lên, người phụ cúng trong trang phục Chu-ru dẫn đầu đoàn trai gái múa điệu *Aria* xung quanh mâm một vòng. Người nhà lần lượt dâng rượu cho phụ cúng và trai gái đang nhảy múa. Mọi người uống rượu trong tiếng nhạc, trong điệu nhảy múa mời các thần linh

thần giám. Tiếng *lokel* và tiếng chiêng, tiếng trống rộn ràng. Mọi người cùng nhau múa, cùng nhau bày tỏ nỗi niềm của mình. Mọi người giao cảm với thần linh, với dân tộc. Cuộc vui cứ thế kéo dài đến tận sáng hôm sau.

Con heo và mâm thịt lợn. Thầy cúng đợi đến tối đem ché rượu và các lễ vật khác tới dự. Gà và các lễ vật khác được dâng lên cho mọi người cùng hưởng. Thầy cúng giữ lại cho đến lần cúng sáng hôm sau, thầy cúng thay mặt dòng họ đem lễ vật tỏ lòng biết ơn.

Lễ cúng ngô (bắp) chu-ru

Người Chu-ru trồng ngô từ năm, đến tháng 9 bắt đầu thu hoạch bắp. họ cũng được cúng gọn nhẹ. làm tạ ơn xong, lễ này không có heo.

Để được thu hoạch bắp, thầy cúng cầu xin ma quỷ không quá rách. Với lễ này cần một quả trứng, 1 chín 1 sống.

tiếng trống rộn ràng. Mọi người
bày tỏ nỗi niềm của mình. Mọi
dân tộc. Cuộc vui cứ thế kéo dài

cúng tiếp tục nhiệm vụ của mình.
gồm 2 nải chuối, trứng sống và
tiền, rượu, trâu, bát than có sáp
dồi lễ. Thấy cúng cầm con gà sống
khán. Được một lúc, thầy ngừng
dao dài, lột lá chuối vào cổ heo
theo một dòng chảy vào chiếc âu
được mang đi chế biến để dâng lễ.
người ta trải rơm, đặt hai tàu lá
đã làm, cạo lông và thui rơm. Hai
dòng vắn từ con heo hiến sinh đặt
hư bụng). Người ta cũng chuẩn bị
to dựng tim gan và đuôi heo, bát
rắc một chút muối lên trên mỗi
dòng hương khói thơm của bát than
dâng thần linh ở mâm ngoài trời
lên. người phụ cúng trong trang
an trai gái múa điệu *Aria* xung
quay nhà lần lượt dâng rượu cho
nhảy múa. Mọi người uống rượu
liều nhảy múa mời các thần linh

cúng giám. Tiếng *lokel* cùng điệu *Aria* cũng là để mừng
thần linh, bà con tới dự lễ hội trong buổi kết thúc, cùng dự
tiệc lớn. Trong lễ, thầy cúng cũng dâng mâm có con gà lên
vị thần linh, cầu khẩn hồn lúa còn rải rác, rơi rớt khắp
tập trung tại sân cúng này, về với bồ lúa trong nhà.
Rượu được rót ra mời mọi người có mặt.

Con heo và mâm thịt heo được đặt vào bên trong *Ông
Tha*, đợi đến tối đem chế biến thức ăn mời mọi người và
khách tới dự. Gà và các lễ vật khác cũng được đem chia cho
mọi người cùng hưởng. Chỉ riêng quả trứng gà sống được
giữ lại cho đến lần cúng sau. Kết thúc lễ hội, một người phụ
nữ thay mặt dòng họ đem biếu thầy cúng chuối hạt cườm để
tỏ lòng biết ơn.

Lễ cúng ngô (bắp) chín đầu mùa (Bâng akó tongoi)

Người Chu-ru trồng ngô (bắp) vào khoảng tháng 5 hàng
năm, đến tháng 9 bắt đầu thu bắp, cũng như với lúa, trước
khi thu hoạch bắp, họ cũng làm lễ cúng. Lễ mừng bắp chín
được cúng gọn nhẹ, làm tại nhà, có thể vào một buổi sáng là
xong, lễ này không có heo cũng như không có nêu.

Để được thu hoạch bắp, người Chu-ru phải cúng xin
thần bắp cho mình được lên nương rẫy bắp về, đồng thời
cầu xin ma quỷ không quấy mình, không làm ốm yếu và đói
rách. Với lễ này cần một con gà, 1 ché rượu, 2 nải chuối, 2
quả trứng, 1 chín 1 sống, 1 bát cháo, 1 đĩa trâu, 1 bát than.

cuối cùng là 7 bắp ngô chín và 8 bắp ngô sống. Người đi bắ
ngô về cúng không cứ trai hay gái, quá trình bẻ bắp không
phải kiêng kỵ điều gì. Bắp chín, bắp sống khi cúng phải đi
riêng biệt, mỗi thứ một bên. 7 bắp ngô chín là dành cho ma
quỷ, 8 bắp sống dành cho thần.

Mở đầu lễ, thầy cúng đầu quấn khăn và trùm áo của
thầy cúng, bắt đầu làm lễ cúng gà sống, thầy cúng ôm gà
giơ lên trước mâm cúng cúng một lúc gà được đem thịt.
trước khi lấy tiết cũng cho nó uống một hớp nước lã. Trong
khi thịt gà, thầy cúng vẫn tiếp tục cúng.

Tới khi gà chín, đem đặt cả con vào mâm, có thêm bát
com đây và bát nước luộc gà, 1 bát rượu. Lễ thức lại được
tiếp tục với nghi thức dâng lễ vật là con gà đã được làm chín
rồi tới bầu rượu.

Khi đã cúng xong, người ta mang 7 cái bắp chín và 8 cái
bắp sống mang ra đổ ở chỗ chôn người chết trong nhà mình,
điều này ngụ ý để cho ma quỷ không về quấy người trong
nhà, làm như vậy cũng để mong vụ sau bắp sẽ lại được tốt.
Cuối buổi lễ người ta lại lấy 2 cánh, 2 chân và chiếc đầu gà
để gieo quẻ xem điều tốt xấu trong gia đình, dòng họ, làm
giống như trong các lễ hội trước. Từ đây dân làng bắt đầu
được lên nương thu bắp về ăn.

Lễ giải kiêng (Toguhdolan)

Từ khi lúa chín cho tới lúc đập lúa xong và cho lúa về

bẻ bó, làm lễ mừng lúa
Chu-ru sẽ làm lễ giải kiêng
và có thể coi là lễ cuối của
nghiệp được diễn ra theo c
xạ lúa... cho tới khi chín lú

Sở dĩ có lễ giải kiêng
phải kiêng không ăn một s
rừng, cây khoai mì, và con
trình đập lúa mà ăn các th
người trong gia đình hay
người Chu-ru làm lễ này là
ăn trở lại các thứ mình đã
buổi sáng và được làm ở n
thay mặt cho cả họ, khi lễ
xong xuôi việc thu hoạch l

Sau phần xin phép thả
lần lượt đi ra cánh đồng. T
những hạt thóc còn vương
Toguhdolan.

Khi đã chuẩn bị được
thóc nhặt từ đồng về. 2 qu
sống), 1 bầu rượu, 1 bát th
một tay cầm chiếc cân rư
cúng bắt đầu lễ thức. Lễ nă

chín và 8 bắp ngô sống. Người Chu-ru hay gái, quá trình bẻ bắp không bắp chín. bắp sống khi cúng phải để bên. 7 bắp ngô chín là dành cho ma thần.

Người Chu-ru đầu quần khăn và trùm áo của lễ cúng gà sống, thầy cúng ôm gà sống cúng một lúc gà được đem thịt. Họ nó uống một hớp nước lã. Trong họ tiếp tục cúng.

Họ đặt cả con vào mâm, có thêm bát cơm gà, 1 bát rượu. Lễ thức lại được cúng lễ vật là con gà đã được làm chín

Người ta mang 7 cái bắp chín và 8 cái bắp sống chôn người chết trong nhà mình, ma quỷ không về quấy người trong họ để mong vụ sau bắp sẽ lại được tốt. Họ lấy 2 cánh, 2 chân và chiếc đầu gà đặt trước gia đình, dòng họ, làm lễ trước. Từ đây dân làng bắt đầu vụ ăn.

Toguhdolan)

Tới lúc đập lúa xong và cho lúa về

hạt bồ, làm lễ mừng lúa vào bồ xong, ít ngày sau người Chu-ru sẽ làm lễ giải kiêng *Toguhdolan*. Đây là một lễ nhỏ và có thể coi là lễ cuối cùng trong một chuỗi các lễ nông nghiệp được diễn ra theo chu kỳ của cây lúa từ lúc làm đất, xạ lúa... cho tới khi chín lúa...

Sở dĩ có lễ giải kiêng *Toguhdolan* là vì khi đập lúa họ phải kiêng không ăn một số thứ như: quả đu đủ, các loại rau rừng, cây khoai mì, và con nòng nọc hay con ếch. Nếu quá trình đập lúa mà ăn các thứ trên thì lúa sẽ không đầy bồ và người trong gia đình hay đau yếu, bệnh tật. Chính vì vậy người Chu-ru làm lễ này là để mong thần lúa cho mình được ăn trở lại các thứ mình đã kiêng. Lễ thức diễn ra vào một buổi sáng và được làm ở nhà một gia đình cũng có thể làm thay mặt cho cả họ, khi lễ này phải đợi tất cả các gia đình xong xuôi việc thu hoạch lúa đầu vào đấy rồi mới được làm.

Sau phần xin phép thần linh của thầy cúng, các phụ lễ lần lượt đi ra cánh đồng. Tại đây, họ tỏa đi 4 hướng, để nhặt những hạt thóc còn vương lại trên cánh đồng đem về cho lễ *Toguhdolan*.

Khi đã chuẩn bị được đầy đủ lễ vật gồm: 1 con gà, 1 bát thóc nhặt từ đồng về, 2 quả chuối, 2 quả trứng (1 chín và 1 sống), 1 bầu rượu, 1 bát than, 1 đĩa trâu..., một tay ôm con gà, một tay cầm chiếc cần rượu nâng lên trước mâm cúng, thầy cúng bắt đầu lễ thức. Lễ này người Chu-ru không giết heo hay

dụng nêu, cúng được một lúc gà được mang ra thịt, trước **thịt**, gà cũng được uống một hớp nước lã có sẵn ở bát.

Trong lúc làm thịt gà, thầy cúng vẫn tiếp tục cúng. Đến tới khi gà được làm chín và được đặt lên một chiếc **mâm**. lúc này có thêm 1 bát cơm đầy, 1 bát rượu, 1 bát nước lã và một bát nước luộc gà, tất cả đồ cúng này lại được đặt cùng các đồ cúng trước đó.

Lễ cúng chín được tiến hành ngay sau đó. Rượu được rót ra bát, gà luộc chặt riêng đầu cổ, hai cánh, hai chân rồi xếp thành hình con gà nằm úp trên mâm gỗ. Tim gan, lòng mề gà... được nhét lại vào trong bụng gà.

Thầy cúng nâng bát rượu khấn mời thần núi, thần rừng ở các địa bàn từ Gia Lai trở xuống, các vị thầy cúng của dân tộc đã mất cũng được mời về chứng kiến. Cũng như các lễ thức khác, nếu lễ vật gia đình chuẩn bị chưa đầy đủ, hay trong quá trình tổ chức lễ thức có điều gì không vừa ý thần linh thì thầy cúng sẽ bị trừng phạt bằng cách uống rượu hoặc bị đánh bằng roi. Khấn xin các thần bỏ qua cho những sai sót, cầu mong bình an hạnh phúc cho mọi người trong gia đình xong, thầy cúng làm lễ bói đầu gà, lưỡi gà, hai cánh, hai chân để xem đoán biết công việc làm ăn của cả năm. Lễ giải kiêng đã kết thúc. Kể từ đây dân làng lại có thể ăn rau rừng, quả đu đủ... đã kiêng như lúc chưa thu hoạch lúa.

Cũng như nhiều tộc người ở Sơn - Tây Nguyên, lễ thức trong sinh hoạt tín ngưỡng của thần lúa (*Yang bodai*) minh chứng cho sự quan trọng của thành viên cũng như toàn bộ thiết kế giữa nông nghiệp và những nghi thức trong lễ của đồng bào nơi đây về sống no đủ và hạnh phúc những dịp đặc biệt có ý nghĩa mối quan hệ tộc người cũng chính là nơi bộc lộ liên với quan niệm "vạn vật hữu灵" và hiện diện trong ngưỡng đa thần đặt niềm tin tưởng tự nhiên, giúp con người động cầu cúng hàng năm nghĩa như một bộ phận của đồng bào mà còn góp phần văn hóa truyền thống được

c gà được mang ra thịt, trước
hộp nước lã có sẵn ở bát.

hãy cúng vẫn tiếp tục cúng. Đồ
được đặt lên một chiếc mâm
đây. 1 bát rượu, 1 bát nước lã và
đồ cúng này lại được đặt cùng

hành ngay sau đó. Rượu được
đầu cổ, hai cánh, hai chân rồi
úp trên mâm gỗ. Tim gan, lòng
trong bụng gà.

khấn mời thần núi, thần rừng ở
không, các vị thầy cúng của dân
về chứng kiến. Cũng như các lễ
tinh chuẩn bị chưa đầy đủ, hay
hức có điều gì không vừa ý thần
tùng phạt bằng cách uống rượu
xin các thần bỏ qua cho những
hạnh phúc cho mọi người trong
làm lễ bói đầu gà, lười gà, hai
biết công việc làm ăn của cả
thức. Kể từ đây dân làng lại có
đã kiêng như lúc chưa thu

* *

*

Cũng như nhiều tộc người khác cư trú ở khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên, lễ thức nông nghiệp chiếm phần lớn trong sinh hoạt tín ngưỡng của người Chu-ru. Sự hiện diện của thần lúa (*Yang bodai*) trong tâm thức đồng bào nơi đây minh chứng cho sự quan trọng của cây lúa đối với mỗi thành viên cũng như toàn thể cộng đồng, sự gắn bó mật thiết giữa nông nghiệp với sự đói no của người Chu-ru. Những nghi thức trong lễ hội đã thực sự toát lên ước muốn của đồng bào nơi đây về những vụ mùa bội thu, về cuộc sống no đủ và hạnh phúc. Không những thế, đó còn là những dịp đặc biệt có ý nghĩa cố kết cộng đồng, củng cố mối quan hệ tộc người qua nhiều thăng trầm lịch sử. Lễ hội cũng chính là nơi bộc lộ đậm nét tín ngưỡng đa thần gắn liền với quan niệm “vạn vật hữu linh” của người Chu-ru, chi phối và hiện diện trong các sinh hoạt văn hóa tinh thần. Tín ngưỡng đa thần đặt niềm tin của con người vào các hiện tượng tự nhiên, giúp con người an tâm hơn thông qua hoạt động cầu cúng hàng năm hoặc cách năm. Nó không chỉ có ý nghĩa như một bộ phận không thể thiếu trong tín ngưỡng của đồng bào mà còn góp phần làm phong phú thêm vốn văn hóa truyền thống được gìn giữ từ đời này sang đời khác.

IV. VĂN HỌC NGHỆ THUẬT DÂN GIAN

1. Văn học dân gian

Kho tàng văn học - nghệ thuật dân gian của người Chu-ru khá đa dạng và phong phú. Văn học và các loại hình nghệ thuật khác của người Chu-ru trong khá nhiều trường hợp gần như không có ranh giới cụ thể. Một nghệ nhân dân gian tài hoa có thể hát hoặc kể, hay đàn cài cả hai hình thức nhằm truyền đạt một nội dung xác định (tương ứng 01 tác phẩm). Cũng với tác phẩm đó, trong một *môi trường cụ thể khác*, nghệ nhân lại dùng nhạc cụ hay vũ đạo để diễn đạt,... Tính nguyên hợp về hình thái ý thức trong những trường hợp vừa nêu thể hiện khá rõ nét. Bản ngữ Chu-ru loại biệt các hình thức văn học - nghệ thuật dân gian trên cơ sở căn cứ vào phương thức diễn đạt, gồm: *khan* (kể, kể lễ nói chung); *hori* (hát, hát hò nói chung); *tamja* (múa, nhảy nhót theo điệu nhạc);... Tuy nhiên, khi đề cập đến nội dung của *khan* và *hori* người Chu-ru lại dùng chung một từ *ktha* (chuyện, lời lẽ), kèm theo một dẫn giải cụ thể về *chuyện* được kể hay hát. Dựa vào nguồn tư liệu điền dã khoảng 10 năm qua tại Lâm Đồng; căn cứ vào nội dung và đặc điểm nghệ thuật của các chuyện kể, chúng tôi tạm chia văn học dân gian của người Chu-ru ở Lâm Đồng thành một số loại thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn khi nghiên cứu về đối tượng. Sự loại biệt này chỉ dừng lại ở ý nghĩa là một thao tác nghiên cứu mà không nhận được sự tương đồng về bản ngữ.

a. Huyền thoại

Huyền thoại về nguồn gốc dân cư dân Chu-ru đều cho rằng người Chăm ở vùng đồng bằng Chăm bắt mọi người lên núi vua. Ông quan chịu trách nhiệm cho nhà vua. Người Chu-ru họ chạy trốn vua lên núi thành tộc Chu-ru như ngày nay. Chu-ru tự nhận tộc danh Chăm và các dân tộc ít người (Chil), Srê, Lạch, Sốp, Tô. Sự ra đời của muôn loài huyền thoại Chu-ru.

Huyền thoại về tự nhiên địa danh thuộc cao nguyên Chê đến phong tục - tập quán Hine, Sự tích Sông Đa N. mỗi làng Chu-ru, gần như giải thích tên làng và núi (những khu vực ruộng phá, tế, những vùng rừng thi trấn,,...). Bên cạnh truyền thống đa thần, tín ngưỡng Yang Chứ, Thần Lúa -

hệ thuật dân gian của người Chu-
g phú. Văn học và các loại hình
Chu-ru trong khá nhiều trường
giới cụ thể. Một nghệ nhân dân
kể, hay đan cài cả hai hình thức
đúng xác định (tương ứng 01 tác
đó, trong một môi trường cụ thể
nhạc cụ hay vũ đạo để diễn đạt,...
thái ý thức trong những trường
rõ nét. Bản ngữ Chu-ru loại biệt
nghệ thuật dân gian trên cơ sở căn
đạt, gồm: *khan* (kể, kể lể nói
nói chung); *tamja* (múa, nhảy nhót
hiện. Khi đề cập đến nội dung của
-ru lại dùng chung một từ *ktha*
một dẫn giải cụ thể về *chuyện*
nguồn tư liệu diễn đã khoảng 10
căn cứ vào nội dung và đặc điểm
kể, chúng tôi tạm chia văn học
Lâm Đồng thành một số loại
lợi hơn khi nghiên cứu về đối
dùng lại ở ý nghĩa là một thao tác
được sự tương đồng về bản ngữ.

a. Huyền thoại

Huyền thoại về nguồn gốc tộc người cho thấy đại bộ
phần cư dân Chu-ru đều thừa nhận mình có nguồn gốc từ
người Chăm ở vùng đồng bằng ven biển di cư lên (Vua
Chăm bắt mọi người lên rừng, lên suối tìm củ cải dăng cho
vua. Ông quan chịu trách nhiệm thu của cải không giao nộp
cho nhà vua. Người Chu-ru bị bắt phải đi làm mãi, vì vậy,
họ chạy trốn vua lên vùng của người Cơ-ho, người Mạ
thành tộc Chu-ru như ngày nay). Trong huyền thoại, người
Chu-ru tự nhận tộc danh của mình là *Chrao* phân biệt với
Chăm và các dân tộc ít người Lâm Đồng khác như Cil
(Chil), Srê, Lạch, Sôp, Tô,... Giai đoạn khởi thủy của vũ trụ,
sự ra đời của muôn loài không tìm thấy câu trả lời trong
huyền thoại Chu-ru.

Huyền thoại về tự nhiên chủ yếu chỉ đề cập đến những
địa danh thuộc cao nguyên Langbiang và có liên quan chặt
chẽ đến phong tục - tập quán - tín ngưỡng (*Sự tích thác Tà
Hine, Sự tích Sông Đa Nhim, Sự tích thần Bomung,...*). Ở
mỗi làng Chu-ru, gần như làng nào cũng có một huyền thoại
giải thích tên làng và những tập tục mang tính địa phương
(những khu vực ruộng phải ăn trâu, những địa chỉ phải cúng
tế, những vùng rừng thiêng hay đỉnh núi thiêng cần né
tránh,...). Bên cạnh truyện kể về những vị thần phản ánh tín
ngưỡng đa thần, tín ngưỡng nông nghiệp như: Thần núi -
Yang Chứ, Thần Lúa - *Yàng bodai*, Thần nhà - *Yàng*

Asuhrosang, thì truyện về nhân thần - được thờ tại *Bomung* - kể về những người đã có công dẫn dắt dân Chu-ru làm ăn sinh sống mang tính địa phương rất rõ nét. Phải phát một số đặc điểm của truyền thuyết, tên riêng của nhân thần theo thời gian đã chuyển hoá thành danh từ *Bomung* chỉ chung cho từng tên người cụ thể.

Những huyền thoại dẫn giải một số đặc điểm, thuộc tính của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội cũng cho thấy mối quan hệ giữa người Chăm và người Chu-ru không mấy thân thiện. Quan hệ giữa người Chu-ru và các nhóm tộc bản địa khác hầu như ít được huyền thoại đề cập đến (kể cả những loại thể khác). Và, trường hợp mối quan hệ này được đề cập thì đó chủ yếu là những quan hệ láng giềng thân thiện. Điều này gần như trái ngược hẳn với thực tế vẫn tồn tại cho đến tận ngày nay trong cộng đồng các nhóm cư dân thuộc cao nguyên Di Linh, cao nguyên B'laô.

Huyền thoại của người Chu-ru mang đậm dấu ấn của văn hoá nguyên thủy, bảo lưu nhiều giá trị truyền thống mà, cho đến ngày nay thể loại văn học dân gian này vẫn được duy trì ở những địa phương còn theo tín ngưỡng đa thần truyền thống.

b. Truyện cổ tích

Cũng giống như người Cơ-ho và người Mạ, cổ tích là thể loại thường được kể nhất trong những dịp sinh hoạt cộng

đồng của người Chu-ru. Huyền thoại đã giúp cho sự ch vào trong những truyện (Chàng rùa, Rắn thần). Nhân vật trong truyện nhân vật có những kh tế của con người; vì v nhất. Chính điều này cuốn hút mạnh mẽ. Ở người, con người với thần kỳ đậm nét của tín thiêng truyền thống.

Vai trò của gia đình nhân vật ông cậu, chỉ cách nhìn nhận khác n vật này trong cộng đố xấu (có tâm địa độc ác hành động phù thủy). người khá bền chặt n những mâu thuẫn. Khó kết cộng đồng nhưng lại là những án định củ Giai tầng trong xã hội tích, xã hội Chu-ru đã nghèo, sang hèn sâu sả

nhân thần - được thờ tại *Bomung* công dẫn dắt dân Chu-ru làm *phương* rất rõ nét. Phảng phất *một* quyết, tên riêng của nhân thần *theo* thành danh từ *Bomung* chỉ chung

giải một số đặc điểm, thuộc tính tự nhiên và xã hội cũng cho người Chăm và người Chu-ru không giữa người Chu-ru và các nhóm được huyền thoại đề cập đến (kể và, trường hợp mối quan hệ này đều là những quan hệ láng giềng như trái ngược hẳn với thực tế vẫn nay trong cộng đồng các nhóm cư sinh, cao nguyên B'lao.

Chu-ru mang đậm dấu ấn của lưu nhiều giá trị truyền thống mà, văn học dân gian này vẫn được ng còn theo tín ngưỡng đa thần

Cơ-ho và người Mạ, cổ tích là thể trong những dịp sinh hoạt cộng

đồng của người Chu-ru. Thị hiếu thẩm mỹ và tư duy nguyên thủy đã giúp cho sự chuyển hoá con người và các loài vật vào trong những truyện kể mang nội dung xã hội sâu sắc (*Chàng rùa, Rắn thần, người Chu-ru, Chàng nhím,...*). Nhân vật trong truyện cổ tích Chu-ru phần lớn là những nhân vật có những khả năng kỳ diệu ngoài khả năng thực tế của con người; vì vậy *motif biến hoá* là motif phổ biến nhất. Chính điều này đã tạo cho cổ tích Chu-ru một sức cuốn hút mạnh mẽ. Ở đó quan hệ giữa con người với con người, con người với giới tự nhiên đều thông qua yếu tố thần kỳ đậm nét của tín ngưỡng nguyên thủy, tín ngưỡng vật thiêng truyền thống.

Vai trò của gia đình mẫu hệ cũng được nhìn nhận qua nhân vật ông cậu, chị gái, chị vợ và người mẹ. Có những cách nhìn nhận khác nhau về vai trò, vị trí của những nhân vật này trong cộng đồng - hoặc là người tốt hoặc là người xấu (có tâm địa độc ác gây hại cho mọi người bằng những *hành động phù thủy*). Trong lòng xã hội của cộng đồng người khá bền chặt nhờ quan hệ huyết thống vẫn âm ỉ những mâu thuẫn. Không lớn lao, không phá vỡ được sự cố kết cộng đồng nhưng dằng dai, khó giải quyết. Dấu vết để lại là những án định của dân gian về dòng họ này, làng họ... Giai tầng trong xã hội chưa hình thành nhưng thông qua cổ tích, xã hội Chu-ru đã bước đầu có những phân hóa giàu nghèo, sang hèn sâu sắc.

Nhân vật cổ tích Chu-ru không phổ biến mang lối hay mồ côi nhưng thường được giải phóng khỏi những hoàn cảnh bất hạnh bằng cách hoá thân hay nhận được sự trợ giúp của thần linh, người có vai vế trong bon làng. Bên cạnh sự phù trợ của những nhân vật bí ẩn, nhân vật chính trong cổ tích Chu-ru thường có những phẩm chất của một con người tiêu biểu (khôn ngoan, giỏi dang,...). Họ được xây dựng hoàn chỉnh hóa để trở thành niềm tự hào đại diện cho một dòng tộc, một làng truyền thống.

Trong truyện cổ tích Chu-ru, thủ pháp nghệ thuật đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Điều này phụ thuộc vào khả năng truyền đạt cả từng nghệ nhân dựa trên một cốt truyện đã được định hình. Cổ tích Chu-ru cũng cho thấy được quan hệ gần gũi giữa người Chu-ru và các tộc người Nam Tây Nguyên và có ảnh hưởng lớn đến tâm tư, nguyện vọng và cách thể hiện của họ. Phải chăng trong quá khứ đã có những sự chuyển tiếp nhất định giữa văn học Mạ, Cơ-ho vào trong cộng đồng cư trú gần kề họ là Chu-ru, một cộng đồng có được thiện cảm và có quan hệ ngày một sâu rộng nhất là những quan hệ hôn nhân - huyết thống. Sự tiếp nhận văn hoá của người Chu-ru từ văn hoá Mạ - Cơ-ho là không tránh khỏi mà cụ thể vấn đề văn học rất cần được sự đầu tư nghiên cứu.

c. Truyện hài - ngụ ngôn

Nhân vật của loại truyện này chủ yếu là nhân vật động

như: rái cá, rùa, còp, chuyện hài - ngụ ngôn nhằm thành đối tượng để khôi hài gian Chu-ru thường biến hóa trò lừa gạt do nhân vật d. Chăm làm việc thay mình gian Chu-ru còn hướng sự tham lam, keo kiệt bằng phỉnh. Yếu tố gây cười thể cách để sai khiến những kiểu gây ông đập lưng ông vậy dân gian Chu-ru thường hàm chứa một ý nghĩa nhả sống chỉ có thể có trong Torpai jăng dồ; Măh mô c giết cháu; Thỏ làm cỏ thươ

Như vậy, thể loại truyện vui mà còn mang một ý nghĩa sinh quan hóm hình trong sống kể cận thiên nhiên c

d. Văn vần dân gian

Trong các câu chuyện (khan hoặc khan tokāl), r - một vài câu - để tóm lược kiện quan trọng nào đó là

không phổ biến mang lối giải phóng khỏi những hoá thân hay nhận được sự vai vế trong bon làng. Bên cạnh vật bí ẩn, nhân vật chính trong những phẩm chất của một con an. giỏi dang,...). Họ được xây thành niềm tự hào đại diện cho ến thống.

Chu-ru. thủ pháp nghệ thuật đóng ng. Điều này phụ thuộc vào khả hệ nhân dựa trên một cốt truyện Chu-ru cũng cho thấy được quan Chu-ru và các tộc người Nam Tây ốn đến tâm tư, nguyện vọng và hăng trong quá khứ đã có những ra văn học Mạ, Cơ-ho vào trong là Chu-ru, một cộng đồng có hệ ngày một sâu rộng nhất là huyết thống. Sự tiếp nhận văn hoá Mạ - Cơ-ho là không tránh học rất cần được sự đầu tư

này chủ yếu là nhân vật động

như: rái cá, rùa, cọp, thỏ,... Đặc biệt, trong khá nhiều chuyện hài - ngụ ngôn nhân vật Chăm (người Chăm) trở thành đối tượng để khôi hài. Để giễu cợt nhân vật này, dân gian Chu-ru thường biến họ trở thành nạn nhân của những trò lừa gạt do nhân vật động vật đảm nhiệm (*rái cá lừa Chăm làm việc thay mình; thỏ lừa Chăm ăn phân,...*). Dân gian Chu-ru còn hướng sự chế giễu vào những tuýp người tham lam, keo kiệt bằng cách để họ bị các con vật lừa phỉnh. Yếu tố gây cười thể hiện ở chỗ nhân vật động vật có cách để sai khiến những người xấu tự mình hại mình (theo kiểu *gậy ông đập lưng ông*); và, cuối mỗi câu chuyện như vậy dân gian Chu-ru thường đúc kết bằng một câu văn vắn hàm chứa một ý nghĩa nhân sinh nhất định về lối sống, cách sống chỉ có thể có trong xã hội loài người (chẳng hạn: *Torpai jăng dò; Măh mò chuh cho: Thỏ thì sống; Mụ già lại giết cháu; Thỏ làm cỏ thuê*).

Như vậy, thể loại truyện này không thuần túy để mua vui mà còn mang một ý nghĩa giáo dục; phản ánh một nhân sinh quan hóm hỉnh trong quá trình chinh phục thiên nhiên, sống kề cận thiên nhiên của người Chu-ru.

d. Văn vắn dân gian

Trong các câu chuyện kể dân gian của người Chu-ru (*khan* hoặc *khan tokăl*), rất phổ biến hình thức dùng văn vắn - một vài câu - để tóm lược, ghi nhớ hay đánh dấu một sự kiện quan trọng nào đó làm thành “nút thắt” hoặc “mở” tình

tiết câu chuyện. Tuy nhiên, dân gian Chu-ru cũng có một hình thức văn vần tương đối riêng biệt phản ánh cảm quan về thế giới. Về mặt nội dung, hình thức một bộ phận văn vần này tương ứng với ca dao, tục ngữ của người Việt mà người Chu-ru gọi là *adat adia*. Tích hợp trong *adat adia* là 3 nội dung lớn:

- Kinh nghiệm lao động, sản xuất; kinh nghiệm hành xử với giới tự nhiên. Ở mảng nội dung này, dân gian Chu-ru dùng hình thức nói vần - nói điệu ngắn gọn nhằm truyền dạy cho con cháu những *bí quyết* để có mùa màng bội thu, lên rừng bẫy được nhiều thú, xuống sông, suối bắt được nhiều cá tôm. Chẳng hạn, khi nghe tiếng sấm đầu mùa, người già dạy cho con cháu;

Blàn sa dua pơng ih lơngăl
Ngă bơng kotian lo lì hơ ge ?
Kơu lơngi rông suàn
Kơu kobiàr ngă bơng angui
Gồ ờm h'jàn jrih jrih h'jàn jrih jrih
Tiàu kobàu nau lơ-ua ...

Dịch:

Tháng 1, tháng hai đi đóng cày
 Lo làm gì - làm ăn cho bụng mình no
 Cầu trời phù hộ
 Trời cho trả xong nợ, đủ ăn đủ mặc

Mưa tầm tã

Đuổi trâu đi

Cũng có khi thông qua xuất, người già còn gửi gắm

Aràng sêi sô

Ngă sàng gô

Aràng sêi sô

Ngă sàng sô

Ngă sàng tô

Ngă sàng sô

Ngă sàng m

Dịch:

Nhà tôi nghèo

Làm nhà, làm

Nhà nghèo thì

Làm nhà (dù)

Làm nhà con

(hoi)

Làm nhà thì

Làm nhà là c

Mặc dù nguồn lương
 ruộng nhưng rừng cũng đ
 trong quá trình sinh tồn c

n. dân gian Chu-ru cũng có một
loại riêng biệt phản ánh cảm quan
về hình thức một bộ phận văn
dao, tục ngữ của người Việt
địa. Tích hợp trong *adat adia* là 3

g. sản xuất; kinh nghiệm hành xử
nội dung này, dân gian Chu-ru
nói điệu ngắn gọn nhằm truyền
quyết để có mùa màng bội thu,
thú. xuống sông, suối bắt được
khi nghe tiếng sấm đầu mùa,

ong ih longāl

uàn lo lì hơ ge ?

ng suàn

gã bong angui

jrih jrih h'jàn jrih jrih

u iơ-ua ...

g hai đi đóng cày

m ăn cho bụng mình no

u

ong nợ, đủ ăn đủ mặc

Mưa tầm tã, mưa rả rích (thì) lo dậy sớm
Đuổi trâu đi cày...

Cũng có khi thông qua những một hoạt động lao động sản
xuất, người già còn gửi gắm vào đó cả những kì vọng khác:

Aràng sêi sò mrài sàng kou robah

Ngã sàng gowàng hré

Aràng sêi sơ jé sàng kou robah

Ngã sàng sotă maldua

Ngã sàng tomha wơ pha hmràng

Ngã sàng sotă malklou

Ngã sàng mơơu wơ pha hmràng

Dịch:

Nhà tôi nghèo ai mà đến

Làm nhà, làm bằng những vòng (dây) mây

Nhà nghèo thế ai mà đến đâu

Làm nhà (dù nghèo) thì cũng lợp hàng hai

Làm nhà con gái đừng quên pha nan

(hom đánh tranh - Ngọc Lý Hiển)

Làm nhà thì lợp mái ba (lớp)

Làm nhà là con rể không được quên pha nan.

Mặc dù nguồn lương thực chính của người Chu-ru là lúa
ruộng nhưng rừng cũng đóng một vai trò hết sức quan trọng
trong quá trình sinh tồn của họ. Những câu *adat adia* truyền

dạy kinh nghiệm ứng xử với rừng - với tự nhiên luôn luôn
các thế hệ người Chu-ru ghi nhớ:

Dò tơ sàng juôi đờm jăk song ia tơpai

Nau tơ glai juôi đờm jăk song lomàn

Dịch:

Ở nhà đừng nói khôn với rợ

Lên rừng đừng tranh chấp với voi

Hoặc, khuyên bảo con cháu phải bảo vệ tự nhiên, sống
hài hòa với tự nhiên:

Kuen có mớja alou

Tơjah glai phơu huen có pơdiùng

Kuăn có mớja kit ku

Tơjah glai mớlu kuăn có pơdiùng

Dịch:

(Trên rừng) vượn hú chồn tru

Phát rừng mới (đừng để) vượn hú luyến tiếc

(Trên rừng) vượn hú chồn than thở

Phát rừng Mlơ vượn chồn tiếc nuối

- Kinh nghiệm sống, kinh nghiệm ứng xử giữa người
với người. Đây là mảng nội dung adat adia chiếm trữ lượng
lớn nhất và đề cập đến hầu hết các mối quan hệ xã hội của
cộng đồng người Chu-ru. Nội dung này thường được ông
bà, cha mẹ, người cậu trong dòng tộc nắm giữ nhằm

khuyến bảo con cháu số
Đầu tiên là ứng xử với
làng truyền thống):

Kơyou hũ

Lơgar hũ

Dịch:

Trong cây

Vùng nào cũng có
(Ngọc Lý Hiển)

Thứ đến là phải nghe

Siàm poh

Pơthe làn

Siàm ame

Pơthe rớ

Dịch:

Tốt đánh,

(Đó là) lư

(Muốn coi

(Đó là) lư

Rộng hơn nữa là

Huá tú tợ

Mơlou tơ l

Mơlou tơ d

với rừng - với tự nhiên luôn
hi nhớ:

uôi dôm jăk song ia topai

uôi dôm jăk song lomàn

nói khôn với rượu

ng tranh chấp với voi

cháu phải bảo vệ tự nhiên, sống

alou

rou huen có podiùng

a kư ku

ku kuăn có podiùng

vượn hú chồn tru

(dùng để) vượn hú luyện tiếc

vượn hú chồn than thở

vượn chồn tiếc nuối

nh nghiệm ứng xử giữa người

dụng adat adia chiếm trữ lượng

hết các mối quan hệ xã hội của

Nội dung này thường được ông

trong dòng tộc nắm giữ nhằm

huyền bảo con cháu sống sao cho tốt, cư xử sao cho phải.
Đầu tiên là ứng xử với người trên (hệ thống chức sắc của
làng truyền thống):

Koyou hú asar

Lơgar hú potau

Dịch:

Trong cây có lỗi

Vùng nào cũng có người đứng đầu (phải nghe theo -
Ngọc Lý Hiển)

Thứ đến là phải nghe lời người lớn trong nhà:

Siàm poh siàm atòng

Pothe làng cìòng biă ame pơgăp

Siàm ame poh siàm ame pơsai

Pothe rớ jai biă ame pơgăp

Dịch:

Tốt đánh, tốt dạy

(Đó là) lua là mẹ cho

(Muốn con) tốt thì mẹ dạy bảo

(Đó là) lua xanh lam thật đẹp mẹ cho

Rộng hơn nữa là những ứng xử với cộng đồng:

Huă tú tơgơi, mơlou tơ anua lơgah

Mơlou tơ bomah ò

Mơlou tơ dò tơgloh kơtù

Dịch:

Xấu hổ thì đối, không duỗi chân thì mới

Xấu hổ nhai thì ghen

Xấu hổ không ngồi ghế thì đánh rắm

Những câu *adat adia* thuộc nội dung này cũng phê phán - nhẹ nhàng - nhưng sâu sắc những thói hư, tật xấu; khuyến khích con cháu hiếu thảo với ông bà, cha mẹ, siêng năng làm lụng:

Siàm poh siàm atòng

Hojàn mólăm krăm boh bōdai

Ame ha iou bōkai rōu lah cōh

Ame dōm sa boh rōlah bōng krēi

Dịch:

Tốt đánh, tốt dạy

Mưa đêm nhấn chìm hạt lúa

Mẹ gọi đi tháo nước ra ruộng

Tiếng nói vừa buông (không nghe lời) lại muốn ăn riêng

Song song với nội dung phê phán thói hư tật xấu, dân gian Chu-ru cũng không tiếc lời ngợi ca những người giỏi dang, tháo vát; tôn trọng phẩm chất con người hơn đáng vẻ bề ngoài:

Jù ơ ame jù aràng lài ha jù

Jù ơ dra jù dà, jù ơ ame jù dà

Tokăn jù kl

Jù niă tơ sã

Jù lài tơpơ

Jù lài jù bōl

Jù aràng là

Dịch:

Đen hơi mẹ

Đen hơi cô

Đen thủi đe

Đen là gốc.

Đen là đen

Đen người

- Những quy định, luật lệ các mối quan hệ xã hội, tục của người Chu-ru. D văn vần này nên chúng ta (Luật tục).

Nhìn chung, văn vần dạng và phong phú, phần đặc biệt có giá trị về mặt văn hóa khác, văn vần rõ lối sống, phong tục hành xã hội làm thành biệt so với các tộc người

u, không duỗi chân thì mỗi
hì ghen
g ngồi ghế thì đánh rầm
uộc nội dung này cũng phê phán
c những thói hư, tật xấu; khuyến
với ông bà, cha mẹ, siêng năng

atòng
krām boh bodai
kai rōu lah croh
ah rōlah bong krēi

lay
n chìm hạt lúa
o nước ra nương
ông nghe lời) lại muốn ăn riêng
g, phê phán thói hư tật xấu, dân
c lời ngợi ca những người giỏi
chất con người hơn đáng vẻ

àng lài ha jù
jù ơ ame jù dà

*Tokăn jù klà, jù gáp mokrư
Jù niă tơ sã lơ sôl, jù drêi mơnuih asàng
Jù lài topơng, kơsơng lài mơnuih
Jù lài jù boh h'ngo
Jù aràng lài jù mơnuih biă*

Dịch:

Đen hời mẹ đen người ta thì xấu đen
Đen hời cô đen thui, đen hời mẹ đen thui
Đen thui đen thui, đen mà đẹp
Đen là gốc, ruột là người
Đen là đen quả thông
Đen người nhưng là người thật.

- Những quy định, luật lệ của cộng đồng nhằm điều hòa các mối quan hệ xã hội. Mảng nội dung này chính là luật tục của người Chu-ru. Do tính chất đặc biệt của loại hình văn vần này nên chúng tôi khảo cứu thành một đề mục riêng (Luật tục).

Nhìn chung, văn vần dân gian của người Chu-ru khá đa dạng và phong phú, phản ánh mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt có giá trị về mặt văn hóa. Cùng với các loại hình văn hóa khác, văn vần của người Chu-ru góp phần thể hiện rõ lối sống, phong tục tập quán và trình độ tổ chức, vận hành xã hội làm thành những giá trị văn hóa tương đối loại biệt so với các tộc người bản địa Lâm Đồng khác.

2. Âm nhạc dân gian

a. Nhạc cụ

Hệ thống nhạc cụ của người Chu-ru khá phong phú gồm các loại: trống (hai loại: *songgor* và *păhginăng*), chiêng núp (*cing*) - chiêng bằng (*sar*), kèn bầu sáu ống (*loket*), sáo dọc ba lỗ (*t'rolé*), sáo dọc sáu lỗ (*k'wào*), kèn môi, tù và (*k'det* và *toli*) và đàn tre (*drir jur*), loại đàn này chỉ thấy người Chu-ru ở những địa phương sống cận cư hoặc xen cư với người K'ho sử dụng. Tùy vào môi trường sinh hoạt văn hóa cụ thể mà người Chu-ru lựa chọn các loại nhạc cụ thích hợp để sử dụng. Sự lựa chọn này chịu sự chi phối và ràng buộc bởi phong tục tập quán của từng làng, từng cộng đồng cư dân.

* Trống

- *Song gor*: đây là loại trống có hai mặt sử dụng bịt bằng da trâu hoặc da nai rừng; tang trống làm gỗ sao; khi sử dụng, nhạc công dùng hai dùi bằng gỗ (một đầu bọc vải lớp vải) để tác động vào mặt trống.

- *Păhginăng*: loại trống này được nhiều làng Chu-ru cho là loại trống truyền thống của dân tộc mình. Trống *păhginăng* có cấu tạo tương tự như loại *songgor* nhưng chỉ có một mặt trống - một mặt sử dụng - mặt trống thường nhỏ hơn *songgor* (chỉ khoảng 30cm) và thân trống dài gần gấp đôi *songgor* (khoảng 60-80cm). Trống *păhginăng* ngày nay đã mai một, thông tin về loại nhạc cụ này chủ

yếu có được thông qua việc khảo sát.

Cũng như phần lớn các khí thiêng. Thực hành nghi lễ bắt buộc khi sử dụng trống Chu-ru, trống được hòa tấu yếu là chiêng) nhằm chuyển người đến các đẳng thần mời trong từng nghi lễ. Trong những người già có uy tín thực thụ. Tiếng trống cuồn cuộn diễn đạt một số trạng huống. Chẳng hạn, khi khách hội của một cộng đồng người Chu-ru, nếu có tiếng được tiếng trống đó nổi lên vào làng hoặc lui ra. Trong tín hiệu phong tục - tập quán người vi phạm (dù không luật tục quy định).

* Chiêng núp (*cing*)

Chiêng núp là loại nhạc cụ trong những sinh hoạt văn hóa. Bộ chiêng núp mỗi chiếc, trình tự theo độ lớn

người Chu-ru khá phong phú gồm
sunggơr và pãhgơnãng), chiêng
(sar), kèn bầu sáu ống (lòkel), sáo
c sáu lỗ (k'wàò), kèn môi, tù và
(drir jur), loại đàn này chỉ thấy
phương sống cận cư hoặc xen cư
Tuỳ vào môi trường sinh hoạt văn
ru lựa chọn các loại nhạc cụ thích
này chịu sự chi phối và ràng
của từng làng, từng cộng đồng

trống có hai mặt sử dụng bịt bằng
tang trống làm gỗ sao; khi sử
dùng bịt bằng gỗ (một đầu bọc vải lớp
ống.

ng này được nhiều làng Chu-ru
thông của dân tộc mình. Trống
g tự như loại songgơr nhưng chỉ
sử dụng - mặt trống thường
lớn 30cm) và thân trống dài gần
g 60-80cm). Trống pãhgơnãng
ng tin về loại nhạc cụ này chủ

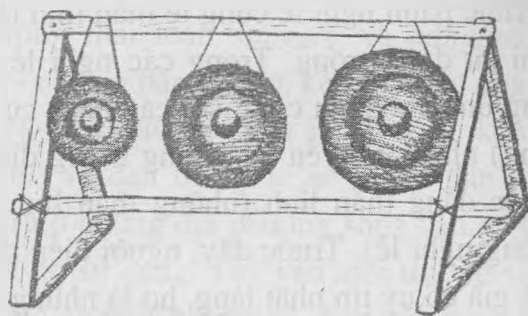
trống có được thông qua việc hồi cố của những nghệ nhân đã
cao tuổi.

Cũng như phần lớn các nhạc cụ khác, trống là một nhạc
khí thiêng. Thực hành nghi lễ cúng tế thần linh là điều kiện
bắt buộc khi sử dụng trống. Trong các nghi lễ của người
Chu-ru, trống được hòa tấu cùng với các nhạc cụ khác (chủ
yếu là chiêng) nhằm chuyển tải những thông điệp của con
người đến các đấng thần linh (những thần linh được cầu,
mời trong từng nghi lễ). Trước đây, người diễn tấu trống là
những người già có uy tín nhất làng, họ là những nghệ nhân
thực thụ. Tiếng trống của người Chu-ru còn có khả năng
diễn đạt một số trạng huống tình cảm của cộng đồng, tộc
họ. Chẳng hạn, khi khách (những không thuộc tổ chức xã
hội của một cộng đồng cư trú plêi) vào đến đầu làng của
người Chu-ru, nếu có tiếng trống thì trước tiên phải hiểu
được tiếng trống đó nói lên điều gì mới có thể quyết định
vào làng hoặc lui ra. Trong trường hợp này, tiếng trống là
tín hiệu phong tục - tập quán của một cộng đồng cư trú.
người vi phạm (dù không biết) phải chịu những hình phạt do
luật tục quy định.

* Chiêng nùm (cing)

Chiêng nùm là loại nhạc cụ được sử dụng nhiều hơn cả
trong những sinh hoạt văn hóa của người Chu-ru ở Lâm
Đồng. Bộ chiêng nùm mà người Chu-ru sử dụng gồm ba
chiếc, trình tự theo độ lớn của chiêng như sau:

- Ana: chiêng lớn nhất
- Dra: chiêng lớn thứ hai
- Anã: chiêng nhỏ nhất



Dàn chiêng núm (cing)

Khi diễn tấu, bộ chiêng được treo cố định trên một giá đỡ bằng cây gỗ và theo thứ tự từ phải sang trái như sau: Anã - Dra - Ana. Đây là một trật tự mang tính công thức. Người diễn tấu ngồi trên gối, ngồi trực diện với dàn chiêng và dùng hai dùi gỗ bọc vải tấu chiêng: dùng dùi tác động lực vào núm trên mặt chiêng. Tùy theo từng địa phương mà số lượng bài bản của bộ chiêng núm Chu-ru dao động từ 2-3 điệu thức. Ba điệu thức cơ bản gồm:

- Arija
- T'rumpô
- Păhgơnăng

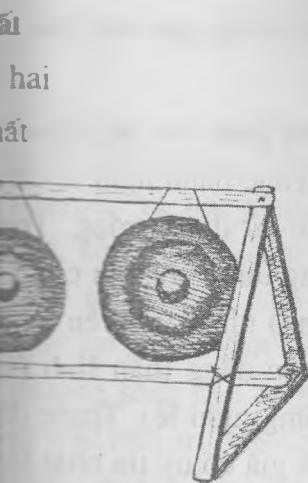
Mặc dù số lượng điệu thức dành cho chiêng núm không

hiều nhưng quy định về thức khá chặt chẽ. Chẳng dùng trong những sinh hoạt trong một số lễ hội nông nghiệp *akó bodai*,... Đối với cầu khẩn thần linh, bộ chiêng là ba nhạc cụ cơ bản giúp kèm với các điệu múa cầu tấu. Sau những khúc thức những điệu chiêng cùng hội. Bài chiêng có thể dài hứng của người chơi và kh

* Chiêng bằng (*sar*)

Bên cạnh chiêng núm, trong âm nhạc dân gian sử dụng chiêng bằng gọi phương thức sử dụng tương đồng của người K'ho. Ma phân chia *sar* ra thành bộ biệt *sar* theo bài. Một bài thể tương ứng với "một bộ"

- *Sar yơu*: sử dụng hai c
- *Sar rdót*: sử dụng ba c
- *Sar rănă*: sử dụng sáu



Chiêng nùm (cồng)

g được treo cố định trên một giá
r tự từ phải sang trái như sau: Anã
t tự mang tính công thức. Người
gôi trực diện với dàn chiêng và
ấu chiêng: dùng dùi tác động lực
Tuỳ theo từng địa phương mà số
ng nùm Chu-ru dao động từ 2-3
bản gồm:

thức dành cho chiêng nùm không

miêu nhưng quy định về môi trường sử dụng của các điệu
thức khá chặt chẽ. Chẳng hạn, điệu arija trước đây chỉ được
dùng trong những sinh hoạt văn hóa sau nghi thức cúng tế,
trong một số lễ hội nông nghiệp như *mnhum dơlan*, *mnhum*
phuh akó bodai,... Đối với một lễ cúng, khi thấy cúng dứt lời
cầu khẩn thần linh, bộ chiêng nùm và trống, kèn bầu 6 ống
là ba nhạc cụ cơ bản giúp con người giao tiếp với thần linh
kèm với các điệu múa cùng tên với bài chiêng được diễn
tấu. Sau những khúc thức chiêng có tính nghi lễ như trên,
những điệu chiêng cùng tên được dành cho con người vui
hội. Bài chiêng có thể dài hay ngắn là tùy thuộc vào ngẫu
hứng của người chơi và không khí của thời gian hội.

* Chiêng bằng (*sar*)

Bên cạnh chiêng nùm, đóng vai trò là nhạc cụ tiêu biểu
trong âm nhạc dân gian Chu-ru, cộng đồng cư dân này còn
sử dụng chiêng bằng gọi là *sar*. Bộ *sar* có biên chế và
phương thức sử dụng tương tự như bộ chiêng *be*, chiêng
dròng icủa người K'ho, Mạ. Tuy nhiên, người Chu-ru không
phân chia *sar* ra thành bộ như người Mạ hoặc K'ho, họ loại
biệt *sar* theo bài. Một bài chiêng bằng của người Chu-ru vì
thế tương ứng với “một bộ” được sử dụng:

- *Sar you*: sử dụng hai chiếc.
- *Sar rdót*: sử dụng ba chiếc.
- *Sar rnam*: sử dụng sáu chiếc.

Khi diễn tấu chiêng bằng, mỗi cá nhân đảm nhận  chiếc chiêng (ngược lại với chiêng nùm: một người đánh  ba chiếc), họ dùng cườm tay (nắm lại) tác động vào  chiêng và di chuyển thành vòng hoặc hình bán nguyệt (đối với chiêng nùm là ngồi cố định tại chỗ). Chiêng bằng chỉ độc tấu hoặc hòa tấu với trống.

Xét về mặt văn hóa, chiêng bằng không được người Chu-ru sử dụng rộng rãi như chiêng nùm. Môi trường chủ yếu được phép diễn tấu chiêng bằng là những nghi lễ vòng đời; cá biệt một vài địa phương chiêng nùm cũng được sử dụng trong nghi lễ nông nghiệp.

* Kèn bầu sáu ống (*lơ kel*)

Kèn (khèn) là nhạc cụ đa thanh họ hơi, chi lưỡi gà rung tự do, rất phổ biến ở nhiều dân tộc thiểu số Việt Nam. Ở mỗi dân tộc, nhạc cụ này đều có những dáng vẻ riêng với những tên gọi khác nhau. Người Thái gọi là *Kén Pé*, người Giẻ Triêng gọi là *Đinh Đuar*, người Ê đê gọi là *Đinh Năm*, người H'mông gọi là *Kênh*, người Xơ Đăng gọi là *Đinh Khén*, người Tà Ôi, Vân Kiều gọi là *Khén*, người Xá Phó gọi là khèn *Ma nhí*. Người Kinh thời xưa cũng sử dụng khèn trong dàn nhạc cung đình và gọi là *Sinh* (hay *Sénh*). Dù ở kiểu dáng nào, nguyên tắc chung của loại nhạc cụ này là mỗi ống đều được gắn một lưỡi gà bằng đồng dát mỏng, cho một âm thanh (riêng *Kênh* của người H'mông, mỗi ống cho

 âm). Phần ống có lưỡi gà của khèn. Bầu khèn có thể bầu khô (như *Đinh Năm* của người Xá Phó, *Lokel* của người Chu-ru với lỗ thổi). Ở người Chu-ru 6 ống định âm (dài ngắn trên mỗi ống đều khoét hoặc ở khoảng giữa các bầu); mỗi ống định âm chia thành hai lớp - lớp trên (lỗ thổi) gồm 4 ống có lỗ định âm ở mặt dưới; lá bầu dưới gồm 2 ống có 01 lỗ định âm ở mặt dưới; lá bầu trên gồm 2 ống có 01 lỗ định âm ở mặt trên. Khi chơi nhạc cụ này, người chơi sẽ dùng tay để hút hơi ra để làm rung các ống nhằm tạo ra âm thanh.

Về mặt cấu tạo cũng như người Chu-ru hoàn toàn giống nhau và cư dân Koho. Tuy nhiên với âm nhạc Mạ, do đó Lokel khác mboát. Lokel của dân chiêng nùm (cing) là bản, lokel của người Chu-ru bản như mboát Mạ - K'ho điều phổ biến là: arija. Chu-ru sống cận cư họ

àng. mỗi cá nhân đảm nhận một
chiêng núp: một người đánh c
tay (nắm lại) tác động vào mặt
vòng hoặc hình bán nguyệt (đ
định tại chỗ). Chiêng bằng ch
ống.

chiêng bằng không được người
như chiêng núp. Môi trường chủ
chiêng bằng là những nghi lễ vòng
hương chiêng núp cũng được sử
thiệp.

đa thanh họ hơi, chi lưỡi gà rung
u dân tộc thiểu số Việt Nam. Ở
đều có những dáng vẻ riêng với
Người Thái gọi là *Kén Pé*, người
ar, người Ê đê gọi là *Đinh Năm*,
th, người Xơ Đăng gọi là *Đinh*
ều gọi là *Khén*, người Xá Phó gọi
h thời xưa cũng sử dụng khèn
và gọi là *Sinh* (hay *Sénh*). Dù ở
chung của loại nhạc cụ này là
lưỡi gà bằng đồng dát mỏng, cho
của người H'mông, mỗi ống cho

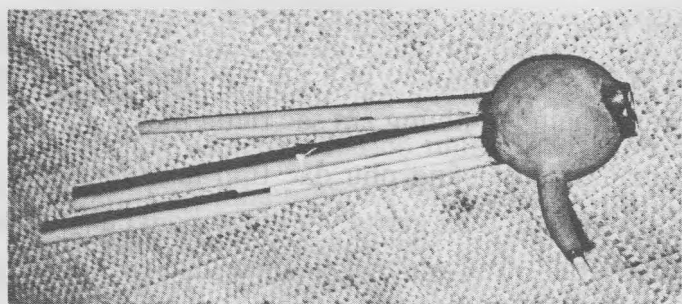
âm). Phần ống có lưỡi gà bao giờ cũng đặt trong bầu kín
của khèn. Bầu khèn có thể làm bằng gỗ hoặc bằng vỏ quả
bầu khô (như *Đinh Năm* của người Ê đê, khèn *Ma nhí* của
người Xá Phó, *Lokel* của người Chu-ru). Bầu kín này thông
với lỗ thổi. Ở người Chu-ru *lokel* gồm: Thân bầu liên kết với
6 ống định âm (dài ngắn khác nhau) có gắn lam phát âm;
trên mỗi ống đều khoét lỗ định âm nhỏ gần phía bầu kín
hoặc ở khoảng giữa các ống định âm (phần bên ngoài quả
bầu); mỗi ống định âm chỉ có một lỗ định âm; sáu ống chia
thành hai lớp - lớp trên (gắn với cuống quả bầu, phần ống
thổi) gồm 4 ống có lỗ định âm nằm ở mặt dưới ống), lớp
dưới gồm 2 ống có 01 ống lỗ định âm ở mặt trên và 01 ống
lỗ định âm ở mặt dưới; lam phát âm nằm bên trong quả bầu;
Khi chơi nhạc cụ này, người ta thổi hơi vào bầu kín hoặc
hút hơi ra để làm rung các lưỡi gà. Các ngón tay đóng mở
các lỗ bấm nhằm tạo những âm sắc riêng biệt.

Về mặt cấu tạo cũng như đặc tính âm nhạc, *lokel* của
người Chu-ru hoàn toàn giống với kèn *mboắt* của cư dân Mạ
và cư dân Kôho. Tuy nhiên âm nhạc Chu-ru không giống
với âm nhạc Mạ, do đó khả năng thể hiện các làn điệu của
Lokel khác *mboắt*. *Lokel* có thể độc tấu hoặc hòa tấu với
dàn chiêng núp (cồng) kèm theo trống và vũ điệu. Về bài
bản, *lokel* của người Chu-ru không thể hiện được nhiều bài
bản như *mboắt* Mạ - K'ho, ba bài *lokel* và cũng là ba làn
điệu phổ biến là: *arija*, *trumpô*, *păhginăng*. Một số làng
Chu-ru sống cận cư hoặc xen cư với người K'ho, người

Chu-ru còn có thêm các làn điệu lokel khác như: t'rogim (hộp mặt), pró bolr (con sóc nhảy nhót), k'tham damdra (trẻ trung khoẻ khắn)...

*** Sáo dọc ba lỗ (*toliã*)**

Toliã được làm từ một đoạn ống nứa dài 40 - 50cm, đường kính không quá 2cm, một đầu có mắt; hai bên mắt của lóng nứa khoét 02 lỗ, dùng một miếng nứa nhỏ uốn cong hàn bằng sáp ong vào thân nứa - sao cho hơi thổi đi từ lỗ thứ nhất (bị che khuất bởi miếng nứa nhỏ) có gắn lam phát âm sang lỗ thứ hai bởi một khe nhỏ thông từ lỗ thứ nhất sang lỗ thứ hai; trên thân nứa còn lại khoét 03 lỗ đó là ba nốt thanh âm.



Khi diễn tấu *toliã*, nh có gắn lam, ngón trỏ và hai lỗ định âm phía trên; nốt định âm phía dưới. trong sinh hoạt đời thường tình cảm của người C không nhiều, *toliã* chủ y tửu phạt, *khóc thay* cho có tang ma, chuyện đau hoặc hoà tấu với nhạc cụ ăn cơm, mỗi chiếc bát tay *xoa* đều quanh miện, rất ai oán) trong những thân vừa qua đời.

*** Sáo dọc bốn lỗ (*k'wào*)**

Nhạc cụ này có cấu vì ba nốt âm thanh, thì âm - lấy chuẩn từ bốn ống

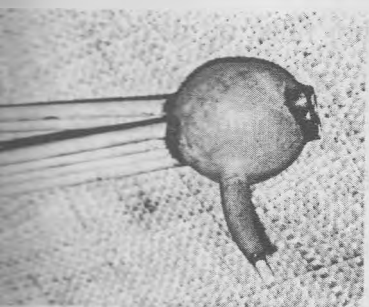
K'wào cũng dùng tro sinh hoạt lễ hội.

*** Kèn môi (*rơding*)**

Kèn Môi, hay còn phổ biến trong đời sống tộc Việt Nam với nhiều (Mường), *Tông* (Mạ), *H*

điệu lokel khác như: t'rog (trên
nhảy nhót), k'tham damdra (trên

đoạn ống nửa dài 40 - 50cm.
1. một đầu có mắt; hai bên mắt
dùng một miếng nửa nhỏ uốn
thanh nửa - sao cho hơi thối đi từ
miếng nửa nhỏ) có gắn lam
một khe nhỏ thông từ lỗ thứ nhất
nửa còn lại khoét 03 lỗ đó là ba



Khi diễn tấu *toliã*, nhạc công ngậm và thổi hơi vào đầu
có gắn lam, ngón trỏ và ngón giữa của bàn tay thuận bấm
hai lỗ định âm phía trên; ngón trỏ của bàn tay còn lại giữ
nốt định âm phía dưới. *Toliã* là nhạc cụ dùng phổ biến
trong sinh hoạt đời thường nhằm diễn đạt mọi cung bậc
tình cảm của người Chu-ru. Tuy nhiên, khúc thức vui
không nhiều, *toliã* chủ yếu dành cho những lời than thân,
tủi phận, *khóc thay* cho con người trong những lúc gia đình
có tang ma, chuyện đau buồn. *Toliã* thường được độc tấu
hoặc hoà tấu với nhạc cụ *yơ lú* (nhạc cụ sử dụng tô, bát ăn
ăn cơm, mỗi chiếc bát đổ một lượng nước nhất định, dùng
tay *xoa* đều quanh miệng “nhạc cụ”, tạo ra tiếng kêu réo
rất ai oán) trong những khi gia đình, dòng tộc có người
thân vừa qua đời.

* Sáo dọc bốn lỗ (*k'wào*)

Nhạc cụ này có cấu tạo tương tự như *Toliã* nhưng thay
vì ba nốt âm thanh, thì *k'wào* có bốn lỗ tương ứng với bốn
âm - lấy chuẩn từ bốn ống trên của nhạc cụ *Lokel*.

K'wào cũng dùng trong sinh hoạt thường ngày và trong
sinh hoạt lễ hội.

* Kèn môi (*rơding*)

Kèn Môi, hay còn gọi là đàn Môi, là một nhạc cụ khá
phổ biến trong đời sống sinh hoạt âm nhạc của nhiều dân
tộc Việt Nam với nhiều tên gọi khác nhau như *Pángtoính*
(Mường), *Tôông* (Mạ), *Hưn Toóng* (Thái), *Ấ T'Lin* (Ba na).

Agôh (Giorai), người Chu-ru có hai loại đàn môi là *ro dat và kôg woăt* (hoặc awét)... Trong Khoa âm nhạc dân gian học (Ethnomusicology) thế giới, người ta dùng thuật ngữ *Jen's harp* (Đàn Háp - Do Thái) để chỉ đàn Môi.

Về vấn đề phân loại nhạc cụ này, cho đến nay vẫn tồn tại ba ý kiến khác nhau trong giới các nhà nghiên cứu.

- Ý kiến thứ nhất cho rằng đàn Môi là nhạc cụ họ dây.
- Ý kiến thứ hai đề nghị xếp đàn Môi vào họ nhạc cụ hơi.
- Ý kiến thứ ba lại khẳng định đàn Môi là nhạc cụ tự thân vang.

Về phía chúng tôi, để đưa ra quan điểm phân loại đàn Môi, trước hết xin được mô tả hình dạng và cách sử dụng nhạc cụ này.

Cấu tạo kèn Môi của người Chu-ru cũng tương tự như cấu tạo đàn Môi của một số dân tộc khác và họ chủ yếu sử dụng đàn môi để thổ lộ tình cảm trong quan hệ lứa đôi. Người Chu-ru cũng có hai loại đàn môi:

+ *Kèn môi không dùng dây (awét):*

Awét là một miếng đồng dát mỏng, thon nhỏ về một đầu (như hình chiếc lá tre), đầu rộng nhất khoảng 2-3cm, thành dày 0,3 - 0,5 cm dài 10-12cm; ở giữa là một khoang rỗng gắn một lưỡi gà nhọn và cong ở đầu mút. Khi diễn tấu, người chơi awét thường cố định một đầu nhạc cụ vào một ống tre nửa nhỏ (để tiếng kêu được to hơn); kề hai môi áp sát hai bên thành của đầu mút nhạc cụ, dùng hơi thổi là

lưỡi tác động vào mặt lá
gây lam.



Kèn môi dùng dây (*rodin*)

+ *Kèn môi dùng dây*

Rodin thường được
tre nửa mỏng. Ở giữa và
âm. Hai đầu của nhạc
mảnh dài khoảng 20cm
với một thanh tre nửa h
tác dụng cố định nhạc c
gian Chu-ru cho rằng *ro*
chơi nhạc, người sử dụng
đầu cơ động của lam gi
được khúc thức quy định

Như vậy, khi chơi đ
hai cạnh của đàn môi (n
cửa), một tay giữ vững
bật vào góc nhọn của đ
hưởng trong khoang m
khẩu hình (tức là thay đ
cộng hưởng) để tạo ra nh

u có hai loại đàn môi là *rodang* và *awét*.
Trong Khoa âm nhạc dân gian *Độc lập*, người ta dùng thuật ngữ *Jew's harp* để chỉ đàn Môi.

Nhạc cụ này, cho đến nay vẫn tồn tại trong giới các nhà nghiên cứu.

Đàn Môi là nhạc cụ họ dây.

Xếp đàn Môi vào họ nhạc cụ hơi.

Định đàn Môi là nhạc cụ tự

đưa ra quan điểm phân loại đàn môi là hình dạng và cách sử dụng

Người Chu-ru cũng tương tự như các dân tộc khác và họ chủ yếu sử dụng đàn môi trong quan hệ lứa đôi.

Đàn môi:

awét (awét):

Đàn môi, thon nhỏ về một đầu, đầu rộng nhất khoảng 2-3cm, dài 10-12cm; ở giữa là một khoang rỗng và cong ở đầu mút. Khi diễn tấu cố định một đầu nhạc cụ vào miệng (có thể được to hơn); kể hai môi mút nhạc cụ, dùng hơi thổi là

lực tác động vào mặt lam kết hợp với một ngón tay trở để gảy lam.



Kèn môi dùng dây (*rodang*) Kèn môi không dùng dây (*awét*)
+ Kèn môi dùng dây (*rodang*):

Rodang thường được chế tác bằng cách dùng một miếng tre nửa mỏng. Ở giữa vát mỏng và tách thành một lam phát âm. Hai đầu của nhạc cụ dùng hai lỗ để luồn hai sợi dây mảnh dài khoảng 20cm; sợi dây ở đầu cố định của lam nối với một thanh tre nửa hình trụ nhỏ (như 1/2 chiếc đĩa) có tác dụng cố định nhạc cụ khi diễn tấu. Các nghệ nhân dân gian Chu-ru cho rằng *rodang* khó sử dụng hơn *awét* bởi khi chơi nhạc, người sử dụng phải dùng tay cầm vào sợi dây ở đầu cơ động của lam *giật sao cho tiếng kêu* phát ra thể hiện được khúc thức quy định.

Như vậy, khi chơi đàn môi, người ta dùng môi giữ lấy hai cạnh của đàn môi (nhưng không được để chạm vào răng cửa), một tay giữ vững nhạc cụ, còn tay kia dùng ngón cái bật vào góc nhọn của đầu đàn, chấn động rung sẽ được cộng hưởng trong khoang miệng. Người chơi có thể thay đổi khẩu hình (tức là thay đổi dung tích và hình dạng của bầu cộng hưởng) để tạo ra những âm bồi khác nhau.

Căn cứ vào nguồn phát âm của đàn Mòi, chúng tôi cho rằng ý kiến xếp nhạc cụ này vào họ tự thân vang là hợp lý hơn cả. Không nên coi lưỡi gà là một sợi dây đàn để xếp đàn Mòi vào họ nhạc cụ dây cũng như không nên coi việc thay đổi khẩu hình tạo ra các âm bồi là điều kiện để xếp đàn Mòi vào họ nhạc cụ hơi.

Chúng tôi đã thử tập chơi đàn Mòi theo cách chơi của đồng bào thì thấy:

- Khi rung, lưỡi gà chỉ cho một âm cơ bản.

- Bằng cách thay đổi khuôn khổ hình dạng của khoang miệng (tức bầu cộng hưởng) có thể tách ra làm rõ nét hơn một vài âm bồi (*son harmonique - overtone*) nào đó. Quá trình này đồng dạng với quá trình phát âm khi nói. Ở đây, lưỡi gà thay thế nhiệm vụ của thanh đới.

Đàn Mòi được sử dụng phổ biến trong sinh hoạt giao duyên, âm sắc thì thâm và huyền ảo, chỉ vừa đủ nghe cho một cặp nam nữ tự tình. *Kơ woăt* thường sử dụng để đọc tấu, cung bậc của tiếng kèn nhằm bộc lộ những tâm sự trữ tình của đàn ông Chu-ru vào thời gian rảnh rỗi hay lúc đêm khuya bên người thân hay gia đình.

* Tù và (*k'det và toli*)

K'det của người Chu-ru làm bằng sừng dê núi, có độ dài khoảng 20 - 25cm. Đầu nhọn của sừng được cắt bỏ, vát xiên, gắn một lưỡi gà bằng đồng mỏng. Người sử dụng dùng hơi thổi làm lưỡi gà phát ra tiếng kêu, một tay giữ đầu kia

của tù và và sử dụng tay có thể sử dụng trong sinh

Toli có cấu tạo tương tự sừng dê núi, *toli* du nhạc cụ không sử dụng trong những nghi lễ tôn giáo có *bok kvào* (ai này gần như đã hoàn toàn

b. Loại hình âm nhạc

Ở cộng đồng người tương đối rạch ròi bằng l và hời (hát, hát hò nói) loại thể vẫn là một thuộc văn học nghệ thuật dân kể, người Chu-ru vẫn nhau, cái khác nhau chủ hoặc kể mà thôi.

Dĩ nhiên, đây chưa hóa toàn bộ những chuyển trên thực tế tư liệu vẫn hát và kể ở một số trực thức hát và kể vẫn được cùng một tác phẩm. Kể người kể vẫn thường và giàu nhạc điệu (những

âm của đàn Mòi, chúng tôi coi
y vào họ tự thân vang là hợp lý
i gà là một sợi dây đàn để xếp
y cũng như không nên coi việc
âm bồi là điều kiện để xếp đàn

đàn Mòi theo cách chơi của

một âm cơ bản.

uốn khổ hình dạng của khoang
) có thể tách ra làm rõ nét hơn
monique - overton) nào đó. Quá
trình phát âm khi nói. Ở đây,
a thanh đối.

phổ biến trong sinh hoạt giao
huyền ảo, chỉ vừa đủ nghe cho
g *woat* thường sử dụng để độc
nhằm bộc lộ những tâm sự trữ
thời gian rảnh rỗi hay lúc đêm
a đình.

âm bằng sừng dê núi, có độ dài
on của sừng được cắt bỏ, vát
ong mỏng. Người sử dụng dùng
tiếng kêu, một tay giữ đầu kia

của tù và và sử dụng tay này để điều chỉnh âm lượng. *K'det*
có thể sử dụng trong sinh hoạt thường ngày.

Toli có cấu tạo tương tự như *k'det*, nhưng thay vì chất
liệu sừng dê núi, *toli* được làm bằng sừng trâu. *Toli* là loại
nhạc cụ không sử dụng một cách tùy tiện mà chỉ có mặt
trong những nghi lễ nông nghiệp hay các nghi lễ tín ngưỡng
tôn giáo có *bok kvào* (ăn trâu). Ngày nay hai loại nhạc cụ
này gần như đã hoàn toàn mai một.

b. Loại hình âm nhạc - nghệ thuật

Ở cộng đồng người Chu-ru, hát và kể được phân biệt
tương đối rạch ròi bằng hai từ khác nhau: *khan tokal* (kể lễ)
và *hori* (hát, hát hò nói chung). Tuy vậy, sự nguyên hợp về
loại thể vẫn là một thuộc tính không thể chối bỏ được của
văn học nghệ thuật dân gian dân tộc này. Đó là, dù hát hay
kể, người Chu-ru vẫn có thể sử dụng một cốt truyện như
nhau, cái khác nhau chính là hình thức thể hiện - hoặc hát,
hoặc kể mà thôi.

Dĩ nhiên, đây chưa hẳn là *công thức* để dân gian chuyển
hóa toàn bộ những chuyện kể sang hát hoặc ngược lại, vì
trên thực tế tư liệu vẫn tìm thấy sự loại biệt nhất định giữa
hát và kể ở một số trường hợp. Nhưng thông thường hình
thức hát và kể vẫn được kết hợp một cách hài hòa trong
cùng một tác phẩm. Kể cả những trường hợp kể chuyện,
người kể vẫn thường *vô tình* chen vào những đoạn văn vần
giàu nhạc điệu (những đoạn văn vần này lại có thể hát).

Theo cách phân chia âm nhạc dân gian truyền thống, có thể loại biệt âm nhạc dân gian Chu-ru ra một số loại thể sau:

- Hát kể: người Chu-ru thường gọi loại này là *hori ktha yau*; nếu dịch sát nghĩa cụm từ này là: *hát những lời xưa* (*xưa* ở đây là tích xưa, chuyện cũ do cha ông từ nhiều đời truyền lại). Loại hát kể này thường dẫn giải sự ra đời của một địa danh nào đó, huyền thoại về một nhân vật có công lao trong việc lập làng, mở đất hay kể cả giải thích một số tập tính, thuộc tính của loài vật, sự vật hiện tượng tự nhiên. Về mặt nội dung phản ánh, một số bài *hori ktha yau* tương đương với huyền thoại văn học, tuy vậy phần khác lại thiên về kể lể, giải bày những xúc cảm cá nhân trong cuộc sống như sự nghèo khó, vất vả,... bằng làn điệu âm nhạc. Đặc trưng cơ bản về nhạc học của loại thể chính là hình thức hát theo một khúc thức có tính bắt buộc được cộng đồng quy định. Trong môi trường diễn xướng dân gian Chu-ru, tùy vào từng nội dung được dẫn dắt hoặc khởi xướng, người hát có thể tham gia bằng cách hát tiếp thêm vào nội dung đã định bằng bài hát của mình. Mỗi câu *ktha yau* không quy định cụ thể bao nhiêu câu chữ, người hát linh hoạt vận dụng từ ngữ miễn sao chuyển tải được điều mà mình muốn thổ lộ thông qua một đường nét giai điệu thống nhất nhưng dài ngắn khác nhau. Người hát *hori ktha yau* không những phải là người thông thuộc phong tục lễ nghi, chuyện xưa do cha ông truyền lại mà họ lại còn phải là người giỏi ăn nói để

dẫn dắt “câu chuyện” trở lại giải cho con cháu hiểu hệ

- Hát ru: *yau anà*. Th chủ yếu dĩ nhiên là khôn chóng chìm vào giấc ngủ cháu trước ngực, khi ru n và hát khe khẽ làn điệu hình ảnh trong sáng, đẹp để hiểu để ru con trẻ, như

Cớ brah brah

Rúp nhu metal

Rúp nhu komhi

Dịch:

Nhìn cho kĩ n

Thân nó xanh

Núi điệp trùng

Mình nó vàng

Cho đến hiện nay, v biệt nào về nhạc học đ thức âm nhạc khác của cho thấy khúc thức *yau* thể khác. Đó chủ yếu là và ít luyện láy.

- Hát đối đáp (*Adoh*

ạc dân gian truyền thống. Có thể
Chu-ru ra một số loại thể sau:

thường gọi loại này là *hori ktha*.
m từ này là: *hát những lời xưa*
yên cũ do cha ông từ nhiều đời
thường dẫn giải sự ra đời của
thoại về một nhân vật có công
đất hay kể cả giải thích một số
vật, sự vật hiện tượng tự nhiên.

một số bài *hori ktha yau* tương
hoc, tuy vậy phần khác lại thiên
c cảm cá nhân trong cuộc sống
bằng làn điệu âm nhạc. Đặc

a loại thể chính là hình thức hát

bắt buộc được cộng đồng quy
xướng dân gian Chu-ru, tùy vào
hoặc khởi xướng, người hát có
tiếp thêm vào nội dung đã định

câu *ktha yau* không quy định cụ
hát linh hoạt vận dụng từ ngữ
mà mình muốn thổ lộ thông

u thống nhất nhưng dài ngắn
ktha yau không những phải là

c lẽ nghi, chuyện xưa do cha

n phải là người giỏi ăn nói để

dẫn dắt “câu chuyện” trong những đoạn vừa kể lễ, vừa giảng
giải cho con cháu hiểu hết.

- Hát ru: *you anà*. Thể loại này được giới nữ sử dụng là
chủ yếu dĩ nhiên là không ngoài mục đích đưa trẻ thơ mau
chóng chìm vào giấc ngủ. Phụ nữ Chu-ru thường dịu con,
cháu trước ngực, khi ru ngủ họ dùng đưa tấm choàng dịu trẻ
và hát khe khẽ làn điệu *you anà*. *You anà* vận dụng những
hình ảnh trong sáng, đẹp dễ trong tự nhiên; những hình ảnh
dễ hiểu để ru con trẻ, như:

Có brah brah cim por mưng có

Rúp nhu motah tobuăi nhu longi

Rúp nhu konhì tobuăi nhu moriah

Dịch:

Nhìn cho kĩ nhé chim bay từ trong núi

Thân nó xanh mỏ nó màu nâu

Núi điệp trùng chim tha hồ dang cánh

Mình nó vàng mỏ nó màu đỏ.

Cho đến hiện nay, vẫn chưa có một nghiên cứu chuyên
biệt nào về nhạc học đối với *you anà* cũng như các hình
thức âm nhạc khác của người Chu-ru; tuy nhiên, cảm tính
cho thấy khúc thức *you anà* thường đơn giản hơn các loại
thể khác. Đó chủ yếu là những đoạn giai điệu ngắn, chậm rãi
và ít luyến láy.

- Hát đối đáp (*Adoh kheng gơu?*): Đây là loại thể được

sử dụng nhiều trong sinh hoạt cộng đồng nhất là những lễ hội (kể cả những lễ hội ở gia đình dòng tộc đến những lễ hội của cả làng). Người đối và cả người đáp vận dụng linh hoạt sự hiểu biết của mình về một nội dung cụ thể nào đó để giải bày tình cảm cho bên kia hiểu, chia sẻ. Loại thể này được các nhân vật có vị thế trong dòng tộc, trong làng sử dụng để bàn bạc, trao đổi, thống nhất công việc; hoặc cũng có thể giữa một người già và một người trẻ nhằm chia sẻ kinh nghiệm sống, kinh nghiệm lao động sản xuất,... Nội dung đặc biệt của hình thức hát đối đáp chính là sử dụng loại thể nào vào việc giải quyết các *tranh chấp* nảy sinh trong cộng đồng. Cả người đối và người đáp đều vận dụng hình thức ví von hàm ngôn rất khó hiểu đối với người ngoài cuộc. Về văn hóa, loại thể này chính là luật tục của người Chu-ru.

Sự nguyên hợp giữa *adoh* và các loại thể âm nhạc dân gian Chu-ru khác thể hiện ở mảng nội dung *adoh r'năm gou* - đối đáp tình tứ hoặc đối đáp tình cảm nói chung. Do sự hợp nhất ngẫu nhiên về làn điệu nhưng lại chiếm trữ lượng không nhiều vì thế chúng tôi không xếp thành một loại riêng.

- Hát giao duyên (*Dam dra*): Loại thể này chủ yếu được nam - nữ sử dụng. Được đánh giá là mượt mà cả về giai điệu và nội dung lời lẽ, trong quá khứ *dam dra* được lớp người trẻ tuổi Chu-ru vận dụng để bày tỏ tình cảm lứa đôi. Mặc dù bị ràng buộc bởi giai điệu nhưng *dam dra* vẫn đầy tính ngẫu hứng thể hiện khả năng ứng tác nhanh nhạy và phù hợp

(tính đối đáp) khi diễn *nhập đề* ngay mà bóng mà mình thích:

*Ê tuã jơ sấp kàng k
Buh sấp driaou odrêi
anà... kou mã tòng...
pha oơi...*

Dịch:

*Tiếng nói em sắc
như chim phượng hoàng
bụng tôi đau như thế...
(Ước gì - NLH) tôi lấy
gân gỏi...*

Sự chân thật trong quan hệ lứa đôi cũng các bài *dam dra*:

*Băng jàn lơ
Huới kơ mơ
Nhùk nhàk
Gé ha tônia
Asou luã tok*

Dịch:

*Này cánh cù
Sợ đánh thức*

Đại cộng đồng nhất là những cặp
gia đình dòng tộc đến những lễ
và cả người đáp vận dụng linh
tể một nội dung cụ thể nào đó để
kia hiểu, chia sẻ. Loại thể này
trong dòng tộc, trong làng sử
thống nhất công việc; hoặc cũng
và một người trẻ nhằm chia sẻ
chiếm lao động sản xuất,... Nội
c hát đối đáp chính là sử dụng
quyết các tranh chấp nảy sinh
đôi và người đáp đều vận dụng
rất khó hiểu đối với người ngoài
này chính là luật tục của người

và các loại thể âm nhạc dân gian
nội dung *adoh r'năm gou* - đối
cam nói chung. Do sự hợp nhất
ng lại chiếm trữ lượng không
xếp thành một loại riêng.

bra: Loại thể này chủ yếu được
a giá là mượt mà cả về giai điệu
a khú *dam dra* được lớp người
xây tỏ tình cảm lứa đôi. Mặc dù
ung *dam dra* vẫn đầy tính ngẫu
g tác nhanh nhạy và phù hợp

(tính đối đáp) khi diễn xướng. Người khéo léo thì không
nhập đề ngay mà bóng gió gần xa nhằm ngợi khen người
mà mình thích:

*Ê tuã jơ sấp kàng kalàng... Tơpuải yơ kràng grớ oh...
Buh sấp driaou odrêi ơdơi... Tung kơ lowă ơ adơi... Wă
anà... kơ mã tơning... Kơ chau ti bù ôdơi... Kơ pồ ti
pha ơdơi...*

Dịch:

*Tiếng nói em sắc như miệng diều hâu... (lại) véo von
như chim phượng hoàng đất... quen tiếng nói của em ơi...
bụng tôi đau như thế... nó (bụng tôi - NLH) cứ không yên...
(Ước gì - NLH) tôi lấy tơning búi tóc em... tôi được có em
gần gũi...*

Sự chân thật trong sáng, gần gũi nhưng hóm hỉnh trong
quan hệ lứa đôi cũng là một nội dung có tính xuyên suốt ở
các bài *dam dra*:

*Băng jàn lơnhiau jơ bớ
Huôi kơ mơdoh ame sông ama
Nhùk nhàk đơnài trơnha
Gé ha tônia lô mé
Asou luă tøkè mơgơi tơnhoa*

Dịch:

*Này cánh cửa bên phải đừng có mở
Sợ đánh thức cả mẹ lẫn cha*

Tiếng kọt kẹt kêu trong khi vắng

Sợ mẹ có hỏi chuyện gì

(Hãy nói) con chó chui rúc rung cái nong

Môi trường diễn xướng *dam dra* khá đa dạng. Đó có thể là một dịp gặp gỡ tình cờ trong hội lễ, hay hữu tình khi - có ý trước - khi đi gặt lúa, lấy nước, ... nhưng rất có thể đây là một đêm thanh vắng hai người có tình ý với nhau lên ra chỗ vắng. Dù là trong hoàn cảnh nào thì người ngỏ lời trước vẫn thường là nam giới. Khi những câu *dam dra* đã thất chặt mối quan hệ giữa họ hôn nhân sẽ được tiến hành.

Một loại hình nghệ thuật khác không thể không nhắc tới, gắn chặt với âm nhạc dân gian Chu-ru đặc biệt với văn hóa cộng chiêng là múa (*tamja*). Từ *tamja*⁽¹⁾ trong tiếng Chu-ru nghĩa là múa hay nhảy nhót với tiếng nhạc đệm nói chung. Trước đây, *tamja* chỉ diễn ra vào những dịp lễ hội

⁽¹⁾ Đối với người Ma và người Cơ-ho, họ cũng dùng từ *tamja* để chỉ múa. Tuy vậy, thông tin hồi cố có được từ rất nhiều vùng cư trú của hai tộc người này cho thấy: trước đây, trong lễ hội và các sinh hoạt văn hóa cộng đồng khác, múa hoàn toàn là một hoạt động xa lạ. Đối với họ, vũ điệu tìm thấy chỉ là những động tác giản đơn theo nhịp của những người đánh chiêng hoặc chơi kèn mbuát. Nhiều người cao tuổi cho rằng múa theo đội hình (như một số đội văn nghệ xã, huyện vẫn làm hiện nay) chỉ xuất hiện vào những năm 1960-1970. Mới đây nhất, một số cá nhân là người K'ho, Mẹ phụ trách các đội văn nghệ dân gian xã, huyện lại dùng từ *xoang* để *dẫn dắt* thế hệ trẻ đồng tộc tập múa nhằm phục vụ cho các hoạt động văn nghệ tại các khu du lịch đồng chân trên địa bàn. Điều này nếu không được chấn chỉnh kịp thời thì về lâu dài sẽ vô tình gây nên sự ngộ nhận về văn hóa đối với chính thế hệ trẻ là cư dân bản địa.

lớn như lễ cúng lúa, lễ bỏ mả...
một phần nghi thức quan trọng
linh cùng với tiếng trống, tiếng
sau khi có *hiệu lệnh* từ thần
người được phép múa. Chính
múa - dân gian truyền thống
đồng quy định rất chặt chẽ
được diễn xướng. Theo các
Chu-ru chia ra ba lần điệu
chiêng nôm là: *arija*, *t'runpô*
người Chu-ru tại Proh, huyện
các nghi lễ có múa kèm theo

- *Arija*: Sử dụng trong
pothi; điệu múa với nhịp
chuyển cuộn vòng về trước
làm thành những *lời* đưa
những người thân quá cố, nh

- *T'runpô*: Điệu múa ch
tế mời đến thần *Lomong*, th
nhanh, khoẻ với động tác c
hai tay diu dặt đưa cả về ph
là *cách* mời thần, *đưa* thần
người dâng lên.

- *Păhginăng*: Tên của
nhạc cụ, trống *ginăng* (*păh*

trong khi vắng

uyện gì

5 chui rúc rung cái nong

dam dra khá đa dạng. Đó có thể
hội lễ, hay hữu tình khi - có
nước. ... nhưng rất có thể đây là
có tình ý với nhau lên ra chỗ
nào thì người ngỏ lời trước vẫn
cùng câu *dam dra* đã thất chặt
sẽ được tiến hành.

khác không thể không nhắc
gian Chu-ru đặc biệt với văn
amja). Từ *tamja*⁽¹⁾ trong tiếng
ấy nhót với tiếng nhạc đệm nói
diễn ra vào những dịp lễ hội

họ cũng dùng từ *tamja* để chỉ múa. Tuy
vùng cư trú của hai tộc người này
sinh hoạt văn hóa cộng đồng khác,
Đối với họ, vũ điệu tìm thấy chỉ là
những người đánh chiêng hoặc chơi
múa theo đội hình (như một số đội
chỉ xuất hiện vào những năm 1960-
người K'ho. Mạ phụ trách các đội văn
để dẫn dắt thế hệ trẻ đồng tộc tập
văn nghệ tại các khu du lịch đóng chân
chân chính kịp thời thì về lâu dài sẽ vô
với chính thế hệ trẻ là cư dân bản địa.

như lễ cúng lúa, lễ bỏ mả. Múa trước nhất được xem là
một phần nghi thức quan trọng để thầy cúng mời gọi thần
linh cùng với tiếng trống, tiếng chiêng. Trong một lễ cúng,
sau khi có *hiệu lệnh* từ thần linh thông qua thầy cúng, con
người được phép múa. Chính vì vậy, khúc thức - các điệu
múa - dân gian truyền thống của người Chu-ru được cộng
đồng quy định rất chặt chẽ. Sau mỗi tiểu lễ là một điệu múa
được diễn xướng. Theo cách loại biệt truyền thống, múa
Chu-ru chia ra ba lần điệu cơ bản tương ứng với ba điệu
chiêng nôm là: *arija*, *t'runpô*, *păhginăng*. Ở cộng đồng
người Chu-ru tại Proh, huyện Đơn Dương quy định chi tiết
các nghi lễ có múa kèm theo như sau:

- *Arija*: Sử dụng trong các lễ nghi vòng đời đặc biệt là
pothi; điệu múa với nhịp chân đều chậm, hai tay uyển
chuyển cuộn vòng về trước và sau theo chiều ngược nhau
làm thành những *lời* đưa tiễn đầy quyến luyến đối với
những người thân quá cố, những người vừa mới qua đời.

- *T'runpô*: Điệu múa chỉ được sử dụng khi nghi lễ cúng
tế mời đến thần *Lomong*, thần *Sobung*. *T'runpô* có giai điệu
nhạc nhanh, khoẻ với động tác chân nhịp nhàng theo tiếng nhạc,
hai tay diu dặt đưa cả về phía trước hoặc phía sau. Đây cũng
là *cách* mời thần, đưa thần về nhận những thứ vật lễ do con
người dâng lên.

- *Păhginăng*: Tên của điệu múa trùng với tên của một
nhạc cụ, trống *ginăng* (*păhginăng*). Theo cách dẫn giải của

nhiều người cao tuổi, trước đây khi múa điệu này cùng với nhạc cụ là chiêng, kèn bầu sáu ống bắt buộc phải có trong *păhginăng*. Đây cũng là vũ điệu có nhịp nhanh (nhanh hơn *arija*), động tác chân kết hợp với động tác cuốn cổ tay ở sát hai bên sườn. Điệu múa này chỉ được dùng khi thầy cúng mời đến thần *Pôjoh*, thần *Porliang* (tên một ngọn núi thiêng trong vùng cư trú của người Chu-ru ở Proh).

Ở các lễ hội lớn của người Chu-ru cả nam giới, nữ giới đều có quyền tham gia vào vòng múa và không hạn chế số lượng người nhưng trong nghi thức, biên chế của một đội múa khá nghiêm ngặt. Thông thường, một đội múa nghi thức gồm 4 nam, 4 nữ hoặc 6 nam, 6 nữ. Nam nữ có thể đứng xen kẽ hoặc nam trước - nữ sau và ngược lại khi múa; đội múa di chuyển thành hàng hoặc thành vòng tròn, hay hình bán nguyệt cũng tùy thuộc vào từng lễ nghi nhất định. Trong một vài tiểu lễ cúng lúa tiến hành ngay tại khu vực canh tác (ruộng), đội múa bắt buộc phải múa đủ 8 vòng quanh cây *nghi lễ* trước hoặc sau khi cây này được dựng lên.

Ngày nay, những điệu múa của người Chu-ru được sử dụng rộng rãi và linh hoạt hơn truyền thống rất nhiều. Họ có quyền sử dụng nhiều điệu múa trong cùng một nghi lễ nhất là khi tín ngưỡng đa thần truyền thống tại nhiều vùng cư trú đã không còn được duy trì nữa. Một số nhà thờ Thiên Chúa giáo tại Lạc Xuân, Pró, Tu Tra,... múa Chu-ru trở thành những sinh hoạt văn hóa thường kỳ vào những dịp có nghi lễ tôn giáo lớn (Giáng sinh, Phục sinh), hoặc trong

những dịp cộng đồng Thiên Chúa giáo. Đây là một cộng đồng khác. Đối với người Chu-ru, Đón Dương, Đúc Trọng - những điệu múa Chu-ru sinh sống - múa trở thành điểm nhấn quan trọng do ngành và địa phương tổ chức âm nhạc - nghệ thuật dân gian đứng trước hiện trạng mai mả văn hóa truyền thống đã bị thất lạc, thị hiếu thẩm mỹ của người Chu-ru nhanh chóng trước sự tác động của văn hóa hiện đại. Đây vừa là thách thức nhưng cũng đồng thời đặt ra yêu cầu thức bảo tồn có hiệu quả và phát huy trong tương lai.

đây khi múa điệu này cùng với
sáu ống bắt buộc phải có trống
điệu có nhịp nhanh (nhanh hơn
với động tác cuốn cổ tay ở sát
tay chỉ được dùng khi thấy cúng
Orliang (tên một ngọn núi thiêng
Chu-ru ở Proh).

Người Chu-ru cả nam giới, nữ giới
vòng múa và không hạn chế số
nghĩ thức, biên chế của một đội
thường, một đội múa nghĩ thức
m. 6 nữ. Nam nữ có thể đứng xen
và ngược lại khi múa; đội múa di
thành vòng tròn, hay hình bán
tròn lễ nghi nhất định. Trong một
hành ngay tại khu vực canh tác
phải múa đủ 8 vòng quanh cây
cây này được dựng lên.

Múa của người Chu-ru được sử
dụng truyền thống rất nhiều. Họ
êu múa trong cùng một nghi lễ
truyền thống tại nhiều vùng
trì nữa. Một số nhà thờ Thiên
Pro. Tu Tra,... múa Chu-ru trở
hóa thường kì vào những dịp có
g sinh, Phục sinh), hoặc trong

những dịp cộng đồng Thiên Chúa giáo sở tại giao lưu với
một cộng đồng khác. Đối với ngành Văn hóa các huyện
Đôn Dương, Đức Trọng - những địa phương có đông đồng
bào Chu-ru sinh sống - múa Chu-ru được bảo tồn, phát huy
trở thành điểm nhấn quan trọng trong các sinh hoạt văn hóa
do ngành và địa phương tổ chức. Tuy vậy, múa nói riêng và
âm nhạc - nghệ thuật dân gian Chu-ru nói chung vẫn đang
đứng trước hiện trạng mai một đáng lo ngại do môi trường
văn hóa truyền thống đã không còn nguyên vẹn; ý thức
thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mĩ của lớp người kế cận đã biến đổi
nhanh chóng trước sự tác động mạnh mẽ của các sinh hoạt
văn hóa hiện đại. Đây vừa là một tất yếu của sự phát triển
nhưng cũng đồng thời đặt ra những câu hỏi lớn về phương
thức bảo tồn có hiệu quả văn hóa truyền thống tộc người
trong tương lai.

Cùng với sự thay đổi về văn hoá, nền kinh tế của người Chu-ru cũng có những thay đổi đáng kể. Đối với người Chu-ru, ngoài nông nghiệp truyền thống - ngành sản xuất chính, trước đây thủ công nghiệp vẫn đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hoá, xã hội phục vụ nhu cầu tiêu dùng, sinh hoạt hàng ngày của cư dân. Các hoạt động sản xuất hầu hết được tiến hành trong từng gia đình, sản phẩm trở thành hàng hoá với số lượng ít, phản ánh rõ nét tính tự cung tự cấp. Chính đặc điểm đó đã làm cho các nghề cổ truyền khó phát triển mạnh mẽ để có thể vượt ra khỏi quỹ đạo của khuôn khổ khép kín. Mặt khác, cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế xã hội, với sự giao lưu hàng hoá, các mặt hàng tiêu dùng được bày bán khắp các chợ, đến từng làng với mẫu mã đa dạng, rẻ đã được đón nhận thay cho các mặt hàng thủ công truyền thống có chất lượng tốt. Do vậy, các nghề thủ công cổ truyền tuy vẫn còn được duy trì nhưng đang mất dần vai trò thiết yếu trong đời sống của đồng bào.

So với các dân tộc bản địa khác, thực trạng trên thực sự là mối đe doạ nghiêm trọng. Và rất có thể chỉ trong một thời gian không dài nữa, những nét văn hoá đặc trưng, độc đáo của người Chu-ru sẽ không còn... nếu như chúng ta không có những biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, và khai thác kịp thời.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH Ở TỈNH



Làng của người Chu-



Làm gỗ

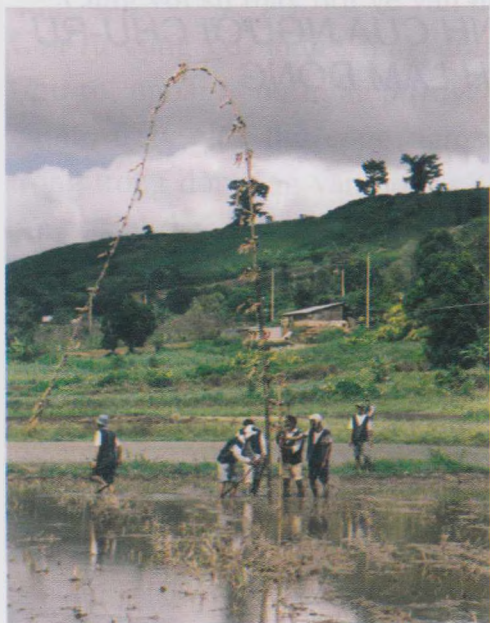
MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA NGƯỜI CHU-RU Ở TỈNH LÂM ĐỒNG



Làng của người Chu-ru ở Đơn Dương - Lâm Đồng



Làm gốm trên bàn kê cố định



Cắm nêu ngoài ruộng



Múa trong ruộng



Lễ cúng mừng lúa vào bồ (Monhum dơ lan)



Cúng



Cắm nêu ngoài ruộng



Vào bô (Monhum dơ lan)



Múa trong nghi lễ nông nghiệp



Cùng ông tha



Nhặt thóc cho lễ Tơ guh dơ lan (lễ giải kiêng)



Lễ cúng sạ lúa (Monhum Kăn dăh)

PHỤ

MỘT SỐ LỜI CÚNG TRỌNG

1. Cúng tại nhà thầy cúng

Lạy tới cậu Bàng Roya.
đọc đường. Tôi băng qua 30

Lạy thần tối cao pòjipota

37 Bơnung, kêu mời con

Lạy mời con trần thần Pơ
rong, thần đất ở khắp mọi v
mới, đất mới: trăm hương đã
rừng, rót rượu, cậu anh trai
Thần cầm con trần thần T
Potrai (thần thứ hai trên trời

Roi đây tôi cầm 1 cây.
nơi... ở núi thò tay đánh...
tiếng rung gọi mời. Mời lạy
tới. Các Pô lại tới trước, th
trai, a... Khắp các vùng đã
trứng gà mới với 1 cây nền
chàng trai, chàng trai. a...



thờ đơ lan (lễ giải kiêng)



(Monhum Kăn dăh)

PHỤ LỤC

MỘT SỐ LỜI CÚNG TRONG LỄ HỘI NÔNG NGHIỆP

1. Cúng tại nhà thầy cúng (cúng xin làm lễ)

Lạy tới cậu Bãng Roya, potao đất, cậu ở khắp mọi nơi dọc đường. Tôi băng qua 30 dòng sông, băng qua đất.

Lạy thần tối cao pôjipotao, các thần ở dưới đất

37 Bomung, kêu mời con trần thần Pôjoh a, a, ...

Lạy mời con trần thần Pôrock, kêu mời con trần thần Pôrong, thần đất ở khắp mọi vùng đã nuôi dưỡng, lạy xin trời mới, đất mới; trầm hương đã đốt - khói đã bay lên. Đốt cháy rừng, rót rượu, cậu anh trai hoá thân đi khắp 37 Bomung. Thần cầm con trần thần Thắc, Thần Mưh, thần Gơnrưh Potrai (thần thứ hai trên trời sau thần Pôjipota).

Roi đây tôi cầm 1 cây, cầm 1 bó... quay vòng nhiều nơi... ở núi thò tay đánh... Ơi, ông Kluâl, cầu chàng trai tiếng rung gọi mời. Mời lạy các Pô (thần ở trên trời) xuống tới. Các Pô lại tới trước, thần đời còn trắng tinh. A chàng trai, a... Khắp các vùng đất, tớ đây lại kêu mời, a... Nay trứng gà mới với 1 cây nến lửa, mười năm 1 lần lại kêu mời chàng trai, chàng trai, a...

Một thân cây 37 ngọn, 37 cành tới ông thần Pô sun Draï, ông thần Pôr mýcũ, ông thần Pôr myjăn, ông wang thần chàng trai trẻ, thần Pô, quan Looi, hết đời này còn đời sau, a, a...

Lạy mời ở mẹ Por Liang Nhã, kêu mời đất đai khắp nơi, a... Bà Đơng gơlah ở khắp vùng rừng, nước sông đi qua trước 37 potao này, a...

2. Cúng sống (lễ vật sống) trong các lễ thức MoNũm Kăn Dah...

1. Một đem ra, hai đem ra, ba đem ra, bốn đem ra, năm đem ra, sáu đem ra; aha bảy đem ra; aha tám đi ngang đem ra.

Ông Tophul anh, mẹ Tophul em, em to người nửa buôn làng, anh to người nửa vùng đất, gần nơi cho dựa nghỉ, gần đây cho ở nhà, a...

Lạy cậu Long ly dodimuh, lạy cậu Long dơ di priã. Cậu xin 37 nơi; lạy xin tới cậu ông anh Romuh. Ba mươi tên (cái tên - ý chỉ thần) ra đi trước, nước dừng lại, cá sấu nổi lên, nước còn đó chàng trai nhé.

Này các bà đẹp đẽ, tóc dài trắng như bạc, ba mươi bảy nước, ba mươi bảy potao. Này nhé mang gùi cậu mới mẻ, pô đẹp trai, cậu lớn hơn cả bao nhiêu dòng suối băng qua ba ngã.

2. Ở, a, ơ... cùng bọn Longly Godimuh. Ở cùng bọn

lớn như Long Ly Godipriã, ở cùng bạn bóng sáng như

Em lớn thân như một nửa nước, ông chàng trai ch

Lạy xin mời chàng trai

Lạy xin mời chàng tra

Bông hoa thật đẹp, đàn Muih, ông thần Nruh - Potrai

3. Vậy, nay mặc áo b hoa bằng bạc, sau bên phải mời cậu chàng trai Kruh - sông thần Gơnruh.

Này ở một trăm đời, n bát đồng coi vàng này ời...

Cầu xin chàng trai lùn cầu xin đấy nhé; cầu xin người bước đi lang thang, nhé, trứng gà mới này nhé.

4. Bây giờ sông suối ông thần Gơnruh, ông thần ba mươi bảy làng, ba mươi bảy potao xét xử mọi chuy

5. Nay, từ ông thần Gơnruh, ông thần Potrai, k

37 cảnh tới ông thần Pô sun
ông thần Pôơ myjăn, ông wang
quan Looi, hết đời này còn đời

Nhã, kêu mời đất đai khắp nơi,
vùng rừng, nước sông đi qua

(ng) trong các lễ thức MoNũm

m ra, ba đem ra, bốn đem ra,
a bảy đem ra; aha tám đi ngang

phul em, em to người nửa buồn
đất, gần nơi cho dựa nghỉ, gần

th. lạy cậu Long dơ di priã. Cầu
g anh Rơmuh. Ba mươi tên (cái
nước dừng lại, cá sấu nổi lên,

đài trắng như bạc, ba mươi bảy
ày nhé mang gửi cậu mới mẻ,
bao nhiêu dòng suối băng qua

Longly Godimuh. Ở cùng bọn

lớn như Long Ly Godipriã, ở cùng bạn bóng sáng như vàng,
ở cùng bạn bóng sáng như bạc.

Em lớn thân như một nửa làng, anh lớn thân như một
nửa nước, ông chàng trai chăm sóc dân làng.

Lạy xin mời chàng trai Hơnoãi chạy đi

Lạy xin mời chàng trai Hơnoãi chạy tới

Bông hoa thật đẹp, dành cho chàng trai Krur, ông thần
Muh, ông thần Nruh - Potrai.

3. Vậy, nay mặc áo bông hoa bằng vàng, nút áo bông
hoa bằng bạc, sau bên phải nút áo, đó, đó. Aha, này đây lạy
mời cậu chàng trai Kruh - lang thang, lạy đi bình an. Con
sông thần Gơnrh.

Này ở một trăm đời, nay bung bát đồng coi nước, bung
bát đồng coi vàng này ời...

Cầu xin chàng trai lùn chạy đi, chàng trai lùn chạy lại.
cầu xin đấy nhé; cầu xin thật đấy nhé. Bây giờ chân người
người bước đi lang thang, khăn trùm mình đó, bay giờ này
nhé, trứng gà mới này nhé, lạy quan khắp mọi nơi vậy đó.

4. Bây giờ sông suối này ở cùng cậu Grô, đem mình tới
ông thần Gơnrh, ông thần Potrai. Cậu Gru cầm quyền đất,
ba mươi bảy làng, ba mươi bảy khe đá nước chảy, ba mươi
bảy potao xét xử mọi chuyện, lạy cầu xin tới mẹ ba mươi đó.

5. Nay, từ ông thần Muh, ông thần Gơnrh, ông thần
Gơnrh, ông thần Potrai, khắp nơi potao dẫn đi...

6. Rồ, rồ, rồ,... bây giờ đi đi, làm chúng đi, quỳ dưới chân người, quỳ lạy người này.

7. Ô, a, ba mươi bảy nơi giữ đất đai, ba mươi bảy Bomung, ba mươi bảy đình này đây.

Dậy đi ngồi chúng kiến quỳ gối lại, hai bàn tay nín vấy thân.

8. Đây đây cầu xin trâu mẹ vững chuồng, dâng nước cho tôi này, nước hồ vàng dưới mưa đó nhé.

9. Đây cá linh (thiên) tắm trưa ở trong con trâu của tôi đây ê - ê - ê - rô... Ở trong mẹ ba mươi bảy nơi, đất đai vững chắc về trước...

10. Dâng nước chén vàng cho tôi mau mau, dâng mau đây lúc tắm trưa (chỉ giờ dâng đồ lễ - Ngọc Lý Hiển).

11. Đây, ô, ô... chén nước suốt khắp nơi tắm trưa lẫn chiều, nửa khuya, đêm tối, cầu xin tới thần Potao Jobây ở đời đời đi ra, ở từ ông cậu 30 đàn anh ra đi.

12. Dâng lễ vật mau mau cho cậu ông Mưh - thần thiêng nhất chân nước toả ra 2 ngã, sông bước ngang qua.

Ôi, dâng lễ vật 37 plei (làng).

Ôi, ở với mẹ thân 37 Bomung, quyền ở thần Kalanh (thần trần - con trần); xin nhận uống rượu trắng với rượu cần.

Ê, ê, ê... Cầu mời núi Roday, rừng thiêng liêng, núi Roday, mời rừng... ở nơi ông Mưh, thần linh thiêng, thần Gonruh - Potrai.

13. Bây giờ xin lạy mời mời ông Chây Sack, cầu mời Bobahro, cầu mời ông Lomo, cầu mời ông Koty, cầu mời bà Lơ, cầu mời ông Hơ Lou ia, chồng bà Pơ. Lạy các thân linh thiêng liêng, dân tin thờ - tín ngưỡng truyền.

Lạy mời tất cả các thần thân Bomung, thần đàn anh Bomung khắp chốn.

14. Tới nơi cậu quan (thần vòng) đến bà, tới cậu Hama, tới cậu Hama Hồ, tới ông S, đừng có làm hại đến dân làng, tới ông Mưh, tới ông Potrai, bông hoa vàng đem tới ông, quan thần đó nhé...

15. Đây ời,... cậu nước cộp, ông thần rồng, tới khắp cầm tiếng ù ù, ông thần cầm sét trị những người làm sa, không dám làm gì dụng cha.

Bao nhiêu đồ lễ vật d, Gưmuh, ông Motrai, thần t

đi đi, làm chúng đi, quỳ dưới
ày.

nơi giữ đất đai, ba mươi bảy
này đây.

quỳ gối lại, hai bàn tay núp váy

u mẹ vững chuông, dâng nước
uối mưa đó nhé.

tắm trưa ở trong con trâu của tôi
g mẹ ba mươi bảy nơi, đất đai

ing cho tôi mau mau, dâng mau
ng đồ lễ - Ngọc Lý Hiến).

nước suối khắp nơi tắm trưa lần
cầu xin tới thần Potao Jơbây ở
Đ đàn anh ra đi.

mau cho cậu ông Mưh - thần
2 ngã, sông bước ngang qua.

làng).

nung, quyền ở thần Kalanh (thần
g rượu trắng với rượu cần.

Romay, rừng thiêng liêng, núi
ông Mưh, thần linh thiêng, thần

13. Bây giờ xin lay mời bà Poroliang, ông Hăngtiu, cầu
mời ông Chây Sack, cầu mời ông Chơ Rolang, cầu mời ông
Bobahro, cầu mời ông Lomok, cầu mời bà nước Koyoa; cầu
mời ông Koty, cầu mời bà Lăm Viên (Lang Biang), cầu mời
ông Hơ Lơu ia, chồng bà Poroliang (tức là núi Poleng)...
Lay các thân linh thiêng liêng nhất ở vùng Proh (mà người
dân tin thờ - tín ngưỡng truyền thống)

Lay mời tất cả các thân: thân rừng, thân núi, thân sông,
thần Bomung, thần đàn anh, đàn em,... ời các thân ở 37
Bomung khắp chốn.

14. Tới nơi cậu quan thần hổ, sai người đi vòng (đường
vòng) đến bà, tới cậu Hama Thút, tới cậu Hama Dowoang,
tới cậu Hama Hồ, tới ông Sun Draì, tới ông Đơng Golah, ời
đừng có làm hại đến dân làng nhé; một cây chẻ bảy miếng
tới ông Mưh, tới ông Potrai (đọc là Pơ - tơ - rai), này cây
bông hoa vàng đem tới ông, tới ông thần Rojăi, đem tới mẹ
quan thần đó nhé...

15. Này ời,... cậu nước mong tới đây nhé, tới ông thần
cọp, ông thần rồng, tới khắp ông thần trên trời cao, ông thần
cầm tiếng ù ù, ông thần cầm gió cầm mưa lũ, ông thần cầm
sét trị những người làm sai trái. Ôi, con cháu nay rất sợ
không dám làm gì đụng chạm tới.

Bao nhiêu đồ lễ vật dâng mời hết tới các ông thần
Gumuh, ông Motrai, thần thiêng liêng nhất, chúng tôi vẫn

còn sợ mình có việc gì làm sau ông cho sắm sét đánh dứt cổ
tầm trưa hay chiều.

Này ời, này ời ông thần, ông đừng theo nhận lời chúng
tôi vì người đông hàng trăm, hàng nghìn, người đông như
nước chảy, cát trôi.

Thời nay buôn làng có nhiều cái mới rồi, ông thần cao
cả ời, chúng tôi sợ làm sai bị đứt cổ; sáng, trưa hay chiều
đều dựa nhờ vào ông nhé.

16. Ôi, xin dựa nhờ thần hồ, ôi mẹ thần coi giữ ruộng.
Này tiền bạc, cườm nhẫn, chiêng trống kèn; này ruộng trâu,
này khôn là quyền của ông, ông giữ. Chúng tôi còn sống
đây cầu bình an, no đủ.

Ơi,... Tới ông Mùh, ông Sun Draì, tới ông PơTrai chúng
tôi dâng lễ vật cúng lớn như thế này mời các ông thần đến
nhận nhé!

17. Bây giờ này nhé, ông Mùh GơNruh, ông PơTrai,
này đây lễ vật,... Đây rượu, gà; này trâu cau, trứng chuối...
Ông Mùh, ông PơTrai này nhé... Ông Sun Draì chăm lo
nuôi dưỡng làm được nhiều lúa gạo này nhé... Bắp lúa làm
anh em băng qua rừng ời... ời... ời...

3. Cúng chín:

1. Ôhò, này dâng lễ vật cho tôi nhé, tới ông Mùh, ông
PơTrai; Đây đây ở với ông cậu Hama Thút, Hama Hồ,
Hama PơLâm, thần nương Plei to; ở nơi Hama ông Mùh,
ông PơTrai. A, này mời ăn cơm nhé.

2. Ôi, ời, ời... ông thần
chúng giám. Cậu Pơtao Hơ
nghìn này nhé.

A, a, ... có những gì
không biết đừng đổ lỗi ch
tôi... còn hàng trăm hàng

3. Lạy mời hết các th
bà Rơ Ia, bà Rơjut, bà L
thần Mùh, GơNruh, MaTr
ời bà Pơơ Liang, ông Hơ
các thần Proh, Yang, ông
nơi ông thần Dock...

4. Đây ời với cậu suố
với rừng Kowao, này cậu
quyển, tới tôi tớ ông th
Romy, lạy mời ông cậu.
Klong Khul đàn em, ngồi
ngồi trên gốc trâm ời, ời, l

5. Ôi, lạy mời băng q
các ông thần núi KaMao,

Lạy ông thần Grai ph

Lạy ông Pơtao già, l
chúng kiến lễ vật cúng
Tronom. Lạy cậu thần n
các ông...

sau ông cho sấm sét đánh đứt cổ

ông dùng theo nhận lời chúng
n. hàng nghìn, người đông như

nhiều cái mới rồi, ông thân cao
bị đứt cổ; sáng, trưa hay chiều

hồ, ôi mẹ thần coi giữ ruộng.
hiêng trống kèn; này ruộng trâu,
g. ông giữ. Chúng tôi còn sống

Sun Draï, tới ông PơTrai chúng
thế này mời các ông thần đến

ông Mưh GơNưh, ông PơTrai,
gà: này trâu cau, trứng chuối...
nhé... Ông Sun Draï chăm lo
lúa gạo này nhé... Bắp lúa làm
oi... oi...

cho tôi nhé, tới ông Mưh, ông
g cậu Hama Thút, Hama Hồ,
Plei to; ở nơi Hama ông Mưh,
com nhé.

2. Ôi, ôi, ơ... ông thần Dơng Gơlah, ông ngồi dậy đi để
chúng giám. Cậu Potao Hồ về ở buôn làng hàng trăm hàng
nghìn này nhé.

A. a, ... có những gì chúng tôi mang tới, chúng tôi
không biết đừng đổ lỗi cho chúng tôi, đừng bắt tội chúng
tôi... còn hàng trăm hàng nghìn của người ta...

3. Lạy mời hết các thần Rơdăng Me, Rơ Đe... Ôi, tới
bà Rơ Ia, bà Rơjut, bà Lăm Biang; ôi tới bà Ma Drên, ông
thần Mưh, GơNưh, MaTrai, ôi bà Camly, ông Lăm Biang,
ôi bà Pơơ Liang, ông Hơlơu Ia... Anh chàng trai Kơjut, cần
các thần Proh, Yang, ông thần Rơm Lơ, ở nơi buôn hồ, ở
nơi ông thần Dock...

4. Này ôi với cậu suối nóng, ở với suối khe núi rừng, ở
với rừng Kơwao, này cậu rừng thần linh, tới ông thần cầm
quyền, tới tôi tớ ông thần Pơjoh, này nhé... Lạy cậu Pơ
Romy, lạy mời ông cậu, thần Klong Khul đàn anh; cậu
Klong Khul đàn em, ngồi trên gốc xoài, ngồi trên gốc bạc,
ngồi trên gốc trầm ôi, ôi, lạy thần này nhé...

5. Ôi, lạy mời băng qua núi, bứt dây nhỏ trong rừng, ôi,
các ông thần núi KaMao, bứt dây ôi ông thần núi Ka Bầy...

Lạy ông thần Grai phó, tới ông Potao RơMong.

Lạy ông Potao già, lạy ông Potao trẻ, dậy đi, dậy ngồi
chúng kiến lễ vật cúng này nhé... Ôi ông thần Hara,
Tronom. Lạy cậu thần núi BơBah RơTơơTrũ, lạy mời hết
các ông...

6. Hãy ngồi như vậy đã cậu Koan, hãy ở cùng mẹ uống say với chúng mình đã nhé... quanh vòng chúng mình mẹ nhé... Lay mời ông thần Samaky đã nhé, này tớ còn ở 30 potao, đang thờ khắp vùng đất này, rừng này nhé... A, này Koan này nhé, ngồi cùng mẹ 37 Potao, mức nước băng qua trước này nhé. Này đây các thần: Dra, Trai, Samary, này Koan nhé...

7. Ấy thời giặc chiếm người ta cậu Koan ơi, cậu Koan. Lay Koan cậu Koan ơi, nhớ mẹ 37 Potao, chạy báo tằm trưa cho các thần biết hết nhé.

8. Này đây ở cùng cậu Potao nhỏ, cậu Koan nhỏ, cậu đừng bước hơn trước, cậu Koan này - cậu cầm quyền hơn cả, tớ cầm cây gậy chống này nhé, những gì sai đừng đem tới với chúng tôi nhé, những lầm lỗi đừng đem gần chúng tôi nhé. Những bài ca con chim kết, con nhông của người ta, thời Yoan, Prum, thời chiến tranh... cái gì sau đừng đem tới chúng tôi... chúng tôi cầu bình an nhé nhé,...

Này đây tôi xin nói với thần, với cậu Koan, cậu đen đẹp trai nhé nhé...

9. Này đây dâng lễ vật cho các thần 37 BơMung, 37 đình quanh vòng từ trên xuống dưới.

10. Này đây lên tới thần Asur - Aly mình nhé, quyền hơn cả thần PôjiPotao, quyền dưới thần Pôtonah, mình nhé...

Thần dựng nêu anh, thần dựng nêu em, đứng chứng kiến khắp vùng này nhé.

11. Con người Chu-ru PơTrai, Ê, sông núi bây giờ tôi dâng lễ vật. Ở cùng cậu nơi, 37 BơMung rồi nhé; từ Pôjoh ở suối phía trước, u thờ cúng hàng nghìn thần quên.

12. Ê, bung chén trầu trứng gà cho ông thần BơMung chận nước dẫn đi trước; PôRomy danh nhé... Bước khắp nơi chặt cành cây kẻ ông đừng chụp cổ chúng tôi

13. Ô... ô... Nấu nước thần Mưh, thần GơMưh, chúng nhé, dọn mâm dựng lấy chén bát cất, tháo dây đem dây xuống mau mau chờ... chờ... bước qua sông ông thần Mưh, ông PơTrai Pôjipotat - 37 BơMung quyền

cậu Koan. hãy ở cùng mẹ uống
... quanh vòng chúng mình mẹ
amaky đã nhé, này tớ còn ở 30
đất này, rừng này nhé... A. này
e 37 Potao, mức nước bằng qua
c thần: Dra. Trai, Samary, này

người ta cậu Koan ơi, cậu Koan.
mẹ 37 Potao, chạy báo tầm trưa

Potao nhỏ, cậu Koan nhỏ, cậu
Koan này - cậu cầm quyền hơn
ày nhé. những gì sai đừng đem
g lắm lỗi đừng đem gần chúng
tìm kết, con nhồng của người ta,
tranh... cái gì sau đừng đem tới
nh an nhé nhé,...

thần, với cậu Koan, cậu đen đẹp

cho các thần 37 BơMung, 37
ng dưới.

n Asur - Aly mình nhé, quyền
dưới thần Pôtonah, mình nhé...

dụng nêu em, đứng chứng kiến

11. Con người Chu-ru 1000 thôi, ông thần Gơruh,
PơTrai, Ê, sông núi bây giờ nhé; Roi đây, trứng gà lớn cho
tôi dâng lễ vật. Ở cùng cậu ở vùng Potao Koan khắp nơi, 37
nơi, 37 Bơmung rồi nhé; thần cầm quyền khắp đình thần
Pôjoh ở suối phía trước, uống rượu kể chuyện phải nhớ,
thờ cúng hàng nghìn thần, hàng nghìn Bơmung đừng có
quên.

12. Ê, bung chén trâu cau với cây nển cho tớ, còn chén
trứng gà cho ông thần Bơ ông, ông thần Pơjoh; ông thần anh
chặn nước dẫn đi trước; thần PôRomy núi nhé... Thần
PôRomy đánh nhé... Bước ra dẫn thần Pông Koan trẻ,
khắp nơi chặt cành cây kéo; đừng đem tội cho chúng tôi;
ông đừng chụp cổ chúng tôi...

13. Ô... ô... Nấu nướng đã xong, lễ vật đã dâng lên;
thần Muh, thần Gơruh, thần MơTrai - dọn chén bát với
chúng nhé, dọn mâm đựng với chúng nhé, lấy chén bát rửa,
lấy chén bát cất, tháo dây lục lạc xuống cho tôi mau mau,
đem dây xuống mau mau, ba mươi bảy thầy cúng chờ...
chờ... chờ... bước qua sông đi trước ô... hô... ô... hô...
ông thần Muh, ông PơTrai, ông Pôjipota, thần dựng nên
Pôjipota - 37 Bơmung quyền ông cầm hết...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Xuân Biên (chủ biên)(1989), *Người Chăm ở Thuận Hải*, Sở Văn hoá Thông tin Thuận Hải.
2. Nguyễn Văn Diệu (1983), *Vài nét về đặc điểm kinh tế, xã hội ở vùng các dân tộc Lâm Đồng trước khi tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội*, Tạp chí Dân tộc học, số 3.
3. Trần Cảnh Đào, Ngọc Lý Hiền, Jor long Ngôn (2002), *Sưu tầm lễ bả mả của đồng bào Chu-ru*, Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Lâm Đồng.
4. Mạc Đường (chủ biên)(1983), *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, Sở Văn hoá tỉnh Lâm Đồng xuất bản.

5. Gennep. A. *thức chuyển từ* Picard, Paris, 19 vi tính chưa xuất bản.
6. Vũ Đình L. *hôn nhân truyền* Malayô - Polyn Nguyễn, NXB K
7. Phạm Thị *M'numdolan c* Prók, huyện Đ Đồng, Thông b
8. Chu Thái S *của các thành p* Lâm Đồng (13 phóng), Tạp chí
9. Lê Bá Thảo *thổ và các vùng* Hà Nội.
10. Ngô Đức (2001), *Tín ng* ngưỡng ở Việt xã hội, Hà Nội.

THAM KHẢO

Hiển (chủ biên)(1989),

Thuận Hải, Sở Văn

huận Hải.

Diệu (1983), *Vài nét*

tế. xã hội ở vùng các

ong trước khi tiến lên

ghĩa xã hội, Tạp chí

3.

10. Ngọc Lý Hiển, Jor

21. *Sưu tầm lễ bỏ mả*

Chu-ru, Sở Văn hoá

ăm Đồng.

chủ biên)(1983), *Vấn*

m Đồng, Sở Văn hoá

uất bản.

5. Gennep. A.V. (2002), *Các nghi thức chuyển tiếp (Riter de passage)*, Picard, Paris, 1981, bản dịch đánh máy vì tính chưa xuất bản của Viện Nghiên cứu Văn hoá dân gian, Hà Nội.

6. Vũ Đình Lợi (1994), *Gia đình và hôn nhân truyền thống ở các dân tộc Malayô - Polynexia Trường Sơn - Tây Nguyên*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. Phạm Thị Mùi (2003), *Lễ hội M'numdolan của người Chu-ru xã Próh, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng*, Thông báo VHĐG.

8. Chu Thái Sơn (1989), *Về dân cư của các thành phần dân tộc hiện có ở Lâm Đồng (13 năm sau ngày giải phóng)*, Tạp chí Dân tộc học, số 4.

9. Lê Bá Thảo (1998), *Việt Nam lãnh thổ và các vùng địa lý*, NXB Thế giới, Hà Nội.

10. Ngô Đức Thịnh (chủ biên), (2001), *Tín ngưỡng và văn hoá tín ngưỡng ở Việt Nam*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

11. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (2001), *Địa chí Lâm Đồng*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội.

12. Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam, Viện Dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

13. Đặng Nghiêm Vạn (1979), *Đặc điểm những hoạt động sản xuất cổ truyền của những cư dân Tây Nguyên*, tạp chí *Dân tộc học*, số 4.

MU

LỜI GIỚI THIỆU

PHẦN I: MÔI TRƯỜNG CU TỂ TRUYỀN THỐNG

- I. Điều kiện tự nhiên
- II. Dân cư, địa bàn cư
- III. Tổ chức xã hội
- IV. Hoạt động kinh tế
 1. Nông nghiệp
 2. Săn bắt, hái lượ
 3. Chăn nuôi
 4. Nghề thủ công

PHẦN II: VĂN HOÁ VẬT TH

- I. Ẩm thực
 1. Ăn
 2. Uống

n dân tỉnh Lâm Đồng
Lâm Đồng, NXB Văn
Nội.

oa học xã hội Việt
tộc học (1984), Các
ở Việt Nam (Các
), NXB Khoa học xã

em Vạn (1979), Đặc
ại động sản xuất cổ
g cư dân Tây Nguyên,
học, số 4.

MỤC LỤC

	Trang
LỜI GIỚI THIỆU	5
PHẦN I: MÔI TRƯỜNG CƯ TRÚ, XÃ HỘI VÀ KINH	9
TẾ TRUYỀN THÔNG	
I. Điều kiện tự nhiên	9
II. Dân cư, địa bàn cư trú	12
III. Tổ chức xã hội	17
IV. Hoạt động kinh tế	24
1. Nông nghiệp	24
2. Săn bắt, hái lượm	29
3. Chăn nuôi	30
4. Nghề thủ công truyền thống	31
PHẦN II: VĂN HOÁ VẬT THỂ	75
I. Ẩm thực	75
1. Ăn	75
2. Uống	78

3. Hút thuốc, ăn trầu	79
II. Trang phục	80
1. Y phục	80
2. Trang sức	82
III. Nhà cửa	83
1. Nhà ở	83
2. Nhà mồ	84
IV. Phương tiện vận chuyển	91
PHẦN III: VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ	93
I. Tín ngưỡng dân gian	93
1. Quan niệm tín ngưỡng	93
2. Một số nghi lễ cộng đồng	96
II. Luật tục và tập quán vòng đời	105
1. Luật t ục	105
2. Vòng đời và những nghi lễ	109
III. Nghi lễ nông nghiệp	125
1. Cúng đầu mùa (<i>Mơ nhum ngã war</i>)	126
2. Cúng gieo giống (<i>Mơ nhum poleh dra</i>)	127
3. Lễ rửa chân trâu (<i>Mơ nhum rao tơ kai</i> <i>kvào</i>)	127

4. Lễ mừng lúa trở b <i>jam bơđai</i>)
5. Lễ mừng lúa chín
6. Cúng mừng gặt lú
IV. Văn học nghệ thuậ
1. Văn học dân gian
2. Âm nhạc dân gia
THAY LỜI KẾT
PHỤ LỤC
TÀI LIỆU THAM KH

	79
	80
	80
	82
	83
	83
	84
ryền	91
THÉ	93
	93
rông	93
g đồng	96
òng đời	105
	105
g nghi lễ	109
	125
ơ nhum ngã war)	126
Mơ nhum poleh drạ)	127
Mơ nhum rao tơ kai	127

4. Lễ mừng lúa trở bông (<i>Mơ nhum uơ tơ jam bođai</i>)	127
5. Lễ mừng lúa chín (<i>Mơ nhum vok kôh</i>)	128
6. Cúng mừng gặt lúa	
IV. Văn học nghệ thuật dân gian	166
1. Văn học dân gian	166
2. Âm nhạc dân gian	178
THAY LỜI KẾT	198
PHỤ LỤC	205
TÀI LIỆU THAM KHẢO	214

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

19 Nguyễn Bình Khiêm - Hà Nội

ĐT: 04.38263070 - 04.39434239 - Fax: 04.39434237

Email: nxbvanhoadantoc@yahoo.com.vn

Chi nhánh: Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai - Q1-TP.Hồ Chí Minh. ĐT: 08.38222895

NGƯỜI CHU-RU Ở LÂM ĐỒNG

Chịu trách nhiệm xuất bản

LƯU XUÂN LÝ

Biên tập : BÀN MINH ĐOÀN

Thiết kế bìa : QUỲNH HƯƠNG

Trình bày : THANH VÂN

Sửa bản in : PHƯỢNG TRINH
MINH ĐOÀN

In tại: Xưởng in Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc

Số lượng: 800 cuốn. Khuôn khổ: 14,5x20,5 cm

Đăng ký KHXB số: 198-2009/CXB/ 11-44/VHDT

Quyết định XB số: 220-09/QĐ-VHDT

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2009

30.000

